

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI  
(1946-1969)**

**TS. VĂN THỊ THANH MAI**

**CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI  
(1946 - 1969)**

**NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ THẬT  
HÀ NỘI - 2011**

## LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Chủ tịch Hồ Chí Minh là người sớm đề xuất việc tổ chức Tổng tuyển cử bầu Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Người không chỉ là vị kiến trúc sư mà còn là linh hồn của Quốc hội, đã có những đóng góp to lớn trong việc sáng lập và xây dựng Nhà nước Việt Nam của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; trong việc tăng cường hoạt động và phát huy vai trò của cơ quan quyền lực tối cao qua các giai đoạn lịch sử cách mạng. Trong 24 năm ở cương vị nguyên thủ quốc gia, bất kỳ ở thời điểm lịch sử nào, Người cũng luôn dành tâm huyết vào việc xây dựng một thiết chế dân chủ ở nước ta, cố gắng thực hiện quyền lực của nhân dân một cách đầy đủ nhất.

Để giúp bạn đọc hiểu rõ tư tưởng, sự nghiệp, những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng và trưởng thành của Quốc hội Việt Nam - cơ quan đại diện cho ý chí và quyền lực của nhân dân, do nhân dân bầu ra trong thời gian từ năm 1946 đến năm 1969, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia - Sự thật xuất bản cuốn sách: ***Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội (1946-1969)*** của TS. Văn Thị Thanh Mai.

Cuốn sách tập trung mô tả, đi sâu trình bày nhận thức của Hồ Chí Minh về Quốc hội, hệ thống quan điểm của Người về việc xây dựng Quốc hội trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt

Nam Dân chủ Cộng hòa từ năm 1946 đến năm 1969, từ đó luận giải, làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập, hoạt động của Quốc hội theo tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân; phân tích vai trò của Hồ Chí Minh với Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ lập hiến, lập pháp, đặc biệt là quá trình xây dựng *Hiến pháp*, luật cơ bản nhất của Nhà nước ta, qua hai bản Hiến pháp năm 1946 và 1959 cùng các đạo luật và sắc lệnh; làm rõ sự phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện quyền lực của nhân dân trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; trình bày khái quát những hoạt động chính của ba nhiệm kỳ Quốc hội khóa I, II, III. Đồng thời, cuốn sách cũng khẳng định vai trò, những đóng góp to lớn của Hồ Chí Minh trong hoạt động đối nội, đối ngoại của đất nước thời kỳ này.

Xin trân trọng giới thiệu cuốn sách cùng bạn đọc và mong nhận được những ý kiến góp ý để lần xuất bản sau cuốn sách được hoàn chỉnh hơn.

*Tháng 9 năm 2011*

NHÀ XUẤT BẢN CHÍNH TRỊ QUỐC GIA - SỰ  
THẬT

## LỜI MỞ ĐẦU

Là người sáng lập và xây dựng Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa - Nhà nước của dân, do dân, vì dân, trong từng thiết chế của Nhà nước (bao gồm các cơ quan lập pháp, hành pháp và tư pháp), Hồ Chí Minh vừa là người sáng lập, vừa là linh hồn của các cơ quan này. Từ nhận thức: “Vốn bản chất là hiện thân của dân tộc, Quốc hội sẽ làm tất cả những gì mà nhân dân mong muốn”<sup>1</sup>, ngày 3-9-1945, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: “Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu”<sup>2</sup>. Không chỉ có vậy, bằng những nỗ lực vượt bậc, Người và Trung ương Đảng một mặt kiên quyết đấu tranh vạch trần và chống lại những hành động phá hoại của kẻ thù, mặt khác thực hiện sách lược nhân nhượng, hoà giải để tiến tới Tổng tuyển cử theo

---

1. Hồ Chí Minh: *Trả lời những câu phỏng vấn của báo Thụy Điển, bác sĩ J. Takman*, tháng 5-1958, tr.3, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H5C1/38.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, t.4, tr. 8.

nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bí mật, trực tiếp và bỏ phiếu kín; tạo điều kiện, giúp các ứng cử viên nộp đơn và vận động tranh cử một cách công bằng, dân chủ; thực hiện quy định: “Dân trong mỗi tỉnh bầu thẳng đại biểu tỉnh mình dự vào Quốc dân Đại hội”. Đặc biệt, Người kêu gọi đồng bào cả nước hãy “tỏ rõ cái tư cách xứng đáng của những người công dân nước Việt Nam và ý chí đoàn kết không chia rẽ”, đồng thời “hưởng dụng quyền dân chủ của mình” bằng việc tham gia cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên của nước Việt Nam độc lập, để “được tự do lựa chọn và bầu ra những người xứng đáng thay mặt cho mình, và gánh vác việc nước”, góp phần quan trọng làm nên thành công của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I, ngày 6-1-1946.

Trong suốt 24 năm ở cương vị một nguyên thủ quốc gia, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã dành nhiều tâm huyết vào việc xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước nói chung và Quốc hội nói riêng. Bất kỳ thời điểm lịch sử nào, trong tư tưởng Hồ Chí Minh, Quốc hội - cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân Việt Nam cũng là một thiết chế dân chủ, để thông qua đó nhân dân thực hiện sự uỷ thác quyền lực của mình. Hồ Chí Minh quan niệm, một khi Quốc hội chưa làm hết chức năng của mình, cũng đồng nghĩa với việc quyền lực của nhân dân chưa được thực hiện một cách đầy đủ.

Với ý nghĩa đó, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trải qua các khóa: I (1946-1960), II (1960-1964), III (1964-1971), IV (1971-1975), V (1975-1976) đã góp phần

quan trọng vào thắng lợi của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và chống Mỹ, cứu nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và Quốc hội khóa VI (1976-1981), VII (1981-1987), VIII (1987-1992), IX (1992-1997), X (1997-2002), XI (2002-2007), XII (2007-2011) - Quốc hội của nước Việt Nam thống nhất đã trở thành nhân tố quan trọng trong hệ thống chính trị của đất nước, tổ chức nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Kể từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng (12-1986) - Đại hội mở đầu thời kỳ đổi mới và phát triển đất nước, Quốc hội ngày càng nâng cao vị trí, vai trò và trách nhiệm của mình trong việc thực hiện các chức năng lập hiến, lập pháp, giám sát và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước. Đặc biệt, từ khi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII (6-1991) của Đảng xác định: “Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động”<sup>1</sup> và Hội nghị giữa nhiệm kỳ khoá VII của Đảng (1-1994) *khẳng định việc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam theo tư tưởng Hồ Chí Minh*, thì vị trí, vai trò của Quốc hội ngày càng tăng lên mạnh mẽ.

Thực hiện Chỉ thị số 20-CT/TW ngày 27-3-2003 của Ban Bí thư, *về đẩy mạnh nghiên cứu, tuyên truyền, giáo dục tư tưởng Hồ Chí Minh trong giai đoạn mới*, việc đi sâu nghiên

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1991, tr.127.

cứu để làm sáng rõ tư tưởng, sự nghiệp Hồ Chí Minh trên tư cách là người tổ chức, đóng góp to lớn vào quá trình xây dựng và trưởng thành của Quốc hội Việt Nam trong 24 năm (1946-1969), càng trở nên cần thiết, có ý nghĩa lý luận và thực tiễn to lớn.

Với ý nghĩa đó, nghiên cứu vai trò của Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội giai đoạn 1946-1969 đã thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học nói chung và những người say mê nghiên cứu cuộc đời, sự nghiệp và tư tưởng Hồ Chí Minh nói riêng.

Có thể nói, vấn đề Nhà nước, Quốc hội Việt Nam trong 65 năm xây dựng và phát triển đã được bàn đến trong nhiều công trình nghiên cứu khoa học ở những mức độ khác nhau, song nhìn chung, các công trình chưa đề cập một cách có hệ thống, đầy đủ về quan điểm và những đóng góp của Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng Quốc hội từ năm 1946 đến năm 1969. Vì vậy, trong cuốn sách này, trên cơ sở hệ thống hoá, khái quát hoá những tư liệu đã có, bổ sung thêm những tư liệu mới, tác giả đi sâu nghiên cứu quan điểm và hoạt động của Hồ Chí Minh đối với việc xây dựng Quốc hội qua ba giai đoạn: từ tháng 1 đến tháng 12-1946, từ tháng 12-1946 đến tháng 5-1960 và từ tháng 5-1960 đến cuối năm 1969; phân tích những điều kiện cụ thể, những quyết nghị của Hồ Chí Minh và Quốc hội trong việc thực hiện chức năng lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước qua các giai đoạn lịch sử, nhằm:

*Thứ nhất*, làm rõ vai trò của Hồ Chí Minh đối với việc

sáng lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xây dựng cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội, xây dựng hệ thống pháp luật và việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị khác với tư cách là lãnh tụ của Đảng và Nhà nước.

*Thứ hai*, trình bày những hoạt động chính, quan trọng của Hồ Chí Minh, thể hiện những đóng góp của Người đối với việc xây dựng Quốc hội từ năm 1946 đến năm 1969.

Cuốn sách ***Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội (1946-1969)*** có thể dùng làm tài liệu tham khảo cho việc giảng dạy môn học lịch sử Đảng và tư tưởng Hồ Chí Minh trong các trường đại học và cao đẳng, đồng thời giúp những người quan tâm nghiên cứu về Quốc hội tiếp cận một danh mục tài liệu tham khảo về Hồ Chí Minh với Quốc hội từ năm 1946 đến năm 1969.

Nhân dịp cuốn sách được xuất bản, tác giả xin bày tỏ lòng cảm ơn trân trọng tới PGS.NGND. Lê Mậu Hãn, PGS.TS. Vũ Quang Hiến, PGS.TS. Ngô Đăng Tri, PGS.TS. Hoàng Hồng, PGS.TS. Trình Mưu, GS.TS. Nguyễn Đăng Dung, PGS.TS. Trần Đức Cường, PGS.TS. Phùng Đức Thắng, PGS.TS. Nguyễn Văn Nhật, PGS.TS. Vũ Như Khôi, PGS.TS. Nguyễn Đình Lê, TS. Nguyễn Đình Lộc đã đóng góp nhiều ý kiến quý báu trong quá trình hình thành và hoàn thiện bản thảo.

Cuốn sách chắc chắn không tránh khỏi những thiếu sót, tác giả mong nhận được ý kiến đóng góp, phê bình của đồng nghiệp và bạn đọc.



*Hà Nội, tháng 8 năm 2011*

**TÁC GIẢ**

## Chương I

# HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC SÁNG LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1-12-1946)

## I- HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC SÁNG LẬP QUỐC HỘI KHÓA I

### 1. Lựa chọn và chuẩn bị cho sự ra đời một thể chế nhà nước mới

#### a) Lựa chọn mô hình nhà nước

Ngày 1-9-1858, đại bác Pháp từ các tàu chiến của Rigault de Genouilly nổ súng tấn công Đà Nẵng, mở đầu quá trình xâm lược và thôn tính Việt Nam, biến nước ta thành thuộc địa của Pháp. Nước bị mất quyền độc lập, nhân dân bị mất quyền tự do.

Năm 1887, với thủ đoạn “chia để trị”, thực dân Pháp đã chia Việt Nam thành ba kỳ với ba chế độ cai trị khác nhau, trong đó Nam Kỳ là xứ thuộc địa do Thống đốc đứng đầu, Bắc Kỳ là xứ bảo hộ do Thống sứ đứng đầu, còn Trung Kỳ, Lào và Campuchia cũng là xứ bảo hộ, nhưng lại do Khâm sứ đứng đầu. Dưới chế độ thuộc địa, hệ thống vua quan người bản xứ đều trở thành công cụ thực thi chính sách thống trị hà khắc của thực dân Pháp.

Cùng với bộ máy chính trị, thực dân Pháp đã xây dựng bộ máy quân sự, cảnh sát, toà án, nhà tù để kìm kẹp, đàn áp nhân dân ta. Dưới ách thống trị của thực dân Pháp, người Việt Nam không được hưởng một chút tự do, dân chủ nào của nền văn minh tư sản. Trong khi đó, ở nước Pháp, người dân được hưởng sự cai trị bằng các đạo luật do Quốc hội (có sự đại diện của người dân ban hành), thì ở xứ Đông Dương thuộc địa, “công lý” chỉ dành cho người Pháp, thuộc về người Pháp. Còn người dân bản xứ chỉ là nô lệ, là “thuộc dân”, không có quyền ngang hàng với người dân “mẫu quốc”, nhưng lại được che đậy, điểm trang bằng những châm ngôn lý tưởng như bác ái, bình đẳng, v.v.. Song không chịu khuất phục cam tâm làm nô lệ, nhân dân ta liên tiếp nổi dậy đấu tranh, chống lại cường quyền. Tuy nhiên các phong trào đấu tranh yêu nước đều bị thất bại.

Được sinh ra và lớn lên giữa những năm tháng đen tối đó, Nguyễn Sinh Cung (Hồ Chí Minh) đã sớm hiểu biết và rất đau xót trước cảnh thống khổ của đồng bào. Với nhiệt huyết của tuổi trẻ và khát vọng giải phóng nhân dân khỏi cảnh lầm than, Người quyết định rời Tổ quốc sang phương Tây, tìm hiểu thực chất: *Tự do, Bình đẳng, Bác ái* và những gì ẩn giấu dưới nhãn hiệu “khai hoá văn minh” cho các dân tộc “lạc hậu” của thực dân Pháp, để “sau khi xem xét họ làm như thế nào... sẽ trở về giúp đồng bào”<sup>1</sup>. Tàu Đô đốc Latút-xơ Trêvin-lơ (Amiral Latouche Tréville) đã đưa Hồ Chí Minh đến nước Pháp. Song, không dừng lại ở đó, Người tiếp tục

---

1. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975, tr. 13.

cuộc khảo nghiệm thực tiễn của mình qua hành trình đến châu Âu, châu Phi và châu Mỹ.

Trong những năm bốn ba này, Hồ Chí Minh có điều kiện tìm hiểu đời sống kinh tế - xã hội, nghiên cứu thành tựu và những mặt hạn chế của mô hình tổ chức nhà nước tư sản và bản chất chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ thực tế, Người nhận thấy, mặc dù pháp luật được đề cao, dân chủ và quyền con người được ghi nhận trong các văn bản pháp lý (*Tuyên ngôn độc lập của nước Mỹ, Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền của cách mạng Pháp*, v.v.) nhưng không được thực hiện một cách triệt để trong thực tiễn. Luận giải điều này, Người nhận thức được rằng, cùng với việc giương cao khẩu hiệu *Tự do, Bình đẳng, Bác ái*, quy tụ quần chúng nhân dân lật đổ chế độ phong kiến, xoá bỏ cơ chế tổ chức quyền lực chuyên chế của nhà vua, giai cấp tư sản đã tiến hành tổ chức bộ máy nhà nước theo chế độ cộng hòa dân chủ. Chính thức ra đời từ sau cách mạng tư sản, là một trong những thành tựu của cách mạng tư sản, về mặt lý thuyết, sự hiện diện của nghị viện/quốc hội có tính chất là một tiêu chí để khẳng định cho nền dân chủ của chế độ chính trị mỗi quốc gia. Nghị viện ra đời cùng với sự xuất hiện của hiến pháp và tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Đó là một hình thức quan trọng để nhân dân thực hiện quyền lực của mình và đó cũng là một hình thức để thông qua đó nhân dân thực hiện sự kiểm tra, làm cho nhà nước luôn thuộc về mình.

Tuy nhiên, trong xã hội tư bản, thực chất quyền tự do dân chủ không được áp dụng bình đẳng cho tất cả mọi người. Đó là đặc quyền của những người hữu sản, không

phải dành cho mọi người dân trong xã hội. Điều này được minh chứng trong *Hiến pháp năm 1791* của nước Pháp. Sau khi Quốc hội Pháp thông qua bản *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền*, trong quy định chế độ bầu cử, *Hiến pháp năm 1791* đã chia công dân thành hai loại *tích cực* và *tiêu cực* theo giá trị tài sản mà họ có. Đó là, "Những người không có tài sản, quần chúng lao động bị coi là *công dân tiêu cực*. Quyền bầu cử chỉ dành cho các *công dân tích cực* là những người từ 25 tuổi trở lên, không làm thuê cho ai, có tên trong danh sách vệ quốc quân và phải nộp một khoản thuế trực thu ít nhất là ba ngày lương"<sup>1</sup>.

Quy định này đã làm cho hàng triệu người lao động không có quyền tham gia bầu cử vào cơ quan quyền lực nhà nước (nghị viện/quốc hội). Họ đã không được hưởng dụng quyền dân chủ một cách thực sự. Vì vậy, trong cuộc bầu cử Quốc hội năm 1791 ở Pháp, "chỉ có 4 triệu 28 vạn người là *công dân tích cực* trên tổng số 26 triệu dân"<sup>2</sup> được tham gia. Còn phụ nữ Pháp, đến năm 1945 mới được tham gia bầu cử. Từ thực tế đó, Hồ Chí Minh nhận định: "Cách mệnh Pháp cũng như cách mệnh Mỹ, nghĩa là cách mệnh tư bản, cách mệnh không đến nơi, tiếng là cộng hoà và dân chủ, kỳ thực trong thì nó tước lộc công nông, ngoài thì nó áp bức thuộc địa. Cách mệnh đã 4 lần rồi, mà nay công nông Pháp hăng còn phải mưu cách mệnh lần nữa mới hòng thoát khỏi vòng

---

1, 2. Văn phòng Quốc hội: *Quá trình hình thành, phát triển và vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới*, Kỷ yếu hội thảo, Hà Nội, 2001, tr. 218, 219.

áp bức”<sup>1</sup>.

Quyền lực nhà nước tư sản trong chế độ cộng hòa đã không thuộc về nhân dân, không thuộc về số đông mà thuộc về những kẻ giàu có. Và luật pháp của giai cấp tư sản, luật pháp đẻ ra từ quyền lực, của kẻ mạnh, từ một số ít người, sẽ không thể phục vụ quyền lợi cho đông đảo dân chúng. Vì thế, cùng với việc kết tội, vạch trần bản chất tùy tiện, chuyên chế, cách thức cai trị và tổ chức quyền lực của chính quyền thực dân ở các thuộc địa, năm 1919, Hồ Chí Minh đã thay mặt Hội những người Việt Nam yêu nước tại Pháp gửi đến Hội nghị Vécxây (Versailles) bản *Yêu sách của nhân dân An Nam*, gồm tám điểm, đòi chính quyền thực dân Pháp “cải cách nền pháp lý ở Đông Dương bằng cách cho người bản xứ cũng được quyền hưởng những *đảm bảo về mặt pháp luật* như người Âu châu... thay *chế độ ra các sắc lệnh bằng chế độ ra các đạo luật*”<sup>2</sup>. Đây là sự khởi đầu tư tưởng về “thần linh pháp quyền” của Hồ Chí Minh, là những yêu cầu bước đầu về nền pháp quyền ở Việt Nam. Đồng thời, Người cũng đòi phải có đoàn đại biểu thường trực của người bản xứ, do người bản xứ bầu ra tại Nghị viện Pháp “để giúp cho Nghị viện biết được những nguyện vọng của người bản xứ”.

Bản về yêu sách gồm tám điểm này, Daniel Hémerý cho rằng: đối với Hồ Chí Minh, trong khi chờ cho các nguyên tắc về dân tộc tự quyết từ lĩnh vực lý tưởng chuyển vào lĩnh vực hiện thực, do chỗ quyền tự quyết thiêng liêng của các dân tộc thuộc địa bị vi phạm tùy tiện, sự nhún nhường của Người và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 274.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 435-436.

những người Việt Nam yêu nước là rất táo bạo, rất triệt để, “vì nó không dừng lại ở việc yêu sách được bình đẳng với nước Pháp mà còn đòi hỏi phải chuyển giao lập tức mô hình dân chủ kiểu phương Tây sang Đông Dương theo hướng độc lập... Đó là một kịch bản chấm dứt tình trạng thuộc địa trước công thức dân chủ về chính trị rồi độc lập”<sup>1</sup>.

Từ yêu cầu này, năm 1922, trong *Việt Nam yêu cầu ca*, điểm 7 của *Yêu sách tám điểm* được Người thể hiện:

“Bây xin hiến pháp ban hành  
Trăm điều phải có thần linh pháp quyền”<sup>2</sup>.

Tiếp đó, Hồ Chí Minh lại một lần nữa nêu rõ quan điểm về “thần linh pháp quyền”, về quyền lực của nhân dân, khi viết bài đăng trên Báo *L’Humanité (Nhân đạo)* - cơ quan ngôn luận của Đảng Xã hội Pháp, trong đó Người yêu cầu: “Đòi cải cách pháp chế ở Đông Dương bằng ban hành những bảo đảm cho người bản xứ cũng như cho người Âu, đòi tự do cho báo chí, tự do hội họp và lập hội, tự do dạy học, đòi thay thế chế độ sắc lệnh bằng chế độ pháp luật; và sau cùng, đòi có một đoàn đại biểu thường trực của dân bản xứ, được bầu vào Nghị viện Pháp. Chúng tôi chỉ có thể coi các yêu sách rất đúng đắn đó cũng là của chính mình, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết”<sup>3</sup>. Và trong *Yêu sách gửi hội Vạn quốc*, Người viết: “Chúng tôi yêu sách với

---

1. Daniel Hémerý: *Hồ Chí Minh từ Đông Dương đến Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2004, tr. 29.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 438.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 6.

Vạn quốc quyền độc lập hoàn toàn, tức khắc của dân tộc Việt Nam” và nếu được độc lập ngay thì nước chúng tôi sẽ “xếp đặt một nền hiến pháp theo những lý tưởng dân quyền”<sup>1</sup>.

Như vậy là, trong thời đại mà ý muốn của nhân dân là nắm quyền tự quyết, lý tưởng dân quyền, vấn đề thực thi quyền lực của nhân dân, thực thi tổ chức và điều hành xã hội bằng pháp luật mà Hồ Chí Minh trình bày trong những văn bản pháp lý nêu trên, đã phản ánh rõ nguyện vọng và yêu cầu về quyền của con người ở thuộc địa (trong đó có Đông Dương thuộc Pháp). Nội dung và ý nghĩa của những yêu cầu chính đáng này xuất phát từ sự tiếp nhận có chọn lọc những thành tựu về quyền con người mà nhân loại đã đạt được trong cuộc đấu tranh chống chế độ phong kiến quân chủ chuyên chế (từng được ghi trong *Tuyên ngôn độc lập* của nước Mỹ năm 1776 và *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của nước Pháp năm 1791). Theo luật sư Vũ Đình Hòe, những yêu sách đó “phản ánh tư tưởng hiến chính của Nguyễn Ái Quốc đã nảy mầm” và “là một dạng của chế độ hiến chính”<sup>3</sup>.

Song có một sự thật cũng đã được Hồ Chí Minh rút ra từ thực tế, đó là sự bất bình đẳng về quyền lợi và hưởng thụ đã không chỉ xảy ra ở thuộc địa, mà tồn tại ngay cả ở các nước tư bản và nước Pháp chính quốc. Từ đó, Người đúc kết: Muốn xây dựng một nhà nước “của dân chúng số nhiều”, điều hành và quản lý xã hội bằng pháp luật, thực hiện quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, tất yếu không thể đi theo

---

1, 3. Vũ Đình Hòe: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hóa thông tin và Trung tâm lưu trữ văn hóa ngôn ngữ Đông Tây, Hà Nội, 2001, tr. 341, 340.



con đường cách mạng tư sản và tổ chức mô hình nhà nước kiểu tư sản. Với nhận thức đúng đắn về dân chủ, Hồ Chí Minh hiểu rằng, pháp quyền gắn bó hữu cơ với quyền công dân của mỗi con người, nên ở đâu còn áp bức, bắt công, ở đó sẽ không có pháp quyền và pháp chế. Kết luận này càng được củng cố khi Người được đọc *Sơ thảo lần thứ nhất những Luận cương về vấn đề dân tộc và vấn đề thuộc địa* của Lênin đăng trên Báo *L'Humanité*, số ra ngày 16 và 17-7-1920, và sau đó là những năm tháng được sống, học tập và làm việc tại nước Nga xã hội chủ nghĩa của Lênin vĩ đại.

Nghiên cứu Hiến pháp và Luật bầu cử của Liên Xô, Hồ Chí Minh nhận thấy: Nhân dân là chủ thể của cách mạng, của quyền lực chính trị chân chính. Mọi công dân đều có quyền tham gia các cuộc bầu cử trên cơ sở bình đẳng, chỉ trừ những người bị mất trí, hoặc bị kết án. Bài học kinh nghiệm của Cách mạng Tháng Mười Nga năm 1917 với sự ra đời của các Xôviết công nông binh do công nhân, nông dân và binh sĩ bầu ra, đã khẳng định sức mạnh và vai trò của quần chúng nhân dân trong lịch sử. Đồng thời, mô hình tổ chức quyền lực nhà nước kiểu Xôviết cũng chứng minh trong thực tiễn, nhân dân có thể tham gia rộng rãi vào việc quản lý nhà nước, sử dụng quyền lực nhà nước của mình. Thực tiễn mô hình tổ chức nhà nước của quần chúng số đông, việc thực thi dân chủ và quyền của con người trong chế độ ở nước Nga Xôviết đã hấp dẫn Hồ Chí Minh.

Như vậy, cùng với hành trình tìm đường cứu nước, tìm con đường giải phóng dân tộc, nghiên cứu tổ chức bộ máy nhà nước, trong đó có vị trí, vai trò của nghị viện/quốc hội, của pháp luật trong các nước tư bản (nước Pháp, nước Mỹ)

và Nhà nước Xôviết, Hồ Chí Minh đi tới kết luận: “Cách mệnh Mỹ là cách mệnh tư bản, mà cách mệnh tư bản là chưa phải cách mệnh đến nơi”, vì rằng “cách mệnh thành công đã hơn 150 năm nay, nhưng công nông vẫn cứ cực khổ, vẫn cứ lo tính cách mệnh lần thứ hai”<sup>1</sup>. Còn cách mạng Pháp, thì “tư bản nó dùng chữ Tự do, Bình đẳng, Đồng bào để lừa dân, xúi dân đánh đổ phong kiến. Khi dân đánh đổ phong kiến rồi, thì nó lại thay phong kiến mà áp bức dân”<sup>2</sup>.

Từ đó, Người lựa chọn con đường cách mạng vô sản, lựa chọn mô hình tổ chức nhà nước kiểu mới và hướng đến cách mạng Nga, vì: “Chúng ta đã hy sinh làm cách mệnh, thì nên làm cho đến nơi, nghĩa là làm sao cách mệnh rồi thì quyền giao cho dân chúng số nhiều, chớ để trong tay một bọn ít người. Thế mới khỏi hy sinh nhiều lần, thế dân chúng mới được hạnh phúc”<sup>3</sup>. Hướng tới việc thành lập một nhà nước thuộc về “dân chúng số nhiều” ở Việt Nam trong tương lai, Hồ Chí Minh khẳng định: “Trong thế giới bây giờ chỉ có cách mệnh Nga là đã thành công, và thành công đến nơi, nghĩa là dân chúng được hưởng cái hạnh phúc tự do, bình đẳng thật, không phải tự do và bình đẳng giả dối như đế quốc chủ nghĩa Pháp khoe khoang bên An Nam”<sup>2</sup>.

Nhận thức chính trị này đã đưa Hồ Chí Minh đến với định hướng cơ bản về con đường giải phóng dân tộc Việt Nam và thiết lập một thể chế quyền lực thực sự thuộc về nhân dân. Từ sự lựa chọn này, con đường giải phóng dân tộc, mô hình nhà nước “làm cho nước Nam được hoàn toàn độc

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 270, 274, 270.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 280.

lập. Dựng ra chính phủ công nông binh”<sup>1</sup> đã được Hồ Chí Minh thể hiện rõ trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên* của Đảng Cộng sản Việt Nam do Người soạn thảo, được thông qua tại Hội nghị hợp nhất các tổ chức cộng sản đầu năm 1930, tại Cửu Long - Hương Cảng.

*b) Chuẩn bị cơ sở cho sự ra đời một thể chế nhà nước mới*

Chiến tranh thế giới thứ hai bùng nổ và lan rộng đến Thái Bình Dương. Sự kiện Pháp mở cửa cho quân Nhật vào chiếm Đông Dương tháng 9-1940, làm cho mâu thuẫn giữa dân tộc Việt Nam với đế quốc phát xít Pháp - Nhật ngày càng gay gắt. Trong nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Đông Dương, phong trào đấu tranh cách mạng của quần chúng dâng cao. Khát vọng đánh đuổi Pháp, Nhật, giải phóng dân tộc của đồng bào đã trở thành nhu cầu cấp bách. Trước sự chuyển biến mau lẹ của tình hình thế giới và trong nước, từ cuối năm 1939, Đảng Cộng sản Đông Dương đã bắt đầu thay đổi chiến lược cách mạng tư sản dân quyền, hướng toàn bộ cuộc vận động cách mạng vào mục tiêu giải phóng dân tộc và thay đổi mô hình Chính phủ công nông binh bằng việc “lập Chính phủ Liên bang Cộng hòa dân chủ Đông Dương”<sup>2</sup>.

Giữa lúc đó, Hồ Chí Minh đã trở về Tổ quốc, sau những năm tháng bôn ba và hoạt động ở nước ngoài. Trên cơ sở phân tích tình hình thế giới và thực tiễn Việt Nam, tháng 5-

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 1.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, t. 6, tr. 542.

1941, Người quyết định triệu tập và chủ trì Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Trước yêu cầu khách quan của tình hình và nguyện vọng chung của quốc gia - dân tộc, Hội nghị đã quyết định thay đổi chiến lược cách mạng. Cuộc cách mạng Đông Dương hiện tại không phải là cuộc cách mạng tư sản dân quyền, phải giải quyết hai vấn đề: phân đế và điền địa, “mà là cuộc cách mạng chỉ phải giải quyết một vấn đề cần kíp “dân tộc giải phóng”, vậy thì cuộc cách mạng Đông Dương trong giai đoạn hiện tại là một cuộc cách mạng dân tộc giải phóng”<sup>1</sup>.

Từ nhận thức sâu sắc rằng, “chủ nghĩa dân tộc là động lực lớn của đất nước”<sup>2</sup>, là dòng chủ lưu trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: mỗi người dân Việt Nam, dù là địa chủ hay nông dân, người buôn hay cu li, họ cũng đều là người nô lệ mất nước. Họ đều có ý thức rõ rệt về độc lập dân tộc và chủ quyền quốc gia, đều được nuôi dưỡng bởi truyền thống yêu nước, đoàn kết, thống nhất và khát khao đấu tranh giải phóng dân tộc. Do đó, giải phóng dân tộc là nhiệm vụ chung của tất cả các giai cấp, các đảng phái, tôn giáo, v.v. được quy tụ, tập hợp trong mặt trận “Việt Nam độc lập đồng minh, hay nói tắt là Việt Minh”<sup>3</sup> do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

Cùng với việc xác định mục tiêu, lực lượng, hình thức mặt trận để thực hiện cuộc vận động giải phóng dân tộc, Nghị

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 119.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 1, tr. 466.

3, 2, 3. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 7, tr. 122, 114, 150.

quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã nêu rõ vấn đề cơ bản nhất của mọi cuộc cách mạng - vấn đề chính quyền nhà nước. Khác với mô hình Chính phủ công nông binh (như đã nêu trong Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng), Nghị quyết Trung ương 8 quyết định: *“Sau lúc đánh đuổi được Pháp - Nhật sẽ thành lập một nước Việt Nam dân chủ mới theo tinh thần dân chủ. Chính quyền cách mạng của nước dân chủ mới ấy không phải thuộc quyền riêng của một giai cấp nào mà của chung cả toàn thể dân tộc”*<sup>2</sup> và *“Chính phủ ấy do quốc dân đại hội cử ra”*<sup>3</sup>. Trong chính quyền đó, chỉ trừ có bọn tay sai của đế quốc Pháp - Nhật, những bọn phản quốc, những bọn thù, không được giữ chính quyền, còn tất cả người dân sống trên dải đất Việt Nam đều phải tham gia giữ chính quyền, phải có một phần nhiệm vụ giữ lấy và bảo vệ chính quyền ấy.

Từ thực tế cách mạng Việt Nam và từ việc xác định rõ Nhật, Pháp là kẻ thù của nhân dân Đông Dương, để tập trung vào mục tiêu giải phóng dân tộc và nhằm phát huy được nguồn sức mạnh nội lực của toàn thể dân tộc trong sự nghiệp giải phóng đất nước, Hồ Chí Minh và những người cộng sản Việt Nam đã quyết định thay đổi chiến lược cách mạng, thay đổi việc lựa chọn từ mô hình Chính phủ công nông binh (1930) sang mô hình Chính phủ dân chủ cộng hòa (1941).

Sau thành công của Cách mạng Tháng Mười Nga, hình mẫu Nhà nước Xôviết công nông đã từng được các nghị quyết của Quốc tế Cộng sản đề cập, trở thành mục tiêu của các Đảng Cộng sản trong cuộc đấu tranh cách mạng. Tuy nhiên, trên thế giới, mô hình chính quyền Xôviết đã không

được áp dụng thành công, trong đó có một số nước Đông Âu và Hunggari đã áp dụng nhưng thất bại. Và cũng từ điều kiện thực tế, Hồ Chí Minh nhận thức rõ: cơ sở của nhà nước ở Việt Nam không chỉ thuần túy là công nông, đó phải là khối toàn dân đoàn kết. Vì vậy, Người và Trung ương Đảng lựa chọn mô hình nhà nước “dân chủ cộng hòa”, nhằm phát huy sức mạnh nội lực của toàn dân tộc.

Sự thay đổi này là một bước phát triển mới trong tư tưởng Hồ Chí Minh, một sáng tạo của Người về thể chế chính quyền nhà nước trong cuộc cách mạng giải phóng dân tộc ở một nước thuộc địa. Quyết định này xuất phát từ thực tiễn, đáp ứng yêu cầu khách quan của cuộc cách mạng giải phóng dân tộc, phù hợp tình hình cụ thể của Việt Nam, phù hợp với xu thế của thế giới. Đó là một bước tiến trong tư duy lý luận về tổ chức chính quyền nhà nước của Hồ Chí Minh, của Đảng ta. Với những điều ghi rõ trong Nghị quyết Trung ương lần thứ tám, trong Chương trình và các văn kiện của Mặt trận Việt Minh, mô hình Chính phủ dân chủ cộng hòa đã thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về một Nhà nước pháp quyền của dân chúng số nhiều, của chung toàn thể dân tộc ta, phù hợp với đất nước và con người Việt Nam. Điều đó càng chứng tỏ rằng, trong tư tưởng Hồ Chí Minh: nước lấy dân làm gốc, để phát huy sức mạnh nội lực của toàn dân tộc.

Sự thay đổi quan trọng về cách thức tổ chức bộ máy nhà nước, chính là kết quả sự vận dụng trong thực tiễn tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng một nhà nước của dân, do dân và vì dân. Quyết định này không chỉ phù hợp với sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước, mà còn được vận dụng một cách sáng tạo trên cơ sở kế thừa những thành tựu

các mô hình tổ chức nhà nước đương đại. Sự thay đổi chiến lược cách mạng, việc lựa chọn mô hình nhà nước “dân chủ cộng hòa” đã thể hiện vai trò, sự nhạy bén của lãnh tụ Hồ Chí Minh trước sự biến động của tình hình quốc tế và trong nước, đồng thời cho thấy sự sâu sát thực tiễn, tầm nhìn xa của Hồ Chí Minh trong quá trình chuẩn bị cho ngày vùng lên của toàn dân. Điều đó có ý nghĩa quyết định đến thành công của công cuộc vận động giải phóng dân tộc trong những năm 1941-1945.

Sau đó, trước sự phát triển của phong trào cách mạng trong nước, “vấn đề tối quan trọng” là vấn đề chính quyền cách mạng các cấp, việc tổ chức nhân dân tiến hành khởi nghĩa từng phần, tiến tới tổng khởi nghĩa giành chính quyền trong toàn quốc đã được Hồ Chí Minh và Tổng bộ Việt Minh đặc biệt quan tâm. Chỉ thị ngày 15-8-1942 của Tổng bộ Việt Minh đã nêu rõ quá trình thiết lập chính quyền cách mạng của nhân dân ta được dự kiến trải qua ba bước: “a- Lúc vũ trang khởi nghĩa lấy được một địa phương phải thành lập ngay *chính phủ nhân dân* ở địa phương ấy...; b- Lúc vũ trang khởi nghĩa lấy được một địa phương khá to, phải thành lập *chính phủ nhân dân lâm thời toàn quốc*, v.v.; c- Lúc vũ trang khởi nghĩa, lấy được toàn quốc thì thành lập *chính phủ nhân dân chính thức toàn quốc* do toàn dân bầu ra”<sup>1</sup>.

Bước vào cuối năm 1944, đầu năm 1945, sự tác động thuận lợi của tình hình quốc tế, sự phát triển của phong trào đấu tranh yêu nước thông qua Mặt trận Việt Minh đã làm cho khí thế cách mạng của quần chúng trong cả nước dâng

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 484.

cao. Nhảy bèn trước sự biến động của tình hình, Hồ Chí Minh thực hiện những quyết định táo bạo, và nói như L.A. Patti (trong cuốn sách *Tại sao Việt Nam?*) thì: Hồ Chí Minh đã nhanh tay hơn các đối thủ, “hành động một cách kiên quyết và nhanh chóng”, chuẩn bị chu đáo cho sự ra đời của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau đó.

Đó là, đầu tiên, Người gửi thư cho đồng bào, đồng chí toàn quốc, thông báo chủ trương của Đảng về việc triệu tập *Đại hội đại biểu toàn quốc* để bầu ra một cơ cấu - đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể dân tộc. Trong thư, Người chỉ rõ: “Cơ hội cho dân tộc ta giải phóng chỉ ở trong một năm hoặc năm rưỡi nữa. Thời gian rất gấp. Ta phải làm nhanh”<sup>1</sup>, cho nên cần phải có một cái cơ cấu - đại biểu cho sự chân thành đoàn kết và hành động nhất trí của toàn thể quốc dân ta. Theo Người, “cơ cấu ấy thì phải do một cuộc Toàn quốc đại biểu Đại hội gồm tất cả các đảng phái cách mệnh và các đoàn thể ái quốc trong nước bầu cử ra. Một cơ cấu như thế mới đủ lực lượng và oai tín, trong thì lãnh đạo công việc cứu quốc, kiến quốc, ngoài thì giao thiệp với các hữu bang”<sup>2</sup>.

Những nội dung nêu trên cho thấy tư tưởng và chủ trương của Hồ Chí Minh về việc cần thiết, gấp rút phải tổ chức Đại hội quốc dân. Chủ trương này đã được sự nhất trí của Đảng và Mặt trận Việt Minh. Đồng thời, điều đó cũng chứng tỏ rằng, quan điểm của Người, những quyết nghị của Đảng là rất kịp thời và phù hợp với thực tiễn.

Sau đó, tháng 2-1945, Hồ Chí Minh quyết định đi Côn

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 3, tr. 506, 505.



Minh, Trung Quốc nhằm tranh thủ sự giúp đỡ của quân Đồng minh với cuộc chiến đấu giành độc lập của nhân dân ta. Trong thời gian này, phát xít Nhật tiến hành đảo chính, lật đổ thực dân Pháp (9-3-1945), độc chiếm Đông Dương, để rảnh tay đối phó với quân Đồng minh. Tình thế mới và những nhiệm vụ cần chú ý trong quá trình chuẩn bị lãnh đạo quần chúng đấu tranh giành chính quyền ngay khi đó đã được nêu rõ trong bản *Chỉ thị Nhật - Pháp bắn nhau và hành động của chúng ta* của Đảng, ra đời ngày 12-3-1945 như: Vấn đề thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng ở các nhà máy, mỏ, làng, ấp, đường, phố, v.v., thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban công nhân cách mạng ở những vùng quân du kích hoạt động, đặc biệt là việc sẽ “thành lập Ủy ban nhân dân cách mạng Việt Nam theo hình thức một Chính phủ lâm thời cách mạng Việt Nam”<sup>1</sup>.

Cùng đó, Hội nghị quân sự Bắc Kỳ họp từ ngày 15 đến ngày 20-4-1945 cũng “đề nghị triệu tập một cuộc đại biểu đại hội gồm có các giới, các đảng phái, các thân sĩ toàn quốc để thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam và tiến tới thành lập Chính phủ lâm thời Việt Nam”<sup>2</sup>. Hội nghị cũng thảo luận và quyết định việc chuẩn bị giành chính quyền, thành lập chính quyền cách mạng theo những hình thức quá độ: “Trong căn cứ địa, tổ chức ra Ủy ban nhân dân cách mạng do dân dùng phổ thông đầu phiếu mà bầu lên hay do đại biểu hội nghị các giới... bầu lên. Các Ủy ban nhân dân cách mạng đó thống nhất đến tỉnh rồi lên đến từng khu một.

---

1, 2, 3, 4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 371, 395-396, 535.

Ngoài căn cứ địa ta chưa đánh đổ được chính quyền của địch thì tổ chức ra Ủy ban dân tộc giải phóng. Trong chiến khu Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban giải phóng dưới quyền Bộ tư lệnh và Ủy ban quân sự cách mạng”<sup>3</sup>.

Ngày 16-4-1945, Chỉ thị tổ chức các Ủy ban dân tộc giải phóng các cấp của Tổng bộ Việt Minh nêu rõ: “Ủy ban dân tộc giải phóng là hình thức tiền chính phủ, trong đó nhân dân học tập để tiến lên giữ chính quyền cách mạng”<sup>4</sup>, và hướng dẫn khá cụ thể việc thành lập các Ủy ban dân tộc giải phóng, Ủy ban nhân dân cách mạng và Ủy ban khởi nghĩa ở từng cấp, từng địa bàn khác nhau. Chỉ thị cũng đồng thời hướng dẫn cách tổ chức, điều hành Ủy ban với tư cách là *hình thức tiền Chính phủ* trong thời kỳ tiền khởi nghĩa và giao cho các Ủy ban nêu trên nhiệm vụ lãnh đạo và tổ chức cao trào kháng Nhật cứu nước, chuẩn bị tổng khởi nghĩa.

Những nội dung quan trọng trong các văn kiện nêu trên đã cụ thể hóa chủ trương của Hồ Chí Minh về việc thành lập Ủy ban dân tộc giải phóng - một hình thức Chính phủ lâm thời trong quá trình đấu tranh giải phóng dân tộc. Từ những chỉ dẫn kịp thời này, dưới ngọn cờ cứu nước của Việt Minh, nhân dân ta từ “phá kho thóc giải quyết nạn đói”, tiến lên kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang và khởi nghĩa từng phần, từng bước xây dựng chính quyền nhân dân theo các cấp độ:

*Thứ nhất*, tại những địa bàn có thôn, xã, tổng, châu “hoàn toàn” do Giải phóng quân làm chủ, *Ủy ban nhân dân cách mạng* do nhân dân cử lên (thiết chế tiền Chính phủ) làm chức năng chính quyền đã võ trang cho quần chúng, động viên quần chúng, đồng thời dùng phương pháp cách mạng thực thi

*Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh*, nhằm mang lại các quyền tự do, dân chủ và cải thiện đời sống dân sinh cho quần chúng. Khi có việc đặc biệt, *Ủy ban nhân dân* triệu tập toàn dân địa phương bàn bạc, quyết định. Về thực chất cũng như trên danh nghĩa, đây là một dạng dân chủ trực tiếp về tổ chức và hoạt động của chính quyền nhân dân địa phương.

*Thứ hai*, Khu giải phóng gồm sáu tỉnh (Cao - Bắc - Lạng - Hà - Tuyên - Thái) chính thức thành lập ngày 4-6-1945, được xây dựng thành một căn cứ địa cách mạng vững chắc trên các mặt kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, v.v.. Hình thức dân chủ trực tiếp nêu trên đã chuyển thành hình thức dân chủ đại diện qua việc đại hội đại biểu toàn dân cử ra *Ủy ban chỉ huy lâm thời* của khu có nhiệm vụ lãnh đạo toàn khu về mọi mặt: “1- Tổng động viên nhân dân trong khu để kháng Nhật; 2- Căn cứ vào điều kiện cụ thể và nhu cầu của cuộc kháng chiến mà thực hiện chương trình Việt Minh. Kiến lập nền dân chủ cộng hoà và ban bố các quyền phổ thông đầu phiếu, tự do dân chủ, dân tộc tự quyết, nam nữ bình quyền; 3- Cải thiện sinh hoạt cho nhân dân: bỏ sưu, bỏ thuế thân, vận động sinh sản, v.v.”<sup>1</sup>.

Hoạt động của các uỷ ban, của chính quyền cách mạng ở Khu giải phóng đã đảm bảo quyền lực của nhân dân được thực hiện thông qua các cơ quan đại diện. Và như vậy, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc sử dụng quyền lực của nhân dân, về quyền dân chủ của nhân dân không chỉ được thực thi trong thực tiễn, mà còn khẳng định được tính ưu việt, tính cách mạng của các cơ quan đại diện đó. Bước đầu mang lại những

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 541.

lợi ích thiết thực cho đồng bào các dân tộc ở khu vực sáu tỉnh miền núi và trung du Bắc Bộ, những *ủy ban nhân dân cách mạng* nhận sự uỷ thác của nhân dân trong khu đã dùng những phương pháp cách mạng, không chỉ động viên tinh thần dân chúng đánh Nhật cứu nước, chính đốn giải phóng quân, mà còn bảo đảm những quyền tự do, dân chủ cơ bản cho nhân dân, tạo điều kiện để nhân dân tham gia vào việc xây dựng và củng cố chính quyền.

Diện mạo của Khu giải phóng thực sự là hình ảnh thu nhỏ của nước Việt Nam dân chủ mới, bước chuyển tiếp lên chính thể dân chủ cộng hòa. Cũng theo luật sư Vũ Đình Hoè, hình thức chính quyền nhân dân được tổ chức và hoạt động trong thực tiễn này là “mầm mống của một chế độ pháp quyền dân chủ tư sản kiểu mới”<sup>1</sup>, tạo điều kiện cho quần chúng tập dượt quản lý và điều hành xã hội, tham gia quyết định những công việc quan trọng của địa phương.

*Thứ ba*, thời cơ và điều kiện cho cuộc tổng khởi nghĩa trong toàn quốc, giành chính quyền đã chín muồi. Ngày 14-8-1945, Nhật tuyên bố đầu hàng không điều kiện. Quân Nhật ở Đông Dương mất tinh thần, Chính phủ Trần Trọng Kim hoang mang, tê liệt. Theo nhận định của Hồ Chí Minh, cơ hội và những điều kiện khởi nghĩa đã đến, và “Dân tộc ta đến lúc vùng dậy cướp lại quyền độc lập của mình”<sup>2</sup>. Giữa lúc đó, *Hội nghị đại biểu toàn quốc của Đảng* họp tại Tân Trào, từ ngày 13 đến ngày 15-8-1945 đã quyết định phát động *Tổng*

---

1. Vũ Đình Hoè: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Sđd, tr. 347.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 7, tr. 558.

*khởi nghĩa*, thi hành *Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh*. Ủy ban khởi nghĩa toàn quốc được thành lập để thống nhất chỉ huy cuộc chiến đấu, ra Quân lệnh số 1, hạ lệnh Tổng khởi nghĩa trong cả nước, để lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa hoàn toàn độc lập trước khi quân Đồng minh kéo vào Đông Dương giải giáp quân đội Nhật.

Chiều ngày 16-8-1945, Quốc dân Đại hội cũng đã kịp thời họp ở Tân Trào, huyện Sơn Dương, tỉnh Tuyên Quang (Quốc dân Đại hội Tân Trào) với khoảng 60 đại biểu dự Đại hội, đại diện cho cả ba miền Bắc, Trung, Nam, đại diện kiều bào ta ở Lào và Thái Lan và các đảng phái chính trị, các đoàn thể cứu quốc, các tôn giáo... Quốc dân Đại hội Tân Trào “họp trong đêm trước” của Cách mạng Tháng Tám, thực sự là hình ảnh tiêu biểu cho khối đoàn kết thống nhất của toàn dân tộc. Đại hội nhất trí việc phát động *Tổng khởi nghĩa*, giành chính quyền trong toàn quốc, hiệu triệu nhân dân toàn quốc và các đoàn thể cách mạng kịp thời đứng lên giành lấy chính quyền, xây dựng một nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên nền tảng hoàn toàn độc lập.

*Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh* được Đại hội thông qua, đã thể hiện rõ những nội dung cơ bản của chính sách đối nội, đối ngoại và thể chế của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời khẳng định những quyền tự do, dân chủ của nhân dân. Quốc dân Đại hội quyết định: “Cử ra Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam” (do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch). Ủy ban này có vai trò như Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam trước khi thành lập một chính phủ chính thức. Ủy ban này thay mặt quốc dân giao thiệp với nước ngoài và chủ trì mọi công việc trong nước kịp thời và linh hoạt.

Quốc dân Đại hội cũng nhấn mạnh: Khi thời giờ cấp bách, Ủy ban dân tộc giải phóng giao toàn quyền cho Ủy ban khởi nghĩa. *Đây là sự thống nhất chỉ huy khởi nghĩa, đồng thời là sự thống nhất về tư tưởng chính quyền nhà nước do Hồ Chí Minh chỉ đạo và thực hiện.*

Với những quyết nghị này, Quốc dân Đại hội thực sự là kết quả của một phong trào cách mạng rộng lớn đang phát triển, đoàn kết trong Mặt trận Việt Minh dưới sự lãnh đạo của Đảng. Với ý nghĩa đó, Ủy ban dân tộc giải phóng do Đại hội cử ra, xuất phát từ lòng dân, do nhân dân, vì nhân dân, nên thực sự là “Chính phủ hợp pháp hoá” của toàn dân. Sau đó, tại đình Tân Trào, Ủy ban giải phóng dân tộc Việt Nam ra mắt quốc dân và tuyên thệ: “Chúng tôi những người được Quốc dân đại biểu bầu vào Ủy ban giải phóng dân tộc để lãnh đạo cuộc cách mạng của nhân dân ta. Trước lá cờ thiêng liêng của Tổ quốc, chúng tôi nguyện kiên quyết lãnh đạo nhân dân tiến lên, ra sức chiến đấu chống quân thù, giành lại độc lập cho Tổ quốc. Dù phải hy sinh đến giọt máu cuối cùng quyết không lùi bước. Xin thề”<sup>1</sup>.

Như vậy, việc kịp thời quyết định triệu tập Quốc dân Đại hội Tân Trào để thông qua quyết định Tổng khởi nghĩa, thi hành *Mười chính sách của Mặt trận Việt Minh* và cử ra Ủy ban dân tộc giải phóng Việt Nam, thực sự là một sáng tạo của Hồ Chí Minh. Đó cũng là một thành công của Người trong việc vận dụng, phát triển và hiện thực hóa tư tưởng dân quyền ngay trong tiến trình đấu tranh cách mạng giải

---

1. Hội Văn hóa nghệ thuật Hà Tuyên: *Tân Trào - 1945-1954*, 1985, tr. 57.

phóng dân tộc. Đánh giá về Quốc dân Đại hội, Đại tướng Võ Nguyên Giáp khẳng định: Hoạt động và quyết nghị của Đại hội cho thấy: “Quốc dân Đại hội Tân Trào có ý nghĩa là một Quốc hội lâm thời, hay một tiền Quốc hội bởi vì cách mạng chưa thành công. Quốc dân Đại hội tạo căn cứ pháp lý cho sự ra đời chế độ cộng hoà dân chủ của nước ta, cho một Chính phủ lâm thời của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khi cách mạng đã thành công”<sup>1</sup>.

Quốc dân Đại hội diễn ra khàn trương và thắng lợi trong đêm trước của cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, mang tầm vóc lịch sử như một Quốc hội của nước Việt Nam mới, là một quyết định thể hiện sự nhạy bén, đầy sáng tạo của Hồ Chí Minh trước những biến chuyển của tình hình quốc tế và trong nước. Quốc dân Đại hội có vai trò lịch sử như “một nghị viện từ trong phong trào đấu tranh cách mạng làm nên nền dân chủ cách mạng của chính mình”<sup>2</sup>, là một tiến bộ rất lớn trong lịch sử đấu tranh giành độc lập dân tộc và quyền tự do dân chủ của nhân dân ta trong suốt gần một thế kỷ bị thực dân Pháp thống trị. Quốc dân Đại hội Tân Trào thực sự biểu thị cho ý chí và tinh thần của toàn dân tộc, phản ánh nguyện vọng và quyết tâm của toàn thể nhân dân, đáp ứng được những khát vọng về dân sinh, dân chủ của nhân dân lao động.

Có thể khẳng định rằng, Quốc dân Đại hội với việc tạo cơ sở pháp lý, những nguyên tắc, thể thức cơ bản cho sự ra đời

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Quốc dân Đại hội Tân Trào*, Nxb. Hà Nội, 1995, tr. 27.

2. Đào Trí Úc: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 5-2000, tr. 5.

một Chính phủ hợp pháp do nhân dân bầu ra sau đó, đã thể hiện sự nhạy bén trước thời cuộc của Hồ Chí Minh trong Cách mạng Tháng Tám. Trong hoàn cảnh đầy khó khăn, thử thách: một mặt quân Đồng minh sắp kéo vào Việt Nam, mặt khác quân Pháp đang ráo riết chuẩn bị khôi phục quyền thống trị, và các thế lực phản động cũng đang theo đuôi quân Tưởng về nước chống phá cách mạng, v.v., quyết định sáng suốt và những công việc cụ thể mà Hồ Chí Minh đã làm càng trở nên quan trọng và có ý nghĩa lớn lao đối với cách mạng Việt Nam. Hồ Chí Minh đã tổ chức thắng lợi Quốc dân Đại hội để quyết định kịp thời chuyển xoay vận nước. Đây chính là sự thành công đầu tiên, minh chứng cho quan điểm của Hồ Chí Minh: quyền lực nhà nước, dù sơ khai cũng phải nhận được sự uỷ nhiệm từ nhân dân, của nhân dân.

Trong đêm trước của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 lịch sử, chủ động trước mọi biến cố, nhằm tranh thủ những điều kiện thuận lợi cho ngày vùng lên của toàn dân tộc, Hồ Chí Minh đã kịp thời chuẩn bị những bước đi vững chắc về cơ sở và tính pháp lý, "làm cho mọi người thấy rõ được cả tính hợp pháp lẫn sức mạnh để giữ vai trò lãnh đạo và đà phát triển phong trào"<sup>1</sup> cách mạng của thiết chế tiền Quốc hội.

Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam, dưới sự lãnh đạo của một Đảng Cộng sản do Hồ Chí Minh đứng đầu, Ủy ban dân tộc giải phóng có tính chất như một Chính phủ lâm thời

---

1. L.A. Patti: *Tại sao Việt Nam?*, Nxb. Đà Nẵng, 1995, tr. 146.



do Quốc dân Đại hội cử ra đã được thành lập, nhằm lãnh đạo cả dân tộc vùng lên giành độc lập, tự do. Quyết định kịp thời này của Người đã là *cơ sở pháp lý đầu tiên, quan trọng cho sự hình thành, ra đời một cơ cấu, một thể chế của nhà nước mới - Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa sau đó, Nhà nước pháp quyền của dân, do dân và vì dân*. Thực tế đó cũng cho thấy giá trị sáng tạo và tính thực tiễn tuyệt vời của tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền được thực thi trong tiến trình đấu tranh giành độc lập dân tộc.

Sau Quốc dân Đại hội, để tranh thủ thời cơ, Hồ Chí Minh đã gửi thư kêu gọi đồng bào cả nước vùng lên khởi nghĩa: “Giờ quyết định cho vận mệnh dân tộc ta đã đến. Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta... Chúng ta không thể chậm trễ”<sup>1</sup>. Đồng thời, Người cũng gửi thư yêu cầu Liên hợp quốc thực hiện lời hứa long trọng của mình về quyền được hưởng độc lập, dân chủ của tất cả các dân tộc và yêu cầu Chính phủ Pháp phải công nhận Chính phủ Việt Nam, cùng các điều kiện về mối quan hệ giữa người Việt Nam và Pháp.

Đáp lại lời hiệu triệu của Tổng bộ Việt Minh và lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã nhất tề đứng lên khởi nghĩa, giành lại chính quyền từ tay phát xít Nhật, lập nên chính quyền cách mạng trong toàn quốc. Ngày 24-8-1945, vua Bảo Đại ra tuyên cáo thoái vị để được làm người dân một nước độc lập. Việc cựu Hoàng đế Bảo Đại ra tuyên cáo thoái vị theo yêu cầu của Ủy ban dân tộc giải phóng có ý nghĩa pháp lý hoá

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 554.

truyền thống quốc tế. Đánh giá sự kiện này, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Cựu Hoàng đế Bảo Đại trình trọng tuyên bố từ bỏ tất cả các quyền lợi của ông ta. Sự từ bỏ ấy như vậy là đã “hợp pháp hoá”, theo một số truyền thống ngày nay đã được thừa nhận trên thế giới”<sup>1</sup>.

Như vậy, sau hơn 15 năm chuẩn bị và tập dượt đấu tranh, dưới ngọn cờ độc lập, tự do của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng, cuộc Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945 của nhân dân ta nhằm xoá bỏ ách thống trị của thực dân Pháp đã giành được thắng lợi. Chính quyền cách mạng đã được xác lập khắp cả nước, “đã được thừa nhận, hợp pháp hóa một cách vẻ vang nhất bởi sự tham gia cuồng nhiệt của toàn thể nhân dân Việt Nam”<sup>2</sup>. Thắng lợi này là kết quả tất yếu của việc kịp thời thay đổi chiến lược cách mạng, quy tụ sức mạnh khối đại đoàn kết toàn dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng và việc từng bước hiện thực hóa tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân trong tiến trình cách mạng.

Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh cùng Ủy ban dân tộc giải phóng về đến Hà Nội. Theo đề nghị của Người, Ủy ban dân tộc giải phóng tự cải tổ thành Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Cũng trên tinh thần vì quyền lợi tối cao của dân tộc, một số đảng viên cộng sản, kể cả Tổng Bí thư Trường Chinh đã tự nguyện rút khỏi Chính phủ lâm thời, nhường chỗ cho một số nhân sĩ yêu nước, tiến bộ để nêu cao hơn nữa tinh thần đoàn kết vì đại nghĩa. Hành động cao đẹp của những người cộng sản Việt Nam được Hồ Chí Minh đánh giá: “Đó là một cử

---

1, 2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-1955*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 37-38, 38.

chỉ đáng khen, đáng kính mà chúng ta phải học”<sup>1</sup>. Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch là hình ảnh tiêu biểu của khối toàn dân đoàn kết, là “một Chính phủ quốc gia thống nhất giữ trọng trách là chỉ đạo cho toàn quốc, đợi ngày triệu tập được Quốc hội để cử ra một Chính phủ dân chủ cộng hoà chính thức”<sup>2</sup>.

Ngày 2-9-1945, thay mặt Chính phủ lâm thời, Hồ Chí Minh đọc *Tuyên ngôn độc lập* trước quốc dân và tuyên bố với thế giới việc thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. *Tuyên ngôn độc lập* khẳng định: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng, dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”<sup>3</sup>, đồng thời nhấn mạnh: “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập”<sup>4</sup>.

## **2. Quyết định sáng suốt và khẩn trương tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội khóa I**

Quyền tự do, độc lập của dân tộc, chủ quyền quốc gia và chế độ dân chủ cộng hòa được Hồ Chí Minh nêu trong *Tuyên ngôn độc lập* đã khẳng định cơ sở pháp lý đầu tiên, địa vị hợp pháp của Chính phủ lâm thời nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, đồng thời là cơ sở cho sự ra đời bản *Hiến pháp* đầu tiên của dân tộc Việt Nam. Đó cũng là cơ sở cho việc hình thành một nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Ngày

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 6, tr. 160.

2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-1955, Sđd*, tr. 40.

3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 1, 4.

hôm sau, trong phiên họp đầu tiên của Chính phủ lâm thời, Người đã nêu lên nhiệm vụ phải tổ chức cuộc Tổng tuyển cử để sớm soạn thảo và ban hành *Hiến pháp*: “Trước chúng ta bị chế độ quân chủ chuyên chế cai trị, rồi đến chế độ thực dân không kém phần chuyên chế, nên nước ta không có Hiến pháp. Nhân dân ta không được hưởng quyền tự do dân chủ. Chúng ta phải có một Hiến pháp dân chủ. Tôi đề nghị Chính phủ tổ chức càng sớm càng hay cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu. Tất cả công dân trai gái mười tám tuổi đều có quyền ứng cử và bầu cử, không phân biệt giàu nghèo, tôn giáo, dòng giống, v.v.”<sup>1</sup>.

Là một vị lãnh tụ cách mạng đầy kinh nghiệm, Hồ Chí Minh nhận thức được tầm quan trọng về vị trí, vai trò của nghị viện/quốc hội trong chế độ dân chủ. Là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, so với các cơ quan nhà nước khác trong tổ chức bộ máy nhà nước, nghị viện/quốc hội là cơ quan có thành phần rộng rãi, đại diện cho những quan điểm và quyền lợi khác nhau, song tựu chung lại: tổ chức và hoạt động của cơ quan này là một tiêu chí của nền dân chủ. Bầu cử Quốc hội là một hình thức quan trọng, để nhân dân thực hiện quyền lực nhà nước thuộc về mình, cho mình, vì mình. Việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội ở mỗi nước phụ thuộc vào từng điều kiện cụ thể, phụ thuộc vào nhiệm vụ, chức năng cần phải đảm nhiệm của Quốc hội. Với ý nghĩa đó, dù đầy cam go thử thách, Hồ Chí Minh vẫn quyết định nhanh chóng tổ chức Tổng tuyển cử, “đi đến Quốc hội để quy định

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 8.

*Hiến pháp*, bầu Chính phủ chính thức”<sup>1</sup>. Quyết định của Người có ý nghĩa lịch sử như một *tuyên bố lập hiến*, đồng thời khẳng định bản chất dân chủ và vị trí pháp lý của Quốc hội trong bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tình hình ngày càng phức tạp. Trước sự chống phá điên cuồng của các thế lực phản động, nạn đói, nạn dốt và giặc ngoại xâm đang đe dọa nền độc lập vừa giành được, để tiến hành Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội, Hồ Chí Minh đã điều hành Chính phủ lâm thời: một mặt khôn khéo, tận dụng mọi cơ hội để xúc tiến thực hiện cuộc Tổng tuyển cử, mặt khác kịp thời ban hành các văn bản dưới luật tạo cơ sở pháp lý cho mọi công dân Việt Nam đều có thể tham gia vào việc bầu cơ quan đại diện cho mình.

Các sắc lệnh quan trọng đầu tiên về xây dựng quyền làm chủ của công dân Việt Nam đối với vận mệnh quốc gia đã được ban hành như: Sắc lệnh số 14/SL ngày 8-9-1945, quy định thời hạn hai tháng kể từ ngày ký sắc lệnh sẽ mở cuộc Tổng tuyển cử và thành lập một Ủy ban khởi thảo Hiến pháp; Sắc lệnh số 34/SL ngày 20-9-1945, thành lập Ủy ban dự thảo Hiến pháp gồm: Hồ Chí Minh, Vĩnh Thụy, Đặng Thai Mai, Vũ Trọng Khánh, Lê Văn Hiến, Nguyễn Lương Bằng, Đặng Xuân Khu; Sắc lệnh số 39/SL ngày 26-9-1945, thành lập Ủy ban dự thảo thể lệ Tổng tuyển cử gồm 9 người; Sắc lệnh số 51/SL ngày 17-10-1945, tạo điều kiện thuận lợi cho việc tham gia bầu cử và ứng cử của nhân dân; Sắc lệnh số 71/SL được ban hành nhằm bổ khuyết Điều 11, Chương V của Sắc lệnh số 51/SL ngày 2-12-1945, v.v. đã chứng minh trong thực tiễn: Tổng tuyển cử tức

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 27.

là dân chủ. Giữa muôn vàn khó khăn, thử thách, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã tạo mọi điều kiện thuận lợi, để công dân Việt Nam có thể tham gia ứng cử, bầu cử trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I.

Nội dung các sắc lệnh nêu trên khẳng định vị trí pháp lý, vai trò của Quốc dân Đại hội Tân Trào, sự phát triển mang tính liên tục từ Quốc dân Đại hội Tân Trào đến yêu cầu khách quan của lịch sử, điều kiện cần thiết đã chín muồi để tiến hành Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội chính thức và soạn thảo *Hiến pháp*. Đồng thời, các văn bản pháp lý này cũng khẳng định: “Nước Việt Nam sẽ theo chính thể dân chủ cộng hòa và Chính phủ nhân dân toàn quốc sẽ do một Quốc dân Đại hội bầu theo lối phổ thông đầu phiếu cử lên”; “nhân dân Việt Nam do Quốc dân Đại hội thay mặt là quyền lực tối cao để ấn định cho nước Việt Nam một *Hiến pháp* dân chủ cộng hòa”<sup>1</sup>; “tất cả những công dân Việt Nam 18 tuổi trở lên, không phân biệt nam nữ đều có quyền bầu cử và ứng cử”<sup>2</sup>. Cụ thể hơn: những người ứng cử có thể gửi đơn ứng cử ngay cho Ủy ban nhân dân nơi mình xin ứng cử... Đơn và giấy chứng thực đủ điều kiện sẽ do Ủy ban nhân dân nơi trú ngụ chuyển cho Ủy ban nhân dân nơi ứng cử. Người ứng cử có thể tùy ý mình đứng tên riêng hoặc đứng trong danh sách của Mặt trận Việt Minh giới thiệu. Trong vận động tranh cử, các ứng cử viên được bình đẳng như nhau, v.v. và “dân trong mỗi tỉnh bầu thẳng đại biểu tỉnh mình dự vào Quốc dân Đại hội”. Cuối

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994, tr. 31.

2. Văn phòng Quốc hội: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 436-437.

cùng, “khi đã nhận danh sách đại biểu toàn quốc, Chính phủ nhân dân lâm thời định ngày triệu tập Quốc dân Đại hội tại Hà Nội, Thủ đô của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”<sup>1</sup>.

Như vậy là, phương thức để nhân dân thực hiện sự uỷ thác quyền lực của mình chính là thông qua tổng tuyển cử để bầu nghị viện/quốc hội. Sự hiện diện của cơ quan này nói lên nguồn gốc quyền lực nhà nước từ nhân dân, đồng thời khẳng định chủ quyền của nhân dân và cơ sở hợp pháp của chính quyền. Cho nên rất khắt khe và cụ thể, Hồ Chí Minh đã điều hành Chính phủ căn cứ vào điều kiện cụ thể của nước nhà, tạo điều kiện cho nhân dân (trừ những người điên, người hành khất chuyên môn hay những người do một hội thiện nào đó nuôi vĩnh viễn, những người bị can án mà không được hưởng sắc lệnh đặc xá của Chính phủ,...) được hưởng dụng quyền tự do, dân chủ của mình thông qua cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu.

Đồng thời, với quy định số đại biểu Quốc hội được bầu không “căn cứ vào trình độ văn hoá” của nhân dân và không “căn cứ vào phong trào cách mạng”, mà “căn cứ vào dân số tỉnh hay thành phố ấy mà ấn định”, *Hồ Chí Minh đã khẳng định lòng tin của mình vào nhân dân, hiện thực hóa sinh động quyền lực của nhân dân trong một hoàn cảnh cụ thể (bầu cử Quốc hội), trong một nội dung cụ thể (tỷ lệ đại biểu của địa phương trong Quốc hội)*. Sau đó, những quy định về bầu cử và các nguyên tắc bầu cử thực sự dân chủ này đã tiếp tục được khẳng định trong *Hiến pháp năm 1946*.

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, Sđd, tr. 447.

Theo Hồ Chí Minh, một trong những tiêu chí cơ bản của chế độ dân chủ nhân dân là việc bầu cử theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Quyết định Tổng tuyển cử, bầu Quốc hội khoá I theo nguyên tắc này (đổi lập với nguyên tắc bầu cử của nhà nước tư sản, dân chủ và rộng rãi hơn với nguyên tắc bầu cử phổ thông hạn chế của Nhà nước Xôviết khi đó) là một quyết định đầy sáng tạo, thể hiện bản lĩnh của nhà cách mạng Hồ Chí Minh. Đó là tư tưởng chỉ đạo quan trọng để xây dựng chế độ bầu cử công khai, dân chủ, đồng thời đóng vai trò quan trọng, bảo đảm cho công dân thực hiện quyền bầu cử, ứng cử của mình. Cũng theo Người, bầu cử là một sự kiện chính trị - xã hội, là công việc của mọi người, cho nên tham gia bầu cử Quốc hội - cơ quan đại diện cho quyền lực tối cao của toàn dân tộc, vì lợi ích của dân tộc (trong bối cảnh nước nhà vừa giành được độc lập), không chỉ là việc thực hiện quyền dân chủ của công dân, đó còn là trách nhiệm và nghĩa vụ của mọi người dân Việt Nam yêu nước.

Trong tư tưởng Hồ Chí Minh: Dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, nhân dân thực hiện sự uỷ thác quyền lực của mình thông qua Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Vì vậy, để cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội thực sự là một ngày hội non sông, ngày toàn thể quốc dân Việt Nam thông qua lá phiếu cử tri thiết thực “củng cố nền độc lập và chống ngoại xâm”, Người và Tổng bộ Việt Minh đã quyết định mời cả những người ngoài Mặt trận Việt Minh, cùng đứng chung danh sách ứng cử và vận động tranh cử một cách thật sự dân chủ vào Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân.



Điểm đặc biệt, khác về cả bản chất và hình thức trong nguyên tắc bầu cử và vận động bầu cử ở Việt Nam với các nước tư sản, đó là ở các nước tư bản: ứng cử vào nghị viện/quốc hội là do các đảng phái giới thiệu, còn ở Việt Nam các ứng cử viên của Đảng Cộng sản và Đảng Dân chủ đều là đảng cách mạng, nên đại biểu của đảng nào ra ứng cử cũng đều trên tinh thần vì nước, vì dân, nên đều được nhân dân tin tưởng, ủng hộ. Tin tưởng vào sự lựa chọn của nhân dân, với những đảng đối lập như Việt Quốc, Việt Cách..., Hồ Chí Minh nêu rõ: “a) Xin mời các đồng chí Quốc dân Đảng tham gia việc tổng tuyển cử ở các nơi; b) Xin cho chúng tôi biết những đồng chí ra ứng cử ấy muốn ứng cử ở nơi nào để tiện việc biên tên vào danh đơn ứng cử; c) Các đồng chí ấy được hoàn toàn tự do hoạt động ứng cử cũng như các đảng phái khác. Chúng tôi xin phụ trách việc bảo vệ và giúp đỡ các đồng chí ấy”<sup>1</sup>.

Nội dung này cũng được nhấn mạnh trong Chỉ thị *Kháng chiến kiến quốc* của Đảng ngày 25-11-1945: “Mỗi tỉnh phải đặt ngay một cái sổ tên những người ứng cử để kịp cử động bầu. Nguyên tắc đặt sổ: đảng viên 1/3, người của các đoàn thể trong mặt trận 1/3, người ngoài mặt trận 1/3 (song tỉnh nào, thế lực các đảng phái đối lập mạnh thì số đảng viên ra ứng cử có thể thêm lên)”<sup>2</sup>. Trên tinh thần: Những người cộng sản, hay người Việt Minh không được dùng danh nghĩa đoàn thể mình ra ứng cử. Và nếu trúng cử là vì được quốc dân yêu chuộng và tin cậy,

---

1. Phùng Đức Thăng: *Mặt trận Việt Minh và các tổ chức đối lập*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, tháng 5-1992, tr. 21.

2. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 33.

chứ không phải mình giành giật ảnh hưởng hay dùng thế lực đảng phái, Trung ương Đảng chủ trương: “Phải đưa những người đã ở trong Ủy ban nhân dân có năng lực hành chính ra ứng cử, còn những người bất lực và thiếu tư cách thì cho nghỉ để làm việc khác. Cần giới thiệu những vị thân hào có tài, có đức ra ứng cử, và cùng đứng chung một số quốc gia liên hiệp với những người ứng cử của Việt Minh (chỗ nào không có lực lượng phản động tranh giành thì không cần giới thiệu số riêng)”<sup>2</sup>.

Để chứng tỏ rằng “không những dân chúng đã tỏ ra mình có ý thức về việc khởi nghĩa; dân chúng đã trả lời bọn bán nước và bọn cướp nước rằng chính quyền cũng là của dân chúng”<sup>3</sup>, trong những lời phát biểu, Hồ Chí Minh đều khẳng định: mọi công dân Việt Nam đều có quyền bầu cử và ứng cử. Quan điểm và những nỗ lực vượt bậc của Người trong quá trình chuẩn bị cho cuộc Tổng tuyển cử, tự do, phổ thông, bình đẳng, không phân biệt thành phần, giai cấp, đảng phái, giàu nghèo, trai gái, lần đầu tiên được tổ chức ở Việt Nam không chỉ khẳng định tính chất dân chủ của chế độ ta, khẳng định quyền lực của nhân dân ủy thác cho Quốc hội, mà còn thể hiện bản lĩnh chính trị quyết đoán của Hồ Chí Minh.

Cùng với việc chuẩn bị những điều kiện thuận lợi về mặt pháp lý để mọi người dân Việt Nam đều có thể trực tiếp tham gia vào cuộc bầu cử Quốc hội, là việc Hồ Chí Minh nêu ra những tiêu chuẩn người đại biểu Quốc hội - những người sẽ thay mặt nhân dân tham gia, hoạt động trong cơ quan quyền

---

3. Diên Hồng: *Tổng tuyển cử sẽ trả lời họ*, báo *Quốc hội*, ngày 19-12-1945, tr. 1.

lực tối cao. Theo Người, người đại biểu nhân dân phải là những người: khi trúng cử, “sẽ phải ra sức giữ vững nền độc lập của Tổ quốc, ra sức mưu sự hạnh phúc cho đồng bào. Phải luôn luôn nhớ và thực hành câu: Vì lợi nước, quên lợi nhà; vì lợi chung, quên lợi riêng”<sup>1</sup>. Vì thế, Người nhấn mạnh, “những ai muốn làm quan cách mạng thì nhất định không nên bầu”. Trên tinh thần đó, mỗi cử tri phải sử dụng đúng đắn quyền bầu cử của mình khi lựa chọn những đại biểu thay mặt mình vào cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, và nhất định: “Không ai ép, không ai mua, toàn dân sẽ thực hiện cái quyền dân chủ ấy”<sup>2</sup> trong ngày bầu cử Quốc hội.

Theo Hồ Chí Minh, lá phiếu cử tri hàm chứa một giá trị cao quý và mang một ý nghĩa chính trị lớn lao, chứa đựng những hy vọng, ước mơ của mỗi công dân và tất cả những gì nó sẽ đem lại trong tương lai; là một dấu ấn xác nhận bản chất dân chủ của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, ghi nhận trong thực tiễn nhân dân ta đã thật sự làm chủ nước nhà, thực sự là công dân của một nước Việt Nam độc lập. Lá phiếu còn thêm ý nghĩa sâu sắc là: “Về mặt chính trị, thì nhân dân dùng lá phiếu mà chống với quân địch. Một lá phiếu cũng có sức lực như một viên đạn”<sup>2</sup>.

Càng gần đến ngày diễn ra Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, tình hình càng trở nên vô cùng căng thẳng, gấp rút. Hiểu rõ vai trò và ý nghĩa lớn lao của cuộc Tổng tuyển cử tự do, bình đẳng đầu tiên trong đời sống chính trị của nhân dân ta, các thế lực phản động đã ra sức phá hoại cuộc Tổng tuyển cử. Do tầm

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 145, 147.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 145.

quan trọng và những diễn biến phức tạp của tình hình, cuộc đấu tranh chính trị, chuẩn bị cho cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên đã được Trung ương Đảng và Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm và trực tiếp lãnh đạo. Song song với việc kiên quyết đấu tranh, vạch trần và chống lại những hành động phá hoại của kẻ thù, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh đã điều hành Chính phủ, khôn khéo thực hiện sách lược nhân nhượng, hòa giải, từng bước ngăn chặn bàn tay can thiệp thô bạo của quân Tưởng, khi *Việt Nam Cách mạng đồng minh hội* (Việt Cách) dựa vào quân Tưởng đòi phải lập lại Chính phủ, xoá bỏ chính quyền cách mạng, đòi cho đại diện của họ được giữ vị trí cao trong Chính phủ; còn *Việt Nam Quốc dân Đảng* (Việt Quốc) đòi nắm Bộ Nội vụ, Tài chính, Kinh tế, Quốc phòng... để họ chiếm 1/3 số ghế trong Quốc hội cũng như Việt Minh...

Đồng thời, trước tình thế cấp bách đó, ngày 27-9-1945, dưới sự chủ tọa của Hồ Chí Minh, Hội đồng Chính phủ đã họp, bàn bạc và nhất trí để Nguyễn Hải Thần giữ chức Phó Chủ tịch Chính phủ. Hồ Chí Minh và Nguyễn Hải Thần đã ký thỏa ước, chấp nhận đoàn kết, hợp tác. Bản *Biện pháp đoàn kết*, gồm 14 điều chính và 4 điều phụ đã được đại biểu của Việt Minh, Việt Quốc, Việt Cách ký ngày 24-12-1945, với những nội dung cụ thể: Độc lập trên hết, kêu gọi đoàn kết, đình chỉ đăng báo công kích lẫn nhau bằng lời nói và hành động, nhất trí mở rộng Chính phủ lâm thời có đại diện của Việt Quốc và Việt Cách, thừa nhận 70 ghế trong Quốc hội cho Việt Quốc, Việt Cách không thông qua bầu cử, v.v.. Bản *Biện pháp đoàn kết* cũng đồng thời là một biện pháp nhân nhượng, vừa kịp thời, vừa mềm dẻo, thể hiện sự chủ động và mềm dẻo của vị lãnh tụ Hồ Chí Minh “vừa nhu vừa cương”

trong điều kiện bị kẻ thù chống phá quyết liệt.

Và cũng để đảm bảo cho thành công của cuộc bầu cử Quốc hội, ngày 1-1-1946, Chính phủ lâm thời đã cải tổ, mở rộng thành *Chính phủ liên hiệp lâm thời*, trong đó, để Nguyễn Hải Thần, đại diện Việt Cách giữ chức Phó Chủ tịch và Trương Đình Tri, đại diện Việt Quốc giữ chức Bộ trưởng Bộ Y tế. *Chính phủ liên hiệp lâm thời* gồm 18 thành viên, do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch kiêm Ngoại giao, đã ra tuyên bố mà nội dung đối nội là “làm sao cho cuộc Tổng tuyển cử toàn quốc được mỹ mãn”<sup>1</sup> và chuẩn bị sẵn sàng việc khai Quốc hội.

Một nhiệm vụ đặc biệt quan trọng đảm bảo cho thành công của cuộc bầu cử là công tác thông tin tuyên truyền về mục đích, nội dung, ý nghĩa của Tổng tuyển cử. Trước những thông tin nói xấu Đảng Cộng sản, nói xấu Việt Minh, phá hoại Tổng tuyển cử, cho rằng trình độ dân trí của nhân dân Việt Nam còn thấp kém, đa phần là mù chữ, “chưa biết dùng quyền dân chủ. Bọn đầu cơ sẽ lợi dụng. Cuộc Tổng tuyển cử sẽ thất bại”<sup>2</sup> được đăng trên các báo *Đông tâm, Thiết thực, Việt Nam*, v.v., trong một bài trả lời phỏng vấn, với niềm tin vô hạn vào nhân dân, Hồ Chí Minh khẳng định: “Nhân dân rất thông minh. Họ sẽ biết dùng lá phiếu của họ, Tổng tuyển cử sẽ thành công”<sup>2</sup>.

Ngày 23-12-1945, trả lời phỏng vấn báo *La République* về vấn đề Tổng tuyển cử và vai trò của Quốc hội, Hồ Chí Minh nói: “Bằng số lượng người ứng cử, danh sách này

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 141.

2. 2. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch, Sđd*, tr. 128.

chúng tỏ một cách hùng hồn rằng nhân dân ta hiểu rất rõ sự cần thiết của Tổng tuyển cử để thành lập một Quốc hội. Quốc hội này sẽ phải ra bản *Hiến pháp* dân chủ đầu tiên cho nước Việt Nam độc lập” và “cử ra Chính phủ để thay thế cho Chính phủ hiện nay mà ai cũng biết chỉ là lâm thời”<sup>3</sup>. Người cũng đồng thời nhấn mạnh, trong một hoàn cảnh cụ thể: “Quốc hội này sẽ có thể chuyển thành nghị viện nếu điều đó là ý muốn của nó và điều đó không trái ngược với Hiến pháp mà nó đã thảo ra”<sup>4</sup>.

Cùng thời gian đó, trên các báo *Cứu quốc*, *Sự thật*, *Quốc hội*... những bài viết về Tổng tuyển cử, về quyền lợi và nghĩa vụ công dân, về vai trò của Quốc hội, của *Hiến pháp* cũng lần lượt đến với các độc giả trong cả nước. Nhật báo *Quốc hội* - ra đời trong thời kỳ Tổng tuyển cử, phục vụ Tổng tuyển cử, đã tập trung vào các nội dung: muốn giữ vững độc lập phải đi bầu cử; ai muốn cho đời mình có ý nghĩa, ai muốn cho dân tộc mình được mạnh, hãy trân trọng tìm người ứng cử vào Quốc hội; mỗi lá phiếu của chúng ta là một viên đạn để diệt quân thù, v.v. và khẳng định: “Ngày 6-1-1946, ngày Tổng tuyển cử, toàn thể dân chúng Việt Nam được quyền tự do định đoạt số phận của mình”<sup>1</sup>.

Cũng thông qua việc vạch trần những luận điệu phản động của kẻ địch, nội dung các bài trả lời phỏng vấn, các bài

---

3, 4. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn xung quanh cuộc Tổng tuyển cử*, bản dịch báo *La République*, số 12, ngày 23-12-1945, lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, HS.H14C8/52, tr. 1, 2.

1. Hồ Chí Minh: *Khuyến đồng bào đi bỏ phiếu*, báo *Quốc hội*, ngày 6-1-1946, tr. 1.

viết của Hồ Chí Minh trên các báo cách mạng đã hướng dẫn, cổ vũ quần chúng tích cực tham gia cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I, và nêu rõ: đây thực sự là “dịp cho toàn thể quốc dân tự do lựa chọn những người có tài, có đức, để gánh vác công việc nước nhà... Tổng tuyển cử tức là tự do, bình đẳng; tức là dân chủ, đoàn kết”<sup>1</sup>.

Để kiểm tra lần cuối cùng những công việc của Tổng tuyển cử, ngày 3-1-1946, Hồ Chí Minh chủ trì phiên họp của Chính phủ liên hiệp lâm thời và ngày 5-1-1946 Người ra *Lời kêu gọi quốc dân đi bỏ phiếu*, kêu gọi đồng bào cả nước thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân của mình, thực hiện quyền làm chủ đất nước và xã hội. Người viết: “Ngày mai là một ngày đầu tiên trong lịch sử Việt Nam mà nhân dân ta bắt đầu hưởng dụng quyền dân chủ của mình... Ngày mai, dân ta sẽ được tự do lựa chọn và bầu ra những người xứng đáng thay mặt cho mình, và gánh vác việc nước”<sup>2</sup>. Ngày 6-1-1946, nhân dân ta sẽ tiến hành “một cuộc phục quyết (référéndum) bày tỏ ý muốn của cả một dân tộc”<sup>3</sup>, vì vậy, số đặc biệt Báo *Quốc hội*, ra ngày 6-1-1946, đã trân trọng in ở trang đầu: ảnh và bút tích *Lời kêu gọi* của lãnh tụ Hồ Chí Minh: “Khuyến đồng bào nam nữ 18 tuổi trở lên hôm nay tất cả đi bỏ phiếu, để bầu những người đại biểu xứng đáng đứng vào Quốc hội đầu tiên của nước ta”<sup>4</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 133.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 145.

3. Diên Hồng: *Tổng tuyển cử với ngoại xâm*, báo *Quốc hội*, ngày 18-12-1945, tr. 1.

4. Hồ Chí Minh: *Khuyến đồng bào đi bỏ phiếu*, *Tlđd*, tr. 1.

Hồ Chí Minh ứng cử tại Hà Nội. Là người đứng đầu Chính phủ, Người đã không chỉ động viên, kêu gọi mọi người tham gia Tổng tuyển cử, mà chính Người cũng nghiêm túc thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ công dân của mình. Tại Hà Nội, 118 vị chủ tịch uỷ ban nhân dân và tất cả các giới đại biểu làng xã kiến nghị: “Cụ Hồ Chí Minh miễn phải ứng cử” trong cuộc Tổng tuyển cử sắp tới, đồng thời “suy tôn Cụ làm Chủ tịch vĩnh viễn của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”. Đáp lại tình cảm và nguyện vọng đó, Người cảm tạ đồng bào và nói: “Tôi là một công dân nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, nên không thể vượt qua thể lệ Tổng tuyển cử đã định”<sup>1</sup>. Người tham gia bầu cử tại địa điểm số 10 Hàng Vôi (nay là phố Lý Thái Tổ), rồi sau đó đi thăm phòng bỏ phiếu tại phố Hàng Gai, Hàng Trống...

Bằng những việc làm cụ thể, thiết thực của Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu, “cuộc đời sán lạn của người công dân Việt Nam... cái quyền công dân một nước dân chủ cộng hòa thật đã được tôn trọng đến cùng”<sup>2</sup> trong quá trình thực thi cuộc bầu cử Quốc hội khoá I. Cuộc bầu cử diễn ra sôi nổi trên khắp các địa bàn trong cả nước. Tại 71 tỉnh, thành trong cả nước, đã có “89% tổng số cử tri đi bỏ phiếu, phổ biến là 80%, nhiều nơi đạt 95%”. Trừ một số nơi phải bầu bổ sung, còn tuyệt đại đa số các địa phương chỉ bầu một lần.

Trong bối cảnh đầy cam go, thử thách, Hồ Chí Minh và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 116.

2. Diên Hồng: *Cuộc đời sán lạn của người công dân Việt Nam*, Báo *Quốc hội*, ngày 21-12-1945, tr. 1.



Trung ương Đảng đã làm hết sức mình để cuộc bầu cử Quốc hội khoá I, ngày 6-1-1946 thực sự là ngày toàn thể dân chúng Việt Nam được tự do quyết định vận mệnh của mình, tỏ rõ với thế giới ý nguyện của người dân một nước độc lập và làm tan rã “óc đảng phái” của bọn phản động.

Đặc biệt, sự lãnh đạo sâu sát, kịp thời của Đảng đứng đầu là Hồ Chí Minh, cuộc đấu tranh chính trị thời kỳ này đã góp phần củng cố lòng tin tưởng của nhân dân vào cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội. Điều đó không chỉ là vô cùng cần thiết trong cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập dân tộc mà còn có ý nghĩa thiết thực để thực hiện quyền dân chủ cho nhân dân. Thực thi quyền dân chủ thông qua việc tạo điều kiện để mọi công dân Việt Nam được tự do bầu cử và ứng cử, theo Hồ Chí Minh: So với nước “Pháp đã có mấy chục lần tuyển cử rồi, nhưng mãi năm ngoài (1945), phụ nữ Pháp mới được hưởng quyền bỏ phiếu. Xem như thế, thì có cái ta chậm hơn nước ngoài, nhưng cũng có cái ta đi quá họ”<sup>1</sup>.

Dũng cảm và kiên quyết khi quyết định Tổng tuyển cử, những văn bản pháp luật, những hoạt động của Hồ Chí Minh - trên cương vị Chủ tịch Chính phủ và Chính phủ lâm thời thực sự có ý nghĩa chính trị lớn lao. Mang đậm dấu ấn của Người về thực thi quyền dân chủ cho nhân dân, quyết định của Người và Trung ương Đảng khi tiến hành ngay Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội không chỉ khẳng định “vị thế công dân một nước độc lập” của nhân dân ta, mà còn chứng tỏ rằng quyền lực của Quốc hội không phải do Quốc hội tự

---

1. *Phỏng vấn Hồ Chủ tịch về ngày Tổng tuyển cử*, báo *Quốc hội*, ngày 6-1-1946, tr. 41.

đặt ra cho mình, mà là do nhân dân uỷ quyền. Quyền lực của Quốc hội là quyền lực nhà nước đại diện cho quyền lực của nhân dân, do nhân dân trao cho, nên quyền lực Quốc hội nhận từ nhân dân là quyền lực nhà nước tối cao. Điều đó cũng có nghĩa là Quốc hội là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân cả nước.

Như vậy là, từ nhận thức sâu sắc rằng, “trong một nhà nước dân chủ, quyền lực tối hậu của Nhà nước nằm trong tay nhân dân. Do lợi ích thực tế và nhu cầu chuyên môn, nên nhân dân uỷ quyền cho cơ quan lập pháp thực thi quyền lực ấy. Trên quy mô toàn quốc, quyền lực ấy là Quốc hội”<sup>1</sup>, chỉ ba tháng sau ngày tuyên bố độc lập, với tinh thần yêu nước, ý chí quyết tâm của toàn dân tộc, với sự kiên định, quyết tâm tiến hành tổng tuyển cử của Hồ Chí Minh và Đảng ta, tư tưởng “pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh” đã được thực hiện một cách sinh động. Nhân dân ta đã tự quyết định vận mệnh lịch sử của dân tộc mình, trực tiếp bầu ra Quốc hội/Nghị viện - cơ quan đại diện, cơ quan quyền lực cao nhất của nước nhà. Đây là Quốc hội đầu tiên của nước ta, Quốc hội liên hiệp của các đảng phái, tiêu biểu cho sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân tộc, Quốc hội lập hiến của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Với thành công của cuộc Tổng tuyển cử, nhân dân Việt Nam đã bầu ra cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước, chứng minh khả năng làm chủ vận mệnh nước nhà trong thực

---

1. Nguyễn Đăng Dung: *Quốc hội Việt Nam trong nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2007, tr. 4.

tế. Nhân dân ta đã tự quyết định vận mệnh lịch sử của dân tộc mình, tự lựa chọn những người có tài, có đức vào Quốc hội, thay mặt mình quyết định những công việc quốc gia đại sự. Được nhân dân tín nhiệm và lựa chọn, các vị đại biểu trúng cử vào Quốc hội thực sự là những người tài đức. Sự tín nhiệm của cử tri đối với các đại biểu là người do Việt Minh hay các đảng phái khác giới thiệu đã được khẳng định thông qua lá phiếu của họ tại cuộc bầu cử. Cơ chế tự do ứng cử và vận động bầu cử tại cuộc bầu cử Quốc hội khóa I, đã cho phép người dân loại bỏ những người thiếu năng lực, thiếu khả năng hành động, hoặc bị thoái hóa, biến chất, không giữ lời hứa, “nói khác làm” vào cơ quan mà mình uỷ thác quyền lực - đó là Quốc hội.

Sự ra đời của Quốc hội khóa I là thắng lợi của tinh thần yêu nước, của chế độ mới, của chính thể dân chủ cộng hòa lần đầu tiên được thiết lập trên đất nước ta. Đó cũng chính là thắng lợi của quyết sách vừa nhân nhượng, vừa kiên quyết trong cuộc đấu tranh chính trị đầy khó khăn thử thách của Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng với các thế lực phản động. Bởi vậy, Quốc hội khoá I là: “Kết quả của sự hy sinh, tranh đấu của tổ tiên ta, nó là kết quả của sự đoàn kết anh dũng, phấn đấu của toàn thể đồng bào Việt Nam ta, sự đoàn kết của toàn thể đồng bào không kể già trẻ, lớn bé, gồm tất cả các tôn giáo, tất cả các dân tộc trên bờ cõi Việt Nam đoàn kết chặt chẽ thành một khối, hy sinh không sợ nguy hiểm tranh lấy nền độc lập cho Tổ quốc”<sup>1</sup>, đồng thời sự ra đời của cơ quan

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 1, tr. 41.

quyền lực Nhà nước cao nhất này đã “đánh dấu bước trưởng thành của Nhà nước cách mạng Việt Nam, mở ra triển vọng của một thời kỳ mới, thời kỳ đất nước ta có một Quốc hội, một Chính phủ thống nhất, một bản *Hiến pháp* tiến bộ”<sup>1</sup>.

Mang ý nghĩa chính trị vô cùng to lớn, theo Hồ Chí Minh, thắng lợi của Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 và sự ra đời của Quốc hội khoá I đã chứng tỏ cho toàn thế giới biết rằng, “người Việt Nam không chỉ có khả năng tự trị, mà còn biết tự tổ chức một cách dân chủ nữa”<sup>2</sup>. Đặc biệt, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín đã được tổ chức thành công ở Việt Nam. Trong khi đó, ở Liên Xô, gần 20 năm sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Mười, cuộc Tổng tuyển cử với chế độ phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín mới được thực hiện.

Sáng lập Quốc hội bằng cuộc Tổng tuyển cử, với chế độ phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín là kết quả tất yếu của tư tưởng Hồ Chí Minh về dân chủ, về quyền lực của nhân dân. Đó cũng là sự vận dụng sáng tạo của Hồ Chí Minh về quan điểm, vai trò của cơ quan đại diện trong nền dân chủ, đặc biệt thấm nhuần tư tưởng của Lênin về việc biến quốc hội/nghị viện từ “những cái máy nói” thành những “cơ quan hành động” thực sự, cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước, nơi thể hiện ý chí, nguyện vọng của

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Sđd, tr. 54.

2. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn xung quanh cuộc Tổng tuyển cử*, Tlđd, tr. 1.

nhân dân, bảo vệ lợi ích của nhân dân.

Qua quyết định sáng tạo và việc kiên quyết, khẩn trương tổ chức cuộc bầu cử Quốc hội khoá I, có thể thấy rằng, đối với Hồ Chí Minh, việc thành lập Quốc hội trong chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân ở Việt Nam là nhằm mục đích thống nhất ý chí và phát huy sức mạnh của toàn dân, vì quyền độc lập, tự do của toàn dân tộc.

## II- HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI

### TỪ THÁNG 3 ĐẾN THÁNG 10-1946

#### **1. Hồ Chí Minh với trọng trách thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến**

Sau thành công của Tổng tuyển cử, Hồ Chí Minh cố gắng và nhanh chóng hoàn tất mọi công việc để tiến hành khai mạc kỳ họp thứ nhất, nhằm chuẩn y hai nhiệm vụ quan trọng nhất mà Quốc hội lập hiến phải thực hiện, đó là lập Chính phủ chính thức và quy định *Hiến pháp*.

Để chuẩn bị cho việc khai mạc phiên họp đầu tiên của Quốc hội, một số công việc cấp bách đã được triển khai. Dưới sự chủ tọa của Hồ Chí Minh, Hội đồng Chính phủ họp ngày 7-1-1946 quyết định: Quốc hội sẽ khai mạc vào ngày 3-3-1946 và lập một Ủy ban trụ bị khai mạc Quốc hội gồm các vị: Võ Nguyên Giáp, Nguyễn Tường Long, Vũ Đình Hoè, Cù Huy Cận, Dương Đức Hiền. Trong các phiên họp tiếp theo, Hội đồng Chính phủ đã bàn vấn đề thương lượng giữa các đảng phái để tổ chức lại Chính phủ.

Ngày 25-1-1946, ông Vũ Đình Hòe thay mặt Ủy ban trừ bị khai mạc Quốc hội, báo cáo trước Hội đồng về những công việc đã trừ bị của Ủy ban. Tại phiên họp này, căn cứ vào tình hình chính trị cấp bách, Hội đồng đã bàn và quyết định đề nghị với Quốc hội lập Chính phủ chính thức trước khi có *Hiến pháp*. Quyết định linh hoạt này đã một lần nữa chứng minh tầm nhìn và những nhạy cảm chính trị của lãnh tụ Hồ Chí Minh trước quyền lợi tối cao của dân tộc. Từ kết quả của nhiều cuộc gặp gỡ và thương lượng về việc tổ chức Chính phủ, việc bố trí các ghế bộ trưởng trong Chính phủ mới giữa Việt Minh, Đảng Dân chủ, Việt Cách, Việt Quốc với nội dung: thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến, Kháng chiến Ủy viên hội và Quốc gia cố vấn đoàn đã được thống nhất, để trình Quốc hội tại kỳ họp thứ nhất.

Ngày 2-3-1946, sau nhiều trở lực, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa I đã khai mạc tại Nhà hát lớn, thành phố Hà Nội, sớm hơn dự kiến một ngày. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã thảo luận và tán thành đề nghị của Hồ Chí Minh về việc “truy nhận” thêm 70 ghế trong Quốc hội cho các đại biểu của Việt Quốc và Việt Cách không thông qua bầu cử.

Rất cẩn trọng và mềm dẻo, trước Quốc hội, Hồ Chí Minh nói: “Trong lúc toàn thể đồng bào đương tranh đấu, thì những vị hoạt động ở hải ngoại không có điều kiện tham gia vào cuộc Tổng tuyển cử của dân ta, vì thế, muốn tỏ rõ sự đoàn kết toàn dân, Chính phủ xin đề nghị với đại hội mở rộng số đại biểu ra thêm 70 người nữa”<sup>1</sup>. 70 vị đại biểu Quốc hội của

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 41-42.

Việt Cách và Việt Quốc được Quốc hội truy nhận (được đặc cách không thông qua bầu cử), được mời vào hội trường dự họp đã làm cho thành phần đại biểu Quốc hội thêm mở rộng.

Theo Hồ Chí Minh, thực tế việc nhân nhượng và bổ sung thêm các đại biểu Quốc hội vào trong thành phần Quốc hội khoá I, đã tỏ rõ “cho thế giới, cho toàn dân biết là chúng ta đoàn kết nhất trí, mà đoàn kết nhất trí thì việc gì cũng thành công”<sup>1</sup>. Từ thực tế đó, có thể thấy rằng, đối với Hồ Chí Minh, quyền lực nói chung và quyền lực chính trị nói riêng ở nước ta, thực sự chỉ là “tài sản” do nhân dân uỷ thác. Bởi vậy, dù có thể khác nhau về chính kiến, song Quốc hội khoá I, với cơ cấu thành phần đại biểu đại diện rộng rãi, phản ánh sự đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp nhân dân và các dân tộc, đoàn kết hợp tác để cùng mưu lợi ích cho Tổ quốc, cho nhân dân là nét đặc sắc, là dấu ấn trong tư tưởng Hồ Chí Minh về Quốc hội.

Luật sư Vũ Đình Hòe, người từng chứng kiến sự kiện lịch sử đó khẳng định, việc bổ sung 70 ghế vào Quốc hội khoá I không thông qua bầu cử ngày 6-1-1946 trong điều kiện cụ thể của Việt Nam, không phải là việc làm “vi hiến” như một số học giả từng nói. Cơ sở pháp lý của việc bổ sung 70 ghế đại biểu đó là dựa vào thỏa thuận được ký kết tại Hội nghị liên tịch các đảng phái ngày 24-12-1945, giữa đại diện của Việt Minh, Việt Cách, Việt Quốc và trực tiếp được Quốc hội nhất trí tán thành trong phiên họp ngày 2-3-1946, tại Hà Nội. Đây là điểm độc đáo, là một sáng tạo của Hồ Chí Minh và những người cộng sản Việt

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 42.

Nam, đồng thời là một sự kiện khá đặc biệt trong tiến trình của nền dân chủ nước ta.

Hồ Chí Minh đã từng nói: theo bản ký kết giữa đại diện Việt Minh và các đảng phái, Chính phủ chính thức chỉ được thành lập sau khi Quốc hội họp. Và tại kỳ họp đầu tiên này, Quốc hội đã thảo luận về việc thành lập Chính phủ liên hiệp kháng chiến, đã bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch, Nguyễn Hải Thần làm Phó Chủ tịch và giao cho Người thành lập Chính phủ mới. Trên cơ sở vì đại cục, vì mục tiêu bảo vệ nền độc lập của dân tộc, tự do của nhân dân, tôn trọng quyền lực của cơ quan đại diện tối cao, thực hiện trọng trách được giao, Hồ Chí Minh đã đệ trình Quốc hội danh sách thành viên *Chính phủ liên hiệp kháng chiến*, nhằm thực hiện “việc hệ trọng nhất bây giờ là kháng chiến”<sup>1</sup>.

Người đã thương lượng và thoả thuận với các đảng phái làm cho Chính phủ liên hiệp kháng chiến được tổ chức hoàn tất một cách nhanh chóng. Chính phủ liên hiệp kháng chiến<sup>2</sup>

---

1. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 15, ngày 13-4-1946, tr. 204.

2. - Chủ tịch: Hồ Chí Minh  
- Phó Chủ tịch: Nguyễn Hải Thần  
- Bộ trưởng Bộ Ngoại giao: Nguyễn Tường Tam  
- Bộ trưởng Bộ Nội vụ: Huỳnh Thúc Kháng  
- Bộ trưởng Bộ Kinh tế: Chu Bá Phượng  
- Bộ trưởng Bộ Tài chính: Lê Văn Hiến  
- Bộ trưởng Bộ Quốc phòng: Phan Anh  
- Bộ trưởng Xã hội kiêm Y tế, Cứu tế và Lao động: Trương Đình Tri  
- Bộ trưởng Bộ Giáo dục: Đặng Thai Mai  
- Bộ trưởng Bộ Tư pháp: Vũ Đình Hoè  
- Bộ trưởng Bộ Giao thông công chính: Trần Đăng Khoa  
- Bộ trưởng Bộ Canh nông: Bò Xuân Luật



đã “ra mắt gồm có các đại biểu các đảng phái và các anh em không đảng phái”, để “một mặt có thể giúp ý kiến cho Chính phủ, một mặt có thể điều khiển quốc dân”<sup>1</sup>. Quốc hội đã công nhận Chính phủ liên hiệp kháng chiến gồm 12 thành viên, Cố vấn đoàn và Kháng chiến Ủy viên hội (Cố vấn đoàn do Vĩnh Thụy đảm nhận; Kháng chiến Ủy viên hội do Võ Nguyên Giáp làm Chủ tịch, Vũ Hồng Khanh làm Phó Chủ tịch).

Chính phủ đã ra mắt các đại biểu và Hồ Chí Minh đọc lời tuyên thệ. Cuối cùng, Quốc hội tuyên bố: “Quốc hội Việt Nam xét rằng: đứng trước tình thế nước nhà đang bị thực dân Pháp xâm lăng, cần phải thống nhất tất cả lực lượng của toàn thể dân tộc, và cần phải có một cơ quan điều khiển mạnh mẽ để kháng chiến đến đắc thắng. Quốc hội quyết định công nhận Chính phủ liên hiệp kháng chiến do Chủ tịch Hồ Chí Minh đứng đầu và *trao quyền bính cho chính quyền ấy*”<sup>2</sup>.

Chính phủ liên hiệp kháng chiến (Chính phủ Hồ Chí Minh) được Quốc hội chuẩn y là chính phủ hợp hiến, hợp pháp, có đủ tư cách pháp lý trong hoạt động đối nội và đối ngoại. Quốc hội đã trao quyền cho Chính phủ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch: “Có nhiệm vụ thực hiện triệt để sự thống nhất các lực lượng của quốc dân về phương diện quân sự, tuyên truyền cũng như về phương diện hành chính, tư pháp, tổng động viên nhân lực và tài sản quốc gia theo sự nhu cầu của tình thế, để đưa kháng chiến tới thắng lợi và nước nhà đến độc lập

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 47.

2. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Sđd, tr.74.

hoàn toàn”<sup>1</sup>.

Chính phủ đó không chỉ có những người cộng sản, mà còn có những trí thức danh tiếng, có đạo đức, có uy tín trong nhân dân tham gia. Có thể thấy rằng, trong bối cảnh đầy phức tạp, đầy biến động khi đó, việc Hồ Chí Minh lựa chọn các nhà trí thức, các nhà chuyên môn, kể cả những người được đào tạo và từng làm việc trong bộ máy chính quyền của chế độ cũ vào bộ máy chính quyền cách mạng, là một quyết định có ý nghĩa to lớn.

Trong Chính phủ Hồ Chí Minh có cụ Huỳnh Thúc Kháng - “một người đạo đức danh vọng mà toàn thể quốc dân ai cũng biết”, ông Lê Văn Hiến - “một nhà cách mạng lẫm liệt nhiều năm, mà cũng nhiều năm ở trong tù tội của đế quốc”, ông Vũ Đình Hoè “cũng là một trong đám người trí thức và đã hoạt động rất nhiều trong công cuộc cách mạng”, ông Phan Anh “một thanh niên trí thức và hoạt động, quốc dân đã từng nghe tiếng”, v.v.<sup>2</sup>. Sự tham gia đông đảo của các vị nhân sĩ, trí thức vào Chính phủ liên hiệp kháng chiến đã cho thấy, đó là một Chính phủ tập hợp nhân tài, thống nhất tất cả các lực lượng của toàn thể dân tộc. Điều đó cũng cho thấy, trên cơ sở có lòng tin vào tinh thần yêu nước của nhân dân, Hồ Chí Minh tin tưởng, tập hợp những người tài đức trong quốc dân để xây dựng bộ máy chính quyền mới, cùng họ khai thác mọi nguồn lực của nước, của dân, nhằm “bảo vệ đến cùng nền độc lập và lãnh thổ quốc gia và quyền tự do của nhân dân Việt Nam”<sup>3</sup>.

---

1. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 15, ngày 13-4-1946, tr. 206.

2. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 15, ngày 13-4-1946, tr. 206.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc*

Quốc hội đã tuyên bố: “Vận mệnh quốc gia Việt Nam là ở trong tay Quốc hội Việt Nam. Chính thể của nước Việt Nam là chính thể Dân chủ Cộng hòa, có nhiệm vụ bảo vệ tự do và mưu đồ hạnh phúc cho mọi tầng lớp nhân dân. Các dân tộc trên lãnh thổ Việt Nam đều có quyền hạn và nhiệm vụ ngang nhau”<sup>1</sup> trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Tuy nhiên, đứng trước tình thế nghiêm trọng, Quốc hội không thể kéo dài phiên họp, nên kỳ họp thứ nhất của Quốc hội cũng quyết định phải “thành lập một Ban Thường trực để thay mặt Quốc hội, và một ban dự thảo Hiến pháp”<sup>2</sup>.

Nhiệm vụ của Ban Thường trực Quốc hội là: Góp ý kiến với Chính phủ; giám sát và phê bình khi nào Chính phủ phản lại quyền lợi của nhân dân thì có quyền hiệu triệu quốc dân; có quyền triệu tập Quốc hội khi Chính phủ yêu cầu, khi quá nửa nghị viên yêu cầu, khi Ban Thường trực Quốc hội xét yêu cầu triệu tập; khi Chính phủ tuyên chiến hay đình chiến bắt buộc phải được hỏi ý kiến; đặc biệt Ban Thường trực Quốc hội có nhiệm vụ triệu tập Quốc hội để chuẩn y khi Chính phủ ký hiệp ước với nước ngoài<sup>3</sup>.

Từ yêu cầu về nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường trực, Quốc hội đã quyết định bầu Ban Thường trực Quốc hội gồm 15 uỷ viên chính thức và 3 uỷ viên dự khuyết. Cuối cùng, Quốc hội đã thảo luận và bầu Ban Dự thảo Hiến pháp của Quốc hội gồm 11 người. Ban có nhiệm vụ dự thảo *Hiến*

---

*hội toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 54.*

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 53.*

2, 3. *Việt Nam dân quốc công báo, số 15, ngày 13-4-1946, tr. 208, 210.*

pháp, có trách nhiệm nghiên cứu Quốc kỳ và Quốc ca để trình Quốc hội quyết định trong phiên họp tới. Trong khi chờ đợi *Hiến pháp* và xem xét, thì lá cờ đỏ sao vàng là Quốc kỳ và bài *Tiến quân ca* là Quốc ca của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Kết thúc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá I, Hồ Chí Minh khẳng định: Quốc hội khoá I - cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ra đời, “không những đánh dấu một bước tiến quan trọng của nước nhà, mà còn tượng trưng cái ý chí đoàn kết chặt chẽ của toàn dân, cái ý chí dân tộc mật thiết liên minh của nước Việt Nam và anh chị em thiếu số, cái ý chí rất thích hợp với trào lưu tiến hoá của nhân loại”<sup>1</sup>. Các đại biểu Quốc hội - những người được nhân dân bầu ra sẽ đại diện cho nhân dân, thay mặt nhân dân gánh vác trọng trách của nước nhà trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Trên cơ sở những công việc Chính phủ lâm thời do Hồ Chí Minh đứng đầu đã làm được và những quyết định sáng suốt của Người góp phần quan trọng vào thắng lợi của cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định: “Hồ Chí Minh xứng đáng với Tổ quốc”<sup>2</sup> và giao trọng trách cho Chính phủ Hồ Chí Minh.

## **2. Hồ Chí Minh điều hành Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ Quốc hội trao cho về đối nội và đối**

---

1. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 15, ngày 13-4-1946, tr. 207.

2. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Sđd, tr.

## ngoại

Thực hiện sự uỷ quyền của Quốc hội, với trọng trách được giao, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã có những cuộc tiếp xúc với đại diện của Chính phủ Pháp. Tuy nhiên, ngày 28-2-1946, *Hiệp ước Hoa - Pháp* được ký kết tại Trùng Khánh. Hiệp ước này là sự mặc cả, mua bán với nhau về quyền lợi của Việt Nam giữa thực dân Pháp và chính quyền Tưởng Giới Thạch. Hiệp ước đó đã chà đạp thô bạo chủ quyền độc lập của Việt Nam, làm cho lòng căm phẫn và ý chí quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do của nhân dân ta lên đến cực điểm.

Tình thế mới đòi hỏi Đảng và Nhà nước ta phải thực hiện chủ trương đàm phán với thực dân Pháp. Dự thảo Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp và những điều khoản nhân nhượng cần thiết liên quan đến quyền lợi quốc gia của Hiệp định đã được Hồ Chí Minh thay mặt Hội đồng Chính phủ báo cáo với Ban Thường trực Quốc hội, với Chính phủ, Ủy ban kháng chiến, Cố vấn tối cao tại phiên họp đặc biệt sáng 6-3-1946 và được sự nhất trí của Hội nghị. Đồng thời, để cho sự uỷ quyền này có tính chất chính thức, tất cả các vị đại biểu tham dự phiên họp đều ký vào biên bản đặc biệt. Chính phủ sẽ yêu cầu những vị vắng mặt ký vào biên bản sau. Nói về nội dung Hiệp định, đồng chí Phạm Văn Đồng nhấn mạnh: trước khi cùng đại diện Chính phủ Pháp ký bản *Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp*, Hồ Chí Minh đã cân nhắc lợi hại gần xa của dân tộc một cách cẩn trọng và “trong hai con đường đưa đến độc lập, Hồ Chủ tịch đã chọn con đường đỡ hao tổn mà cũng chắc

chấn hơn”<sup>1</sup>.

Việc Chính phủ Hồ Chí Minh lựa chọn và ký Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp với Chính phủ Pháp trong điều kiện cụ thể của Việt Nam là một sự lựa chọn kịp thời và đúng đắn. Với những điều khoản đã ký (Chính phủ Pháp công nhận Việt Nam là một quốc gia tự do có chính phủ, nghị viện, có quân đội, tài chính riêng ở trong Liên bang Đông Dương và Liên hiệp Pháp, Chính phủ Việt Nam sẵn sàng tiếp nhận hữu nghị quân đội Pháp,... và các quy định sẽ có hiệu lực ngay sau khi trao đổi chữ ký, v.v.), Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp đã mở rộng khuôn khổ cho cuộc thương lượng Việt - Pháp tiếp theo, tạo cơ sở pháp lý cho cuộc đấu tranh ngoại giao của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Nhân sự kiện quan trọng này, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Chúng ta trên thực tế đã độc lập từ tháng 8-1945 nhưng cho đến nay chưa có cường quốc nào công nhận độc lập của chúng ta. Bản Hiệp định sẽ dẫn chúng ta đến một vị trí quốc tế ngày càng vững vàng, và đó là một thắng lợi chính trị lớn lao”<sup>2</sup>. Và theo Giăng Xanh-tony (Jean Sainteny), thì đó là chính sách giành thắng lợi từng phần của Hồ Chí Minh<sup>3</sup>.

Kết thúc kỳ họp thứ nhất Quốc hội khoá I, Hồ Chí Minh khẳng định: Quốc hội khoá I ra đời, “không những đánh dấu một bước tiến quan trọng của nước nhà, mà còn tượng trưng

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 77.

2. Philippe Devillers: *Tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944-1947*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993, tr. 218.

3. Xem Jean Sainteny: *Câu chuyện về một nền hòa bình bị bỏ lỡ*, Nxb. Công an nhân dân và Công ty Văn hóa phương Nam, Hà Nội, 2004, quyển 1 và 2, tr. 225-226.

cái ý chí đoàn kết chặt chẽ của toàn dân, cái ý chí dân tộc mật thiết liên minh của nước Việt Nam và anh chị em thiếu số, cái ý chí rất thích hợp với trào lưu tiến hoá của nhân loại”<sup>1</sup>. Các đại biểu Quốc hội sẽ đại diện cho nhân dân, thay mặt nhân dân gánh vác trọng trách của nước nhà trong công cuộc kháng chiến, kiến quốc dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh.

Tuy *Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp* đã được ký, song nội dung của Hiệp định đã bị phía Pháp cố tình trì hoãn và vi phạm. Tiếp đó, do đấu tranh kiên quyết của Chính phủ ta, trực tiếp là Hồ Chí Minh với Giăng Xanhtony, phía Pháp đã mời phái đoàn của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa do Phó Trưởng ban Thường trực Quốc hội Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn sang thăm nước Pháp từ ngày 25-4 đến ngày 16-5-1946. Cũng thời gian đó, tại Đà Lạt diễn ra Hội nghị trừ bị để chuẩn bị các vấn đề cần giải quyết trong cuộc đàm phán chính thức tại Pháp. Trải qua 27 phiên họp chung và các tiểu ban, nhưng do đoàn đại biểu của Pháp cố ý gây khó khăn, nên Hội nghị đã không đi đến một thoả thuận nào.

Ngày 31-5-1946, nhận lời mời của Chính phủ Pháp, với vị thế thượng khách, Hồ Chí Minh đã lên đường sang thăm nước Pháp. Trong thời gian ở Pháp, Người có điều kiện theo dõi sát sao và chỉ đạo trực tiếp cuộc đàm phán của Chính phủ Việt Nam do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Trưởng đoàn với Chính phủ Pháp tại Phôngtennoblô (Fontainebleau).

Người đã tiếp xúc rộng rãi với các giới, các hội, các đảng chính trị ở Pháp. Thông qua các cuộc tiếp xúc đó, Người đã

---

1. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 15, ngày 13-4-1946, tr. 207.

đem lại cho dân tộc Việt Nam (cuộc tranh thủ độc lập của Việt Nam, lập trường đàm phán, thiện chí hoà bình của Việt Nam) một ảnh hưởng sâu xa và rộng rãi trong dư luận Pháp. Sau khi hoà đàm Pháp - Việt tại Phôngtennoblô không đạt được kết quả mong muốn, trong ít ngày lưu lại tại Pháp, Hồ Chí Minh đã ký với M. Mutê (Marius Moutet) *Tạm ước Việt - Pháp* gồm 11 điều khoản vào 1 giờ sáng ngày 15-9-1946, tạo thêm một khoảng thời gian hoà bình quý báu, để chuẩn bị sẵn sàng cho cuộc kháng chiến (mà chúng ta dự đoán sẽ nổ ra sau đó do thực dân Pháp ngoan cố gây ra).

Cùng với việc thực hiện nhiệm vụ đối ngoại, dưới sự điều hành của Hồ Chí Minh, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã thực hiện nhiệm vụ nội trị, xây dựng và củng cố chế độ dân chủ cộng hòa một cách tích cực để chuẩn bị sẵn sàng kháng chiến toàn quốc khi tình thế bắt buộc.

Thay mặt Chính phủ, Hồ Chí Minh đã cử các đoàn cán bộ thay mặt Đảng, Chính phủ, Quốc hội, Mặt trận đi công tác tại các địa phương, phân tích tình hình, động viên nhân dân chuẩn bị tinh thần kháng chiến. Chính phủ cũng cử cán bộ giữ chức vụ trong Ủy ban kháng chiến miền Nam Trung Bộ; tổ chức lại Ủy ban kháng chiến miền Nam Việt Nam; phái thành viên Chính phủ vào chỉ đạo Ủy ban kháng chiến Nam Bộ và Nam Trung Bộ; cử cụ Huỳnh Thúc Kháng thay mặt Chính phủ vào kinh lý các tỉnh miền Trung, truyền đạt chủ trương vừa kháng chiến vừa kiến quốc của Chính phủ và những lời căn dặn của lãnh tụ Hồ Chí Minh,... kịp thời đáp ứng nhu cầu chỉ đạo kháng chiến ở những vùng chiến sự lan rộng.

Trở thành người đứng đầu Nhà nước, tư tưởng “thần linh



pháp quyền”, tư tưởng pháp quyền của dân, do dân, vì dân của Hồ Chí Minh được tiếp tục thực hiện từ những ngày đầu cách mạng mới thành công. Ngay sau ngày tuyên bố Việt Nam độc lập, với nhận thức sâu sắc và kinh nghiệm của mình, Hồ Chí Minh đã không chỉ xúc tiến việc khai sinh một nhà nước kiểu mới ở Việt Nam, mà Người đã thực thi việc quản lý nhà nước bằng pháp luật. Người đã ban hành các văn bản pháp luật, thực hiện các quyền tự do dân chủ, cấp bách giải quyết nạn đói, nạn dốt, xây dựng đời sống mới, v.v. cho nhân dân, đồng thời điều hành Chính phủ nhanh chóng chuẩn bị tiến hành cuộc Tổng tuyển cử để bầu Quốc hội và dự thảo *Hiến pháp*. Những văn bản dưới luật (chủ yếu là sắc lệnh) được cấp tốc ban hành nhằm bảo vệ thành quả của cuộc Cách mạng Tháng Tám, xây dựng và củng cố chế độ cộng hòa, thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân lao động.

Đó là Sắc lệnh số 03/SL về thiết quân luật tại Hà Nội; Sắc lệnh số 05/SL ngày 5-9-1945, về ấn định Quốc kỳ Việt Nam; Sắc lệnh số 33A/SL ngày 13-9-1945 quy định về quyền hạn của Ty Liêm phóng; Sắc lệnh số 33B/SL ngày 13-9-1945 về trình tự thủ tục khi bắt người của Sở Liêm phóng và Sở Cảnh sát; Sắc lệnh số 33C/SL ngày 13-9-1945 về việc lập Tòa án quân sự ở Bắc Bộ, Bắc Trung Bộ, Nam Bộ và quy định quyền hạn xét xử của các tòa án đó; Sắc lệnh số 52/SL ngày 20-10-1945, về xá tội cho các tội phạm bị kết án trước ngày 19-8-1945; Sắc lệnh số 23/SL ngày 21-2-1946 về việc hợp nhất các sở cảnh sát và sở liêm phóng toàn quốc thành Việt Nam Công an vụ, v.v..

Thông qua những sắc lệnh này, Chủ tịch Hồ Chí Minh và

Chính phủ đã có những chế định pháp lý, kịp thời, nghiêm khắc trừng trị những kẻ xâm phạm trật tự cách mạng, trật tự xã hội mới, nguy hại đến nền độc lập của dân tộc và quyền lợi của nhân dân, tạo điều kiện để đông đảo quần chúng nhân dân ổn định cuộc sống. Chế độ hội thẩm nhân dân, chế độ luật sư được thiết lập theo Sắc lệnh số 46/SL ngày 10-10-1945, tạo điều kiện cho nhân dân có thể tham gia vào các khâu của tố tụng. Đặc biệt, để khẳng định nền độc lập dân tộc và chế độ dân chủ cộng hòa, ngày 12-10-1945, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 49/SL, quy định các công văn, điện văn, công điện, đơn từ, báo chí, chúc từ, v.v. đều phải ghi tiêu đề *Việt Nam Dân chủ Cộng hòa năm thứ nhất*.

Để ổn định bộ máy chính quyền các cấp, đảm bảo quyền tự do dân chủ cho nhân dân, Hồ Chí Minh đã ban hành Sắc lệnh số 63/SL ngày 22-11-1945, quy định việc tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp xã, huyện, tỉnh, kỳ. Các sắc lệnh về quyền được tự do ứng cử và bầu cử, về tự do cá nhân, tự do báo chí, tự do hội họp, biểu tình, quyền bất khả xâm phạm về thân thể, về nhà ở, thư tín và tự do tín ngưỡng, v.v. cũng được ban hành. Chính phủ cũng quyết định công nhận ngày hội chính thức của người lao động Việt Nam (ngày 1-5) theo Sắc lệnh số 56/SL ngày 29-4-1946, đồng thời soạn thảo Dự án *Luật lao động* đệ trình Quốc hội, tạo điều kiện cho người lao động được hưởng quyền lợi và nghĩa vụ một cách bình đẳng trước pháp luật.

Dự án *Luật lao động* được hoan nghênh và đã thông qua ở kỳ họp thứ nhất, Quốc hội khoá I. Xuất phát từ tình hình thực tế, *Luật lao động* được xây dựng nhằm đảm bảo sự dung

hoà quyền lợi giữa người lao động và nghiệp chủ để tập trung cho mục tiêu kháng chiến và kiến quốc.

Dù nhận thức sâu sắc vai trò và ý nghĩa của việc quản lý nhà nước bằng pháp luật, song Hồ Chí Minh hiểu rằng: sau hơn 80 năm nô lệ, cần phải có một khoảng thời gian để Chính phủ tiến hành xây dựng hệ thống pháp luật mới. Vì thế, khác với các cuộc cách mạng ở nhiều quốc gia, ở nước ta, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa không hoàn toàn thủ tiêu hệ thống văn bản pháp luật của chế độ cũ, mà chủ trương tạm thời tiếp tục duy trì các văn bản pháp luật đó, “trừ những gì phương hại đến nền độc lập của nước Việt Nam và trái ngược với chế độ mới”. Sắc lệnh số 47/SL ngày 10-10-1945, của Chính phủ được ban hành, cũng đã ghi rõ: cho phép tạm thời giữ các đạo luật hiện hành ở Bắc, Trung và Nam Bộ đến khi ban hành các bộ luật chung cho toàn quốc.

Kịp thời, sáng tạo và thiết thực khi ký các sắc lệnh nêu trên, Hồ Chí Minh đã thể hiện bản lĩnh chính trị của mình trong việc tổ chức và quản lý đất nước. Là người từ rất sớm đã lên tiếng đòi chế độ thực dân phải thay chế độ cai trị bằng sắc lệnh ở thuộc địa bằng việc ra các đạo luật, thực thi pháp quyền, song khi trở thành Chủ tịch nước, đứng đầu cơ quan hành chính cao nhất của Nhà nước, khi điều kiện chưa cho phép, Người buộc phải dùng một hệ thống các sắc lệnh để quản lý đất nước. Từ điều kiện thực tế đặc thù của Việt Nam, từ những điều tưởng như không bình thường đó, có thể thấy thấm thía hơn ý nghĩa sâu sắc những yêu cầu Hồ Chí Minh đã nêu ra từ năm 1919. Trong một hoàn cảnh cụ thể, chưa thể xây dựng và ban hành các đạo luật, rất bản lĩnh và nhân văn,

Hồ Chí Minh đã bằng nhiệt tình cách mạng, tâm trong sáng, vận dụng một cách khéo léo vai trò của luật pháp và thông qua các văn bản dưới luật “đầy chất nhân văn” đó điều hành đất nước, quản lý xã hội. Dù chưa phải là các đạo luật được cơ quan quyền lực nhà nước thông qua, song các văn bản dưới luật được xây dựng và kịp thời ban hành của Chính phủ Hồ Chí Minh, đã không chỉ khắc phục những khiếm khuyết của pháp luật cũ, mà còn khẳng định bản chất dân chủ của chế độ xã hội mới.

Vừa duy trì tạm thời các bộ luật cũ (Sắc lệnh số 48/SL), vừa nhanh chóng ban hành các văn bản pháp luật mới, tư tưởng Hồ Chí Minh về “thần linh pháp quyền” được thể hiện linh hoạt và sinh động trong việc quản lý và điều hành đất nước. Điều đó góp phần giữ gìn kỷ cương nhà nước, ổn định an ninh chính trị xã hội, đồng thời cũng thể hiện tầm nhìn xa của Hồ Chí Minh trong vấn đề luật pháp. Đối với Hồ Chí Minh, dù luật pháp của chế độ nào, thì nội dung những điều văn đó, bên cạnh bản chất giai cấp, vẫn luôn hàm chứa cả giá trị của văn minh nhân loại, mà mỗi quốc gia dân tộc đều có thể kế thừa, chọn lọc và phát huy.

Uyển chuyển trong việc sử dụng, quản lý đất nước bằng các sắc lệnh, Hồ Chí Minh còn có thái độ mềm dẻo và thực tế trong quan hệ kinh tế với nước Pháp, thể hiện qua việc đề một số ngành công nghiệp điện, nước (ở các thành phố), khai thác than ở Hồng Gai, Cẩm Phả, ximăng ở Hải Phòng, vải sợi ở Nam Định, v.v. cho tư bản Pháp và tư bản nước ngoài tiếp tục kinh doanh. Mặc dù tuyên bố thủ tiêu chế độ thực dân và chế độ quân chủ chuyên chế, huỷ bỏ các đặc quyền của thực dân Pháp ở Việt Nam, nhưng chủ trương linh hoạt này của

Hồ Chí Minh và Chính phủ là hoàn toàn đúng đắn. Nó không chỉ phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam khi đó, mà còn góp phần đảm bảo ổn định công ăn việc làm, đời sống sinh hoạt thường nhật của người dân trong những ngày đầu nước nhà mới giành được độc lập.

Đề cấp bách chống và cứu đói ở miền Bắc, ngoài biện pháp tình thế “sẻ cơm nhường áo” do Hồ Chí Minh đề xướng và tự mình gương mẫu thực hiện, Chính phủ do Người lãnh đạo còn có những biện pháp kinh tế tích cực khác như ban hành sắc lệnh về cấm dùng gạo để nấu rượu, cấm tích trữ gạo, lập uỷ ban tối cao tiếp tế và cứu tế của Chính phủ, tổ chức vận chuyển gạo từ Nam ra Bắc,... phát triển sản xuất như: củng cố đê điều ở những nơi bị vỡ, ở những nơi xung yếu, tịch thu ruộng đất của thực dân và Việt gian giao cho nông dân cày cấy, chia ruộng công, thực hiện tác đất tác vàng, v.v..

Đi liền với chống “giặc đói”, việc tiêu diệt “giặc dốt”, việc xây dựng đời sống mới, nền văn hoá giáo dục mới, nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân cũng được Người và Chính phủ quan tâm chu đáo. Với việc thành lập Nha Bình dân học vụ theo Sắc lệnh số 17/SL ngày 31-1-1946, để phụ trách công việc chống nạn mù chữ, Chính phủ còn ban hành một số sắc lệnh, quy định việc thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tự do tôn giáo, tiến hành cuộc đấu tranh chống ảnh hưởng của văn hóa, văn nghệ nô dịch, v.v. và phát động, hướng dẫn phát triển phong trào văn nghệ cách mạng có tính quần chúng rộng rãi. Từ những việc làm cụ thể và thiết thực đó, nền giáo dục mới, nền văn hoá mới và đời sống mới đã từng bước được xây dựng.

Theo Hồ Chí Minh, xây dựng nền tài chính - tiền tệ quốc

gia độc lập cũng là một trong những nhiệm vụ mấu chốt của chính quyền cách mạng, bởi không phải cứ nước được độc lập là có ngay một nền tài chính độc lập. Muốn có nền kinh tế độc lập để củng cố và kiến thiết nước nhà, Đảng và Chính phủ phải có những chủ trương, những biện pháp phù hợp. Ngày 31-1-1946, Người ký Sắc lệnh số 18B/SL, cho phép “phát hành đồng giấy bạc Việt Nam từ vĩ tuyến 16 trở vào Nam”, để đặt nền móng ban đầu cho nền tài chính của Nhà nước Dân chủ Cộng hòa. Sau đó, đầu tháng 11-1946, được sự chuẩn y của Quốc hội, Chính phủ kháng chiến ra sắc lệnh lưu hành giấy bạc Việt Nam trong cả nước.

Như vậy, trong khi chờ Quốc hội thông qua *Hiến pháp*, cùng với việc tạm thời sử dụng các văn bản pháp luật cũ, trong khoảng thời gian từ tháng 3 đến tháng 10-1946, căn cứ vào tình hình thực tế của nước nhà, Hồ Chí Minh và Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gửi Ban Thường trực Quốc hội “xét 98 dự án sắc lệnh. Những dự án sắc lệnh đó đều có tính cách các đạo luật”<sup>1</sup> để kịp thời ban hành, thiết thực góp phần quản lý xã hội, ổn định mọi mặt đời sống xã hội.

Là công cụ đắc lực của chính quyền cách mạng, luôn kết hợp giữa mặt trấn áp và bảo vệ, nội dung các sắc lệnh đã thể hiện bản chất của pháp luật mới, pháp luật của dân, do dân và vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Chỉ trong một thời gian rất ngắn kể từ ngày bản *Tuyên ngôn độc lập* được công bố

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 71.

đến ngày *Toàn quốc kháng chiến* (19-12-1946), dưới sự lãnh đạo của Người, Nhà nước ta đã ban hành 479 văn bản pháp luật, trong đó có 243 sắc lệnh, 172 nghị định, 46 thông tư và 12 văn bản khác<sup>1</sup>. Đó là những công cụ sắc bén để Hồ Chí Minh cùng Chính phủ nâng cao hiệu quả quản lý xã hội, từng bước thực thi quyền dân chủ, đem lại tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

Đánh giá về những văn bản pháp luật do Người và Chính phủ ban hành trong thời gian chờ Quốc hội phê chuẩn *Hiến pháp*, những phái đoàn ngoại quốc thời đó và những nhà sử học sau này đã không khỏi ngạc nhiên: “Tại sao một chính quyền của những người mới ở tù và mới ở trong rừng ra mà lại có thể sản sinh ra được một khối lượng khổng lồ những văn bản pháp luật, mà xét về chất lượng thì cũng không đến nỗi thua kém trình độ chung của thế giới lúc đó”<sup>2</sup>.

Giải thích điều bất thường song cũng rất phi thường mà Hồ Chí Minh và Chính phủ đã làm được trong việc quản lý đất nước thời gian này, không thể bỏ qua một nguyên nhân quan trọng - đó là cách thức Người cầu hiền tài, sử dụng và đào tạo cán bộ. Hầu hết các chuyên gia giỏi về luật hành chính của bộ máy cũ đã được mời tham gia trong bộ máy nhà nước mới. Điểm đặc biệt này đã góp phần làm nên thành công của một Hồ Chí Minh mềm dẻo, uyển chuyển trong tổ chức bộ máy nhà nước, điều hành xã hội, đồng thời cũng thể hiện bản lĩnh dày

---

1. Phạm Hữu Nghị: *Pháp luật Việt Nam - 60 năm nhìn lại*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 9-2005, tr. 61.

2. Đặng Phong (Chủ biên): *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002, t. 1, tr. 184.

dạn kinh nghiệm của Người.

### III- HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC ĐIỀU HÀNH SOẠN THẢO DỰ ÁN HIẾN PHÁP VÀ LẬP CHÍNH PHỦ KHÁNG CHIẾN

#### **1. Soạn thảo Dự án Hiến pháp năm 1946**

Thực hiện nhiệm vụ soạn thảo Dự án *Hiến pháp* theo quyết định của Sắc lệnh số 34/SL ngày 20-9-1945, Ban Dự thảo đã khẩn trương nghiên cứu soạn thảo *Hiến pháp* để đệ trình Quốc hội. Sau một thời gian chuẩn bị, Bản dự thảo *Hiến pháp* đã được Hội đồng Chính phủ thảo luận và bổ sung.

Ngày 10-11-1945, bản Dự thảo *Hiến pháp* của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã được công bố trên báo *Cứu quốc* để toàn dân được “đọc kỹ càng và được tự do bàn bạc phê bình”. Sau đó, Ủy ban dự thảo Hiến pháp đã tập trung các đề nghị sửa đổi và ý kiến của nhân dân để trình Quốc hội thảo luận. Ủy ban nghiên cứu kế hoạch kiến thiết quốc gia (gọi tắt là Ủy ban kiến quốc) được thành lập theo Sắc lệnh số 78/SL ngày 31-12-1945 gồm những nhân sĩ trí thức danh tiếng trong toàn quốc: Phan Anh, Trần Văn Chương, Hoàng Xuân Hãn, Tạ Quang Bửu, Nguyễn Xiển, Đặng Thai Mai, Nguyễn Như Kon Tum... cũng soạn thảo một bản Dự thảo *Hiến pháp* đệ trình Chính phủ.

Tiểu ban Hiến pháp của Quốc hội được cử ra ở kỳ họp thứ nhất đã nghiên cứu và đưa ra một bản Dự thảo *Hiến pháp*. Căn cứ vào bản dự án của Chính phủ đã đưa ra, đối chiếu với bản dự thảo của Ủy ban kiến quốc, tập hợp những kiến nghị phong phú của toàn dân và tham khảo kinh nghiệm



về Hiến pháp của các nước Âu - Á, Tiểu ban Hiến pháp của Quốc hội đã soạn thảo một Dự án *Hiến pháp* để trình Quốc hội.

Trong phiên họp ngày 29-10-1946, Tiểu ban Hiến pháp của Quốc hội mở rộng thêm 10 vị đại biểu cho các nhóm, đại biểu trung lập, đại biểu Nam Bộ, đại biểu đồng bào dân tộc thiểu số tham gia tu bổ thêm bản Dự án *Hiến pháp*. Quốc hội bắt đầu thảo luận từ ngày 2-11-1946 và sau nhiều buổi thảo luận, tranh luận, bổ sung, sửa đổi từng điều cụ thể, ngày 9-11-1946, tại kỳ họp thứ 2, Quốc hội khóa I đã thông qua bản *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

*Hiến pháp năm 1946* - đạo luật cơ bản của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa bao gồm: Lời nói đầu, 7 chương và 70 điều, đã quy định rõ về chính thể (Chương I), quyền lợi và nghĩa vụ công dân (Chương II), nghị viện nhân dân (Chương III), Chính phủ (Chương IV), hội đồng nhân dân và uỷ ban hành chính (Chương V), cơ quan tư pháp (Chương VI), sửa đổi Hiến pháp (Chương VII).

*Hiến pháp* được xây dựng trên nguyên tắc xuyên suốt: “Đoàn kết toàn dân, không phân biệt giống nòi, gái trai, giai cấp, tôn giáo; đảm bảo các quyền tự do dân chủ; thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”<sup>1</sup>. *Hiến pháp* đã ghi rõ về chính thể: “Nước Việt Nam là một nước dân chủ cộng hòa, tất cả quyền bính trong nước là của toàn thể nhân dân Việt Nam không phân biệt nòi giống, gái trai, giàu nghèo, giai cấp, tôn giáo” (Điều 1); “đất nước Việt Nam là một

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 391.

khối thống nhất Trung Nam Bắc không thể phân chia” (Điều 2) và “Cờ của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa nền đỏ, giữa có sao vàng năm cánh; Quốc ca là bài Tiến quân ca; Thủ đô đặt ở Hà Nội” (Điều 3).

Với *Hiến pháp năm 1946*, lần đầu tiên trong lịch sử, về phương diện pháp lý, nhân dân Việt Nam trở thành chủ thể của quyền lực nhà nước và nhà nước đó đã xác định rõ: “Tất cả công dân Việt Nam đều ngang quyền về mọi phương diện: chính trị, kinh tế, văn hoá” (Điều 6), “đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 7)... Các chế định này thực sự là bước ngoặt lớn trong sự phát triển của tư tưởng dân chủ, đồng thời khẳng định trong thực tế “nhân dân đã có cơ sở hiến định để được hưởng các quyền tự do dân chủ, được tham gia tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước”<sup>1</sup>.

Sự bình đẳng về quyền lợi và nghĩa vụ của tất cả công dân Việt Nam được *Hiến pháp* thừa nhận, đã thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước của khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Với Hồ Chí Minh, đại đoàn kết không dừng lại ở nguyên tắc chính trị, mà trở thành một nguyên tắc hiến định, nhằm huy động sức mạnh của toàn dân trong công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Nhiều điều của *Hiến pháp* mang nội dung dân chủ sâu sắc, vượt xa thể chế dân chủ của nhiều quốc gia trong thời điểm đó (quyền bầu cử, ứng cử, quyền bình đẳng về giới, bình đẳng về quyền lợi giữa các giai cấp, dân tộc và tôn giáo, v.v.). Những chế định này đã tạo nên một Hiến pháp dân tộc, dân chủ và công bằng của các giai cấp. Và cũng từ những chế định này, giá trị lớn nhất của mô hình tổ chức nhà nước trong *Hiến*

---

1. Phạm Hữu Nghị: *Pháp luật Việt Nam - 60 năm nhìn lại*, Tlđđ, tr. 62.

*pháp* là những quy định về tính chất dân tộc của Nhà nước. Đó là một nhà nước dân tộc, không phân biệt giai cấp, mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh, đồng thời cũng chính là thành công của tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng một nhà nước của dân tộc, do dân tộc, vì dân tộc ở Việt Nam.

Nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của tư tưởng Hồ Chí Minh cũng được thể hiện rõ trong từng điều văn của *Hiến pháp*: Nhân dân là người trực tiếp bầu ra các cơ quan quyền lực nhà nước, để thay mặt mình quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước (ở Trung ương là Quốc hội - Chương III và ở các địa phương là Hội đồng nhân dân - Chương V). Nhân dân không chỉ là người trực tiếp bầu ra những đại biểu thay mặt mình gánh vác công việc nước nhà (Nghị viện nhân dân, Hội đồng nhân dân các cấp) và phải chịu trách nhiệm trước dân, mà nhân dân còn có thể thực hiện quyền lực của mình thông qua các hoạt động của những tổ chức chính trị - xã hội, thông qua các hoạt động yêu cầu khiếu nại...

Cũng trong *Hiến pháp năm 1946*, Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất (theo Điều 22, 23) do nhân dân bầu ra, gồm đại diện của các giai tầng trong xã hội, có quyền hạn “giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật”. Nhưng về hành pháp, Nghị viện chỉ “biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài”, còn lại thì giao cho cơ quan hành pháp là Chính phủ hành động và thực hiện chức năng kiểm soát thường xuyên của mình. Nghị viện cử ra Ban Thường vụ để thi hành sự kiểm soát đó. Đồng thời, Điều 36 ghi rõ, “khi Nghị viện không họp, Ban Thường vụ có quyền: biểu quyết những dự án sắc luật của Chính phủ..., triệu tập nghị viện nhân dân, kiểm soát và phê

binh Chính phủ”<sup>1</sup>. Trong điều kiện cụ thể của Việt Nam khi đó, việc soạn thảo và thông qua các chế định về nghị viện/quốc hội của Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam (Điều 45, 47, 54) là một sáng tạo, vừa phù hợp hoàn cảnh, vừa đáp ứng được yêu cầu bức thiết của cách mạng. Bởi rằng, dù là cơ quan có quyền cao nhất, quyết định những công việc quan trọng nhất của nước nhà, nhưng nghị viện/quốc hội không phải là nơi tập trung toàn bộ quyền lực, không phải là cơ quan “siêu quyền lực”. Đó là, “quyền lực nhà nước của nghị viện khi thực hiện cũng bị kiểm tra lại bởi các thiết chế nhà nước và của chính nhân dân - chủ thể của quyền lực”<sup>2</sup>. Cũng từ những chế định này, có thể thấy rõ tính đảm bảo quyền lực của nhân dân thể hiện cụ thể ở chỗ các cơ quan đại diện (Nghị viện) là “cơ quan có quyền cao nhất”, cơ quan duy nhất có quyền đặt ra các pháp luật, giải quyết những vấn đề chung của toàn quốc, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm trước nhân dân.

*Hiến pháp năm 1946* cũng quy định rõ: “Cơ quan hành chính cao nhất của toàn quốc là Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” (Điều 43). Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được “chọn trong nghị viện nhân dân và phải được hai phần ba số nghị viên bỏ phiếu thuận” (Điều 45), vừa là người đứng đầu Chính phủ (bao gồm Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước và nội các có Thủ tướng, các Bộ trưởng và Thứ trưởng), vừa là Chủ tịch nước, nắm quyền hành pháp (có những yếu tố

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Hiến pháp 1996 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Sđd, tr. 396-397.

2. Văn phòng Quốc hội: *60 năm Quốc hội Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, tr. 346.

giống mô hình cộng hoà tổng thống). Quyền hạn rất lớn của Chủ tịch nước được ghi trong Điều 49 của *Hiến pháp* và “không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc” (Điều 50). Chủ tịch nước trong chính thể cộng hòa dân chủ nhân dân theo Hồ Chí Minh sẽ không được thiết lập bằng con đường truyền ngôi, hay sự suy tôn đương nhiên, mà phải do nhân dân lựa chọn trong cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, đó là nghị viện/quốc hội.

Với điều kiện cụ thể của Việt Nam, với nhiệm vụ của cách mạng khi đó là kháng chiến, giành độc lập dân tộc và kiến quốc, tư tưởng Hồ Chí Minh về Nhà nước được đặt ra trong *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam độc lập là việc “thực hiện chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân”. Chế định này của *Hiến pháp năm 1946* không chỉ thích ứng với tình thế cách mạng khi đó, mà còn có ý nghĩa thời sự trong sự nghiệp đổi mới hôm nay.

Việc *Hiến pháp năm 1946* quy định nội các từ Thủ tướng đến các thành viên của Chính phủ đều do Quốc hội biểu quyết, chịu trách nhiệm trước Nghị viện theo quan điểm của Hồ Chí Minh là một chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân, phải chịu trách nhiệm trước cơ quan quyền lực cao nhất của nhân dân. Tuy nhiên, theo *Hiến pháp năm 1946*, để tăng cường quyền lực, kịp thời giải quyết những công việc cần kíp trong tình thế “nước sôi, lửa bỏng” thì quyền định đoạt trực tiếp đã được giao cho Chính phủ - “cơ quan hành pháp” trên cơ sở sự tín nhiệm và uỷ thác trọng trách của quốc dân.

Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, việc xây dựng, thông

qua những chế định về Nghị viện, Chính phủ và Chủ tịch nước trong *Hiến pháp năm 1946*, đã tạo ra một thiết chế Chủ tịch nước đặc thù Việt Nam, tạo cho Hồ Chí Minh một vị thế đặc biệt. Đó vừa là người đứng đầu Nhà nước, vừa là Chủ tịch Chính phủ, đồng thời là lãnh tụ tối cao của dân tộc và của Đảng, có quyền lực tối cao (quyền phủ quyết - Điều 31, 54), để cùng với Ban Thường trực Quốc hội (dựa vào tinh thần của *Hiến pháp năm 1946*) quyết định, điều hành đất nước trong điều kiện có chiến tranh lan rộng, và kịp thời thực hiện những nhiệm vụ trọng yếu của quốc gia trong thời kỳ kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

Trên cơ sở nghiên cứu lịch sử tổ chức quyền lực nhà nước của các nước tiên tiến trên thế giới, Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển một cách sáng tạo nguyên tắc tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước (chính phủ, nghị viện/quốc hội, toà án), để xây dựng những điều luật này một cách phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Những chế định về các cơ quan quyền lực (lập pháp, hành pháp và tư pháp) trong tổ chức bộ máy Nhà nước dân chủ cộng hoà, được quy định trong *Hiến pháp năm 1946* không giống nguyên mẫu mô hình tổ chức nhà nước đã từng phổ biến khi đó (Anh, Pháp, v.v..). Trong bối cảnh đặc thù, yêu cầu xây dựng một nhà nước dân chủ rộng rãi, phục vụ công cuộc kháng chiến, kiến quốc đòi hỏi lãnh tụ Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam khi xây dựng những chế định về tổ chức nhà nước trong *Hiến pháp* phải thể hiện được tính liên hiệp rộng rãi, tránh sự thuần túy chuyên chính công nông. Đó thực sự phải là một nhà nước của dân tộc và dân chủ. Ngay trong những điều kiện vô cùng khó khăn khi đó, Hồ Chí Minh vẫn kiên định nguyên tắc

tập trung dân chủ và trong thực tế, việc tổ chức và hoạt động của các cơ quan quyền lực nhà nước có vận dụng yếu tố phân quyền ở mức độ nhất định.

Như vậy, *Hiến pháp năm 1946* được xây dựng trên tinh thần dân chủ rộng rãi (dân chủ rộng rãi đa dạng các lợi ích, các nhóm xã hội), song vị trí của nghị viện/quốc hội đã được đề cao, đảm bảo quyền lực của nhân dân dưới sự lãnh đạo của Đảng (dù Đảng Cộng sản đã rút vào hoạt động bí mật).

Được soạn thảo phù hợp với Việt Nam, đáp ứng nhu cầu phát triển của thời đại, dưới sự chỉ đạo trực tiếp của lãnh tụ Hồ Chí Minh, của tập thể những nhà chính trị, những chuyên gia lập pháp thời đó, *Hiến pháp năm 1946* kết tinh ý chí, nguyện vọng, đồng thời thể hiện xuyên suốt tư tưởng xây dựng nhà nước cộng hoà dân chủ, mưu cầu nền độc lập dân tộc, tự do và hạnh phúc cho nhân dân của Hồ Chí Minh.

Theo tư tưởng Hồ Chí Minh, *Hiến pháp năm 1946* cũng thể hiện tính độc đáo ở chỗ các thiết chế quyền lực trong nhà nước không xây dựng và hoạt động theo thuyết tam quyền phân lập, phân chia và kiểm chế quyền lực, mà phân công, phối hợp cùng nhau hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Với các chế định trong *Hiến pháp năm 1946*, chức năng, quyền hạn của các cơ quan quyền lực và mối quan hệ giữa Nghị viện, Chính phủ và các cơ quan tư pháp đã tạo điều kiện cho bộ máy nhà nước vận hành một cách hiệu quả trong điều kiện chiến tranh sau đó.

*Hiến pháp năm 1946* ra đời trong hoàn cảnh cực kỳ khó khăn, phức tạp, quan hệ đến sự mất còn của chính quyền cách mạng non trẻ Việt Nam. Với những chế định cụ thể, *Hiến*

*pháp năm 1946* đã tạo cơ sở pháp lý để nhân dân thực hiện quyền lực của mình. Việc thông qua *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tháng 11-1946, khi mà thời điểm bùng nổ cuộc chiến tranh Pháp - Việt đang tới gần và nhân dân ta đang thực hiện những công việc khẩn cấp do Hồ Chí Minh đề ra, đã cho thấy tính cấp thiết và tầm quan trọng của bản *Hiến pháp*. *Hiến pháp năm 1946* củng cố cơ sở pháp lý, tính hợp hiến và hợp pháp của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, tạo điều kiện thuận lợi cho nhân dân ta xây dựng một nhà nước độc lập và trở thành người chủ thực sự của nhà nước đó, vững vàng bước vào cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược.

*Hiến pháp năm 1946* mang đậm dấu ấn tư tưởng của Hồ Chí Minh về độc lập, dân tộc, dân chủ, tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Sự kết hợp tài tình giữa các giá trị phổ biến của chế độ cộng hoà dân chủ đã từng tồn tại trong lịch sử, với những đặc điểm cụ thể của Việt Nam trong điều kiện nhân dân lao động (không phân biệt nam nữ, giàu nghèo và thành phần dân tộc) trở thành chủ nhân của quyền lực nhà nước, là một sự lựa chọn tất yếu khách quan của thời cuộc. Điều này không chỉ phù hợp với lịch sử cách mạng giai đoạn đó, mà còn phù hợp với trào lưu của thế giới đương đại.

*Hiến pháp năm 1946* được viết ngắn gọn, rõ ràng, dứt khoát, đồng thời khẳng định được những nguyên tắc cơ bản của lập pháp. Đây là một bản hiến pháp tiến bộ, vì lần đầu tiên trong lịch sử dân tộc, những nét đặc trưng về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội của một nước Việt Nam độc lập, thống nhất, tự do và dân chủ đã được khẳng định. Nội dung của *Hiến pháp*



thể hiện cụ thể về mặt pháp lý tư tưởng độc lập tự do, quan điểm lấy dân làm gốc, quan điểm quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh.

*Hiến pháp năm 1946* “là sản phẩm của một không khí cách mạng và những khát vọng đổi đời của toàn xã hội”<sup>1</sup>, đưa người dân Việt Nam từ thân phận thần dân trong chế độ phong kiến, từ thân phận người nô lệ trong chế độ thực dân, trở thành công dân của nước Việt Nam độc lập, tự do. Tinh thần dân chủ của *Hiến pháp* góp phần tập hợp mọi lực lượng yêu nước, tạo chỗ dựa về chính trị và pháp lý cho Nhà nước dân tộc dân chủ trong công cuộc vừa kháng chiến, vừa kiến quốc. *Hiến pháp năm 1946* là một vết tích lịch sử, là hiến pháp đầu tiên trong cõi Á Đông. Theo Hồ Chí Minh: “*Bản Hiến pháp* đó chưa hoàn toàn nhưng nó đã làm nên theo một hoàn cảnh thực tế. *Hiến pháp* đó tuyên bố với thế giới nước Việt Nam đã độc lập. *Hiến pháp* đó tuyên bố với thế giới biết dân tộc Việt Nam đã có đủ mọi quyền tự do. *Hiến pháp* đó tuyên bố với thế giới: phụ nữ Việt Nam đã được đứng ngang hàng với đàn ông để được hưởng chung mọi quyền tự do của một công dân. *Hiến pháp* đó nêu một tinh thần đoàn kết chặt chẽ giữa các dân tộc Việt Nam và một tinh thần liêm khiết, công bình của các giai cấp”<sup>2</sup>.

*Hiến pháp năm 1946*, được soạn thảo và thông qua trong vòng 15 tháng kể từ khi Cách mạng Tháng Tám thành công, là một thắng lợi to lớn của những người cộng sản và những

---

1. Đặng Phong (Chủ biên): *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, Sđd, t. 1, tr. 185.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 4, tr. 440.

chuyên gia lập pháp Việt Nam do Hồ Chí Minh chỉ đạo. Để có một bản *Hiến pháp* thể hiện rõ tư tưởng quyền lực thuộc về nhân dân (Điều 1, 22, 23, 70), Hồ Chí Minh đã không chỉ dựa vào các chuyên gia mà bản thân Người còn trực tiếp nghiên cứu và tham khảo những văn bản tiêu biểu của nền lập pháp quốc tế. Từ những tri thức đã tích lũy được trong những năm bôn ba ở hải ngoại, trong những năm lãnh đạo nhân dân đấu tranh giành chính quyền, Người đã chuẩn bị rất kỹ cho ngày lập quốc với bản *Tuyên ngôn độc lập* lịch sử, và sau đó là *Hiến pháp năm 1946*.

Đánh giá về kỹ thuật lập pháp của *Hiến pháp năm 1946*, các nhà luật học cho rằng: Đây thực sự là “một bản *Hiến pháp* cô đúc, khúc chiết, mạch lạc và dễ hiểu với tất cả mọi người. Đó là một bản *Hiến pháp* mẫu mực trên nhiều phương diện”<sup>1</sup>, phản ánh trình độ cao của Nhà nước Việt Nam về xây dựng hệ thống pháp luật, đặc biệt là đạo luật cơ bản.

*Hiến pháp năm 1946* đã quy định cho nghị viện/quốc hội những quyền hạn và nhiệm vụ rộng lớn. Những quyền đó được ghi thành văn, “nêu cao tinh thần đoàn kết toàn dân và ấn định một chính thể dân chủ rộng rãi”<sup>2</sup>, với các điều kiện bảo đảm thực hiện nền dân chủ theo xu thế tiên bộ của thời đại mới.

Như vậy là, “*Tuyên ngôn độc lập* đã tạo điều kiện cho sự ra đời của *Hiến pháp* là chủ quyền, độc lập của quốc gia. Và

---

1. Thái Vĩnh Thắng: *Lịch sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997, tr. 26.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, *Sđd*, t. 1, tr. 100.

đến lượt mình, *Hiến pháp* lại khẳng định những giá trị độc lập dân tộc mà Tuyên ngôn đã ghi nhận”<sup>1</sup>. Lịch sử đã ghi nhận, Hồ Chí Minh là người sáng lập Đảng ta, người sáng lập Nhà nước ta, sáng lập Quốc hội ta và là tác giả của bản *Tuyên ngôn độc lập* bất hủ và đã chỉ đạo soạn thảo để Quốc hội thông qua bản *Hiến pháp* đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa<sup>2</sup>.

Tuy nhiên, vì điều kiện chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp lan rộng, nên *Hiến pháp năm 1946* chưa ban hành bằng một sắc lệnh và chưa được thi hành ngay. Việc bầu Nghị viện nhân dân theo quy định của *Hiến pháp* chưa thể tổ chức được, song Nghị quyết ngày 9-11-1946 của kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá I đã “ủy nhiệm Chính phủ và Ban Thường trực Quốc hội thi hành *Hiến pháp*”<sup>3</sup>. Dựa vào nội dung từng điều văn của *Hiến pháp năm 1946*, Hồ Chí Minh và Chính phủ, cùng Ban Thường trực Quốc hội đã có cơ chế pháp lý để tổ chức, quản lý mọi mặt của đời sống xã hội và lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc sau đó.

## 2. Lập Chính phủ kháng chiến (3-11-1946)

Từ sau ngày Việt Nam tuyên bố độc lập, tận dụng thời gian tương đối hòa bình do kết quả các cuộc đàm phán tạo ra,

---

1. Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007, tr. 65.

2. Xem Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, *Sđd*, tr. 71.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, *Sđd*, t. 1, tr. 102.

nhân dân ta đã ra sức củng cố, xây dựng và phát triển lực lượng về mọi mặt. Tình hình đất nước đã có những bước phát triển nhất định. Nước nhà đã vượt qua những khó khăn ban đầu, đẩy lùi nạn đói, từng bước xoá nạn mù chữ, xây dựng hệ thống giáo dục mới, bước đầu xây dựng nền kinh tế, tài chính độc lập và thực hiện đấu tranh chính trị, ngoại giao mềm dẻo. Hệ thống chính quyền các cấp từ trung ương xuống đến địa phương dần dần ổn định và ngày một được kiện toàn. Việc xây dựng và phát triển thực lực, để chuẩn bị cho cuộc kháng chiến thần thánh của dân tộc được tiến hành gấp rút. Trong bối cảnh đó, theo yêu cầu của Chính phủ, Quốc hội khoá I đã họp kỳ thứ 2 tại Hà Nội, từ ngày 28-10 đến ngày 9-11-1946.

Trong diễn văn khai mạc, Trưởng ban Thường trực Quốc hội Nguyễn Văn Tố khẳng định: “Cuộc tranh thủ độc lập của ta đã được những kết quả tốt đẹp nay đã bước vào một giai đoạn mới, theo một hình thức khác trong khuôn khổ thỏa hiệp tạm thời 14-9-1946... Cứ xem thế đủ rõ Chính phủ Liên hiệp đã diu dắt nước ta qua các bước khó khăn. Thay mặt Quốc hội, chúng tôi xin trân trọng cảm tạ Chính phủ Hồ Chí Minh”<sup>1</sup>. Ban Thường trực Quốc hội (thay mặt cho cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất), kể từ ngày được tin nhiệm bầu ra, “lúc nào cũng chú trọng đến quyền lợi của quốc gia và nhân dân và đã giúp Chính phủ trong việc thi hành những phương sách thích hợp để giữ gìn đời sống cho dân chúng”<sup>2</sup>, cùng với “sự đồng tâm hiệp lực của quốc dân” đã đưa nước nhà tới một địa vị khả quan.

---

1, 2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 64.

Tại kỳ họp này, sau khi nghe Bộ trưởng Vũ Đình Hòe và đồng chí Phạm Văn Đồng đọc báo cáo, các vị bộ trưởng đã trả lời các câu hỏi của các đại biểu Quốc hội trong lĩnh vực chính trị, ngoại giao, tài chính, nội vụ... Hồ Chí Minh nhận định, việc hỏi và trả lời (trả lời chất vấn) tại kỳ họp đã chứng tỏ: Quốc hội đang tập trung giải quyết những vấn đề trọng yếu của quốc gia, thể hiện rõ chức năng quyền lực nhà nước cao nhất và tính chất dân chủ của Quốc hội. Đặc biệt là người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh đã thay mặt Chính phủ trả lời một số vấn đề lớn, liên quan đến sự trưởng thành về chính trị và xây dựng đất nước (với tư cách chủ nhân một nước độc lập của nhân dân Việt Nam), về các thành viên của Chính phủ liên hiệp đã rời bỏ quốc dân ra đi, về chính sách ngoại giao, về tính liêm khiết của Chính phủ, v.v..

Đồng thời, báo cáo và trả lời trước Quốc hội về việc trước đây có một số thành viên trong Chính phủ liên hiệp kháng chiến đòi thay đổi Quốc kỳ, Hồ Chí Minh nói: “Bây giờ thì trừ hai mươi lăm triệu đồng bào ra còn không ai có quyền gì mà đòi thay đổi Quốc kỳ”<sup>1</sup>.

Thực hiện nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc, Quốc hội đã thảo luận và thông qua các nghị quyết về nội trị, ngoại giao, v.v. về thành lập Chính phủ mới. Ghi nhận những đóng góp to lớn của Chính phủ Hồ Chí Minh với đất nước, tại kỳ họp này, Quốc hội đã quyết nghị tán thành chính sách chung của Chính phủ, nhận sự từ chức của Chính phủ liên hiệp kháng chiến.

Thực hiện chức năng và quyền hạn của mình, Quốc hội

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các hiến pháp Việt Nam, Sđd*, tr. 29.



nhận thấy chủ trương sử dụng, hợp tác thành thật của chính quyền cách mạng và quan điểm nhất quán của Hồ Chí Minh trong việc chọn đúng người, giao đúng việc, vì lợi ích của quốc gia. Không phân biệt giai tầng, không truy xét quá khứ, Hồ Chí Minh đã lựa chọn những trí thức danh tiếng, có đạo đức để thành lập một “Chính phủ dân chủ”, “một Chính phủ có trí tuệ, có học vấn”<sup>1</sup>. Theo Người, Chính phủ kháng chiến toàn quốc, có đủ nhân tài Bắc, Trung, Nam, đã “tỏ rõ cái tinh thần quốc dân liên hiệp, là một Chính phủ chú trọng thực tế và sẽ nỗ lực làm việc, để tranh thủ quyền độc lập và thống nhất lãnh thổ cùng xây dựng một nước Việt Nam mới”<sup>2</sup>. Ghi nhận những đóng góp của giới trí thức Việt Nam, Hồ Chí Minh khẳng định: trong các thành viên của Chính phủ có rất nhiều vị trí thức tham gia gánh vác một phần quan trọng nhiệm vụ bảo vệ và kiến thiết quốc gia. Đó thực sự là những con người mẫn cán, có tinh thần cách mạng, có tri thức và sẵn sàng phụng sự Tổ quốc, phụng sự nhân dân.

Với những nỗ lực vượt bậc và những sáng tạo trong hoạt động thực tiễn, tư tưởng Hồ Chí Minh về một nhà nước

- 
- |                   |                        |
|-------------------|------------------------|
| - Vũ Đình Hòe     | Bộ trưởng Bộ Tư pháp   |
| - Ngô Tấn Nhơn    | Bộ trưởng Bộ Canh nông |
| - Chu Bá Phượng   | Bộ trưởng Bộ Cứu tế    |
| - Một vị ở Nam Bộ | Bộ trưởng Bộ Kinh tế   |
| - Nguyễn Văn Tố   | Bộ trưởng không bộ     |
| - Bò Xuân Luật    | Bộ trưởng không bộ     |

1. Đặng Phong (Chủ biên): *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, Sđd, t. 1, tr. 186.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 66-67.

chung của toàn thể dân tộc, sáng suốt mạnh mẽ, về “mọi quyền lực nhà nước tập trung vào Quốc hội” đã trở thành hiện thực sinh động trong điều kiện đầy cam go, thử thách của đất nước.

Tại kỳ họp thứ hai, Quốc hội cũng thảo luận sôi nổi và nhất trí thông qua danh sách 18 thành viên của Ban Thường trực Quốc hội do cụ Bùi Bằng Đoàn làm Trưởng ban (15 vị chính thức và 3 vị dự khuyết) với những quyền hạn cụ thể là:

1- Góp ý với Chính phủ.

2- Phê bình Chính phủ.

3- Triệu tập Quốc hội.

4- Khi Chính phủ tuyên chiến hay đình chiến, bắt buộc phải hỏi ý kiến Ban Thường trực.

5- Khi Chính phủ ký hiệp ước với nước ngoài, Ban Thường trực phải triệu tập Quốc hội để chuẩn y (đã được chuẩn y tại phiên họp ngày 2-3-1946). Đây sẽ là cơ quan thay mặt Quốc hội giải quyết những công việc chung của nước nhà trong điều kiện Quốc hội chưa thể triệu tập kỳ họp toàn thể.

Tóm lại, trong một khoảng thời gian không dài, từ tháng 9-1945 đến tháng 12-1946, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản đứng đầu là Chủ tịch Hồ Chí Minh nhạy bén và quyết đoán trong việc phân tích tình hình, kiên quyết và mềm dẻo trong khi đề ra những chủ trương và thực hiện linh hoạt nhiều biện pháp, Việt Nam đã vượt qua những khó khăn “tường chùng như không thể vượt qua được”. Sự hiện diện của Quốc hội khoá I và vai trò của cơ quan quyền lực này trong thực tiễn đã khẳng định chủ quyền của nhân dân và cơ sở hợp pháp của chính quyền cách mạng - một tiêu chí cơ bản nhất của nhà nước pháp quyền theo tư tưởng Hồ Chí Minh.



Có một chính phủ chính thức, mạnh mẽ, sáng suốt, giàu trí tuệ do Hồ Chí Minh làm Chủ tịch được Quốc hội chuẩn y, nguồn sức bật, sức bền của khối đại đoàn kết toàn dân đã được nhân lên. Hồ Chí Minh đã quy tụ xung quanh mình những hiền tài của quốc gia, có trí tuệ và phẩm chất đạo đức, làm việc với tinh thần: “Chính phủ nhân dân bao giờ cũng phải đặt quyền lợi dân lên trên hết thảy. Việc gì có lợi cho dân thì làm. Việc gì có hại cho dân thì phải tránh”<sup>1</sup>. Nhờ vậy, từ sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công cho đến cuối năm 1946, các cấp chính quyền, nhất là chính quyền ở trung ương đã được củng cố, tăng cường sự đoàn kết và phát huy được sức mạnh của cơ quan hành pháp.

Tại phiên họp cuối của kỳ họp, Quốc hội đã trân trọng cảm ơn Hồ Chí Minh, “người lính xung phong tranh đấu cho sự giải phóng dân tộc và đứng trước những khó khăn muôn trùng của quốc gia đã hai lần can đảm nhận uỷ nhiệm của Quốc hội thành lập Chính phủ”<sup>2</sup> với ý nguyện “tha thiết và đanh thép” là dắt quốc dân lên con đường thống nhất, độc lập. Với một bộ máy hành pháp bao gồm những người tài đức, liêm khiết, Hồ Chí Minh cùng Chính phủ sẵn sàng tổ chức nhân dân tiến hành cuộc kháng chiến chống Pháp ngay sau đó.

Như vậy là, cùng với hành trình lựa chọn con đường cứu nước, lựa chọn mô hình nhà nước của “dân chúng số nhiều”, là

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 4, tr. 22.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 121.

quá trình hình thành tư tưởng pháp quyền, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân. Trong tiến trình đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc, tư tưởng của Người từng bước được thể hiện trong những văn kiện lịch sử do Người soạn thảo từ năm 1930 đến năm 1946. Từ thực tiễn quá trình lãnh đạo quần chúng nhân dân đấu tranh cách mạng, tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới, nhà nước chung của cả dân tộc, về xây dựng nghị viện/quốc hội, thực hiện quyền lực của nhân dân đã thay đổi và có những bước phát triển.

Từ việc lựa chọn “Chính phủ công nông binh” trong *Cương lĩnh chính trị đầu tiên của Đảng* năm 1930 đến nhà nước “dân chủ cộng hòa” được nêu ra trong Nghị quyết Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng do Hồ Chí Minh chủ trì và trong *Chương trình của Mặt trận Việt Minh* năm 1941; từ Quốc dân Đại hội Tân Trào đến Quốc hội khoá I - nơi nhân dân thực hiện sự uỷ thác quyền lực của mình, thông qua những đại biểu do mình tín nhiệm và tự do lựa chọn trong Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 là quá trình hình thành, điều chỉnh và phát triển của tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng ta về vấn đề tổ chức các cơ quan quyền lực trong bộ máy nhà nước. Sự phát triển này là kết quả tất yếu của việc vận dụng sáng tạo những nguyên lý của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện thực tiễn của Việt Nam, kế thừa và phát huy được sức mạnh chủ nghĩa yêu nước của dân tộc, phù hợp với xu thế phát triển của thời đại.

Trong đêm trước của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945, Hồ Chí Minh đã sáng suốt triệu tập Quốc dân Đại hội Tân Trào quyết định Tổng khởi nghĩa, thông qua Mười chính

sách lớn, thành lập Ủy ban Dân tộc giải phóng Việt Nam. Hành động kịp thời, sáng tạo độc đáo của Người có ý nghĩa vô cùng to lớn, góp phần kết hợp sức mạnh của phong trào cách mạng với tính pháp lý để giành và giữ chính quyền ngay trong những ngày đầu của Tổng khởi nghĩa Tháng Tám năm 1945.

Nhận thức sâu sắc về vị trí và tầm quan trọng của Quốc hội - một định chế không thể thiếu được trong bất cứ một quốc gia dân chủ nào của chế độ cộng hòa, ngay sau khi Cách mạng Tháng Tám thành công, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã chạy đua với thời gian, quyết định và kiên quyết tổ chức cuộc Tổng tuyển cử tự do với chế độ phổ thông đầu phiếu để bầu Quốc hội.

Hồ Chí Minh đã tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa của nền dân chủ trên thế giới, khôn khéo chớp thời cơ, lãnh đạo nhân dân Tổng khởi nghĩa giành chính quyền, sớm thực thi quyền dân chủ cho nhân dân, thông qua việc tổ chức thành công cuộc bầu cử Quốc hội khoá I. Tiến hành bầu cử tự do, dân chủ, Hồ Chí Minh và Đảng ta đã tạo ra trong cuộc bầu cử Quốc hội ngày 6-1-1946 một mối quan hệ có trách nhiệm giữa những người dân và những người được uỷ quyền. Đồng thời với nguyên tắc dân chủ trong ứng cử và vận động tranh cử, được thể hiện rõ qua nội dung các sắc lệnh do Chính phủ ban hành, việc tăng cường sự hiểu biết của người dân với những người được uỷ quyền, việc tiếp nhận các thông tin nhiều chiều, tin cậy qua cuộc vận động tranh cử thực sự dân chủ này đã giúp cho cử tri hiểu rõ hơn về sự khác nhau giữa các đối thủ, để quyết định lựa chọn những người tốt nhất, đại diện cho mình vào Quốc hội/Nghị viện - cơ quan có quyền cao nhất của

nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đây là điểm đặc biệt, đồng thời cũng là một thành công to lớn của Hồ Chí Minh trong quá trình lãnh đạo tổ chức cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946.

Sau này, nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh khẳng định: “Hãy nhớ lại cuộc Tổng tuyển cử tháng 1-1946. Ngay trong lúc thù trong giặc ngoài, nạn đói và thiên tai đang hoành hành, cuộc bầu cử tháng 1-1946 thực sự là ngày hội của toàn dân, là cuộc bầu cử tiêu biểu cho tư tưởng tự do dân chủ và đoàn kết dân tộc”<sup>1</sup>. Ra đời trong hoàn cảnh lịch sử đầy khó khăn, phức tạp, với 333 đại biểu được bầu và 70 đại biểu (của Việt Quốc và Việt Cách) được Quốc hội “truy nhận” không thông qua bầu cử, Quốc hội khoá I được tổ chức theo tư tưởng Hồ Chí Minh là một Quốc hội ra đời từ lòng dân, bao gồm đầy đủ các tầng lớp, các giới, các đảng phái chính trị ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam, thực sự tượng trưng cho khối toàn dân đoàn kết, đại diện cho quyền lực tối cao của nhân dân cả nước. Nhận trọng trách của Quốc hội trao cho, vì quyền lợi tối cao của dân tộc, Hồ Chí Minh đã thành lập Chính phủ chính thức, bao gồm những con người liêm khiết, thể hiện trí tuệ của dân tộc, quyết đoàn kết thành một khối để tranh nền độc lập, tự do của Tổ quốc.

Thực hiện sự uỷ quyền của Quốc hội, bằng uy tín cá nhân, bản lĩnh chính trị và tài năng của mình, kịp thời thích ứng với hoàn cảnh, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo Chính phủ, từng bước xây dựng hệ thống pháp luật mới, thực hiện tốt các nhiệm vụ đối nội, đối ngoại, đồng thời chuẩn bị thực

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Quốc hội Việt Nam - 60 năm hình thành và phát triển*, Sđd, tr. 34.

lực, sẵn sàng cho cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp.

Với trí tuệ uyên bác được tích lũy trong quá trình hoạt động cách mạng, với quan điểm lấy dân làm gốc, Hồ Chí Minh đã cùng Ban soạn thảo Hiến pháp xây dựng và đưa vào *Hiến pháp năm 1946* những điều luật ngang tầm với nền chính trị tiên tiến của thời đại. Là đạo luật cơ bản nhất của Nhà nước, *Hiến pháp* “mở lối cho phương pháp mới quản lý đất nước (xưa nói là cai trị) bằng pháp luật”<sup>1</sup>, đặc biệt thể hiện quyền tập trung thống nhất, cao nhất vào Chủ tịch nước. *Hiến pháp năm 1946* mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân, chứa đựng tư tưởng lập hiến quý giá của Người, thực sự là bản hiến pháp “dân tộc, dân chủ, công bình của các giai cấp”.

Là lãnh tụ của Đảng, được trao trọng trách giữ cương vị nguyên thủ quốc gia trực tiếp điều hành Chính phủ, quan điểm, hoạt động và những quyết định của Người trong quá trình trực tiếp lãnh đạo nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, thực hiện những quyền tự do dân chủ cho nhân dân trong từng hoàn cảnh cụ thể, đặc biệt là trong khoảng thời gian từ tháng 1-1946 đến tháng 12-1946, đã làm nổi bật chân dung một vị lãnh tụ giỏi về lý luận và đầy kinh nghiệm hoạt động thực tiễn.

Hồ Chí Minh đã góp phần quyết định vào thành công của cuộc bầu cử dân chủ nhất để sáng lập Quốc hội khoá I. Quốc hội được hình thành từ một cuộc Tổng tuyển cử phổ thông rộng rãi nhất hơn bất kỳ quốc gia nào, đánh dấu một bước ngoặt quan trọng trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng

---

1. Bộ Tư pháp: *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật*, Tlđđ, tr. 183.

dân tộc và xây dựng nền dân chủ của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Đảng. Việc tổ chức bầu Quốc hội ngay sau thắng lợi của Cách mạng Tháng Tám năm 1945, không chỉ thể hiện tầm nhìn chiến lược của nhà lập hiến Hồ Chí Minh, mà còn là một minh chứng hùng hồn cho việc tiếp tục hiện thực hóa tư tưởng “quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân” của Người trong tiến trình đấu tranh cách mạng.

Với thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội đầu tiên, nhân dân Việt Nam đã có một thể chế chính trị vững chắc, với đầy đủ các cơ quan lập pháp (Quốc hội), hành pháp (Chính phủ) và tư pháp (Viện kiểm sát, Tòa án), để tổ chức nhân dân thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Cũng theo tư tưởng của Người, toàn bộ quyền lực, về nguyên tắc phải tập trung vào cơ quan đại diện tối cao, song cơ cấu then chốt để thực hiện quyền lực phải là Chính phủ - với cả bộ máy hành chính và chuyên môn để quản lý đất nước. Đảm nhận trọng trách trước Đảng, Chính phủ, Quốc hội và trước toàn thể quốc dân, Người đã điều hành Chính phủ thực hiện nghiêm túc các quy định của Quốc hội, đúng với tư tưởng nhà nước pháp quyền của dân tộc mà Người được Quốc hội giao trọng trách.

Hồ Chí Minh được Quốc hội tuyệt đối tin tưởng và tôn vinh, đã “xứng đáng với Tổ quốc”, xứng đáng được “trao quyền bính” theo những chế định đặc biệt của *Hiến pháp năm 1946*. Điều này vừa đảm bảo quyền lãnh đạo của Đảng, thực hiện quyền lực nhà nước tập trung, vừa phát huy quyền hạn của Chính phủ trong việc tổ chức thực thi nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc. Trong điều kiện chiến tranh lan rộng,

chúng ta không thể tổ chức một cuộc trưng cầu dân ý để bầu cử Nghị viện nhân dân - cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa theo quy định của *Hiến pháp năm 1946*. Vì vậy, Quốc hội vẫn tiếp tục hoạt động cho đến khi có điều kiện bầu được Nghị viện nhân dân và tiếp tục phát huy vai trò của mình với tư cách là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong những năm sau đó.

## Chương II

### HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI (12-1946 – 5-1960)

#### I- HỒ CHÍ MINH VỚI BAN THƯỜNG TRỰC QUỐC HỘI TRONG KHÁNG CHIẾN CHỐNG THỰC DÂN PHÁP

TỪ THÁNG 12-1946 ĐẾN THÁNG 7-1954

#### **1. Lãnh đạo nhân dân tiến hành kháng chiến và kiến quốc**

##### *a) Tập trung thực hiện nhiệm vụ kháng chiến*

Trong khi Việt Nam càng cố gắng để giữ gìn hoà bình thì thực dân Pháp càng lấn tới, bội ước, tấn công nhiều nơi và liên tiếp gửi tối hậu thư cho Chính phủ Việt Nam, đòi được làm nhiệm vụ trị an ở Hà Nội. Trước yêu sách trắng trợn và sự đe dọa hành động của quân đội Pháp, Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng đã có quyết sách kịp thời để xoay chuyển tình hình. Căn cứ vào Điều 38 của *Hiến pháp*, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã triệu tập cuộc họp với Trưởng ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn và Hội đồng Chính phủ, bàn và nhất trí phát động nhân dân cả nước đứng lên kháng chiến. *Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến* của Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ:



“Chúng ta muốn hoà bình, chúng ta phải nhân nhượng. Nhưng chúng ta càng nhân nhượng thực dân Pháp càng lấn tới vì chúng quyết tâm cướp nước ta lần nữa!... Hỡi đồng bào! Chúng ta phải đứng lên!”<sup>1</sup>.

Quyết định tiến hành cuộc kháng chiến trong cả nước khi sự khiêu khích, lấn tới của thực dân Pháp đã vượt quá giới hạn là một tất yếu khách quan của lịch sử. Điều này không chỉ thể hiện sự chủ động, kịp thời của Hồ Chí Minh, Trung ương Đảng và Ban Thường trực Quốc hội trước vận mệnh của dân tộc, mà còn khẳng định ý chí, quyết tâm “bảo vệ nền độc lập” của toàn thể dân tộc Việt Nam trước dã tâm xâm lược của kẻ thù. Với quyền hạn của Chủ tịch Chính phủ được quy định trong *Hiến pháp*, nhất là trong hoàn cảnh đặc biệt của tình hình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã tập trung lãnh đạo và điều hành Chính phủ, cùng Ban Thường trực Quốc hội (luôn ở bên cạnh Chính phủ) lãnh đạo, tổ chức cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện, với tinh thần tự lực cánh sinh, trường kỳ kháng chiến.

Như vậy là, cùng với việc xác định Chính phủ kháng chiến và Ban Thường trực Quốc hội là cơ quan lãnh đạo kháng chiến, Quốc hội khoá I - Quốc hội làm nhiệm vụ lập hiến, đã gánh vác trọng trách là “cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa” (được quy định trong Chương III, *Hiến pháp năm 1946*). Và Ban Thường trực Quốc hội, được sự uỷ nhiệm của Quốc hội, thay mặt “cơ quan biểu lộ dân ý trực tiếp nắm quyền tối cao trong nước”<sup>2</sup>, có

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 8, tr. 160.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc*

nhiệm vụ và quyền hạn thay mặt Quốc hội, để cùng bàn bạc, tham gia ý kiến đối với các chủ trương, chính sách lớn, đồng thời giám sát, phê bình Chính phủ về mọi công việc trong thời kỳ kháng chiến (theo nghị quyết ngày 9-11-1946).

Tiếp đó, trong điều kiện chiến tranh ngày một quyết liệt, việc triệu tập thường xuyên toàn bộ Ban Thường trực Quốc hội để cùng Hồ Chí Minh và Chính phủ kịp thời quyết định những vấn đề quan trọng, cấp bách của đất nước sẽ gặp rất nhiều khó khăn, phức tạp. Được trao nhiều quyền hạn lớn và cũng là người lãnh đạo cao nhất, song, trong mỗi quyết định của mình, Hồ Chí Minh đều tranh thủ ý kiến của cụ Trường ban Thường trực Quốc hội (theo tinh thần quyết định của Ban Thường trực Quốc hội tháng 12-1946), rằng: “a) Trong thời kỳ kháng chiến vì tình thế khó khăn thì ít là sẽ có cụ Trường ban Thường trực ở liền với Chính phủ để giúp đỡ và theo dõi đường lối chính trị và cùng với Chính phủ lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân, toàn diện; b) Còn các đại biểu Quốc hội thay đều tùy năng lực và địa vị mà tham gia vào mọi công cuộc kháng chiến; c) Ban Thường trực thay toàn thể Quốc hội hiệu triệu và nhận các ý nguyện của dân và sửa soạn cuộc đại hội”<sup>1</sup>.

Từ nội dung quyết định trên, có thể thấy, trong điều kiện đặc thù của chiến tranh, cụ Trường ban Thường trực Quốc hội Bùi Bằng Đoàn sẽ thay mặt Ban Thường trực Quốc hội luôn ở bên cạnh Chính phủ, tham dự các phiên họp của Hội

---

*hội toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 125.*

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 267.*

đồng Chính phủ, góp ý kiến với Chính phủ trong mọi công việc và thỏa thuận với Chính phủ việc ban hành các sắc lệnh, các đạo luật dựa trên những nguyên tắc đã định trong *Hiến pháp năm 1946*.

Dù không thể triệu tập đầy đủ, song vai trò và quyền hạn của Ban Thường trực Quốc hội đã được phát huy, được khẳng định khi giải quyết các vấn đề quan trọng của thời kỳ kháng chiến như: Quyết định cử cụ Trường ban chịu trách nhiệm đại diện Ban Thường trực để làm nhiệm vụ; một số uỷ viên Ban Thường trực Quốc hội tham gia Hội đồng Chính phủ; có ý kiến về nhân sự, về các sắc lệnh, tu chỉnh Hiến pháp; làm trung gian giữa nhân dân và Chính phủ, liên hệ mật thiết với các đại biểu Quốc hội, v.v.. Theo luật sư Vũ Đình Hòe, “Hòe Chủ tịch không lúc nào sao nhãng việc xin ý kiến của hai cụ Trường, Phó ban Bùi Bằng Đoàn và Phạm Bá Trực... Không bao giờ khai hội Chính phủ nếu Chủ tịch Chính phủ thấy hai vị đại diện Quốc hội chưa tới... Trước khi Chính phủ biểu quyết việc gì, Hòe Chủ tịch đều quay mặt sang cụ Trường ban xin Cụ phát biểu ý kiến lần chót, rồi nhắc Phan Mỹ ghi biên bản”<sup>1</sup>. Người luôn trân trọng ý kiến đóng góp của vị đại diện cơ quan quyền lực: “Việc gì cũng thế, có lý có tình”<sup>2</sup>.

Mặt khác, trong điều kiện Quốc hội không họp được, Người thường triệu tập các hội nghị quân - dân - chính họp thường kỳ ở các khu, các tỉnh để tranh thủ ý kiến. Và như vậy, mặc dù chiến sự ác liệt, nhưng với tinh thần trách nhiệm cao của Hồ Chí Minh, bộ máy kháng chiến hành chính dù gọn nhẹ song vẫn đảm bảo được các nguyên tắc lớn của *Hiến*

---

1, 2. Vũ Đình Hòe: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, *Sđd*, tr. 362.

*pháp* về một nhà nước của dân, do dân, vì dân. Đây không chỉ là một giải pháp thích ứng trong điều kiện đặc biệt của chiến tranh, mà còn là sự sáng tạo trong thực tiễn khi thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Quốc hội Việt Nam. Đồng thời, việc Hồ Chí Minh phát huy vai trò, hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất một cách rất linh hoạt trong thực tiễn, cũng cho thấy mối quan hệ chặt chẽ, hiệu quả giữa Quốc hội và Chính phủ trong những năm kháng chiến.

Để tăng cường sức mạnh của Chính phủ và của bộ máy điều hành kháng chiến, sau khi bàn bạc và được sự đồng thuận của Ban Thường trực Quốc hội, Hồ Chí Minh đã tiến hành bổ sung nhân sự, thành lập các ban chuyên trách của Chính phủ, quyết định phong tướng, thành lập Hội đồng Quốc phòng tối cao, v.v..

Năm 1947, Hồ Chí Minh đã mời một số nhân sĩ trí thức giữ một số ghế trong Chính phủ: ông Phan Anh giữ chức Bộ trưởng Bộ Kinh tế, ông Hoàng Minh Giám giữ chức Bộ trưởng Bộ Ngoại giao, ông Phan Kế Toại giữ chức quyền Bộ trưởng Bộ Nội vụ, bác sĩ Vũ Đình Tụng giữ chức Bộ trưởng Bộ Thương binh cựu binh, v.v.. Quyết định của Người khi mời các vị nhân sĩ, trí thức tham gia Chính phủ đã góp phần làm cho sức mạnh của Chính phủ kháng chiến được nhân lên, tinh thần đoàn kết, đồng lòng của các giai tầng trong xã hội “tranh đấu vì nền độc lập của nước nhà” được củng cố. Điều đó thể hiện tính liên hiệp quốc dân rộng rãi của Chính phủ, phát huy sức mạnh tiềm năng của các vị hiền tài, để tổ chức chỉ đạo cuộc kháng chiến và phát huy sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân.

Tiếp đó, cũng theo đề nghị của Người và sự góp ý kiến

của Ban Thường trực Quốc hội, năm 1950, Chính phủ đã lập ra ba ban chuyên trách: “Nội chính (nội vụ, tư pháp), Kinh tế (tài chính, kinh tế, canh nông, lao động, giao thông công chính) và Văn hoá xã hội (giáo dục, y tế, thương binh)”<sup>1</sup>, kịp thời và thuận lợi hơn trong quá trình tổ chức chỉ đạo nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc.

Thông qua những việc làm cụ thể nêu trên, có thể thấy, trong điều kiện chiến tranh ngày càng ác liệt, khuynh hướng xây dựng một Chính phủ mạnh, gọn nhẹ theo tư tưởng Hồ Chí Minh, tập trung ở việc cơ cấu Chính phủ có Chủ tịch nước với nhiều quyền hạn, ở việc phân nhiệm cao độ về quyền hạn cho Chính phủ (theo chế định của *Hiến pháp năm 1946*) đã được tiếp tục thực hiện. Và trong thực tế, Chính phủ đã mạnh mẽ hơn, sáng suốt hơn khi có sự tham gia góp sức của nhiều vị hiền tài trong quốc gia. Điều này luôn được Hồ Chí Minh quan tâm, thực hiện một cách nhất quán, linh hoạt, phù hợp với nhu cầu cách mạng và tình hình thực tế.

Cũng xuất phát từ thực tiễn và dựa vào tinh thần của *Hiến pháp năm 1946*, Chủ tịch Hồ Chí Minh không chỉ là người lãnh đạo, mà còn là người trực tiếp điều hành cơ quan hành pháp. Trong suốt những năm từ sau khi Quốc hội thông qua *Hiến pháp năm 1946* đến năm 1958, Chính phủ chưa bỏ nhiệm chức danh Thủ tướng - người đứng đầu Nội các, mặc dù *Hiến pháp* có quy định điều này. Trong thực tế, Hồ Chí Minh vừa là Chủ tịch nước, vừa đồng thời đảm nhiệm chức

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 330.

danh đó. Luận giải điểm độc đáo này, chỉ có thể khẳng định rằng, đó là bản lĩnh chính trị quyết đoán và điều kiện thực tế đã khiến Người chọn giải pháp “sự lãnh đạo của Đảng được đảm bảo bằng người đứng đầu Đảng đồng thời là người đứng đầu bộ máy nhà nước”<sup>1</sup>.

Việc thủ lĩnh của đảng cầm quyền là người đứng đầu cơ quan hành pháp đã tạo điều kiện tập trung thống nhất giữa Đảng và Chính phủ, tăng cường trách nhiệm thực sự của bộ máy nhà nước, đặc biệt thu hút được mọi lực lượng cho công cuộc kháng chiến, kiến quốc. Thực tế cho thấy, trong những năm đầu thành lập Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và trong suốt cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, Hồ Chí Minh là lãnh tụ của Đảng, giữ chức Chủ tịch nước, người đứng đầu Chính phủ lúc bấy giờ, không chỉ có uy tín mà còn có quyền giải quyết rất thành công vấn đề chính trị này.

Đặc biệt, cũng trên tinh thần tập trung cho nhiệm vụ kháng chiến, chú trọng yêu cầu tăng thêm “nhuệ khí cho quân đội”, sau khi bàn bạc và được sự nhất trí của Ban Thường trực Quốc hội và Hội đồng Chính phủ, tháng 1-1948, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 110/SL thụ phong Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Sắc lệnh số 111/SL và 112/SL thụ phong Thiếu tướng cho bảy đồng chí: Hoàng Văn Thái, Nguyễn Sơn, Chu Văn Tấn, Hoàng Sâm, Trần Tử Bình, Văn Tiến Dũng, Lê Hiến Mai và Sắc lệnh số 115/SL thụ phong Trung tướng cho đồng chí Nguyễn Bình. Trong lễ thụ phong

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Hiến pháp 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các hiến pháp Việt Nam, Sđd*, tr. 151.

Đại tướng cho đồng chí Võ Nguyên Giáp, Hồ Chí Minh tuyên bố: “Nhân danh Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trao cho chú chức vụ Đại tướng, để chú điều khiển binh sĩ làm trọn sứ mạng mà quốc dân phó thác cho”<sup>1</sup>.

Cũng tại buổi lễ này, cụ Trưởng ban Thường trực Quốc hội nói: “Nhân danh Ban Thường trực Quốc hội và do đó nhân danh toàn thể Quốc hội, lại do đó nhân danh cả 20 triệu đồng bào, tôi trân trọng có lời chúc mừng Đại tướng”<sup>2</sup>. Sau đó, đến tháng 7-1948, Đại tướng được giao trọng trách Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, kiêm Tổng Chỉ huy quân đội quốc gia và dân quân Việt Nam. Và cũng nhằm tăng cường quản lý và thống nhất chỉ huy trong các lực lượng vũ trang, đặc biệt nhấn mạnh tầm quan trọng của bộ đội chủ lực, sau khi tham khảo ý kiến của Ban Thường trực Quốc hội và Hội đồng Chính phủ, Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 206/SL ngày 19-8-1948, thành lập Hội đồng Quốc phòng tối cao.

Với sáu thành viên, do Hồ Chí Minh là Chủ tịch Chính phủ kiêm Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng, Hội đồng Quốc phòng tối cao<sup>3</sup> có nhiệm vụ “nghiên cứu kế hoạch

---

1. Lê Văn Hiến: *Nhật ký của một bộ trưởng*, Nxb. Đà Nẵng, t. 1, tr. 359.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 162.

3. - Hồ Chí Minh: Chủ tịch Chính phủ kiêm  
Chủ tịch Hội đồng Quốc phòng  
- Lê Văn Hiến: Phó Chủ tịch  
- Phan Kế Toại: Ủy viên  
- Phan Anh: Ủy viên  
- Võ Nguyên Giáp: Ủy viên  
- Tạ Quang Bửu: Ủy viên

kháng chiến toàn diện, đệ trình Chính phủ duyệt y và thực hiện kế hoạch”<sup>1</sup>. Tiếp đó, ngày 25-7-1949, Hồ Chí Minh đã bổ nhiệm đồng chí Phạm Văn Đồng giữ chức Phó Thủ tướng, bổ sung giữ chức Phó Chủ tịch Hội đồng quốc phòng tối cao.

Những đề xuất của Hồ Chí Minh về nhân sự, về tổ chức Chính phủ luôn được Ban Thường trực Quốc hội hoàn toàn nhất trí. “Đây là một nét đặc biệt trong quan hệ giữa Chính phủ - cơ quan hành chính cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong hoàn cảnh kháng chiến, với Quốc hội - cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất”<sup>3</sup>. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, sự gắn bó đặc biệt, độc đáo trong mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước đã góp phần tập trung trí lực, sự đồng tâm, đồng chí, đồng lòng và sự nỗ lực của bộ chỉ huy tối cao khi tổ chức, lãnh đạo cuộc chiến tranh nhân dân.

Cũng trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương Đảng mở rộng (ngày 15-7-1948) về việc cần phải nâng cao vai trò của Chính phủ Trung ương và Ban Thường trực Quốc hội, tháng 2-1950, Ban Thường trực Quốc hội đã họp và bầu bổ sung ba uỷ viên dự khuyết vào Ban Thường trực Quốc hội chính thức. Tại cuộc họp này, thay mặt Chính phủ, đồng chí Phạm Văn Đồng khẳng định: “Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ luôn luôn mật thiết liên lạc, mật thiết công tác trong mọi công việc lãnh đạo kháng chiến và kiến quốc”<sup>2</sup>.

---

1, 3. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-1955*, Sđd, tr. 167, 160.

2. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Sđd, tr.



Kết luận này không chỉ nhấn mạnh mối liên hệ mật thiết giữa Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ Hồ Chí Minh, mà còn khẳng định sự đồng thuận của Ban Thường trực Quốc hội với những quyết sách của Chính phủ. Đó là ý nghĩa lớn lao của sự đồng tâm hiệp lực và việc Hồ Chí Minh đã thành công khi phát huy vai trò quyền lực của Ban Thường trực Quốc hội - cơ quan thay mặt Quốc hội trong suốt những năm kháng chiến chống Pháp. Không chỉ luôn bên cạnh Chính phủ, tham gia ý kiến cùng Chính phủ và ủng hộ những đề nghị của Hồ Chí Minh, tiếng nói và hoạt động của Ban Thường trực Quốc hội “nhất là trong những giờ quan trọng, đã đem lại cho toàn thể đồng bào mỗi tin tưởng thêm vững chắc vào cuộc kháng chiến và sự lãnh đạo của Chủ tịch Hồ Chí Minh... Thay mặt Quốc hội hợp pháp duy nhất của nhân dân Việt Nam, Ban Thường trực đoàn kết nhân dân toàn quốc chung quanh Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh”<sup>1</sup>.

Đánh giá về những hoạt động và ghi nhận những cống hiến của Chính phủ Hồ Chí Minh, Quốc hội tuyên bố: “Chỉ có Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh là Chính phủ đã được Quốc hội thừa nhận và hoàn toàn tín nhiệm; bất kỳ Chính phủ nào lập ra cũng là bất hợp pháp và trái ngược với nguyện vọng và quyền lợi của quốc dân”<sup>2</sup>.

Nhân kỷ niệm ba năm ngày *Toàn quốc kháng chiến*,

---

125.

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, *Sđd*, t. 1, tr. 277.

2, 2, 3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, *Sđd*, t. 1, tr. 163, 200, 205.

Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gửi thư cho đồng bào toàn quốc và khẳng định: “Quốc hội đại diện cho toàn thể đồng bào đã làm theo ý nguyện của đồng bào để tranh thủ thống nhất và độc lập thật sự để xây dựng một nước Việt Nam dân chủ mới. Quốc hội thay mặt toàn quốc đã luôn luôn sát cánh với Chính phủ kháng chiến để thực hiện ý nguyện đó”<sup>2</sup> và “Chính phủ do Hồ Chủ tịch lãnh đạo đang tiến cả về cứu quốc và kiến quốc, và hơn lúc nào hết, được toàn quốc, các nước dân chủ cùng nhân dân thế giới tin tưởng, ủng hộ”<sup>3</sup>.

Về việc phát huy vai trò của đại diện cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong kháng chiến, báo cáo hoạt động hằng năm của Ban Thường trực Quốc hội đều khẳng định: Ban Thường trực Quốc hội đã luôn cùng Chính phủ, thường xuyên công tác mật thiết, tham dự các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ (đóng góp ý kiến, giám sát hoạt động), động viên nhân dân dốc toàn lực cho kháng chiến (thông qua những bức thư, những lời hiệu triệu, các phái đoàn đi về các địa phương, v.v.). Sự gắn bó mật thiết giữa Chính phủ Hồ Chí Minh và Ban Thường trực Quốc hội, đặc biệt là mối thân tình giữa vị lãnh tụ Hồ Chí Minh và các vị trong Ban Thường trực Quốc hội trong mọi mặt công tác, đã trở thành nguồn động viên to lớn đối với quân dân cả nước.

Thực hiện nhiệm vụ và sự uỷ thác của nhân dân, các đại biểu Quốc hội cũng dốc sức cùng toàn dân trường kỳ kháng chiến. Tuyệt đại đa số các đại biểu Quốc hội đều đang đảm nhiệm những chức vụ quan trọng trong bộ máy kháng chiến: “58 vị đại biểu công tác ở chính quyền, 24 vị đại biểu công tác ở quân đội, 75 vị ở các ngành chuyên môn, 69 vị ở các đoàn

thể nhân dân, 5 vị công tác ở ngoại quốc”<sup>1</sup>. Khi họp Quốc hội, các đại biểu là những người thay mặt cho nhân dân quyết định việc nước. Sau khi họp trở về địa phương, họ cũng tham gia gánh vác trọng trách trong mọi ngành công tác, để cùng nhân dân tiến hành kháng chiến.

Dù giao thông liên lạc khó khăn, song trong thực tế điều hành Chính phủ, một mặt, Hồ Chí Minh gắn bó, tranh thủ ý kiến của Ban Thường trực Quốc hội, mặt khác, Người cùng các thành viên Chính phủ, Ban Thường trực Quốc hội cố gắng duy trì mối quan hệ trực tiếp với nhân dân và chính quyền các cấp, đồng thời tìm cách liên hệ với các đại biểu ở các địa phương, cung cấp những tài liệu cần thiết cho các vị đại biểu, theo dõi tin tức hoạt động để tăng cường mối liên lạc. Các đại biểu cũng thường xuyên liên lạc với Ban Thường trực, “ở Liên khu III và Liên khu V, các đại biểu Quốc hội đã có sáng kiến đặt phòng liên lạc để một mặt phối hợp công tác với uỷ ban kháng chiến hành chính địa phương, một mặt liên lạc với Ban Thường trực Quốc hội”<sup>2</sup>, để thông qua đó nắm được tình hình địa phương, nguyện vọng của nhân dân và kế hoạch công tác của mình, đồng thời nhanh chóng chuyển những kiến nghị của nhân dân lên Chính phủ trung ương và Ban Thường trực Quốc hội.

Mặt khác, vì các đại biểu Quốc hội công tác ở các địa

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 3*, từ ngày 1 đến ngày 4-12-1953, tr. 40. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 3*, từ ngày 1 đến ngày 4-12-1953, tr. 40. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

phương, nên đã có sáng kiến tổ chức “hợp từng khu hay từng tỉnh để cùng nhau xem xét tình hình nhân dân, đề đạt ý nguyện dân lên Thường trực Quốc hội và Chính phủ, giúp đỡ Chính phủ và Ủy ban kháng chiến hành chính điều khiển công cuộc kháng chiến”<sup>1</sup>. Theo đề nghị của Hồ Chí Minh, Ban Thường trực Quốc hội đã nhất trí tổ chức nhiều phái đoàn về công tác tại các địa phương để phổ biến đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Chính phủ trong kháng chiến, nhằm tăng cường mối quan hệ mật thiết giữa đại biểu Quốc hội và nhân dân các địa phương, sát cánh cùng nhân dân tổ chức sản xuất và chiến đấu. Mỗi khi về địa phương, các đoàn công tác đều chú ý vấn đề chính sách thuế nông nghiệp, phát triển thủy nông, chuyển hướng canh tác, vận động sản xuất và tiết kiệm, v.v.. Sự quan tâm sâu sát của Hồ Chí Minh, của Ban Thường trực Quốc hội cùng Chính phủ và các đại biểu Quốc hội, không chỉ tạo ra mối quan hệ mật thiết giữa Hồ Chí Minh - Chính phủ - Ban Thường trực Quốc hội, mà còn kịp thời động viên nhân dân các địa phương từng bước xây dựng nền kinh tế tự cấp, tự túc, kết hợp với phá hoại kinh tế của địch, xây dựng và củng cố hậu phương vững mạnh.

Đánh giá về mối quan hệ luôn được củng cố chặt chẽ và hiệu quả này, báo cáo của Ban Thường trực Quốc hội khẳng định: “Quốc hội rất vui mừng vì thấy Chính phủ Trung ương và các cấp chính quyền với sự hợp lực của các đại biểu Quốc hội đã hết sức tôn trọng bản *Hiến pháp*, sáng suốt trong mọi công việc, chỉ phạm có một mục đích là phụng sự nhân dân và Tổ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 9, tr. 33.

quốc: làm sao cho nhân dân sung sướng, Tổ quốc chóng độc lập, tự do”<sup>1</sup>. Trong thời kỳ đầu kháng chiến, mối liên lạc giữa các đại biểu Quốc hội với nhau, giữa Ban Thường trực Quốc hội và các đại biểu gặp nhiều khó khăn, “nhưng mỗi ngày sự liên lạc đó được thắt chặt thêm”<sup>2</sup>, và mặc dù chưa được như ý muốn, song hoạt động tích cực của đại đa số các vị đại biểu Quốc hội từ trung ương xuống địa phương đã xứng đáng với sự tín nhiệm của quốc dân.

Như vậy là, xuất phát từ điều kiện chiến tranh ác liệt, giao thông liên lạc khó khăn, Hồ Chí Minh đã thông qua vai trò của Ban Thường trực Quốc hội, để phát huy vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Thông qua việc uỷ nhiệm cho Ban Thường trực Quốc hội, cụ Trưởng ban Thường trực Quốc hội đã thường xuyên trao đổi, góp ý kiến với Chính phủ, với Chủ tịch Chính phủ trong việc giải quyết mọi công việc quốc gia. Sự sát cánh vì công việc chung giữa Hồ Chí Minh và các thành viên Chính phủ cùng Ban Thường trực Quốc hội đã tạo ra nét đặc biệt, mối quan hệ gần gũi trong hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất với cơ quan hành pháp thời kỳ này. Công hiến của Ban Thường trực Quốc hội, của các đại biểu Quốc hội và những đóng góp của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng, hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất đã “chứng tỏ rõ rệt nền

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 213.

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 3*, Tlđd, tr. 40.

dân chủ của chúng ta là nền dân chủ thực sự của nhân dân. Quốc hội chúng ta là một Quốc hội dân chủ chân chính”<sup>1</sup>.

Trong những năm kháng chiến, thông qua những bức điện văn ở khắp ba miền Bắc, Trung, Nam gửi về cho Ban Thường trực Quốc hội, nhân dân ta đã bày tỏ sự tin tưởng vào “chính thể dân chủ cộng hòa, tin tưởng ở Quốc hội và Chính phủ kháng chiến Hồ Chí Minh, nguyện xin đại đoàn kết chặt chẽ, hết sức nỗ lực thi đua ái quốc”<sup>2</sup>, thể hiện tinh thần bất hợp tác với giặc và tích cực hoạt động để ủng hộ cuộc kháng chiến.

### ***b) Điều hành đất nước bằng hệ thống văn bản dưới luật***

Trong điều kiện Quốc hội không có điều kiện triệu tập thường kỳ các phiên họp để xây dựng và ban hành các đạo luật, thực hiện quyền hạn của mình theo *Hiến pháp* quy định, với tư cách là Chủ tịch nước, đồng thời là người đứng đầu Chính phủ, Hồ Chí Minh đã thực hiện việc quản lý đất nước chủ yếu bằng sắc lệnh và nghị định.

Những sắc lệnh, nghị định của Nhà nước do Hồ Chí Minh ký về củng cố bộ máy chính quyền các cấp, về kinh tế, văn hoá xã hội, v.v. đã kịp thời đáp ứng nhu cầu của tình hình thực tiễn. Đồng thời, các văn bản dưới luật đó còn thể hiện sự quan tâm chu đáo của Đảng, Chính phủ, sự giám sát kịp thời của Ban

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 3, Tlđđ*, tr. 40.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđđ*, t. 1, tr. 212.

Thường trực Quốc hội về những vấn đề liên quan mọi mặt của đời sống xã hội thời chiến.

Xác định rõ tất cả các cơ quan quyền lực nhà nước đều là nơi thực hiện sự uỷ thác quyền lực của nhân dân, Hồ Chí Minh nhấn mạnh vai trò của cơ quan quyền lực các cấp: Nhân dân bầu ra các đại diện của mình vào Hội đồng nhân dân, Uỷ ban kháng chiến hành chính địa phương, Quốc hội và Chính phủ Trung ương để thực hiện quyền lực của nhân dân là dân chủ. Theo Người, sự thống nhất, tập trung, vừa dân chủ, vừa tập trung của các cơ quan chính quyền, sẽ phát huy được vai trò “mạnh mẽ, sáng suốt” của mình. Thời kỳ này, một trong những vấn đề được Hồ Chí Minh đặc biệt lưu tâm là: củng cố chính quyền địa phương (theo Sắc lệnh số 34/SL ngày 19-3-1947), bầu cử uỷ viên uỷ ban kháng chiến hành chính tỉnh, xã và tăng số uỷ viên uỷ ban kháng chiến hành chính liên khu và tỉnh (theo Sắc lệnh số 95/SL ngày 14-6-1952), chăm lo đến đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nhà nước (theo Sắc lệnh số 188/SL ngày 29-5-1948 và Sắc lệnh số 76/SL ngày 20-5-1950), v.v.. Nội dung những văn bản pháp luật này đã thể hiện rõ “một bước tiến quan trọng về tổ chức hành chính của gòong máy nhà nước trong điều kiện thời chiến”<sup>1</sup>, tạo sự đồng bộ để các cơ quan nhà nước vận hành có hiệu quả.

Việc ban hành các văn bản dưới luật đã góp phần ổn định tổ chức bộ máy chính quyền các cấp, không những khẳng định vai trò quan trọng của pháp luật trong tổ chức, quản lý xã hội, mà còn thể hiện “một bước tiến quan trọng về tổ chức

---

1, 2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-1955*, *Sđd*, tr. 173.

hành chính của guồng máy nhà nước trong điều kiện thời chiến. Sự đồng bộ giữa nhân sự và cơ cấu tổ chức của hệ thống cơ quan hành chính là điều kiện cần thiết để guồng máy nhà nước vận hành có hiệu quả”<sup>2</sup>. Dù chiến tranh ác liệt, bên cạnh việc tập trung cho kháng chiến, quan tâm đến việc củng cố, tăng cường bộ máy quyền lực ở các cấp, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã thông qua Ban Thường trực Quốc hội, chú ý thực hiện những quyền dân chủ cho nhân dân, vừa phát huy sức mạnh của nhân dân trong việc củng cố và giữ vững chính quyền cách mạng, vừa động viên nhân dân góp sức cho kháng chiến.

Hồ Chí Minh nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của hậu phương đối với việc đẩy mạnh kháng chiến, tập trung cho mục tiêu kháng chiến, nên đặc biệt quan tâm đến nhiệm vụ củng cố và tăng cường sức mạnh của hậu phương. Trong mỗi chính sách của Chính phủ liên quan đến vấn đề này, Hồ Chí Minh đều tranh thủ ý kiến đóng góp của Ban Thường trực Quốc hội. Từ sự nhất trí của Ban Thường trực Quốc hội, Người đã ban hành nhiều văn bản pháp luật liên quan đến lĩnh vực kinh tế, trong đó có nhiều sắc lệnh về sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, các loại thuế, việc động viên sức người, sức của cho kháng chiến, v.v.. Nội dung các văn bản này đã góp phần cổ vũ nhân dân đẩy mạnh sản xuất, đảm bảo yêu cầu tự cung tự cấp về mọi mặt, vừa phá hoại kinh tế của địch, vừa xây dựng nền kinh tế hậu phương thời chiến.

Từ điều kiện thực tiễn và việc đẩy mạnh sản xuất, bồi dưỡng sức dân, sau khi tham khảo ý kiến của Ban Thường trực Quốc hội, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã quyết định thực hiện giảm tô (theo Sắc lệnh số 74/SL ngày 14-7-1949), sử dụng



ruộng đất vắng chủ (theo Sắc lệnh số 25/SL ngày 13-2-1950), cải tiến chế độ thuế khoán, thống nhất thuế nông nghiệp (theo Sắc lệnh số 40/SL ngày 15-7-1951), quy định về chính sách ruộng đất của Chính phủ (theo Sắc lệnh số 149/SL ngày 12-4-1953), v.v.. Nội dung các văn bản pháp luật do Chính phủ Hồ Chí Minh ban hành đã “gây không khí sôi nổi trong nhân dân”, tác động to lớn đến tình hình phát triển sản xuất nông nghiệp và đời sống của nhân dân. Cùng với việc thực hiện thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, coi đó là vấn đề trung tâm của phong trào *Thi đua yêu nước* (theo *Lời kêu gọi Thi đua ái quốc* ngày 11-6-1948 của Hồ Chí Minh), các sắc lệnh này đã từng bước tạo điều kiện thuận lợi để tiến tới thực hiện cải cách ruộng đất, thực hiện mục tiêu “người cày có ruộng” của Nhà nước ta. Như vậy là, dù mới chỉ từng bước thực hiện chính sách ruộng đất trong thời kỳ kháng chiến, song chính sách và biện pháp thực hiện về ruộng đất, chẳng những có tác dụng cổ vũ nông dân tăng gia sản xuất, cải thiện đời sống, động viên tinh thần hăng hái kháng chiến, mà còn thể hiện rõ mục tiêu dân chủ của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

Trong thời kỳ kháng chiến, vấn đề thuế nông nghiệp cũng được Người và Chính phủ lưu tâm, cân nhắc. Theo ông Lê Văn Hiến - Bộ trưởng Bộ Tài chính của Chính phủ, trước khi ban bố các sắc lệnh liên quan đến lĩnh vực này, Hồ Chí Minh yêu cầu: “Nghiên cứu, điều tra, cho người đi thực tập, chỉ đạo riêng, thăm dò dư luận... cân nhắc kỹ càng rồi mới ban bố”<sup>1</sup>. Cùng với thuế nông nghiệp, thuế công thương nghiệp,

---

1. Lê Văn Hiến: *Nhật ký của một bộ trưởng*, *Sđd*, t. 2, tr. 195.

## Chương II: Hồ Chí Minh với việc phát huy vai trò...

quy định về việc bảo quản thóc gạo, quản lý tài chính theo hướng mới, đấu tranh kinh tế với địch, nhiều văn bản pháp luật khác như: Sắc lệnh số 118/SL ngày 18-10-1949 về thành lập các Ủy ban xí nghiệp tại những xí nghiệp quốc gia Việt Nam, Sắc lệnh số 127/SL ngày 4-11-1952 ban hành điều lệ về doanh nghiệp quốc gia, v.v. đã thể hiện rõ quan điểm của Người và Chính phủ trong việc chú trọng phát triển khu vực kinh tế nhà nước và hợp tác xã, từng bước thu hẹp dần thể lực kinh tế, chính trị của giai cấp địa chủ phong kiến.

Không chỉ quan tâm chú trọng đến vấn đề phát triển kinh tế, tài chính tiền tệ, Người còn chỉ đạo Chính phủ đồng thời quan tâm xây dựng nền văn hóa, giáo dục kháng chiến và kịp thời ban hành Sắc lệnh số 126/SL ngày 4-11-1949, quy định chế độ nghĩa vụ quân sự trong chiến tranh, Sắc lệnh số 20/SL ngày 12-2-1950, quyết định Tổng động viên nhân lực, vật lực và tài lực của nhân dân ta để tiến tới Tổng phản công, Sắc lệnh số 93/SL ngày 22-5-1950, đặt nghĩa vụ kháng chiến, v.v. nhằm phát huy mọi tiềm lực của nhân dân cho sự nghiệp kháng chiến.

Như vậy là, từ tháng 12-1946 đến trước khi Quốc hội họp kỳ thứ ba tại Việt Bắc tháng 12-1953, dựa vào *Hiến pháp* được Quốc hội thông qua tháng 11-1946 và thực tiễn kháng chiến, được sự đồng ý của Ban Thường trực Quốc hội, Chính phủ Hồ Chí Minh đã ban hành nhiều sắc lệnh, nghị định, thông tư để tổ chức, điều hành một cách có hiệu quả công cuộc kháng chiến và kiến quốc. Tinh thần và những chế định của Hiến pháp năm 1946 đã được các cơ quan nhà nước tiếp nhận và vận dụng linh hoạt, phù hợp với thực tiễn.

Ban Thường trực Quốc hội luôn theo dõi những hoạt

động của Chính phủ và góp ý kiến cho Chính phủ về nội dung các sắc lệnh, các chương trình, kế hoạch công tác quan trọng, vừa thực hiện chức năng giám sát của Quốc hội, vừa “nguyện triệt để cùng với Chính phủ đồng tâm nỗ lực làm cho cuộc toàn dân kháng chiến do Hồ Chủ tịch lãnh đạo mau được kết quả hoàn toàn... để gây hạnh phúc cho toàn thể quốc dân về tương lai”<sup>1</sup>.

Mặc dù chiến tranh ác liệt, nhưng Hồ Chí Minh và Ban Thường trực Quốc hội rất quan tâm đến việc nghiên cứu dự thảo một số luật và tu chính *Hiến pháp*, để có thể tiến hành việc quản lý, điều hành đất nước bằng pháp luật ngày một hiệu quả hơn. Tuy nhiên, vì điều kiện chiến tranh, cho nên hoạt động của Người và Chính phủ cùng Ban Thường trực Quốc hội trong lĩnh vực lập pháp chỉ tập trung vào việc ban hành các sắc lệnh liên quan đến thời chiến, đến bộ máy kháng chiến, tiếp tục nhiệm vụ lập hiến (tu sửa *Hiến pháp*, thúc đẩy việc làm dự án bộ luật dân chủ), kiện toàn nội bộ (sửa đổi nội quy, chấn chỉnh văn phòng), v.v. còn các lĩnh vực khác trong đời sống xã hội thì không có nhiều.

Ngày 18-6-1949, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 72/SL lập Hội đồng tu luật gồm có đại biểu Chính phủ, đại biểu đoàn thể nhân dân và đại diện của Ban Thường trực Quốc hội do Bộ Tư pháp chủ trì. Với 25 thành viên, Hội đồng có nhiệm vụ thảo những dự án luật cho nước nhà, “đặt trong phạm vi phụ trách của Bộ Tư pháp”. Nội dung của sắc lệnh này cho thấy tư tưởng hiến trị, pháp trị của Hồ Chí Minh đã phát triển thêm

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 179.

một bước. Người đã chủ trương nhà nước quản lý, điều hành xã hội bằng các đạo luật, hạn chế dần việc sử dụng các văn bản dưới luật. Cùng ngày, Sắc lệnh số 49/SL do Người ký đã ban hành Bộ luật thuế trực thu (gồm 9 chương, 125 điều) được áp dụng trong toàn quốc từ ngày 1-1-1950.

Tuy nhiên, cũng xuất phát từ thực tế, sau khi tiếp thu ý kiến của Ban Thường trực Quốc hội về việc nên chuyển cơ quan quản lý Hội đồng tu luật, Hồ Chí Minh nêu rõ: “Hiện tại cơ quan đại diện cho nhân dân thì không gì bằng Quốc hội, mà vì lúc kháng chiến Quốc hội không họp được thì Ban Thường trực là cơ quan thay mặt nó; cho nên việc lập luật Ban Thường trực Quốc hội phải đảm nhận”<sup>1</sup>. Ý kiến của Người đã được mọi người thảo luận, đồng ý và sau đó, báo cáo công tác của Ban Thường trực Quốc hội cũng khẳng định: “Ban Thường trực Quốc hội đã công nhận việc Quốc hội đảm nhận việc làm luật là đúng và giao cho Ban Thường vụ phụ trách nghiên cứu tổ chức hội đồng tu luật cùng lề lối làm việc của hội đồng này”<sup>2</sup>.

Sau khi có sự thoả thuận của Ban Thường trực Quốc hội, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 85/SL ngày 22-5-1950 về việc cải cách cấp bách nền tư pháp, “ghi một điểm tiến bộ lớn ở chỗ nhân dân hoá nền tư pháp của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”<sup>3</sup>. Việc tu chỉnh *Hiến pháp* đã được Người và Ban Thường trực Quốc hội chú ý, song công việc này sẽ được giải quyết thông qua việc “Ban Thường trực Quốc hội sẽ cùng Chính phủ xét và quyết định việc ban bố toàn thể hay bộ phận

---

1, 2, 3, 4. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 334, 333, 317, 334.

luật dưới hình thức những sắc luật. Sau này, toàn thể Quốc hội sẽ định đoạt lại về bộ luật của nước Việt Nam”<sup>4</sup>.

Không chỉ tập trung giải quyết những công việc hệ trọng nêu trên, phát huy vai trò của cơ quan quyền lực tối cao, thay mặt cho nhân dân cả nước quyết định những công việc chung của quốc gia, Ban Thường trực Quốc hội đã cùng Hồ Chí Minh “kịp thời động viên đồng bào Nam Bộ kháng chiến, tìm phương sách đối phó với quân cướp nước hung hãn mong cho công cuộc giải phóng đất nước chóng thành đạt để chóng có cuộc Nam, Trung, Bắc “phùng lai một nhà” cùng nhau vui vầy ca khúc khai hoàn”<sup>1</sup>; đồng thời phát triển liên lạc quốc tế, “cố gắng gây thiện cảm với các nước dân chủ trên thế giới để cùng các nước bạn thắt chặt hàng ngũ để chiến đấu cho độc lập và thống nhất của nước nhà, cũng như cho hòa bình và dân chủ của thế giới”<sup>2</sup>.

Trong những năm kháng chiến, bằng những quyết sách, những nỗ lực của mình, Hồ Chí Minh đã khẳng định vai trò to lớn của một Chủ tịch Đảng, đại biểu Quốc hội, Chủ tịch nước, Chủ tịch Chính phủ - linh hồn của cuộc kháng chiến và kiến quốc. Qua thực tế lãnh đạo, tổ chức điều hành Chính phủ, phối hợp cùng Ban Thường trực Quốc hội lãnh đạo nhân dân vừa kháng chiến vừa kiến quốc, Hồ Chí Minh đã cùng các vị trong Ban Thường trực Quốc hội và Chính phủ đoàn kết, đồng lòng, hiệp sức, hiệp lực, đưa sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta ngày một phát triển.

Cũng vì những điều kiện đặc biệt của thời chiến, nhiều vấn

---

1, 2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 171, 338.

đe dọa nội và đối ngoại phải được thống nhất và quyết định nhanh chóng, nên nhiều phiên họp thường kỳ của Hội đồng Chính phủ, hoặc những phiên họp đặc biệt chỉ có sự tham dự, góp ý của Trưởng ban Thường trực Quốc hội. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến, dựa vào những chế định của *Hiến pháp năm 1946*, Hồ Chí Minh đã lãnh đạo cuộc kháng chiến toàn dân với cương vị là Chủ tịch nước, đồng thời là người đứng đầu Chính phủ.

Sau đó, khi những khó khăn ban đầu đã qua, cuộc kháng chiến ngày càng phát triển, để tập trung cho nhiệm vụ đưa cuộc kháng chiến nhanh chóng đến thành công, Người dành thời gian tập trung giải quyết những công việc của Chủ tịch nước, chỉ tham dự và chủ tọa Hội đồng Chính phủ khi thấy cần thiết (1949 - 1952). Người “ban hành các sắc lệnh, còn Phó Thủ tướng Chính phủ được chỉ định tập trung vào lãnh đạo công tác của Hội đồng Chính phủ, ban hành nghị định, chỉ thị”<sup>1</sup>.

Trong điều kiện chiến tranh, Hồ Chí Minh là vị lãnh tụ của Đảng được Quốc hội trao trọng trách nguyên thủ quốc gia, đồng thời là người trực tiếp điều hành Chính phủ. Sự tập trung quyền lực này trong thực tế, không những đảm bảo quyền lãnh đạo của Đảng, thực hiện được quyền lực Nhà nước tập trung thống nhất, mà còn phát huy được quyền hạn của Chính phủ trong việc tổ chức thực thi có hiệu quả nhiệm vụ kháng chiến, kiến quốc theo quy định của *Hiến pháp năm 1946* và Nghị quyết của Quốc hội ngày 9-12-1946 về việc ủy

---

1. Bùi Ngọc Sơn: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiết chế Chủ tịch nước ở Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5-2005, tr. 5.

nhiệm Chính phủ và Ban Thường trực Quốc hội thi hành *Hiến pháp*. Trong thời gian chưa thể thi hành được thì Ban Thường trực Quốc hội phải dựa vào những nguyên tắc đã định trong *Hiến pháp* để ban hành các sắc luật.

Là người sớm nhận thức được vai trò của pháp luật và tư tưởng của Người về “thần linh pháp quyền” được hình thành trong quá trình khảo nghiệm và xây dựng học thuyết cách mạng về giải phóng dân tộc, đến khi trở thành người lãnh đạo cao nhất của một quốc gia độc lập, Hồ Chí Minh đã từ điều kiện đặc thù của nước nhà, từng bước thực hiện quyền tự do, dân chủ, quyền lợi và nghĩa vụ công dân cho đông đảo quần chúng nhân dân bằng quá trình xây dựng, ban hành một hệ thống các văn bản dưới luật theo những nguyên tắc của *Hiến pháp*.

Tuy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mới chỉ ban hành các sắc lệnh, không phải là các đạo luật như Hồ Chí Minh từng mong muốn và yêu cầu từ năm 1919, song nội dung và tinh thần của các văn bản ấy đã đáp ứng được yêu cầu thực tiễn đòi hỏi. Nghiên cứu kỹ bối cảnh ra đời, nội dung, ý nghĩa của các sắc lệnh do Hồ Chí Minh ký và ban hành khi đó, mới thấy được bản lĩnh chính trị, sự nhạy bén, uyển chuyển trong hoạt động thực tiễn của Người và Ban Thường trực Quốc hội.

Tất cả các văn bản dưới luật này đều thấm đẫm tính nhân văn, không mâu thuẫn với quan điểm nhất quán mà Hồ Chí Minh theo đuổi: đó là xây dựng một Nhà nước pháp quyền, sử dụng pháp luật làm công cụ quản lý xã hội. Những văn bản dưới luật “mang dấu ấn Hồ Chí Minh” thời kỳ này, dù chưa phải là các đạo luật được Quốc hội thông qua, song đã

phản ánh được ý nguyện của nhân dân, cho nên, thiết thực đem lại cho nhân dân niềm tin tưởng vào lý tưởng độc lập, tự do, bình đẳng, dân quyền của chế độ cộng hòa, tin tưởng vào bộ máy chính quyền mạnh mẽ, sáng suốt của nhân dân. Điều này đã được thể hiện rõ qua những thành tựu của sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc.

## **2. Hồ Chí Minh với kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa I**

Sau 5 năm tiến hành cuộc kháng chiến vĩ đại, nhân dân Việt Nam đã vượt những khó khăn, thử thách ban đầu và thu được nhiều thắng lợi. Cuộc kháng chiến của nhân dân ta ngày càng phát triển, nhưng con đường kháng chiến đầy chông gai của dân tộc Việt Nam vẫn còn phải kinh qua nhiều gian khổ. Tuy nhiên, trước những biến chuyển lớn của tình hình quốc tế và trong nước, *Đại hội đại biểu lần thứ II Đảng Cộng sản Đông Dương* đã họp ở Việt Bắc từ ngày 11 đến ngày 19-2-1951. Đại hội khẳng định: “Lúc này phải tập trung lực lượng vào việc kháng chiến để quyết thắng quân xâm lược”<sup>1</sup> và quyết định nhiều vấn đề hệ trọng, có ý nghĩa to lớn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Đại hội quyết định tách Đảng Cộng sản Đông Dương, lập ra Đảng Lao động Việt Nam, tiếp tục sự nghiệp của Đảng Cộng sản Đông Dương đối với cách mạng Việt Nam. Đại hội quyết định đưa Đảng ra hoạt động công khai. Đảng Lao động Việt Nam trực tiếp lãnh đạo cách mạng Việt Nam, tiếp tục giúp đỡ, phối hợp với cách mạng Lào, Campuchia, đưa sự nghiệp cách mạng của hai dân tộc anh em cùng tiến lên.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 12, tr. 434.



Đại hội đã bầu Hồ Chí Minh làm Chủ tịch Đảng Lao động Việt Nam, thông qua *Chính cương* của Đảng Lao động Việt Nam, xác định con đường tiến lên của cách mạng Việt Nam, đề ra ba nhiệm vụ của cách mạng và 12 chính sách lớn của Đảng, đề đẩy mạnh kháng chiến đến thắng lợi và đặt cơ sở để kiến thiết quốc gia. Về chính quyền nhân dân, Đảng nêu rõ: “1- Chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân nghĩa là của công nhân, nông dân, tiểu tư sản thành thị, tiểu tư sản trí thức, tư sản dân tộc và các thân sĩ (địa chủ) yêu nước và tiến bộ. Những tầng lớp nhân dân ấy chuyên chính đối với đế quốc xâm lược và bọn phản quốc. Cho nên nội dung chính quyền đó là nhân dân dân chủ chuyên chính; 2- Chính quyền đó dựa vào Mặt trận dân tộc thống nhất, lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo; 3- Nguyên tắc tổ chức của chính quyền đó là dân chủ tập trung. Cơ quan chính quyền ở địa phương là Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính (hiện nay là Ủy ban kháng chiến hành chính). Cơ quan chính quyền tối cao toàn quốc là Quốc hội và Hội đồng Chính phủ”<sup>1</sup>.

Dưới ánh sáng Nghị quyết Đại hội lần thứ II Đảng Lao động Việt Nam, công cuộc kháng chiến và kiến quốc của nhân dân Việt Nam đã giành được những thắng lợi to lớn. Sự lớn mạnh của chính quyền dân chủ nhân dân, việc thực hiện chính sách dân tộc, sự phát triển của khối đại đoàn kết toàn dân trong Mặt trận liên hiệp quốc dân Việt Nam (gọi tắt là Liên Việt), đẩy mạnh xây dựng lực lượng vũ trang ba thứ

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 437.

quân (gồm bộ đội chủ lực, bộ đội địa phương và dân quân du kích), v.v. là những nhân tố, tạo đà cho việc đẩy mạnh và kết thúc cuộc kháng chiến.

Trong quá trình kháng chiến, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã huy động mọi nguồn nhân lực, vật lực, động viên tất cả để phục vụ chiến trường. Theo quan điểm của Người: “Trong vệ quốc quân và bộ đội địa phương, dân quân du kích số đông là nông dân. Tăng gia sản xuất để nuôi bộ đội, nuôi công nhân và công chức, là nông dân... Nói tóm lại, nông dân là lực lượng rất to lớn của dân tộc, một đồng minh rất trung thành của giai cấp công nhân. Muốn kháng chiến kiến quốc thành công, muốn độc lập thống nhất thực sự ắt phải dựa vào lực lượng của nông dân”<sup>1</sup>.

Cũng theo Người, muốn động viên nguồn nhân lực, tất yếu phải đi đôi với bồi dưỡng sức dân, trong đó đông đảo nhất là nông dân. Để giải quyết vấn đề này, một trong những chính sách cơ bản của Đảng và Chính phủ là phải từng bước đem lại ruộng đất cho nông dân.

Về vấn đề này, thực tiễn cho thấy, tuy chưa tiến hành cải cách ruộng đất, nhưng việc Chính phủ bước đầu thực hiện chính sách ruộng đất (trong khoảng thời gian từ năm 1946 đến năm 1953) đã đem đến cho nông dân những quyền lợi đáng kể về ruộng đất. Quá trình thực hiện từng bước khẩu hiệu “người cày có ruộng” trong thời kỳ kháng chiến, cũng đã tạo ra sự thay đổi khá cơ bản về tình hình chiếm hữu ruộng đất ở nước ta.

Đặc biệt, sau chuyến đi thăm bí mật Trung Quốc và Liên

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 5, tr. 710.

Xô đầu năm 1950, và sau cuộc hội kiến với Xtalin, vấn đề giải quyết nhiệm vụ dân chủ, đem lại ruộng đất cho nông dân trong thời kỳ kháng chiến đã được Hồ Chí Minh và Trung ương Đảng xem xét một cách cẩn trọng và đi đến quyết định. *Một mặt*, có thể là dưới tác động của tình hình quốc tế và sức ép từ phía Liên xô, *mặt khác*, trước yêu cầu cấp bách của việc bồi dưỡng sức dân, củng cố hậu phương, chi viện cho tiền tuyến, nên đầu năm 1953, theo đề nghị của Chính phủ, Hội nghị liên tịch giữa Ban Thường trực Quốc hội và Ủy ban Mặt trận Liên Việt toàn quốc được triệu tập. Sau khi thảo luận, Hội nghị này đã nhất trí với bản Đề án và hiệu triệu quốc dân tích cực thực hiện Đề án *Phóng tay phát động quần chúng, triệt để giảm tô, thực hiện giảm tức của Đảng Lao động Việt Nam*.

Theo Hồ Chí Minh, xoá bỏ chế độ phong kiến, thực hiện khẩu hiệu “Người cày có ruộng” sẽ góp phần đẩy mạnh cuộc kháng chiến của nhân dân ta. Cũng theo quan điểm của Người, giải quyết triệt để vấn đề ruộng đất là một nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp cách mạng, liên quan đến vận mệnh của quốc gia, do đó phải được Quốc hội - cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa xem xét và chuẩn y. Vì vậy, căn cứ vào các điều khoản của *Hiến pháp năm 1946*, sau khi thống nhất ý kiến, Hồ Chí Minh cùng Ban Thường trực Quốc hội quyết định triệu tập kỳ họp thứ 3 của Quốc hội khoá I, “đem theo ý chí, nguyện vọng của toàn dân để quyết định một việc lớn, quan hệ đến kháng chiến, đến hạnh phúc của nhân dân”<sup>1</sup> đó là cải cách ruộng đất.

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc*

Trong diễn văn khai mạc kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá I từ ngày 1 đến ngày 4-12-1953, đồng chí Tôn Đức Thắng nói: “Cuộc kháng chiến của ta đang tiến tới một giai đoạn mới, đòi hỏi ở nhân dân toàn quốc một nỗ lực phi thường. Việc bồi dưỡng sức dân, cung cấp nhu cầu cho kháng chiến là một vấn đề căn bản phải giải quyết”<sup>1</sup>, cho nên, Quốc hội họp kỳ này để “thảo luận bản dự án *Luật cải cách ruộng đất* của Chính phủ và biểu quyết Luật đó”<sup>2</sup>, vì “đạo luật này có liên quan đến vấn đề cốt tử là ruộng đất cho dân cày”<sup>3</sup>. Trong khi cuộc kháng chiến đang ở giai đoạn quyết liệt, việc quyết định triệu tập kỳ họp thứ 3 của Quốc hội, “thiệt là một khoá họp lịch sử tiêu biểu cho lòng kiên quyết kháng chiến và ý chí độc lập và dân chủ của nhân dân Việt Nam”<sup>4</sup>.

Thay mặt Hội đồng Chính phủ, Hồ Chí Minh đọc bản báo cáo về *Tình hình trước mắt và nhiệm vụ cải cách ruộng đất* và nêu rõ: Khẩu hiệu của ta trong thời kỳ kháng chiến là: “Tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”, mà kháng chiến càng phát triển, thì đòi hỏi sức người, sức của ngày càng nhiều. Phải bồi dưỡng cho nông dân thì mới động viên đầy đủ được lực lượng to lớn đó, cho nên, một nhiệm vụ trung tâm nữa của thời kỳ kháng chiến là cải cách ruộng đất.

Thay mặt Chính phủ, Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã

---

*hội toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 378.*

1, 2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t. 1, tr. 376, 377.*

3. Đào Trí Úc: *Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật, Tlđđ, tr. 6.*

4. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 3, Tlđđ, tr. 43.*

báo cáo với Quốc hội bản đề án về *Luật cải cách ruộng đất*. Hồ Chí Minh cũng đã trình bày với Quốc hội: Dự án *Luật cải cách ruộng đất* đã được Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ, Mặt trận, các đảng phái anh em nghiên cứu kỹ. Người mong Quốc hội nghiên cứu, thảo luận và thông qua, và nói: “*Luật cải cách ruộng đất* của ta chí nhân, chí nghĩa, hợp tình hợp lý. Chẳng những là làm cho cố nông, bần nông, trung nông ở dưới có ruộng cày, nhưng đồng thời chiếu cố đồng bào phú nông, đồng thời chiếu cố đến đồng bào địa chủ. Ngoài ra chúng ta chiếu cố đến đồng bào công thương nghiệp, chiếu cố cán bộ, công nhân, nhân dân lao động khác và đồng bào tản cư. Chúng ta cũng chiếu cố các chiến sĩ hy sinh xương máu để bảo vệ đất nước, chúng ta cũng chiếu cố chiến sĩ đã hy sinh một phần xương máu hay tính mạng cho Tổ quốc, đó là thương binh và gia đình tử sĩ”<sup>1</sup>.

Ngày 4-12-1953, sau nhiều cuộc thảo luận, “căn cứ vào yêu cầu của kháng chiến và quyền lợi chính đáng của nông dân, theo đề nghị của Chính phủ, Quốc hội đã thông qua *Luật cải cách ruộng đất*, xoá bỏ chế độ phong kiến và chiếm hữu ruộng đất... thực hiện người cày có ruộng”<sup>2</sup>; đồng thời nhân mạnh: “Thực hiện cải cách ruộng đất để đảm bảo thắng lợi hoàn toàn của kháng chiến”<sup>3</sup>.

Sau đó, Hồ Chí Minh ký Sắc lệnh số 197/SL ngày 19-12-1953 ban bố *Luật cải cách ruộng đất*. Sau khi nêu rõ

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 394-395.

2, 3. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 3, Tlđđ*, tr. 135, 415.

mục đích, ý nghĩa của cải cách ruộng đất, với 5 chương, 38 điều, *Luật cải cách ruộng đất* đã quy định các điều khoản cụ thể để áp dụng việc tịch thu, trưng thu và trưng mua đối với từng loại địa chủ; quy định cách chia ruộng đất, cơ quan chấp hành và phương pháp thực hiện cải cách ruộng đất và các điều khoản thi hành... Cũng tại kỳ họp thứ 3, Hồ Chí Minh thay mặt Chính phủ trình bày chính sách ngoại giao của Chính phủ trước Quốc hội và phân tích những câu trả lời phỏng vấn của Người với nhà báo Thụy Điển ngày 26-11-1953. Trong cuộc phỏng vấn đó, Hồ Chí Minh nêu rõ: Cuộc chiến tranh ở Việt Nam là do Chính phủ Pháp gây ra. Nhân dân Việt Nam phải cầm vũ khí anh dũng chiến đấu bảy, tám năm nay chống kẻ xâm lược chính là để bảo vệ nền độc lập và quyền tự do được sống hoà bình, nhưng sẵn sàng thương lượng giải quyết vấn đề hoà bình ở Việt Nam. Theo Người: “Cơ sở của việc đình chiến ở Việt Nam là Chính phủ Pháp thật thà tôn trọng nền độc lập thực sự của nước Việt Nam”<sup>1</sup>.

Tuyên bố nêu trên của Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ lập trường thiện chí của Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trong vấn đề giải quyết cuộc chiến tranh Pháp - Việt và lập trường đó đã được Quốc hội chuẩn y.

Trước thành công của kỳ họp, trong phiên bế mạc, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Khoá họp này, Quốc hội làm một việc vô cùng quan trọng là thông qua *Luật cải cách ruộng đất* để bỏ chế độ bóc lột phong kiến làm cho người cày có ruộng”<sup>2</sup>,

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 14, tr. 518.

2, 2, 3. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khoá I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 3*, Tlđđ, tr. 131, 130, 158.

tăng cường sức dân, thúc đẩy sản xuất nông nghiệp phát triển, góp phần đẩy mạnh và kết thúc cuộc kháng chiến.

Sau khi Quốc hội thông qua *Luật cải cách ruộng đất* Chính phủ đề nghị, Hồ Chí Minh nói: “Tôi xin có lời cảm ơn Quốc hội và xin hứa với Quốc hội rằng: Tôi và các anh em trong Chính phủ sẽ quyết tâm làm cho kháng chiến thắng lợi, cải cách ruộng đất thành công, để xứng đáng với sự thành công của Quốc hội và lòng tin cậy của nhân dân”<sup>2</sup>. Mang theo tinh thần của kỳ họp quan trọng này, và lời hứa của Người, các đại biểu Quốc hội khi trở về các địa phương sẽ không chỉ đem theo tinh thần thắng lợi của kỳ họp, ý chí quyết tâm kháng chiến đến thắng lợi của cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, mà còn “đem theo ý nghĩa *Luật cải cách ruộng đất* của Quốc hội về cho nhân dân. Đây là ý nguyện thiết tha của nhân dân đã được Quốc hội duyệt y”<sup>3</sup>.

Ngày 6-12-1953, trong khi vạch trần thủ đoạn của bọn thực dân Pháp trong việc tổ chức cái gọi là Hội nghị đại biểu nhân dân toàn quốc cho chính quyền Bảo Đại ở miền Nam, Hồ Chí Minh đã khẳng định rằng, chỉ có Quốc hội ta, cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, cơ quan quyết định những vấn đề quan trọng của nước nhà trong những năm qua: thông qua *Hiến pháp*, chuẩn y việc thành lập Chính phủ chính thức, thông qua *Luật cải cách ruộng đất*, quyết định việc tập trung mọi nguồn nhân tài, vật lực để đưa cuộc kháng chiến của nhân dân Việt Nam đi đến thắng lợi, mới thực sự là cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân cả nước.

Sau đó, cùng với những thắng lợi trên chiến trường, đặc biệt là chiến thắng của quân và dân ta ở Điện Biên Phủ, những

lợi thế về chính trị đã tạo điều kiện để Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ động đàm phán ở Hội nghị Gionevơ (1954). Trước tình hình mới, trong báo cáo tại Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương mở rộng (7-1954), Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nêu khẩu hiệu mới là “hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ” và đề ra ba nhiệm vụ mới và 10 công tác để chỉ đạo hoạt động của Đảng, Chính phủ, của toàn dân, toàn quân<sup>1</sup>. Hồ Chí Minh và Ban Thường trực Quốc hội luôn theo dõi tình hình diễn biến của Hội nghị Gionevơ để có ý kiến chỉ đạo kịp thời.

Ngày 21-7-1954, Hiệp định Gionevơ được ký kết, hoà bình được lập lại ở Đông Dương. Phó Thủ tướng Phạm Văn Đồng kiêm Bộ trưởng Bộ Ngoại giao nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Trưởng đoàn đàm phán Hội nghị Gionevơ đã nêu rõ: “Hiệp định Gionevơ và Tuyên bố cuối cùng của Hội nghị Gionevơ tóm lại gồm hai điểm quan trọng: *Một là*, quy định giới tuyến quân sự tạm thời và *hai là*, tổng tuyển cử để thống nhất nước Việt Nam hai năm sau ký Hiệp định Gionevơ, nghĩa là tháng 7-1956. Hai điểm này quan hệ mật thiết với nhau, giới tuyến quân sự chỉ là tạm thời bởi lẽ khi có tổ chức tổng tuyển cử nhằm thống nhất nước Việt Nam thì tất nhiên không còn giới tuyến này nữa”<sup>2</sup>.

Ba văn bản của Hiệp định về đình chỉ chiến sự ở Việt Nam, Lào, Campuchia được ký kết và bản Tuyên bố cuối cùng của

---

1. Xem Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sdd, t. 15, tr. 168-171.

2. Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr. 76.



Hội nghị Giơnevơ đã tạo ra những tiền đề cơ bản về pháp lý quốc tế, để nhân dân Việt Nam bước vào cuộc chiến đấu mới, thực thi cuộc Tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Thực hiện nhiệm vụ của mình, trong điều kiện chưa thể triệu tập Quốc hội, ngày 28-7-1954, Ban Thường trực Quốc hội đã tổ chức hội nghị mở rộng với một số đại biểu có mặt ở Việt Bắc, thảo luận nội dung bản Hiệp định đình chiến, thông qua nội dung các cuộc họp của Hội đồng Chính phủ trong thời gian từ tháng 3 đến tháng 7-1954 và nhất trí nhận định: “Đường lối của Chính phủ do Hồ Chủ tịch vạch ra rất sát với tình hình thế giới và trong nước,... Ban Thường trực Quốc hội tán thành chính sách hòa bình của Chính phủ”<sup>1</sup>. Đồng thời, nhấn mạnh việc ký hiệp định Giơnevơ là một thắng lợi lớn của nhân dân ta, sau khi nghe báo cáo kết quả cuộc hòa đàm ở Giơnevơ thắng lợi, điện văn của Ban Thường trực Quốc hội gửi Hồ Chí Minh đã nồng nhiệt chúc mừng kết quả của Hội nghị Giơnevơ, “tỏ lòng tin tưởng vào sự lãnh đạo sáng suốt của Chủ tịch, kính chúc Chủ tịch luôn mạnh khỏe để lãnh đạo Chính phủ và toàn dân ra sức tranh thủ và củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong toàn quốc”<sup>2</sup>.

Sau chín năm toàn quốc kháng chiến, cuộc trường kỳ kháng chiến của nhân dân Việt Nam chống thực dân Pháp xâm lược đã kết thúc thắng lợi. Trong suốt thời kỳ chiến

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 487.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 499.

tranh, Hồ Chí Minh với cương vị Chủ tịch nước, đứng đầu Chính phủ đã luôn tranh thủ ý kiến, phát huy vai trò của Ban Thường trực Quốc hội về các nghị quyết và các chương trình công tác quan trọng. Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh đã dựa vào *Hiến pháp* và nghị quyết về việc “trao quyền binh cho Chính phủ của Quốc hội” để tổ chức, chỉ đạo khối đại đoàn kết toàn dân, đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân Việt Nam đến thắng lợi hoàn toàn.

Trong thời gian từ ngày 20-12-1946 đến ngày 18-12-1954, dựa vào những nguyên tắc đã định trong *Hiến pháp*, Hồ Chí Minh đã ký 677 sắc lệnh, 1 lệnh, 41 quyết định về các lĩnh vực của cuộc kháng chiến, đặc biệt là việc ban hành *Luật cải cách ruộng đất*, tiến tới xây dựng hệ thống pháp luật của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa ngày càng đầy đủ<sup>1</sup>.

Những số liệu này cho thấy, những văn bản pháp luật do Hồ Chí Minh và Chính phủ ban hành đã kịp thời đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn về mặt pháp lý để điều hành đất nước. Thông qua việc ban hành hệ thống sắc lệnh về các lĩnh vực kinh tế, chính trị, quân sự, văn hoá, giáo dục, v.v. trong thời kỳ kháng chiến, tư tưởng Hồ Chí Minh về một nền pháp trị, một cách vận dụng tư tưởng “thần linh pháp quyền” trong điều kiện thời chiến đã được thực hiện. Đồng thời cũng thông qua việc từng bước xây dựng hệ thống pháp luật mới, cơ sở pháp lý cho việc điều chỉnh các quan hệ xã hội, bảo vệ trật tự

---

1. Theo số liệu thống kê ở phần Phụ lục trong sách Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sổđ*, tập 5, 6, 7.

xã hội, thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của người dân đã được giải quyết.

Trong quá trình kháng chiến, Hồ Chí Minh đã thực hiện một cách nghiêm túc và sáng tạo nhiệm vụ, quyền hạn của một vị Chủ tịch nước (được quy định trong *Hiến pháp*), được Quốc hội trao trọng trách với sự giám sát, góp ý của Ban Thường trực Quốc hội để đưa cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp đến thắng lợi hoàn toàn.

Thắng lợi của cuộc trường kỳ chống thực dân Pháp xâm lược là một minh chứng hùng hồn khẳng định vai trò của Quốc hội - cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân cả nước. Đây thực sự là một Quốc hội dân chủ, đại đoàn kết toàn dân tộc. Đặc biệt, với những quyết định quan trọng về chính trị, quân sự, kinh tế, văn hoá, ngoại giao, Hồ Chí Minh đã xứng đáng với Tổ quốc, với tín nhiệm của Quốc hội, với Ban Thường trực Quốc hội. Đánh giá về vai trò của Người với độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân trong những năm kháng chiến, và trong chặng đường cách mạng tiếp theo, Quốc hội Việt Nam tiếp tục khẳng định: “Chúng ta là chính nghĩa, chúng ta có Hồ Chủ tịch, Đảng Lao động Việt Nam, có Chính phủ dân chủ cộng hoà lãnh đạo, có nhân dân hết lòng ủng hộ, chúng ta đã thắng trong kháng chiến, nhất định sẽ thắng trong hoà bình”<sup>1</sup>.

## II- HỒ CHÍ MINH VỚI QUỐC HỘI

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 522.

## TỪ THÁNG 8-1954 ĐẾN THÁNG 5-1960

### **1. Hồ Chí Minh với Quốc hội lãnh đạo nhân dân thực hiện những nhiệm vụ cấp bách**

#### *a) Thực hiện Hiệp định Giơnevơ và xây dựng miền Bắc*

Với việc ký kết Hiệp định Giơnevơ, đất nước ta chuyển sang một giai đoạn mới. Miền Bắc được hoàn toàn giải phóng, bước vào thời kỳ khôi phục, cải tạo, phát triển kinh tế, văn hoá để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Miền Nam tiếp tục cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giải phóng miền Nam, tiến tới hoà bình thống nhất đất nước. Trong điều kiện thế và lực mới, Hồ Chí Minh và Quốc hội đã tập trung lãnh đạo nhân dân kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ, đồng thời ban hành một số sắc lệnh và các đạo luật, thực hiện nhiệm vụ nội trị, ổn định tình hình chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, v.v. để xây dựng “miền Bắc giàu mạnh là cơ sở vững chắc của cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà”<sup>1</sup>.

Tập trung thực hiện các nhiệm vụ mới của cách mạng Việt Nam trong thời kỳ mới, Chính phủ “vừa tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đấu tranh để thống nhất đất nước, vừa ra sức khôi phục kinh tế, hoàn thành cải cách ruộng đất, bắt đầu xây dựng miền Bắc trong điều kiện hoà bình”<sup>2</sup>. Nhấn mạnh nhiệm vụ quan trọng này, tại kỳ họp thứ 4 Quốc hội khoá I, tháng 3-

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 198.

2. Văn phòng Quốc hội: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960, Sđd*, tr. 145.

1955, Hồ Chí Minh phát biểu: “Rất mong Quốc hội lãnh đạo nhân dân đoàn kết từ Nam đến Bắc cùng Chính phủ đấu tranh để hoàn thành nhiệm vụ vẻ vang ấy”<sup>1</sup>.

Cũng tại kỳ họp này, “Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tuyệt đối tín nhiệm và triệt để ủng hộ Chủ tịch Hồ Chí Minh và Chính phủ đã điều khiển cuộc kháng chiến đến thắng lợi ngày nay”<sup>2</sup>, đồng thời, tỏ lòng tin tưởng chắc chắn rằng dưới sự lãnh đạo của Người và Chính phủ, cuộc đấu tranh gay go gian khổ và phức tạp của nhân dân ta để củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất, hoàn thành độc lập và dân chủ trong cả nước, trước hết và căn bản là củng cố hòa bình, thực hiện thống nhất bằng Tổng tuyển cử tự do, chống lại âm mưu của đế quốc Mỹ, thực dân Pháp phản Hiệp định và chính quyền Ngô Đình Diệm phá hoại hòa bình, chia cắt đất nước, nhất định sẽ thắng lợi hoàn toàn.

Phát biểu của Người và quyết nghị của Quốc hội, không chỉ khẳng định vai trò và quyền hạn của cơ quan quyền lực trong cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà, mà còn khẳng định mối quan hệ chặt chẽ giữa Quốc hội và Chính phủ do Hồ Chí Minh đứng đầu trong việc hoàn thành nhiệm vụ mà Tổ quốc và nhân dân giao phó.

Sau khi Mỹ tuyên bố không bị ràng buộc bởi Hiệp định Gionevo, đưa Ngô Đình Diệm lên làm Thủ tướng, viện trợ trực tiếp cho Diệm, âm mưu biến miền Nam thành thuộc địa

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 500.

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 4*, họp từ ngày 20 đến ngày 26-3-1955, tr. 315. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

kiểu mới, thành căn cứ quân sự và là tiền đồn chống chủ nghĩa cộng sản ở Đông Nam Á, Pháp cũng tuyên bố chấm dứt chế độ cao uỷ ở miền Nam, rũ bỏ trách nhiệm một bên phải thi hành Hiệp định Giơnevơ. Tráng trọng hơn, Ngô Đình Diệm tuyên bố từ chối Hiệp định Giơnevơ, từ chối hiệp thương tổng tuyển cử để thống nhất đất nước và tiến hành bầu Quốc hội riêng. Ngày 26-10-1956, Ngô Đình Diệm cho công bố *Hiến pháp nước Việt Nam Cộng hòa*. Đây là những việc làm hoàn toàn trái với văn bản của Hiệp định Giơnevơ. Vấn đề một nước Việt Nam thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ và một cuộc hiệp thương Tổng tuyển cử sẽ tổ chức vào tháng 7-1956 trong cả nước, theo tinh thần của Hiệp định đình chiến đã bị nhà đương cục Sài Gòn phá bỏ.

Trước thực tế đó, Hồ Chí Minh đã điều hành Chính phủ đấu tranh để thực hiện Hiệp định Giơnevơ. Đặc biệt, Người đã nhiều lần ra tuyên bố về vấn đề thống nhất Bắc Nam bằng Tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Người từng khẳng định: “Nước Việt Nam là một, từ Nam chí Bắc chung một tiếng nói, một lịch sử, một nền văn hoá và một nền kinh tế. Nhân dân Việt Nam đã hy sinh nhiều xương máu đấu tranh cho độc lập, tự do, quyết không một lực lượng nào ngăn cản được sự nghiệp thống nhất Tổ quốc mình”<sup>1</sup>.

Trả lời phỏng vấn của phóng viên hãng thông tấn Mỹ AP, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Nhân dân cả nước Việt Nam sẽ tiếp tục đấu tranh và đấu tranh mạnh hơn nữa để cho có Tổng

---

1. Hồ Chí Minh: *Những lời kêu gọi*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960, t. V, tr. 34.

tuyển cử tự do trong khắp cả nước; vì đó là nguyện vọng tha thiết của toàn dân Việt Nam đã được Hiệp định Giơnevơ 1954 thừa nhận”<sup>1</sup> và “Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa chủ trương tổ chức Tổng tuyển cử tự do theo đúng ý nguyện của toàn dân Việt Nam”<sup>3</sup>. Tiếp đó, khi trả lời phỏng vấn của phóng viên hãng thông tin Pháp *AFP* về vấn đề “thời hạn do Hiệp định Giơnevơ ấn định cho việc tổ chức Tổng tuyển cử tự do trong toàn cõi Việt Nam đã đến, mà cuộc Tổng tuyển cử đó lại không thực hiện được”, Hồ Chí Minh chỉ rõ: Giới can thiệp Mỹ, chính quyền thân Mỹ ở miền Nam và cả nước Pháp cũng phải chịu trách nhiệm chính về tình hình này. Người đồng thời tiếp tục nêu rõ: “Chúng tôi tán thành tổ chức Tổng tuyển cử tự do trong toàn quốc, để thực hiện thống nhất nước nhà, theo đúng Hiệp định Giơnevơ”<sup>4</sup>.

Những tuyên bố của Hồ Chí Minh đã thể hiện rõ quyết tâm, ý chí của toàn thể nhân dân Việt Nam về việc kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ, bảo vệ độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của nước Việt Nam, đặc biệt là việc hiệp thương Tổng tuyển cử tự do trong cả nước. Còn ở miền Bắc, trong điều kiện hoà bình, Quốc hội đã có điều kiện để họp theo định kỳ, tập trung thảo luận và thông qua những vấn đề quan trọng, cấp bách liên quan đến lợi ích quốc dân. Các cơ quan quyền lực nhà nước (Quốc hội, Chính phủ, Toà án và Viện kiểm sát) đã có điều kiện để hoạt động một cách chuyên nghiệp hơn theo đúng chức năng và nhiệm vụ của mình. Kịp thời thảo luận và quyết định những công việc

---

1, 3, 4. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t. 8, tr. 201, 202, 218-219.

chung của cả nước, Quốc hội thực sự là một diễn đàn, để thông qua đó tỏ rõ ý chí của toàn dân ủng hộ và kiên quyết thi hành triệt để Hiệp định Giơnevơ, kịp thời thực thi việc ban hành các đạo luật và tiến hành sửa đổi *Hiến pháp* cho phù hợp với tình hình và nhiệm vụ mới.

Trên tinh thần quán triệt sâu sắc chủ trương, đường lối của Đảng về việc đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược, “Quốc hội kêu gọi toàn dân từ Bắc đến Nam đoàn kết chặt chẽ và rộng rãi xung quanh Hồ Chủ tịch, kiên quyết phấn đấu cho hoà bình và thống nhất”<sup>1</sup>. Đồng thời, củng cố niềm tin tất thắng “Bắc Nam sum họp một nhà”, Quốc hội kêu gọi nhân dân miền Bắc ra sức đẩy mạnh củng cố miền Bắc về mọi mặt, và “đồng bào miền Nam hãy đoàn kết đấu tranh chặt chẽ và rộng rãi trong Mặt trận Tổ quốc”<sup>2</sup>.

Một vấn đề không kém phần quan trọng ở miền Bắc khi đó là vấn đề tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất, xoá bỏ tàn tích phong kiến, xây dựng đời sống mới, v.v.. Thực hiện chủ trương của Đảng và nghị quyết của Quốc hội, việc tiếp tục hoàn thành cải cách ruộng đất, kiểm điểm, rút kinh nghiệm trong quá trình thi hành *Luật cải cách ruộng đất* và sửa sai ở miền Bắc đã được tiến hành. Hội nghị lần thứ 10 Ban Chấp hành Trung ương Đảng họp, nghiêm khắc kiểm điểm những sai lầm trong lãnh đạo, trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất. Hội nghị nhận định: Ở các vùng

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 4, Tlđđ*, tr. 129.

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 5*, họp từ ngày 15 đến ngày 20-9-1955, tr. 156. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.



đồng bằng, trung du, cải cách ruộng đất đã căn bản hoàn thành, nhưng cũng đã phạm không ít những sai lầm nghiêm trọng và kéo dài như: không biết tuyên truyền, không chấp hành đúng chính sách về phân định thành phần khi thực hiện cải cách ruộng đất, bắt bớ bừa bãi, quy sai thành phần, bắt nhầm cả người tốt, thậm chí có nơi giả tạo ra tài liệu để bắt người, v.v.. Chế độ pháp trị đã bị vi phạm, việc bắt giam, xử tử và để cho các đội, các đoàn công tác quyền hành quá rộng, đã dẫn đến xâm phạm quyền tự do dân chủ của nhân dân. “Nghiêm trọng hơn nữa là đại biểu Quốc hội cũng bị bắt một cách trái phép... không những thế nhiều người bị giết oan (nhất là đảng viên, cán bộ của ta), nhiều gia đình ủng hộ cách mạng, ủng hộ kháng chiến bị đả kích mạnh mẽ, nhiều người bị oan ức mà tự tử; đó là một tổn thương lớn cho Đảng ta từ trước đến nay”<sup>1</sup>.

Từ thực tế đó, Hội nghị đã công khai phê bình trước toàn Đảng, toàn dân và xử lý kỷ luật một số cán bộ lãnh đạo của Đảng giữ vai trò chủ yếu trong quá trình tiến hành cải cách ruộng đất. Hội đồng Chính phủ họp vào hạ tuần tháng 10-1956, kiểm điểm việc tổ chức thực hiện *Luật cải cách ruộng đất* cũng khẳng định: “*Luật cải cách ruộng đất* hợp tình hợp lý do Quốc hội thông qua không được chấp hành nghiêm chỉnh. Pháp luật nhà nước không được tôn trọng. Chế độ pháp trị dân chủ bị xâm phạm”<sup>2</sup>. Việc không chấp hành nghiêm chỉnh đạo luật quan trọng này, việc không

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 17, tr. 523.

2. 2. Trần Đức Cường (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006, t. 2, tr. 25.

cùng cố được chi bộ Đảng ở cơ sở, cùng nhiều khiếm khuyết trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất đã tạo ra những sai lầm nghiêm trọng, gây tổn thất trong nhân dân. Sự không nghiêm túc thực hiện đúng mục đích, nội dung và ý nghĩa nhân đạo của *Luật cải cách ruộng đất* đã đụng chạm đến tình cảm và đời sống bình thường của nhân dân, có hại cho chính sách đại đoàn kết của Mặt trận dân tộc thống nhất. Những khuyết điểm đau lòng ấy, làm “hạn chế những kết quả đã thu được trong cải cách ruộng đất và gây ra cho chúng ta nhiều khó khăn”<sup>2</sup>.

Đặc biệt quan tâm đến vấn đề quan trọng này, tại kỳ họp thứ 6, từ ngày 29-12-1956 đến ngày 25-1-1957, Quốc hội khoá I đã nghe và thảo luận nội dung báo cáo về nhiệm vụ cải cách ruộng đất của Chính phủ. Chính phủ đã kiểm điểm trước Quốc hội những sai lầm, thiếu sót trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất. Với tinh thần tự phê bình nghiêm khắc, nhận trách nhiệm trước Quốc hội, trước đồng bào về những sai lầm của Chính phủ mà Ủy ban cải cách ruộng đất đã trực tiếp phạm phải, Chính phủ có quyết định thay đổi về mặt tổ chức và quyết định thi hành kỷ luật một số cán bộ trực tiếp chỉ đạo cải cách ruộng đất trong Ủy ban cải cách ruộng đất của Trung ương, đồng thời đề ra kế hoạch sửa chữa sai lầm với một tinh thần kiên quyết, khẩn trương, có trọng điểm, có chỉ đạo chặt chẽ.

Cùng với việc thảo luận, chân tình góp ý kiến xây dựng, Quốc hội đã nhất trí ra nghị quyết về công tác cải cách ruộng đất, tán thành cách đánh giá của Chính phủ về thành tích, khuyết điểm, sai lầm trong cải cách ruộng đất và những biện pháp để sửa sai. Theo Người, những sai lầm trong quá trình

thực hiện cải cách ruộng đất là tồn thất nghiêm trọng, trái với quy định đã ghi trong *Luật cải cách ruộng đất* mà Quốc hội đã thông qua, trái với chế độ dân chủ và hệ thống pháp luật dân chủ của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, với chính sách của Mặt trận Tổ quốc, và đặc biệt là thực hiện không đúng đường lối giai cấp ở nông thôn của Đảng.

Vì vậy, Hồ Chí Minh đã chỉ đạo Chính phủ tiến hành sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất một cách khẩn trương, từng bước và có trọng điểm. Sau đó, tiếp thu sâu sắc những ý kiến chỉ đạo của Người, trong quá trình sửa sai, sự đồng lòng, đồng thuận trong việc khắc phục những sai lầm của Đảng, Quốc hội, Chính phủ và nhân dân ta, đã làm giảm bớt những nỗi đau trong cải cách ruộng đất, củng cố niềm tin tưởng của nhân dân cả nước vào đường lối của Đảng và chính sách của Nhà nước. Trục tiếp theo dõi và kịp thời uốn nắn trong quá trình tiến hành sửa sai, Hồ Chí Minh và Thủ tướng Chính phủ đã có những cuộc tiếp xúc với nhân dân, trả lời phỏng vấn các vấn đề liên quan đến chế độ dân chủ nhân dân, quyền hạn và nhiệm vụ của chính quyền dân chủ nhân dân, v.v.. Tất cả những việc làm này đã góp phần ổn định tư tưởng, tránh tình trạng náo loạn về chính trị ở các vùng nông thôn.

Những nỗ lực của Người và Chính phủ đã từng bước làm giảm thiểu những sai lầm trong quá trình tổ chức thực hiện cải cách ruộng đất. Hồ Chí Minh và Chính phủ đã động viên nhân dân, cán bộ, đảng viên và cả các đại biểu Quốc hội bị xử lý oan, bị xâm phạm danh dự, tài sản trong cải cách ruộng đất đã đặt lợi ích của nhân dân, của dân tộc lên trên, đã không vì sai lầm khuyết điểm dẫn đến bi quan, “trái lại vẫn giữ vững

lòng tin tưởng vào Đảng và Chính phủ”<sup>1</sup>. Quyết định kịp thời và việc thực hiện về sửa chữa sai lầm, khuyết điểm trong cải cách ruộng đất của Hồ Chí Minh và Chính phủ, không chỉ góp phần làm dịu tình hình, ổn định đời sống ở nông thôn, ổn định lòng dân, mà còn thiết thực tăng cường sự đoàn kết giữa cán bộ cũ và mới.

Về phần mình, Quốc hội với tư cách là cơ quan có quyền cao nhất và Ban Thường trực Quốc hội với tư cách là cơ quan thường vụ của Quốc hội cũng đã nhận rõ và kiểm điểm phần trách nhiệm của mình, đã phạm sai lầm nghiêm trọng trong việc thực hiện cải cách ruộng đất: “Ban Thường trực Quốc hội đã không đi sát nhân dân, tìm hiểu nguyên nhân, kịp thời góp ý kiến với Chính phủ... và xin thành thực tự phê bình và nhận phần trách nhiệm của mình trước Quốc hội, trước nhân dân”<sup>2</sup>.

Việc tự kiểm điểm nghiêm khắc trong nhận thức và trong cả hành động của Quốc hội, Chính phủ, Ban Thường trực Quốc hội, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh đã thể hiện sự thống nhất, đoàn kết và tinh thần trách nhiệm trước nhân dân. Đồng thời, sự kiểm điểm, việc sửa sai thấu tình đạt lý đó, cũng cho thấy tinh thần tự phê bình nghiêm túc của các đại biểu Quốc hội - những người được nhân dân lựa chọn đã có tinh thần “chịu trách nhiệm” trước sự tin cậy, lựa chọn và uỷ thác của nhân dân.

---

1. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-1955*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004, tr. 28.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 1, tr. 752-753.

Như vậy là, tiếp tục thực hiện vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, được xây dựng và hoạt động theo tư tưởng Hồ Chí Minh, nhận sự uỷ thác quyền lực từ nhân dân, trong những năm đầu sau khi Hiệp định đình chiến được ký kết, Quốc hội khoá I đã hoạt động một cách có hiệu quả, thể hiện rõ trong các mặt công tác sau:

- Tín nhiệm và kêu gọi toàn dân hướng về Hồ Chí Minh, tuyệt đối tin tưởng vào sự lãnh đạo của Người và Chính phủ trong việc thi hành Hiệp định Giơnevơ.

- Kêu gọi nhân dân miền Bắc củng cố, phát triển miền Bắc về mọi mặt, hàn gắn vết thương chiến tranh, xoá bỏ các tàn tích phong kiến, hoàn thành tốt cải cách ruộng đất để thiết thực giúp đỡ miền Nam.

- Kêu gọi nhân dân miền Nam đoàn kết chặt chẽ, kiên trì đấu tranh và tin tưởng vào sự nghiệp thống nhất nước nhà.

Hồ Chí Minh đã hoàn thành nhiệm vụ và quyền hạn của mình trước sự tín nhiệm và uỷ quyền của nhân dân. Trong mối quan hệ chặt chẽ giữa Đảng, Chính phủ và Quốc hội, Hồ Chí Minh luôn là ngọn cờ, là linh hồn của nguyên tắc thống nhất tối cao giữa Đảng, Chính phủ và Quốc hội. Vì lợi ích của nhân dân, vì sự tồn vong và phát triển của dân tộc, quan điểm của Người về việc xây dựng Quốc hội là cơ quan có quyền cao nhất của Nhà nước, đã được thể hiện rõ qua những phát biểu của Người trước Quốc hội, hướng những hoạt động của Quốc hội vào việc thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng.

*b) Hồ Chí Minh báo cáo trước Quốc hội hoạt động*

*đối ngoại của Chủ tịch nước*

Ngay sau khi Hiệp định Giơnevơ được ký kết, trong lời kêu gọi gửi đồng bào cả nước, Hồ Chí Minh đã xác định cuộc đấu tranh củng cố hoà bình, thực hiện thống nhất đất nước, hoàn thành độc lập, dân chủ của nhân dân ta là một cuộc đấu tranh lâu dài và gian khổ. Chỉ rõ: “Đế quốc Mỹ là một trở lực chính ngăn cản việc lập lại hoà bình ở Đông Dương”<sup>1</sup>, Người kêu gọi toàn thể nhân dân, cán bộ, quân đội ở cả hai miền Nam - Bắc cần phải đoàn kết chặt chẽ, tư tưởng phải thống nhất, hành động phải nhất trí, để kiên trì thực hiện cuộc đấu tranh chống sự can thiệp của đế quốc Mỹ và tay sai. Theo Người: mục đích bất di bất dịch của ta vẫn là hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ. Nguyên tắc của ta phải vững chắc, nhưng sách lược thì linh hoạt.

Cùng với việc hướng các hoạt động của Chính phủ, của Quốc hội vào việc thực hiện những nhiệm vụ nội trị, bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tiến hành sửa đổi *Hiến pháp*, Hồ Chí Minh còn kiên trì thực hiện đường lối ngoại giao có định hướng, có trọng tâm, vừa biểu hiện sự tôn trọng và gắn kết với phe xã hội chủ nghĩa anh em, vừa khẳng định sự đánh giá đúng đắn vai trò của Liên Xô và Trung Quốc. Từ chủ trương này, tại cuộc họp Bộ Chính trị, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Củng cố không ngừng tình đoàn kết hữu nghị với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác, thực hiện việc phối hợp chặt chẽ với các nước anh em trong

---

1. *Biên bản Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II*, tr. 5. ĐVBQ29, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

hoạt động quốc tế và đấu tranh ngoại giao”<sup>1</sup>.

Trên tinh thần đó, đồng thời với việc gửi và sẽ tiếp tục gửi các đoàn đại biểu của Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, các đại diện ngoại giao của Nhà nước ta, những đoàn đại biểu nhân dân sang các nước bạn, Hồ Chí Minh cũng đã thông qua việc mời Thủ tướng Ấn Độ J. Nêru (10-1954), Thủ tướng Miến Điện U Nu (11-1954), Thủ tướng Lào Xavana Phuma (5-1956), v.v. sang thăm Việt Nam, nhằm tranh thủ sự đồng tình, thu hút của dư luận quốc tế đối với Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Đặc biệt, nhằm thắt chặt thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa Việt Nam với các nước xã hội chủ nghĩa anh em, theo đúng tinh thần về quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước và Chính phủ được ghi rõ trong *Hiến pháp năm 1946*, Hồ Chí Minh đã dẫn đầu đoàn đại biểu Chính phủ nước ta đi thăm hữu nghị chính thức Liên Xô, Trung Quốc và Mông Cổ, từ ngày 22-6 đến ngày 22-7-1955. Sau đó, chịu trách nhiệm báo cáo về hoạt động đối ngoại của Chính phủ trước cơ quan quyền lực tối cao, tại kỳ họp thứ 5 của Quốc hội khóa I, Hồ Chí Minh khẳng định: “Mục đích cuộc đi thăm là nhằm củng cố thêm tình đoàn kết hữu nghị giữa nhân dân ta và nhân dân các nước bạn và phát triển thêm sự hợp tác về chính trị, kinh tế, văn hoá giữa các nước bạn và nước ta. Mục đích ấy đã hoàn toàn đạt được”<sup>2</sup>.

---

1. *Biên bản Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa II*, tr. 23. ĐVBCQ 29, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 69.

## Chương II: Hồ Chí Minh với việc phát huy vai trò...

Tháng 7-1957, nhằm tiếp tục thắt chặt và tăng cường hơn nữa tình đoàn kết quốc tế, tình hữu nghị giữa các dân tộc anh em và tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè thế giới, Người và các đại biểu lên đường đi thăm chín nước: Triều Tiên, Tiệp Khắc, Cộng hoà Dân chủ Đức, Ba Lan, Hunggari, Nam Tư, Anbani, Bungari, Rumani. Báo cáo trước kỳ họp thứ 7 Quốc hội khoá I, về chuyến đi thăm chín nước xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh khẳng định: Qua chuyến đi, Người và các đại biểu đón nhận được tình đoàn kết sâu sắc của các nước anh em đối với nhân dân Việt Nam.

Do sự đồng tâm nhất trí giữa Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các nước anh em “về những vấn đề trọng yếu có quan hệ đến nước ta, đến các nước anh em, đến tình hình quốc tế”<sup>1</sup>, cho nên cuộc đi thăm chín nước của Hồ Chí Minh - đại diện cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và các đại biểu đã thu được kết quả tốt đẹp; thiết thực trong việc phát triển, củng cố thêm tình hữu nghị giữa nước ta và các nước anh em, góp phần nâng cao thêm nữa địa vị quốc tế của nước ta và thắt chặt thêm tình đoàn kết giữa các nước trong đại gia đình xã hội chủ nghĩa, v.v.. Theo Người, kết quả này là biểu hiện của tinh thần quốc tế cao cả, là sự tiếp thêm sức mạnh của bạn bè quốc tế đối với cuộc đấu tranh chính nghĩa vì hoà bình, thống nhất và độc lập và toàn vẹn lãnh thổ của nhân dân ta. Đồng thời, trước Quốc hội, Người khẳng định: “Sự đi lại thăm nhau giữa các đại biểu của nhân

---

1, 2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 7*, họp từ ngày 10 đến ngày 19-9-1957, tr. 865, 886. Tài liệu lưu trữ Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.



dân các nước rất có ích lợi, vì nó làm cho cảm tình giữa nhân dân các nước thêm gắn bó nồng nàn”<sup>2</sup>.

Đánh giá về chuyến đi thăm hữu nghị của Hồ Chí Minh, bức điện của Liên Xô nêu rõ, cuộc đi thăm các nước châu Âu vừa qua của Người “đã làm tăng thêm uy tín của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế, mở rộng và củng cố thêm những mối quan hệ quốc tế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa”<sup>1</sup>. Còn Trung Quốc thì khẳng định: Những cống hiến của nước Việt Nam, nhất là cuộc đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa của Hồ Chí Minh gần đây, “nhất định sẽ có lợi cho việc giữ gìn hoà bình châu Á và thế giới”<sup>2</sup>. Theo nhận định của Hồ Chí Minh, những hoạt động đối ngoại của Chính phủ đã đạt được mục đích về cả chính trị và kinh tế. Nước ta và các nước bạn “đều nhất trí nhấn mạnh sự quan trọng của việc hiệp thương giữa Chính phủ ta và chính quyền miền Nam theo đúng Hiệp định Giơnevơ để bàn về việc chuẩn bị tổng tuyển cử tự do trong cả nước nhằm mục đích thống nhất đất nước Việt Nam”<sup>3</sup>. Điều này có ý nghĩa to lớn đối với cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam vì độc lập, thống nhất, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ.

Trong những năm sau đó, cũng bằng các hoạt động đối ngoại của mình, Hồ Chí Minh đã có đóng góp tích cực vào việc tăng cường sự đoàn kết và thống nhất giữa các Đảng Cộng sản và Công nhân trên thế giới. Tuy nhiên, trước thực

---

1, 2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 7, Tlđđ*, tr. 886.

3. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 70.

trạng quan hệ Xô - Trung rạn nứt, ngày càng gay gắt, với trọng trách của mình trước Đảng, Quốc hội và Chính phủ, Hồ Chí Minh vừa phải kiên định về nguyên tắc, vừa phải mềm dẻo về sách lược, để góp phần củng cố mối quan hệ Việt - Trung - Xô, đồng thời tranh thủ được sự giúp đỡ của hai nước bạn đối với sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta.

Chính sách nội trị mềm dẻo, chính sách ngoại giao hòa bình của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; những chuyến đi thăm hữu nghị của Hồ Chí Minh và đoàn đại biểu Chính phủ đã có tác dụng to lớn để củng cố thêm tình hữu nghị giữa Việt Nam và các nước anh em, vì mục tiêu hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội. Hoạt động đối ngoại của Chủ tịch Hồ Chí Minh và các đại biểu đã mang lại sự ủng hộ rất quý báu của các nước bạn cho nhân dân ta trong cuộc đấu tranh chính trị, cũng như trong việc khôi phục kinh tế và văn hoá, hàn gắn vết thương sau những năm chiến tranh.

Bên cạnh đó, những bức điện mừng quốc khánh các nước, bức điện chúc thọ, điện cảm ơn, những lời đáp từ trong các lễ trình quốc thư của đại sứ các nước, những bài trả lời phỏng vấn trong thời gian này của Hồ Chí Minh cũng đã thu hút sự chú ý của dư luận thế giới, góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau giữa Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với các nước, làm cho các nước hiểu hơn về đất nước và con người Việt Nam, về cuộc đấu tranh cho hoà bình, thống nhất, độc lập và chủ nghĩa xã hội của nhân dân Việt Nam, đặt cơ sở cho đường lối vận động Mặt trận nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam chống đế quốc Mỹ xâm lược sau đó: “Các nước anh em thì đều hết sức ủng hộ ta trong công cuộc củng cố miền Bắc tiến dần lên xã hội chủ nghĩa và đấu tranh thực hiện thống

nhất nước nhà bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở Hiệp nghị Giơnevơ”<sup>1</sup>. Đồng thời, thông qua những hoạt động của người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh đã gắn liền cuộc đấu tranh của nhân dân Việt Nam với cuộc đấu tranh của nhân dân thế giới, vì độc lập, hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Bước vào những năm sau, cũng trên tinh thần kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, các hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh với vai trò Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục được mở rộng và tăng cường. Những hoạt động của Người, của Chính phủ và của Quốc hội đã hướng dư luận quốc tế, tranh thủ sự đồng tình của quốc tế đối với sự nghiệp đấu tranh, thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân ta. Hồ Chí Minh với vị thế Chủ tịch nước, đã thông qua các bài phát biểu, các bài trả lời phỏng vấn nêu rõ lập trường của Nhà nước ta, nhân dân ta trong việc đòi chính quyền miền Nam phải: chấm dứt hành động khủng bố, trả thù những người kháng chiến; chấm dứt những hành động tăng cường lực lượng quân sự trái với các điều khoản của Hiệp định Giơnevơ và thi hành các điều khoản chính trị về mở hiệp nghị, hiệp thương để bàn tổng tuyển cử tự do nhằm thống nhất đất nước, v.v..

Hồ Chí Minh nói: việc chính quyền Oasinhton và chính quyền Sài Gòn cố tình chia cắt đất nước Việt Nam đã xâm phạm nặng nề đến ý chí thống nhất của toàn thể nhân dân

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 7, Tlđđ*, tr. 865.

Việt Nam. Nguyên vọng thiết tha, đòi hỏi bức xúc của toàn dân Việt Nam là nước nhà mau chóng thống nhất trên cơ sở độc lập và dân chủ như Hiệp định Giơnevơ đã quy định. Vì vậy, Người nhấn mạnh, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “chủ trương đoàn kết tất cả các lực lượng yêu nước ở miền Bắc và miền Nam, ra sức phấn đấu chống sự can thiệp của bọn đế quốc thực dân, để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”<sup>1</sup>.

Đánh giá về chuyến đi thăm Ấn-đôn-nê-xi-a (3-1959) và tuyên bố của Hồ Chí Minh: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa “chủ trương thực hiện thống nhất nước Việt Nam bằng phương pháp hoà bình trên cơ sở độc lập và dân chủ, như Hiệp định Giơnevơ đã quy định”<sup>2</sup>, tại kỳ họp thứ 10, từ ngày 20 đến ngày 27-5-1959, Quốc hội khoá I khẳng định: “Việc Hồ Chủ tịch đi thăm Ấn-đôn-nê-xi-a là một thành công rực rỡ. Nhân dân và Chính phủ Ấn-đôn-nê-xi-a đã đón tiếp Hồ Chủ tịch rất thân ái và rất nồng nhiệt, tiêu biểu mỗi cảm tình sâu sắc giữa nhân dân hai nước”<sup>3</sup>.

Những hoạt động đối ngoại của Hồ Chí Minh, của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa cho thấy, cuộc đấu tranh thực hiện thống nhất nước nhà của nhân dân Việt Nam đang ngày một phát triển và ngày càng nhận được sự ủng hộ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em, của nhân dân tiến bộ trên thế giới, đúng như nhận định của Quốc hội: “Những thuận lợi

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 348, 358.

3, 4. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 10*, họp từ ngày 20 đến ngày 27-5-1959, tr. 582, 620. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

to lớn kể trên mở cho nhân dân ta, cho đồng bào miền Bắc và đồng bào miền Nam những triển vọng vô cùng tốt đẹp”<sup>4</sup>.

Như vậy là, kể từ khi miền Bắc được giải phóng cho đến trước khi diễn ra cuộc bầu cử Quốc hội khoá II, trên tinh thần sẵn sàng đặt mối quan hệ thân thiện, hợp tác với các nước, Hồ Chí Minh đã chủ động tăng cường mở rộng các hoạt động đối ngoại mềm dẻo, hoà bình, trên cơ sở quán triệt nguyên tắc: tôn trọng sự hoàn chỉnh về chủ quyền và lãnh thổ của nhau, không xâm phạm lẫn nhau, không can thiệp nội trị của nhau, bình đẳng, cùng có lợi và chung sống hoà bình.

Song song với việc đẩy mạnh các hoạt động ngoại giao có trọng tâm với Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa, “phối hợp chặt chẽ với các nước anh em trong phe ta và tranh thủ sự đồng tình của nhân dân yêu chuộng hoà bình thế giới”<sup>1</sup>, Người cũng đồng thời chỉ đạo và thực hiện đường lối mở rộng quan hệ ngoại giao ở khu vực với Ấn Độ, Indônêxia, Lào, Campuchia, v.v..

Thắng lợi thu được từ những hoạt động ngoại giao của Hồ Chí Minh chẳng những làm tăng uy tín của Nhà nước Việt Nam trên trường quốc tế, mở rộng và củng cố thêm các mối quan hệ quốc tế của Việt Nam, mà còn góp phần củng cố tình đoàn kết trong hệ thống xã hội chủ nghĩa và phong trào cộng sản quốc tế. Cũng thông qua những hoạt động ngoại giao của Người, quan hệ hữu nghị Việt - Trung, Việt - Xô được tăng cường. Ngoài ra, sau chuyến thăm này, Liên Xô, Trung Quốc và các nước xã hội chủ nghĩa khác đã cam kết viện

---

1. *Biên bản họp Bộ Chính trị (9-1954)*, tr. 28, ĐVBQ92, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng.

trợ với khối lượng lớn cho Việt Nam về mặt kinh tế và quốc phòng.

## **2. Hồ Chí Minh với nhiệm vụ lập pháp, lập hiến**

### **a) Bổ sung các đạo luật**

Từ chiến tranh chuyển sang hoà bình, Đảng, Chính phủ và Quốc hội đứng trước những nhiệm vụ quan trọng, phức tạp và cấp bách. Cùng với việc thực hiện các nhiệm vụ đối nội, như động viên nhân dân cả nước kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ, tích cực ủng hộ đồng bào miền Nam, hoàn thành cải cách ruộng đất, Hồ Chí Minh đã nêu lên nhiệm vụ chuẩn bị xây dựng các đạo luật, xúc tiến sửa đổi *Hiến pháp năm 1946* cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ mới của cách mạng cả nước.

Nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của sự phát triển chế độ ta, sinh hoạt dân chủ của chế độ ta, công cuộc xây dựng, bảo vệ đất nước sau thắng lợi của cuộc kháng chiến chống Pháp đang đặt ra những yêu cầu bức thiết phải bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật và pháp chế để quản lý xã hội, là người đứng đầu Nhà nước, Hồ Chí Minh đã rất chú trọng đến nhiệm vụ quan trọng này. Theo Người, nhà nước quản lý xã hội bằng nhiều công cụ khác nhau, nhưng công cụ chủ yếu nhất là pháp luật. Vì pháp luật đảm bảo sự ổn định và phát triển của xã hội miền Bắc nói riêng, và cả nước nói chung. Trên tinh thần, “các chính sách lớn của Nhà nước về mặt pháp lý, phải được quy định bằng những đạo luật do Quốc hội biểu quyết, và trong khi Quốc hội chưa họp, thì phải được quy định bằng những sắc luật do Chính phủ đề nghị và Ban Thường trực Quốc hội biểu

quyết”<sup>1</sup>,

Hồ Chí Minh và Chính phủ đã chú trọng việc xây dựng nền pháp chế, tăng cường cơ sở pháp trị, đảm bảo thực hiện những quyền tự do, dân chủ cho nhân dân lao động và đề trình Quốc hội thông qua một số *Dự án sắc luật*.

Trong khi chờ soạn thảo và thông qua một số đạo luật, tạo điều kiện cho việc tổ chức, điều hành nhân dân miền Bắc cải tạo và xây dựng chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã ký và ban hành một số sắc lệnh quan trọng. Các sắc lệnh này đã nhanh chóng có hiệu lực, góp phần ổn định tình hình chính trị, văn hoá xã hội và cuộc sống yên bình của nhân dân. Chính sách dân tộc (Sắc lệnh số 229/SL, ngày 29-4-1955) thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về một nước Việt Nam của rất nhiều tộc người, tộc người Kinh và các tộc người thiểu số anh em, cùng chung sống, cùng có nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Trong bối cảnh đất nước bị chia cắt làm hai, những điều Người viết: "Đồng bào Kinh hay Thổ, Mường hay Mán, Gia Rai hay Ê Đê, Xê Đăng hay Ba Na và các dân tộc thiểu số khác, đều là con cháu Việt Nam, đều là anh em ruột thịt"<sup>2</sup> càng trở nên có ý nghĩa lớn lao, không chỉ vào thời điểm lịch sử khi đó, mà còn mang tính thời sự cho đến hôm nay.

Việc ban hành chính sách dân tộc của Chính phủ, đã góp phần tăng cường tinh đoàn kết giữa các tộc người thiểu số, tạo điều kiện cho các dân tộc thiểu số có điều kiện phát triển,

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 7, Tlđđ*, tr. 867.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t. 4, tr. 217.

tiến bộ về mọi mặt; đồng thời nghiêm cấm mọi hành vi khinh rẻ, áp bức và chia rẽ dân tộc, chống tư tưởng dân tộc lớn và tư tưởng dân tộc hẹp hòi. Cùng với chính sách dân tộc, việc quyết định thành lập Khu tự trị Thái - Mèo theo Sắc lệnh số 230/TTg, ngày 29-4-1955, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Chính phủ Trung ương và thành lập khu tự trị Việt Bắc theo Sắc lệnh số 268/SL, ngày 1-7-1956, đã góp phần phá tan âm mưu chia rẽ dân tộc, gây thù hằn giữa các tộc thiểu số của các thế lực thù địch, đáp ứng nguyện vọng thiết tha và chính đáng của đồng bào các tộc thiểu số, đang mong muốn đóng góp sức mình trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

Nhằm phá tan âm mưu phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc của kẻ thù, lợi dụng tôn giáo, tung luận điệu “Chúa di cư vào Nam” để chia rẽ tôn giáo, lừa bịp nhân dân; bảo đảm các quyền tự do tín ngưỡng, tự do thờ cúng của nhân dân, v.v., Chủ tịch Hồ Chí Minh đã ký Sắc lệnh số 234/SL, ngày 14-6-1955, ban hành chính sách tôn giáo của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tính thực tiễn và ý nghĩa to lớn của việc ban hành chính sách này, theo Hồ Chí Minh chính là: sự gặp nhau giữa lương và giáo, giữa tín đồ Phật giáo, Cao Đài, Hoà Hảo hay Công giáo, bên cạnh niềm tin tôn giáo, còn là độc lập dân tộc, là Tổ quốc, là quyền được tự do tín ngưỡng của mọi người dân, là đoàn kết, chung sức, chung lòng vì một nước Việt Nam độc lập, hoà bình và thống nhất.

Không dừng lại ở việc ban hành một số sắc lệnh, trong điều kiện hoà bình đã được lập lại ở miền Bắc, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã quyết định sửa đổi những quy định đặc biệt của thời kỳ kháng chiến cho phù hợp với sự phát triển của tình hình thực tế. Hơn nữa, để từng bước khắc phục những thiếu



sót, những điểm chưa đầy đủ của pháp chế, tạo điều kiện cho việc thi hành luật pháp được thực hiện một cách nghiêm minh, tôn trọng các quyền tự do, dân chủ của nhân dân lao động, tại các kỳ họp Quốc hội, Hồ Chí Minh đã hướng các hoạt động của Quốc hội vào việc thảo luận xem xét nhiều vấn đề quan trọng và ban hành các đạo luật.

Để ngày một hoàn thiện hệ thống pháp luật, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Hồ Chí Minh đã điều hành Chính phủ chuẩn bị xây dựng nội dung, đệ trình các dự án luật để trình Quốc hội xem xét và thông qua như: Dự luật đảm bảo quyền tự do thân thể và quyền bất khả xâm phạm đối với nhà ở, đồ vật, thư tín của nhân dân; Dự luật quy định về quyền tự do hội họp, tự do lập hội; Luật công đoàn; v.v..

Đánh giá về những buổi nghiên cứu kỹ lưỡng tại các tiểu ban và thảo luận đầy đủ trong các phiên họp toàn thể về nội dung và ý nghĩa các dự án luật, Hồ Chí Minh khẳng định: “Sự đoàn kết nhất trí đã được thực hiện trong điều kiện *dân chủ rộng rãi*. Để phát triển sinh hoạt dân chủ đó, Quốc hội lại đã thông qua những đạo luật đảm bảo các quyền tự do dân chủ cho nhân dân”<sup>1</sup>:

- *Sắc luật về chế độ xuất bản* nhằm tôn trọng và bảo đảm “quyền tự do xuất bản được sử dụng một cách đúng đắn, để ngăn ngừa mọi sự lợi dụng chế độ tự do xuất bản để làm phurong hại đến nhân dân, đến chế độ”<sup>2</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 301-302.

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 7, Tlđđ*, tr. 876.

- *Sắc luật về chế độ báo chí* ra đời cùng với *Sắc luật chế độ xuất bản* không những đã phòng ngừa được những hành động phá hoại của kẻ địch, bảo đảm quyền tự do ngôn luận của nhân dân, mà còn chứng minh trong thực tế, đó là công cụ đấu tranh của nhân dân, phục vụ lợi ích tối cao của dân tộc.

- *Sắc luật về những trường hợp phạm pháp* quả tang và những trường hợp khẩn cấp... “làm phương hướng cho việc xây dựng những luật về các quyền tự do dân chủ, là một mặt phải bảo đảm quyền tự do dân chủ của nhân dân, và mặt khác phải thực hiện đầy đủ chuyên chính đối với kẻ thù của nhân dân”<sup>1</sup>.

- *Sắc luật về cấm mọi hành động đầu cơ* về kinh tế nhằm mục đích bình ổn vật giá, phát triển sản xuất, thực hiện kế hoạch nhà nước, bảo vệ và khuyến khích những người kinh doanh chính đáng, v.v., góp phần “làm cho những kẻ phạm pháp phải dè chừng và đồng thời cũng mở cho họ một con đường để hối lỗi, tự cải tạo”<sup>2</sup>.

- *Sắc luật về quy định thể lệ bầu cử Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp* “nhằm đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền tự do bầu cử, ứng cử của nhân dân ta, trong khi chờ đợi Hiến pháp mới. Những quy định này góp phần mở rộng sinh hoạt dân chủ, phát huy tính tích cực và năng lực sáng tạo của nhân dân ta”<sup>3</sup>.

- *Luật công đoàn* được Quốc hội thông qua ngày 14-9-1957, gồm 4 chương, 22 điều, “sẽ làm cho quần chúng công nhân,

---

1, 2, 3. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 7, Tlđđ*, tr. 876, 928, 881.

viên chức rất phấn khởi, tích cực đẩy mạnh sản xuất, kiến thiết miền Bắc, tiến dần lên chủ nghĩa xã hội và đấu tranh thống nhất nước nhà”<sup>1</sup>.

Tất cả những văn bản pháp luật này đều nhằm mục đích: quy định rõ, cụ thể về quyền tự do dân chủ của nhân dân, khẳng định quyền tự do được làm công dân của một nước độc lập, dân chủ trên thực tế. Nội dung của những đạo luật do Chính phủ trình Quốc hội đã phản ánh bản chất dân chủ của chế độ ta.

Việc kịp thời xây dựng, thông qua những sắc luật và luật của Quốc hội đã khẳng định: Nền pháp trị của chúng ta tuy mới được chấn chỉnh, song “đã có nhiều hiện tượng tốt đẹp vì chúng ta đã có một cơ sở tốt để củng cố nền pháp trị: đó là chế độ của chúng ta, một chế độ mà trong đó quyền của người dân được phát huy đến triệt để và được hết sức tôn trọng và bảo vệ”<sup>2</sup>. Trước Quốc hội, Hồ Chí Minh nhấn mạnh, việc xây dựng và ban hành các đạo luật đó thể hiện rõ “tinh thần đoàn kết nhất trí và tinh thần dân chủ” của chế độ mới. Điều đó “đã làm cho nhân dân ta cực kỳ phấn khởi, đã làm cho kẻ địch thất vọng”, góp phần “đưa lại những thắng lợi mới to lớn hơn trong sự nghiệp củng cố miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà”<sup>3</sup>.

Tiếp đó, Quốc hội đã xem xét và biểu quyết thông qua *Luật về tổ chức chính quyền địa phương*, ngày 29-4-1958. Đạo luật này “có một tác dụng rất quan trọng đối với việc

---

1, 2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 7, Tlđđ*, tr. 886, 931.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t. 8, tr. 302.

chấn chỉnh, củng cố và tăng cường bộ máy chính quyền dân chủ nhân dân”<sup>1</sup>, bảo đảm thực hiện những nhiệm vụ của Nhà nước trong giai đoạn mới. Ngày 31-5-1958, Hồ Chí Minh đã ban bố *Luật tổ chức chính quyền địa phương*. Luật có 5 chương, 43 điều, quy định rõ về hệ thống tổ chức, về nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc của hội đồng nhân dân và ủy ban hành chính các cấp, cùng các cơ quan chuyên môn ở địa phương và quan hệ giữa ủy ban hành chính với các cơ quan đó, góp phần “mở rộng thêm một bước sinh hoạt dân chủ của nhân dân”<sup>2</sup>.

Trong bối cảnh vừa xây dựng và củng cố miền Bắc, vừa thiết thực giúp đỡ, chi viện cho miền Nam, Hồ Chí Minh nêu vấn đề phải cần thiết xây dựng nền nếp chính quy trong quân đội, xây dựng quân đội và củng cố quốc phòng. Từ quan điểm của Người: “Trước ta chẳng chính quy gì cũng đánh thắng... Trước là thời kỳ khác, nay là thời kỳ khác. Quân đội ta nhất định phải tiến từng bước lên chính quy và hiện đại”<sup>3</sup>, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất đã nhất trí và thông qua *Luật quy định chế độ phục vụ của sĩ quan Quân đội nhân dân Việt Nam* ngày 29-4-1958, “đặt cơ sở cần thiết để nâng cao phẩm chất chính trị và khả năng chuyên môn kỹ thuật của toàn quân... tăng cường sức mạnh của lực lượng vũ trang toàn quốc”<sup>4</sup>. Ra đời trong điều kiện lịch sử mới, đạo luật có tác dụng củng cố ý thức, tổ chức kỷ luật trong quân đội và đặt những quy định

---

1, 2, 4. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 8*, họp từ ngày 16 đến ngày 29-4-1958, tr. 448, 449, 456. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 391.

cần thiết, làm cơ sở cho việc đào tạo cán bộ, xây dựng lực lượng sĩ quan dự bị, v.v. bổ sung nguồn cán bộ cho quân đội khi cần tác chiến, phù hợp với điều kiện một nửa đất nước đang còn chiến tranh.

Trước yêu cầu mới của tình hình đất nước tạm thời bị chia cắt, cùng với việc xúc tiến sửa đổi *Hiến pháp*, theo đề nghị của Hồ Chí Minh và Chính phủ, Quốc hội đã thông qua nhiều văn bản pháp luật, cụ thể hoá các quy định của *Hiến pháp* về bầu cử, tổ chức và hoạt động của Quốc hội, tiếp tục khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân. *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội*, được thông qua ngày 31-12-1959, gồm 9 chương, 60 điều, thể hiện rõ việc quán triệt được nguyên tắc dân chủ của chế độ ta, đồng thời thể hiện tinh thần dân chủ của *Hiến pháp* sửa đổi. Với các nội dung đảm bảo đầy đủ nguyên tắc tự do, dân chủ, bình đẳng, để nhân dân trực tiếp bầu ra những đại biểu của mình vào Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan “tiêu biểu tính chất thống nhất của Nhà nước ta”, đạo luật này đã khẳng định vị thế chủ nhân của người dân Việt Nam.

Cũng theo đề nghị của Hồ Chí Minh, tiếp tục thực hiện tư tưởng của Người về quyền lực của nhân dân (qua các sắc lệnh số 34, 39, 51, 71 năm 1945 đã ban hành trong quá trình lãnh đạo nhân dân chuẩn bị Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946), căn cứ vào tính chất đại diện của Quốc hội, đảm bảo thành phần của Quốc hội gồm đầy đủ các giai cấp cách mạng, các tộc người, các tôn giáo trong cả nước, đảm bảo mối quan hệ mật thiết giữa đại biểu với nhân dân, Điều 11, 12 của luật quy định: Cứ 5 vạn (50.000) dân được cử 1 đại biểu. Ở những khu công nghiệp tập trung và ở những thành phố trực thuộc Trung

ương thì có thể từ một vạn (10.000) đến ba vạn (30.000) dân được cử một đại biểu, và dựa vào số các dân tộc thiểu số so với dân số toàn quốc, số đại biểu Quốc hội cho các dân tộc thiểu số bằng khoảng một phần bảy tổng số đại biểu Quốc hội.

Cách thức và tỷ lệ bầu theo như luật định cho thấy, tư tưởng của Hồ Chí Minh về một Quốc hội đại diện cho ý chí, nguyện vọng của nhân dân cả nước được thể hiện rõ trong mỗi điều luật. Quy định này tạo điều kiện thuận lợi cho đồng bào các dân tộc thiểu số sẽ có số đại biểu Quốc hội thích đáng với số dân của từng tộc người, làm cho Quốc hội thực sự là cơ quan tối cao, đại diện cho quyền lực của nhân dân cả nước. Đồng thời, nội dung của luật cũng khẳng định trong thực tế bản chất dân chủ của chế độ. Dân chủ từ việc quy định một chế độ tuyển cử thực sự dân chủ và thực sự tự do trong tinh thần, cũng như trên lời văn.

Hồ Chí Minh là một nhà lãnh đạo dân chủ và Người luôn cố gắng thực hành dân chủ một cách đầy đủ nhất theo đúng ý nghĩa của từ này. Khi miền Bắc hoàn toàn giải phóng, đang trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xuất phát từ đạo đức, tư tưởng nhân văn thương yêu, quý trọng con người, đảm bảo cho con người quyền tự do và bình đẳng, bảo đảm cho lợi ích của người vợ, người mẹ và con cái, Hồ Chí Minh đã đề nghị Chính phủ xem xét việc thực hiện đầy đủ chế độ hôn nhân tự do và tiến bộ, “xoá bỏ những tàn tích còn lại của chế độ hôn nhân và gia đình phong kiến đã kìm hãm phụ nữ trong phạm vi hẹp của gia đình từ bao đời nay”<sup>1</sup>. Từ ý kiến chỉ đạo

---

1, 2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ*

của Người, sau khi được tiểu ban luật pháp soạn thảo và trình, Quốc hội đã thông qua *Luật hôn nhân và gia đình*, góp phần giải phóng lực lượng sản xuất “của một nửa xã hội”, tạo điều kiện thuận lợi cho phụ nữ phát huy được tài năng và sức lực của mình, đóng góp cho công cuộc kiến thiết nước nhà.

Thông qua đạo luật này, đồng bào miền Nam càng được thấy rõ tính chất hơn hẳn của chế độ xã hội miền Bắc trong mọi lĩnh vực, từ đó, càng nhận thức sâu sắc hơn bản chất dân chủ của chế độ ta, khi so sánh những quyền lợi cơ bản nêu trong đạo luật, với nội dung phản động, thoái hoá của cái gọi là “Luật gia đình” mà chính quyền miền Nam đã công bố đầu năm 1959. Nói về ý nghĩa của đạo luật, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Luật lấy vợ, lấy chồng nhằm giải phóng phụ nữ tức là giải phóng phần nửa xã hội. Giải phóng người đàn bà, đồng thời phải tiêu diệt tư tưởng phong kiến, tư tưởng tư sản trong người đàn ông”<sup>2</sup>. Đó là một đạo luật dân chủ và tiến bộ, thể hiện đầy đủ nguyện vọng và quyền lợi thiết thân của người phụ nữ, là nguồn cổ vũ lớn lao đối với toàn dân ta trong công cuộc cải tạo, xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà. Việc thông qua *Luật hôn nhân và gia đình* đã phản ánh chế độ chính trị - kinh tế và đạo đức xã hội chủ nghĩa tốt đẹp của chế độ dân chủ nhân dân ở miền Bắc.

Sau đó, nhằm đáp ứng kịp thời tình hình mới, xây dựng quân đội chính quy vững mạnh, ngày 15-4-1960 Quốc hội đã biểu quyết và thông qua *Luật nghĩa vụ quân sự*. Gồm 8 chương

---

*hợp thứ 11*, họp từ ngày 18 đến ngày 31-12-1959, tr. 228, 229. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

48 điều, đạo luật quy định rõ: Thanh niên phải có nghĩa vụ bảo vệ Tổ quốc, nhưng cũng có quyền lợi và vinh dự lớn lao trong khi làm nghĩa vụ quân sự. Chế độ nghĩa vụ quân sự mà luật quy định, chẳng những đảm bảo cho nhân dân vừa tham gia lao động sản xuất, xây dựng chủ nghĩa xã hội, mà còn tạo điều kiện để phổ cập tri thức quân sự một cách rộng rãi trong nhân dân, làm cho nhân dân sẵn sàng bảo vệ Tổ quốc. *Luật nghĩa vụ quân sự* không những nói lên được truyền thống yêu nước của quân đội ta, mà còn chứng tỏ chế độ nghĩa vụ quân sự của Nhà nước ta phù hợp với quyền lợi và nguyện vọng của toàn thể nhân dân. Đánh giá về sự ra đời của đạo luật này, Hồ Chí Minh khẳng định: “Luật này rất cần thiết cho công việc củng cố quốc phòng, giữ gìn hoà bình, đồng thời nó làm thoả mãn nguyện vọng của đồng bào được góp phần về vang bảo vệ Tổ quốc”<sup>1</sup>.

Như vậy, đồng thời với việc lãnh đạo, động viên quân dân cả nước kiên trì thực hiện nội dung Hiệp định Giơnevơ, hoàn thành cải cách ruộng đất, tiếp tục xóa bỏ tàn tích phong kiến thực dân trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội miền Bắc, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã cùng Quốc hội thông qua các sắc lệnh, các dự án luật và các đạo luật, khẳng định bản chất dân chủ trong đời sống chính trị của miền Bắc xã hội chủ nghĩa. Các nghị quyết của Quốc hội về việc thông qua các đạo luật, khẳng định và bảo vệ quyền tự do dân chủ của nhân dân đã đánh dấu một bước trưởng thành trong hoạt

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa I: *Văn bản chính kỳ họp thứ 12*, họp từ ngày 11 đến ngày 15-4-1960, tr. 452. Tài liệu lưu trữ Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.



động lập pháp của Quốc hội, đồng thời khẳng định bản chất Nhà nước dân chủ nhân dân của chúng ta.

Không chỉ nhấn mạnh về vai trò, giá trị xã hội của pháp luật và quan tâm xây dựng hệ thống pháp luật, Hồ Chí Minh còn đặc biệt quan tâm đến việc thực thi pháp luật một cách công bằng. Người quan niệm, pháp luật phải xuất phát từ thực tiễn, phản ánh thực tiễn, nên muốn đưa pháp luật vào cuộc sống, các cơ quan quyền lực trong bộ máy nhà nước phải đặc biệt quan tâm đến việc tuyên truyền pháp luật. Người từng nói: “Công bố đạo luật này chưa phải đã là mọi việc đều xong, mà còn *phải tuyên truyền giáo dục lâu dài mới thực hiện được tốt*”<sup>1</sup>.

Trong điều kiện thời bình, Quốc hội không chỉ có điều kiện họp thường xuyên theo định kỳ mà còn có điều kiện kịp thời sâu sát thực tiễn, theo sát tâm tư và nguyện vọng của nhân dân để từng bước phát huy vai trò “quyền lực tối cao” của mình thông qua những hoạt động của các kỳ họp. Dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, những quan điểm của Người về vai trò, tác dụng của pháp luật; cơ chế làm luật, về pháp chế và ý thức pháp luật vừa với tư cách là một công cụ của cuộc đấu tranh giai cấp, vừa với tư cách là một công cụ để xây dựng chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo đảm dân chủ, công bằng trong xã hội đã kịp thời được triển khai. Với việc Quốc hội ban hành bổ sung các văn bản pháp luật, hoàn thiện dần hệ thống pháp luật thực sự vì nhân dân, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã có cơ sở pháp lý để điều hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và phát triển lực lượng về mọi mặt của

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 524.

miền Bắc, thiết thực ủng hộ cuộc chiến đấu của đồng bào miền Nam ruột thịt.

Trong giai đoạn từ cuối năm 1954 đến trước tháng 4-1960, Hồ Chí Minh, Chính phủ, Quốc hội đã ban hành 10 đạo luật, “30 sắc luật, 70 nghị định, 36 nghị quyết, 60 quyết định, 920 thông tư, 97 chỉ thị và 74 văn bản có tính pháp quy khác”<sup>1</sup>. Trong khoảng 5 năm sau ngày miền Bắc được giải phóng, những văn bản pháp luật được ban hành thể hiện rõ mối quan hệ giữa pháp luật với các quy tắc xã hội khác, được xây dựng trên tinh thần “quyền hành và lực lượng đều ở nơi dân”, đã không chỉ hiện thực hóa tư tưởng của Người về việc xây dựng một Quốc hội thực sự là cơ quan đại diện cao nhất cho quyền lực của nhân dân cả nước, mà còn đồng thời nói nên bản chất của chế độ dân chủ cộng hòa.

Chúng ta đều biết, luật pháp là do cơ sở kinh tế quyết định. Pháp luật không thể vượt quá chế độ kinh tế, nhưng pháp luật lại tác động tích cực trở lại đời sống thực tại. Vì vậy, trong bối cảnh miền Bắc đang tiến hành công cuộc xây dựng để tiến dần lên chủ nghĩa xã hội, thông qua hệ thống pháp luật đó, các quyền tự do dân chủ của nhân dân được đảm bảo và quyền lợi, nghĩa vụ của người dân được quy định rõ ràng. Dù chưa thể làm được đầy đủ, song điều này cũng chứng tỏ rằng: trong từng điều kiện cụ thể, tư tưởng “thần linh pháp quyền” của Hồ Chí Minh đã được thực thi, thiết thực góp phần trực tiếp vào việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng chế độ xã hội mới.

Hướng những hoạt động chủ yếu của Quốc hội thời kỳ

---

1. Phạm Hữu Nghị: *Pháp luật Việt Nam: 60 năm nhìn lại*, Tlđđ, tr. 63.

này vào việc thông qua các văn bản pháp luật, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã dựa vào hệ thống pháp luật này quản lý và điều hành xã hội, từng bước xây dựng miền Bắc giàu mạnh làm cơ sở vững chắc cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

### b) Xúc tiến sửa đổi Hiến pháp

Chuyển sang một thời kỳ mới với những nhiệm vụ mới, cách mạng Việt Nam có những bước chuyển căn bản. Việc sửa đổi *Hiến pháp* trở nên cần thiết và cấp bách. Trước thực tế đó, Hồ Chí Minh nói: “*Hiến pháp năm 1946*, Hiến pháp dân chủ đầu tiên của nước ta, thích hợp với tình hình và nhiệm vụ cách mạng trong thời kỳ đó. Nó đã hoàn thành sứ mệnh của nó... Vì vậy mà chúng ta phải sửa đổi *Hiến pháp* ấy”<sup>1</sup>. Nhiệm vụ quan trọng này được Hồ Chí Minh nêu ra tại kỳ họp thứ 6 (29-12-1956 – 25-1-1957) Quốc hội khoá I, và tại kỳ họp này, Người được bầu làm Trưởng ban dự thảo *Hiến pháp* sửa đổi.

Chuẩn bị thực hiện nhiệm vụ sửa đổi *Hiến pháp*, ngày 27-2-1957, trong phiên họp đầu tiên của Ban sửa đổi Hiến pháp, Hồ Chí Minh đã nêu lên những tư tưởng chỉ đạo như sau: “Bản *Hiến pháp* chúng ta sẽ thảo ra phải là một bản *Hiến pháp* phát huy cái tinh thần tiến bộ của *Hiến pháp năm 1946*, đồng thời phải phản ánh đầy đủ tình hình thực tế của chế độ ta do cuộc cách mạng phản đế, phản phong thắng lợi đã mang lại; phản ánh đúng đắn con đường đang tiến lên của dân tộc ta. Nó sẽ là bản *Hiến pháp* của một nước dân chủ nhân dân tiến dần lên chủ nghĩa xã hội.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 585.

Nó phải là một bản *Hiến pháp* bảo đảm được quyền tự do dân chủ cho các tầng lớp nhân dân, trên cơ sở công nông liên minh và do giai cấp công nhân lãnh đạo. Nó phải thật sự bảo đảm nam nữ bình quyền và dân tộc bình đẳng, v.v.”<sup>1</sup>.

Cũng trên tinh thần thẩm nhuần quan điểm chỉ đạo nêu trên và tích cực chuẩn bị, ngày 27-2-1958, Hồ Chí Minh đã trình đề Bộ Chính trị bàn một số vấn đề cơ bản về *Hiến pháp* sửa đổi. Sau khi thảo luận và có ý kiến chỉ đạo của Bộ Chính trị, tháng 7-1958, dự thảo đã được đưa ra thảo luận trong các cán bộ trung cấp, cao cấp thuộc các cơ quan quân, dân, chính, Đảng. Sau đợt thảo luận này, dự thảo *Hiến pháp* đã được chỉnh lý lại, và ngày 1-4-1959, được công bố để toàn dân thảo luận và góp ý kiến xây dựng.

Trên tinh thần dân chủ, những ý kiến đóng góp của nhân dân đã được Hồ Chí Minh và Ban sửa đổi Hiến pháp tiếp thu, nghiên cứu, thảo luận kỹ càng và trên cơ sở của việc nghiên cứu và thảo luận đó, bản dự thảo *Hiến pháp* đã được chỉnh lý lại. Cuối tháng 12-1959, Hồ Chí Minh đã báo cáo kết quả quá trình dự thảo *Hiến pháp năm 1959* tại kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá I. Người nói, Ban dự thảo Hiến pháp sửa đổi “đã liên tục làm việc và đã họp 27 lần. Hôm nay dự thảo đã làm xong, Ban chúng tôi xin trình dự thảo trước Quốc hội”<sup>2</sup>. Tại kỳ họp này, sau khi xem xét, thảo luận về nội dung, Quốc hội đã thông qua bản *Hiến pháp* và ngày 1-1-1960, Hồ Chí Minh đã ký Lệnh số 01/LCT công bố bản *Hiến pháp* mới.

Với Lời nói đầu, 10 chương và 112 điều, *Hiến pháp năm*

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 8, tr. 322.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 9, tr. 597.

1959 đã “ghi rõ những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong những năm qua và nêu rõ nhiệm vụ cách mạng” của hai miền Nam - Bắc trong giai đoạn lịch sử mới.

Tại Lời nói đầu, *Hiến pháp năm 1959* khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng trong tiến trình cách mạng, đồng thời nhấn mạnh đó là bộ tham mưu lãnh đạo sự nghiệp cách mạng: “Dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Đảng Lao động Việt Nam, Chính phủ nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chủ tịch Hồ Chí Minh, toàn dân ta đoàn kết rộng rãi trong Mặt trận dân tộc thống nhất, nhất định sẽ giành được thắng lợi vẻ vang trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và thực hiện thống nhất nước nhà. Nhân dân ta nhất định xây dựng thành công một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh, góp phần xứng đáng vào công cuộc bảo vệ hòa bình ở Đông - Nam châu Á và thế giới”<sup>1</sup>.

Hiến pháp ghi rõ: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa là một nước dân chủ nhân dân, “là một khối Bắc Nam thống nhất không thể chia cắt”; “một nước thống nhất gồm nhiều dân tộc”<sup>2</sup>, đồng thời tiếp tục khẳng định tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân: “Tất cả quyền lực trong nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đều thuộc về nhân dân. Nhân dân sử dụng quyền lực của mình thông qua Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp do nhân dân bầu ra và chịu trách nhiệm trước nhân dân” (Điều 4). Các cơ quan quyền lực nhà nước bao gồm các đại biểu, những người có tài có đức được

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, Sđd, tr. 484.

2. Văn phòng Quốc hội: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, Sđd, tr. 485.

nhân dân tín nhiệm, lựa chọn, bầu ra theo chế độ phổ thông đầu phiếu và thực hành nguyên tắc tập trung dân chủ.

Trên tinh thần cơ bản “nhân dân là chủ”, *Hiến pháp năm 1959* đã có những quy định, thể chế hóa mối quan hệ giữa Nhà nước và nhân dân: “Tất cả các nhân viên cơ quan nhà nước đều phải trung thành với chế độ dân chủ nhân dân, tuân theo *Hiến pháp* và pháp luật, hết lòng hết sức phục vụ nhân dân” (Điều 6). Cách mạng đã chuyển sang giai đoạn xã hội chủ nghĩa, song do đặc thù của tình hình, cơ chế quyền lực nhà nước chưa thể hoàn toàn theo đúng mô hình xã hội chủ nghĩa, mà còn có các yếu tố kiểu dân chủ nhân dân. Đó là việc sử dụng nhà nước dân chủ nhân dân làm nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản. Điểm đặc biệt này đã quyết định cơ chế quyền lực nhà nước và vị trí của Quốc hội, của thiết chế Chủ tịch nước trong *Hiến pháp năm 1959*.

Chương II của *Hiến pháp* quy định rõ về chế độ kinh tế xã hội, trong đó khẳng định: Nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiến dần từ chế độ dân chủ nhân dân lên chủ nghĩa xã hội. Nhà nước lãnh đạo hoạt động kinh tế theo một kế hoạch thống nhất. Nhà nước chiếu theo pháp luật bảo hộ quyền sở hữu về ruộng đất và các tư liệu sản xuất khác của nông dân, bảo hộ quyền sở hữu về tư liệu sản xuất và của cải khác của các nhà tư sản dân tộc, v.v., đặc biệt kinh tế quốc doanh giữ vai trò lãnh đạo trong nền kinh tế quốc dân và được ưu tiên phát triển (Điều 9, 10, 12, 14, 16).

*Hiến pháp* dành từ Điều 22 đến Điều 42 để nói về quyền lợi và nghĩa vụ cơ bản của công dân, trong đó khẳng định mọi công dân Việt Nam đều bình đẳng trước pháp luật, có quyền tự do tín ngưỡng, bất khả xâm phạm về thân thể, có

quyền khiếu nại và tố cáo, quyền được nghỉ ngơi, được học tập, làm việc, có bốn phạm làm nghĩa vụ quân sự để bảo vệ Tổ quốc, v.v..

*Hiến pháp* quy định: Quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa quyết định những công việc hệ trọng, liên quan đến vận mệnh, đến quốc kế dân sinh của nước nhà và Hội đồng nhân dân các cấp quyết định những công việc quan trọng nhất ở địa phương.

Trong *Hiến pháp năm 1959*, tính chất, chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các ủy ban của Quốc hội và mối quan hệ của Quốc hội với các cơ quan khác trong bộ máy nhà nước cũng đã có sự thay đổi so với chế định về nghị viện nhân dân trong *Hiến pháp năm 1946*. Từ những chế định, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội, vị trí, vai trò của Quốc hội theo *Hiến pháp năm 1959* được đề cao và quyền hạn được quy định một cách cụ thể hơn:

Tính đại diện cao nhất của Quốc hội theo *Hiến pháp năm 1959*, thể hiện trên các yếu tố: Quốc hội có cơ cấu thành phần đại biểu đại diện rộng rãi, thực hiện quyền hạn và nghĩa vụ dựa vào sự tín nhiệm của nhân dân, do nhân dân uỷ thác và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân như Hồ Chí Minh từng khẳng định: “Quốc hội là tiêu biểu ý chí thống nhất của dân tộc ta, một ý chí sắt đá không gì lay chuyển nổi”<sup>1</sup>. Tính quyền lực cao nhất của Quốc hội được cụ thể hóa thành các chức năng và nhiệm vụ cụ thể như: Chức năng lập hiến và lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước và

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 7, tr. 497.

giám sát tối cao (Điều 43, 44, 46, 50).

*Hiến pháp năm 1959* dành từ Điều 51 đến Điều 55 để quy định về Ủy ban Thường vụ Quốc hội, trách nhiệm và quyền hạn của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Là cơ quan thường trực của Quốc hội, do Quốc hội bầu ra, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có 18 quyền được ghi cụ thể trong Điều 53 của *Hiến pháp*. Trong số những thẩm quyền này, một số quyền trước đây, theo *Hiến pháp năm 1946* là do Chủ tịch nước thực hiện như: quyền đặc xá, quyết định bổ nhiệm những thành viên của Chính phủ,... (Điều 49, *Hiến pháp năm 1946*).

*Hiến pháp* quy định Quốc hội thành lập các ủy ban chuyên trách để giúp Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 56, 57, 58). Trong những trường hợp cần thiết, Quốc hội không họp, Ủy ban Thường vụ Quốc hội có thể tổ chức các Ủy ban điều tra về những vấn đề nhất định (Điều 58). Đó là điểm khác biệt giữa *Hiến pháp năm 1946* và *Hiến pháp năm 1959*. Trong khi xây dựng và thông qua các điều về tổ chức bộ máy, hoạt động của các Ủy ban của Quốc hội, Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp nhận thức rất rõ tầm quan trọng sự uỷ thác của nhân dân vào cơ quan quyền lực, đặc biệt là các ủy ban chuyên trách.

Hiến pháp quy định các đại biểu Quốc hội có quyền được chất vấn Hội đồng Chính phủ, chất vấn các cơ quan thuộc Hội đồng Chính phủ. Mặt khác, nếu trong thời gian Quốc hội không họp và không được sự đồng ý của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, “thì không được bắt giam và truy tố đại biểu Quốc hội” (Điều 60). Đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân các cấp đều là những người được nhân dân tín nhiệm, uỷ thác,



thay mặt mình, nên cũng có thể bị cử tri bãi miễn trước khi hết nhiệm kỳ nếu tỏ ra không xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân (Điều 5). Nguyên tắc này đảm bảo quyền kiểm soát của nhân dân đối với các đại biểu đại diện cho mình khi những đại biểu đó tỏ ra không còn xứng đáng, đồng thời khẳng định quyền lực thực sự của nhân dân trong thực tế.

Là Trưởng ban dự thảo Hiến pháp sửa đổi, việc Hồ Chí Minh chỉ đạo xây dựng nội dung các điều trên cho thấy, trong tư tưởng của Người vị trí, vai trò của Quốc hội được nâng cao trong tổ chức bộ máy quyền lực nhà nước. Những chế định này đã khẳng định tính quyền lực tối cao của Quốc hội.

Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, bao gồm những đại biểu được bầu ra ở những đơn vị bầu cử. Quyền lực đó được thể hiện trong các luật, các pháp lệnh, các nghị quyết mà Quốc hội thông qua tại các kỳ họp, cho nên các kỳ họp là sinh hoạt quan trọng của Quốc hội. Trong các kỳ họp, các đại biểu Quốc hội có trách nhiệm và quyền hạn ngang nhau trong việc tham gia thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc về thẩm quyền của Quốc hội.

Chương V của *Hiến pháp năm 1959* dành các điều từ 61 đến 70 quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đó là “người thay mặt cho nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mặt đối nội và đối ngoại”, do Quốc hội bầu ra. Những công dân Việt Nam từ 35 tuổi trở lên có quyền ra ứng cử Chủ tịch nước. Các điều này vừa là sự kế thừa, vừa là sự phát triển giữa *Hiến pháp năm 1946* và *Hiến pháp năm 1959*. Chủ tịch nước khi xét thấy cần thiết “có quyền tham dự và chủ tọa các phiên họp của Hội

đồng Chính phủ” (Điều 66) và “triệu tập và chủ tọa Hội nghị chính trị đặc biệt” (Điều 67), v.v.. Một số thẩm quyền trước đó (theo *Hiến pháp năm 1946*) thuộc về Chủ tịch nước, nhưng đến *Hiến pháp năm 1959*, đã chuyển về cho Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Điều 50, 53, v.v.).

Thể hiện rõ nội dung xây dựng và phát triển đất nước theo con đường xã hội chủ nghĩa, *Hiến pháp năm 1959* cũng quy định tổ chức quyền lực nhà nước được thực hiện theo nguyên tắc tập trung quyền lực vào Quốc hội. Và Chủ tịch nước có vai trò điều hòa, phối hợp hoạt động của Quốc hội với Chính phủ. Như vậy là, quyền hạn và trách nhiệm của Chủ tịch nước, dù được quy định trong *Hiến pháp năm 1946* hay *Hiến pháp năm 1959*, theo tư tưởng Hồ Chí Minh, đó vẫn phải là người luôn có sự tín nhiệm và chịu sự kiểm soát của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Là người chỉ đạo việc xây dựng thiết chế Chủ tịch nước của chế độ cộng hoà dân chủ nhân dân mang những dấu ấn đặc thù của cách mạng Việt Nam, trong cả hai bản *Hiến pháp* năm 1946 và năm 1959, tư tưởng thống nhất quyền lực nhà nước của Hồ Chí Minh đều nhất quán. Điều đó cũng cho thấy, Hồ Chí Minh thực sự không chỉ là một nhà lập pháp am hiểu kỹ thuật lập pháp quốc tế, mà còn là người luôn vận dụng sáng tạo kỹ thuật lập pháp vào điều kiện cụ thể của Việt Nam. Đồng thời, cũng từ những chế định đó, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân (tập trung vào Quốc hội, cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân, do nhân dân bầu ra, thực hiện sự uỷ thác của nhân dân) càng trở nên rõ nét hơn, trở thành hiện thực sinh động hơn trong thực tiễn.

Từ những chế định này và trong thực tế, cùng với việc khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng tại *Lời nói đầu* của *Hiến pháp năm 1959*, có thể thấy rõ Người dành thời gian, tâm lực và trí lực, tập trung thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một vị Chủ tịch nước, góp phần tích cực tranh thủ sự ủng hộ của quốc tế cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước và nâng cao uy tín của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa trên trường quốc tế.

Tổ chức, quyền hạn của Hội đồng Chính phủ, Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính địa phương các cấp, cùng các cơ quan tư pháp, xét xử cũng được *Hiến pháp* quy định trong các chương VI, VII, VIII. Trong đó, các chế định của *Hiến pháp* cũng thể hiện rõ mối quan hệ giữa Hội đồng Chính phủ với Quốc hội qua việc: căn cứ vào *Hiến pháp*, pháp luật mà “quy định những biện pháp hành chính, ban bố những nghị định,...” (Điều 73), “trình dự án luật, dự án pháp lệnh và các dự án khác ra trước Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội” (Điều 74), v.v..

Tóm lại, nghiên cứu thực tiễn cách mạng Việt Nam và hoàn cảnh ra đời của *Hiến pháp năm 1959*, có thể thấy rõ rằng: Việc thay thế nghị viện nhân dân trong *Hiến pháp năm 1946* bằng Quốc hội trong *Hiến pháp năm 1959*, không chỉ là sự thay đổi tên gọi của cơ quan quyền lực nhà nước một cách thuần túy. Nghị viện nhân dân trong *Hiến pháp năm 1946* là một thiết chế, khẳng định một bước chuyển căn bản từ chế độ thuộc địa, thực dân phong kiến sang chế độ dân chủ cộng hòa, và nó thực sự phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam khi đó. Song đến *Hiến pháp năm 1959*, cùng với việc khẳng

định vai trò lãnh đạo của Đảng (tập trung ở Bộ Chính trị và Ban Bí thư), thì việc tổ chức bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân, mà đại diện tập trung là Quốc hội, với chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đã thể hiện rõ sự định hướng phát triển chế độ nhà nước theo con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Sự thay đổi trong tư tưởng Hồ Chí Minh và các nhà lập pháp Việt Nam không chỉ là một bước tiến trong tư duy lập pháp, đó còn là việc khẳng định con đường đi lên chủ nghĩa xã hội, là kết quả sự ảnh hưởng và sự tác động nhiều chiều của xu hướng tập quyền theo mô hình tổ chức nhà nước xã hội chủ nghĩa thời kỳ này.

Nói về ý nghĩa của việc ban hành *Hiến pháp năm 1959*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Bản *Hiến pháp* mới, là kết tinh bao nhiêu thắng lợi của nhân dân ta từ Cách mạng Tháng Tám tới nay và đã được đông đảo nhân dân tham gia ý kiến - sẽ là một mẫu mực về tổ chức đời sống của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa về mọi mặt kinh tế, chính trị, văn hoá và xã hội. Việc Quốc hội thông qua *Hiến pháp* mới, rất thích hợp với những thắng lợi mới, tiến bộ mới của nhân dân ta, là một sự kiện vô cùng quan trọng trong đời sống mọi mặt của nhân dân ta. Sau khi được ban hành, *Hiến pháp năm 1959*, “sẽ phát huy hơn nữa lòng yêu nước và chủ nghĩa xã hội của nhân dân ta, sẽ động viên nhân dân ta đoàn kết chặt chẽ hơn nữa, cố gắng thi đua hơn nữa để xây dựng một nước Việt Nam hoà bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”<sup>1</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn xung quanh cuộc Tổng tuyển cử*, Tlđđ, tr. 728.

Cùng với những đạo luật được Quốc hội thông qua, *Hiến pháp năm 1959*, Hiến pháp tiếp tục khẳng định tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về Quốc hội của Hồ Chí Minh, thực sự đáp ứng lợi ích của quần chúng nhân dân, phù hợp với thực tiễn Việt Nam. Trên cơ sở *Hiến pháp năm 1959*, Nhà nước sẽ tiếp tục ban hành nhiều đạo luật và các văn bản dưới luật để quản lý đất nước. Điều đó cũng đồng nghĩa với việc, thông qua chức năng lập hiến và lập pháp, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Quốc hội đã giữ vai trò trực tiếp thúc đẩy mạnh mẽ đời sống kinh tế, xã hội nước ta trong từng giai đoạn phát triển của cách mạng. Soạn thảo, ban hành bản *Hiến pháp năm 1959* và các đạo luật dân chủ thực sự vì nhân dân, có thể thấy được bước tiến trong tư duy lý luận, tư duy chính trị về hoạt động lập hiến, lập pháp của Hồ Chí Minh và cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Tựu trung lại, thông qua những hoạt động tại các kỳ họp của Quốc hội về việc thực hiện nhiệm vụ lập hiến, lập pháp, biểu quyết ngân sách, giải quyết những vấn đề chung cho toàn quốc của Quốc hội trong giai đoạn này, tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng, củng cố cơ quan quyền lực tối cao, đại đoàn kết toàn dân đã được thực hiện. Là người được trao trọng trách trước Quốc hội - cơ quan lập pháp và Chính phủ - cơ quan hành pháp, “Hồ Chí Minh đã đoàn kết quanh mình các đại biểu, các đảng phái giai cấp, tôn giáo, dân tộc đoàn kết, thống nhất, với một nguồn sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, tiến lên xây dựng chủ nghĩa xã hội”<sup>1</sup>.

---

1. Văn Tạo: *Vài nét về quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước*

Cùng với những hoạt động có hiệu quả của Người trong việc lãnh đạo nhân dân thực hiện nhiệm vụ nội trị, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tăng cường hoạt động đối ngoại mềm dẻo, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất đã thực hiện tốt chức năng, quyền hạn của mình, cùng Đảng và Chính phủ lãnh đạo nhân dân cả nước đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng ở hai miền Nam, Bắc. Với một Đảng cầm quyền trong sạch vững mạnh, một Quốc hội được tập trung quyền lực, hoạt động theo định kỳ, một Chính phủ hành pháp mạnh mẽ, sáng suốt dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh. Người đã khôn khéo, nhạy bén, uyển chuyển và hướng toàn bộ trí lực cho nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, sự nghiệp cách mạng của nhân dân ta đã có những bước phát triển mạnh mẽ.

Như vậy là, từ tháng 12-1946 đến tháng 5-1960, trong đó có chín năm trường kỳ kháng chiến chống Pháp, căn cứ vào những quy định của *Hiến pháp năm 1946*, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, Chính phủ, Quốc hội và các đại biểu Quốc hội đã hoàn thành nhiệm vụ lịch sử của mình. Được Quốc hội tín nhiệm và trao trọng trách, Hồ Chí Minh đã có những đóng góp to lớn trong việc lãnh đạo Chính phủ kháng chiến, tiếp tục duy trì và phát huy vai trò của Quốc hội - Nghị viện nhân dân trong bối cảnh kháng chiến và giai đoạn hòa bình, đưa miền Bắc hàn gắn vết thương chiến tranh và đi lên chủ nghĩa xã hội. Thông qua hoạt động của Hồ Chí Minh; thông qua những hình thức hoạt động thích hợp của Quốc

hội, nhất là cơ quan Thường trực Quốc hội trong điều kiện kháng chiến, vừa phối hợp, vừa giám sát Chính phủ để quyết định những vấn đề lớn của đất nước; những cố gắng kịp thời của việc tăng cường vai trò của Quốc hội trong việc ban hành các văn bản pháp luật, làm cơ sở cho những chuyển biến của xã hội miền Bắc, Hồ Chí Minh và Quốc hội đã xứng đáng với sự tín nhiệm và uỷ thác của nhân dân cả nước.

Sau những năm kháng chiến chống Pháp, cùng với việc đồng thời thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược ở cả hai miền Nam, Bắc, là việc Hồ Chí Minh và Quốc hội đảm nhận những trọng trách mới. Trước những nhiệm vụ mới không kém phần nặng nề, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ, Quốc hội đứng đầu là Hồ Chí Minh, thông qua các hoạt động đối ngoại có hiệu quả và tranh thủ sự giúp đỡ của các nước xã hội chủ nghĩa anh em (đặc biệt là Liên Xô và Trung Quốc), nhân dân ta đã giành được những thành tích đáng tự hào. Với tinh thần hăng hái thi đua tăng gia sản xuất và thực hành tiết kiệm, với tinh thần phấn đấu xây dựng và củng cố miền Bắc vững mạnh làm cơ sở cho cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, Hồ Chí Minh đã cùng Chính phủ đệ trình Quốc hội thông qua các kế hoạch nhà nước hằng năm, từng bước khôi phục, cải tạo và phát triển kinh tế, văn hoá của miền Bắc.

Quán triệt các Nghị quyết của các Hội nghị Trung ương, Hồ Chí Minh đã thông qua các hoạt động tại các kỳ họp và những quyết nghị trọng đại của Quốc hội, cùng Chính phủ lãnh đạo nhân dân thực hiện thắng lợi những nhiệm vụ quan trọng của sự nghiệp cách mạng ở cả hai miền Nam, Bắc. Tiếp tục thực hiện vai trò “quyền lực tối cao” theo tư tưởng Hồ

Chí Minh, những hoạt động của Quốc hội thời kỳ này đã tập trung vào việc thông qua kế hoạch, biểu quyết ngân sách hằng năm của Chính phủ; quyết định những vấn đề liên quan đến sự phát triển của cách mạng cả nước; bổ sung đạo luật, sửa đổi *Hiến pháp*, động viên nhân dân cả nước kiên trì thực hiện Hiệp định Giơnevơ, kiên trì cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà.

Từ ngày bầu cử (6-1-1946) cho đến đầu năm 1960, Quốc hội được xây dựng và hoạt động một cách dân chủ, đã luôn luôn phát huy truyền thống đoàn kết nhất trí của toàn dân, trong mọi việc đều gắn kết chặt chẽ với các hoạt động của Đảng và Chính phủ, với các hoạt động của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh, cô vũ, động viên nhân dân cả nước hoàn thành thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng, những nhiệm vụ kinh tế - xã hội hằng năm của Nhà nước.

Hết sức coi trọng việc xây dựng *Hiến pháp* và các đạo luật, nhưng trong điều kiện chiến tranh, Hồ Chí Minh và Chính phủ đã giải quyết những khó khăn do thiếu luật để điều hành đất nước bằng việc ban hành các sắc lệnh. Không hề trái với tư tưởng “thần linh pháp quyền”, càng không phải là Hồ Chí Minh làm trái với những điều Người từng nói, mà đó là một nhà lãnh đạo Hồ Chí Minh đầy bản lĩnh, nhạy bén, uyển chuyển với tình hình thực tế.

Hồ Chí Minh thực sự dân chủ trong lãnh đạo đã nhận thức sâu sắc rằng, pháp luật là tất yếu cần cho công cuộc xây dựng và phát triển đất nước. Không có pháp luật thì xã hội khó tồn tại được, nhưng trong điều kiện cụ thể khi đó, xây dựng hệ thống pháp luật mới không phải là việc làm “một



sớm một chiều”, thì việc Người kịp thời sử dụng những văn bản dưới luật để tổ chức và điều hành xã hội, đáp ứng yêu cầu thời chiến là một quyết định kịp thời và độc đáo. Các văn bản pháp luật đó với nội dung tiến bộ, vừa kế thừa và phát triển những giá trị vốn có của dân tộc ta, vừa tiếp thu những tinh hoa của nền lập pháp quốc tế, đã có vai trò quan trọng, tạo cơ sở pháp lý để Hồ Chí Minh lãnh đạo đất nước. Sau đó, khi Quốc hội có điều kiện họp theo định kỳ, cũng chính Người đề nghị xúc tiến việc bổ sung các đạo luật, hoàn thiện dần hệ thống pháp luật thực sự dân chủ được thông qua tại các kỳ họp của Quốc hội.

Điểm nổi bật của công tác xây dựng pháp luật những năm này là Hồ Chí Minh và Quốc hội đã tập trung xây dựng những đạo luật phục vụ cho việc thực hiện quyền tự do dân chủ của nhân dân, đáp ứng yêu cầu củng cố chế độ dân chủ nhân dân ở miền Bắc. Với việc sửa đổi và thông qua *Hiến pháp năm 1959*, Hồ Chí Minh và Quốc hội đã góp phần củng cố niềm tin, ý chí và khát vọng của nhân dân cả nước vào mục tiêu mà Người luôn hướng tới, đó là Độc lập, thống nhất cho Tổ quốc, tự do, hạnh phúc cho nhân dân.

*Hiến pháp năm 1946* được xây dựng và thông qua trong một hoàn cảnh đặc biệt: Đảng ta tuyên bố tự giải tán (thực chất là rút vào hoạt động bí mật), chiến tranh trên địa bàn cả nước đang đến rất gần, bộ chỉ huy tối cao của dân tộc (Đảng, Chính phủ, Quốc hội) cần tập trung tất cả trí lực vào người đứng đầu có đầy đủ đức, tài, kinh nghiệm để tổ chức và lãnh đạo nhân dân tiến hành sự nghiệp kháng chiến và kiến quốc. Với nhiều quyền hạn, trong đó có quyền yêu cầu Nghị viện xem xét lại các dự thảo luật đã được thông qua (Điều 31)

giống như quyền phủ quyết, những chế định trong *Hiến pháp năm 1946* đã tạo cho Chủ tịch nước Hồ Chí Minh một vị thế đặc biệt, có quyền quyết định kịp thời, linh hoạt những vấn đề quan trọng về đối nội và đối ngoại của quốc gia khi tình thế khẩn cấp.

Song khi tình hình và vị thế của nước nhà đã có nhiều thay đổi, *Hiến pháp năm 1959* được Quốc hội khoá I thông qua đã có những điểm khác biệt so với *Hiến pháp năm 1946* (khẳng định vai trò lãnh đạo của Đảng ngay tại *Lời nói đầu*, thêm một chương nói về chế độ kinh tế xã hội, thay đổi những chế định về Quốc hội, về Chủ tịch nước, v.v.). Vẫn mang đậm dấu ấn tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh, việc tiếp tục khẳng định quyền lực của nhân dân thông qua Quốc hội (được quy định trong *Hiến pháp năm 1959*) vừa khẳng định mục tiêu nhất quán của Hồ Chí Minh về việc xây dựng cơ quan đại diện cao nhất của nhân dân trong tiến trình cách mạng, vừa nhấn mạnh tính tất yếu của thiết chế quyền lực này trong bộ máy nhà nước của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Khác với *Hiến pháp năm 1946*, việc ghi nhận vai trò lãnh đạo của Đảng trong *Lời nói đầu* của *Hiến pháp năm 1959* đã chứng tỏ mọi thành công của cách mạng Việt Nam đều đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng. Sự lớn mạnh và trưởng thành vượt bậc của Đảng đã khẳng định vai trò cầm quyền của Đảng trong việc lãnh đạo Nhà nước và thông qua các cơ quan nhà nước, thể hiện vai trò lãnh đạo duy nhất trong cách mạng Việt Nam.

Từ những điểm khác biệt giữa hai bản *Hiến pháp* do Người cùng trực tiếp chỉ đạo soạn thảo, có thể thấy rõ: trong

tư tưởng Hồ Chí Minh, Quốc hội luôn là cơ quan cao nhất của quyền lực nhà nước. Cùng với việc quyết định xây dựng miền Bắc theo con đường xã hội chủ nghĩa, là việc xây dựng và tập trung mọi quyền lực vào Quốc hội (giống như mô hình tập quyền của các nước xã hội chủ nghĩa) đã được thể hiện rõ qua những chế định về Quốc hội trong *Hiến pháp năm 1959*.

Cùng với việc sửa đổi và thông qua bản *Hiến pháp mới - Hiến pháp năm 1959*, các đạo luật được bổ sung đã kịp thời đáp ứng với sự chuyển đổi của cách mạng ở miền Bắc sau khi cuộc cách mạng giải phóng dân tộc đã hoàn thành. Với một Quốc hội có điều kiện hoạt động thường xuyên theo định kỳ, phù hợp với điều kiện hoà bình, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, nhân dân cả nước đã và đang tiếp tục cuộc đấu tranh thực hiện nhiệm vụ giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

### Chương III

## HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO CUỘC BẦU CỬ QUỐC HỘI KHÓA II VÀ KHÓA III, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA CÁCH MẠNG HAI MIỀN (5-1960 – 8-1969)

### I- LÃNH ĐẠO CUỘC BẦU CỬ QUỐC HỘI KHOÁ II VÀ KHOÁ III

#### 1. Bầu cử Quốc hội khóa II (8-5-1960)

Theo tinh thần của Hiệp định Giơnevơ, tháng 7-1956, “một cuộc Tổng tuyển cử tự do trong cả nước phải được tổ chức để thống nhất nước ta”<sup>1</sup>, nhưng đế quốc Mỹ và chính quyền Ngô Đình Diệm đã không thực hiện Hiệp định. Chúng dùng quân đội, bộ máy công an, mật vụ thẳng tay đàn áp những người yêu nước, khủng bố và mở các chiến dịch tố cộng, diệt cộng để chống lại nhân dân miền Nam, chống lại cách mạng, chống lại nguyện vọng hòa bình, thống nhất nước nhà của nhân dân hai miền Nam, Bắc.

Ở miền Bắc, sau thắng lợi của ba năm khôi phục kinh tế, văn hoá, xã hội, hàn gắn vết thương chiến tranh, kiên quyết

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 40.

sửa chữa sai lầm trong cải cách ruộng đất và chinh đồn tổ chức (1955 - 1957), nhân dân ta đã bước vào thực hiện kế hoạch ba năm cải tạo và phát triển nền kinh tế quốc dân (1958 - 1960), v.v.. Những thành tựu đạt được của thời kỳ này đã tạo ra những tiền đề mới để thực hiện nhiệm vụ củng cố miền Bắc, đưa miền Bắc tiến lên theo con đường cách mạng xã hội chủ nghĩa và tiếp tục cuộc đấu tranh vì hòa bình, thống nhất nước nhà.

Ở miền Nam, các tầng lớp đồng bào ta đang bền bỉ, kiên cường đấu tranh chống lại ách thống trị tàn bạo của Mỹ - Diệm. Và với niềm tin tưởng vào vị lãnh tụ Hồ Chí Minh, vào thắng lợi của sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà, dưới ánh sáng Nghị quyết Trung ương lần thứ 15 của Đảng, nhân dân miền Nam đã chuyển từ thế đấu tranh giữ gìn lực lượng, sang thế tiến công, kết hợp đấu tranh chính trị với đấu tranh vũ trang, đập tan từng mảng chính quyền địch ở nông thôn, giành quyền làm chủ. Cùng với sự phát triển của phong trào cách mạng cả nước, trên bình diện quốc tế, triển vọng hòa bình thế giới cũng rất to lớn. Đặc biệt, sức mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa đứng đầu là Liên Xô đang phát triển mạnh mẽ, tạo thuận lợi cho phong trào đấu tranh vì độc lập dân tộc, dân chủ và tiến bộ xã hội.

Trước những thuận lợi và khó khăn mới, nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiếp tục phát triển công cuộc xây dựng miền Bắc theo con đường xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị thực hiện kế hoạch kinh tế, văn hoá, xã hội 5 năm lần thứ nhất, củng cố và tăng cường sức mạnh cho cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước. Vì vậy, tăng cường sức mạnh, bản chất nhân dân của Nhà nước, phát huy vai trò của Quốc hội

trong bối cảnh mới là một yêu cầu khách quan. Trên tinh thần đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ: Quốc hội khoá I do cuộc Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 là một Quốc hội đại đoàn kết toàn dân tộc, “Quốc hội chiến đấu. Quốc hội đã đoàn kết nhân dân và giúp đỡ Chính phủ đưa cuộc kháng chiến đến thắng lợi... đã hoàn thành nhiệm vụ của nó một cách vẻ vang”<sup>1</sup>. Cho nên, việc tiến hành cuộc bầu cử Quốc hội khoá II theo quyết định của kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá I, tháng 12-1959 đã trở nên rất cần thiết. Và trong điều kiện đất nước tạm thời bị chia cắt, cuộc bầu cử Quốc hội khoá II không thể diễn ra trong cả nước theo tinh thần Hiệp định Giơnevơ, mà sẽ chỉ được tổ chức ở miền Bắc.

Vì miền Nam ruột thịt, Hồ Chí Minh đã từng nói: “Mọi việc chúng ta làm ở miền Bắc đều nhằm tăng cường lực lượng ở miền Bắc và miền Nam”<sup>2</sup>. Và cũng với ý nghĩa đó, tư tưởng của Người về một Quốc hội thống nhất, đại đoàn kết toàn dân tộc được khẳng định rõ trong Nghị quyết của kỳ họp thứ 11 Quốc hội khoá I, ngày 31-12-1959: “Nước Việt Nam là một. Dân tộc Việt Nam là một. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tiêu biểu tính chất thống nhất của cả nước ta và tiêu biểu ý chí đấu tranh thống nhất của nhân dân ta từ Bắc chí Nam. Trong Quốc hội phải có những người đại diện xứng đáng cho nhân dân ở miền Nam... Tiếng nói của các đại biểu miền Nam trong Quốc hội là tiếng nói của toàn thể đồng bào miền Nam đang giương cao ngọn cờ hòa bình, thống nhất, độc

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 130.

2. Đinh Xuân Lâm: *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 189.

lập, dân chủ”<sup>1</sup>.

Trong khi miền Nam đang kiên cường, đấu tranh anh dũng chống lại sự can thiệp của đế quốc Mỹ và bọn tay sai phản động, “trong lúc ở miền Nam chưa thể tổ chức tuyển cử tự do như ở miền Bắc, sự có mặt của đại biểu miền Nam trong Quốc hội có ý nghĩa tiêu biểu tính thống nhất của nước ta, của Quốc hội ta”<sup>2</sup>, vì vậy quyết nghị của Quốc hội về việc lưu nhiệm các đại biểu miền Nam trong Quốc hội khoá I (do nhân dân miền Nam bầu ra ngày 6-1-1946) cho đến khi có nghị quyết mới, thực sự có ý nghĩa chính trị và tinh thần sâu sắc. Vì vậy, dù chỉ được tổ chức ở miền Bắc, song Quốc hội khoá II vẫn là Quốc hội chung của cả nước, đại diện cao nhất cho quyền lực của toàn thể quốc dân.

Những điều Hồ Chí Minh đã nói, những việc Người đã làm và quyết nghị của Quốc hội khoá I về việc lưu nhiệm những đại biểu miền Nam, đã hiện thực hóa một cách sinh động ý tưởng, cách thức tổ chức, hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh. Thực sự là một thiết chế dân chủ, thiết chế quyền lực trong tổ chức bộ máy nhà nước, Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân. Do đó, trong khi cách mạng miền Nam đang đồng khởi thắng lợi và chỉ có thể tham gia Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá II “bằng tinh thần” như Người đã nói, thì việc lưu nhiệm số đại biểu miền Nam trong Quốc hội, không những khẳng định tính chất đại diện cao nhất của cơ quan quyền lực tối cao phù hợp với nét đặc thù của Việt Nam, mà

---

1, 2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 1289.

còn góp phần cổ vũ đồng bào hai miền Nam, Bắc hăng hái tiến lên vì một ngày mai “Bắc Nam sum họp một nhà”.

Quyết định đúng đắn và sáng tạo này của Hồ Chí Minh và Quốc hội là một nét độc đáo trong lịch sử Quốc hội Việt Nam, thể hiện một cách sáng tạo tính chất đại diện nhân dân của Quốc hội mà Hồ Chí Minh đã sớm nhận thức được. Quyết định này vừa phù hợp với điều kiện đất nước tạm thời bị chia cắt, vừa thể hiện tư tưởng Hồ Chí Minh: *Quốc hội là cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, là cơ quan đại diện rộng rãi cao nhất của nhân dân cả nước, là nơi biểu nguyện vọng và ý chí thống nhất Tổ quốc của toàn thể nhân dân Việt Nam thành hiện thực.*

Đề cuộc bầu cử Quốc hội khóa II thực sự là công việc của mọi người dân, là sự kiện chính trị - xã hội trọng đại đều khắp trong cả nước, là dịp để nhân dân thực hiện quyền dân chủ của mình, những yêu cầu để đảm bảo sự bình đẳng, khách quan trong bầu cử theo quy định của pháp luật được Quốc hội, Chính phủ và Hồ Chí Minh đặc biệt quan tâm. Trên tinh thần đó, ngày 31-12-1959, *Luật bầu cử đại biểu Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa* được Quốc hội thông qua. Ngày 12-1-1960, Hồ Chí Minh đã ký Lệnh số 03/LCT công bố đạo luật này, nhằm nâng cao ý thức dân chủ và pháp chế cho nhân dân, tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân có thể bầu những đại biểu xứng đáng vào Quốc hội khóa II theo tinh thần và nội dung của *Hiến pháp năm 1959*.

Trên cơ sở quán triệt sâu sắc tầm quan trọng và ý nghĩa chính trị to lớn của cuộc bầu cử theo tinh thần Chỉ thị số 185-CT/TW của Ban Bí thư, ngày 9-2-1960 *Về việc lãnh đạo bầu*



*cử đại biểu Quốc hội*: “Đối với miền Bắc, việc bầu cử sẽ gây một đà phấn khởi trong cán bộ và nhân dân để tích cực thực hiện mọi nhiệm vụ công tác; đối với miền Nam, nó sẽ nâng cao lòng tin tưởng của nhân dân đối với chế độ miền Bắc, và thêm tin tưởng trong công cuộc đấu tranh chống Mỹ - Diệm để hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ ở miền Nam”<sup>1</sup>, cùng với việc thành lập Ban chỉ đạo việc chuẩn bị bầu cử đại biểu Quốc hội, Ban Thường trực Quốc hội đã quyết định cuộc bầu cử Quốc hội khoá II diễn ra vào ngày 5-8-1960.

Những vấn đề liên quan đến cuộc bầu cử đã được các địa phương chuẩn bị chu đáo, thể hiện tính pháp lý cao theo đúng quy định của *Hiến pháp năm 1959*, đồng thời thể hiện rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về việc củng cố và tăng cường vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất.

Trong cuộc bầu cử khóa II, Hồ Chí Minh được Bộ Chính trị quyết định ra ứng cử đại biểu Quốc hội ở Thủ đô, theo đề nghị của Thành uỷ và nhân dân Hà Nội. Tiếp tục khẳng định ý nghĩa và tầm quan trọng của việc bầu cử Quốc hội, đồng thời nhấn mạnh rằng, đây chính là dịp để nhân dân ta hưởng dụng quyền dân chủ, tự do thực sự của mình, việc nhân dân thực hiện dân chủ qua Quốc hội được thể hiện rõ nét trong các bài viết, bài phát biểu của Hồ Chí Minh về việc xây dựng Quốc hội thực sự là cơ quan đại diện cao nhất, khẳng định quyền lực của nhân dân cả nước.

Trước đó hơn 16 năm, Hồ Chí Minh đã nhấn mạnh tầm quan trọng, ý nghĩa của cuộc bầu cử Quốc hội khóa I. Giờ đây, Người tiếp tục khẳng định: “Cuộc Tổng tuyển cử Quốc

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, *Sđd*, t. 21, tr. 70.

hội là một sự kiện chính trị rất quan trọng của chế độ dân chủ ta”<sup>1</sup>, nên việc toàn thể đồng bào hăng hái tham gia làm cho cuộc Tổng tuyển cử này đại thắng lợi, không chỉ dừng lại ở khía cạnh thực hiện quyền công dân, mà còn hàm chứa trách nhiệm của mỗi người dân trước Tổ quốc.

Nói lời cảm ơn đồng bào Thủ đô đã đề nghị Người ra ứng cử đại biểu Quốc hội khoá II ở Hà Nội, Người thông báo cho đồng bào biết, Người được Bộ Chính trị đề nghị ứng cử tại khu Ba Đình. Thân mật tiếp xúc với cử tri Ba Đình, Người nói: “Sáng nay, một đồng chí cán bộ mời tôi đi “ra mắt cử tri”.

Tôi trả lời: Đã bao nhiêu năm lòng tôi luôn luôn ở cạnh đồng bào và tôi tin rằng lòng đồng bào cũng luôn luôn ở cạnh tôi. Xa lạ gì mà phải ra mắt?

Nói thế này mới đúng: Tôi đến đây để cảm ơn đồng bào đã nhất trí yêu cầu tôi và các vị khác ra ứng cử vào Quốc hội khoá II ở Thủ đô yêu quý của chúng ta”<sup>2</sup>.

Sau đó, Người nói về tính chất dân chủ của *Luật bầu cử* ở nước ta và các nước xã hội chủ nghĩa anh em (so với *Luật bầu cử* ở Pháp, Mỹ và ở miền Nam), về quyền bầu cử, ứng cử, về sự tự do tín nhiệm, lựa chọn những người thay mặt cho mình ở cơ quan đại diện cao nhất. Nhấn mạnh bản chất dân chủ của chế độ, Hồ Chí Minh khẳng định: “*Luật bầu cử* của ta thật sự dân chủ, cho nên *Quốc hội ta* thật sự đại biểu cho lợi ích của nhân dân”<sup>2</sup>.

Nói về ý nghĩa cao quý của lá phiếu cử tri, Hồ Chí Minh

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 120, 129.

2, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 130, 132.

nhấn mạnh: Trong cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội khoá I, lá phiếu cử tri có một giá trị rất thiêng liêng, “mỗi lá phiếu giống một viên đạn tiêu diệt quân thù”, mỗi lá phiếu là “một viên gạch xây đắp nền cộng hòa”. Còn trong cuộc bầu cử lần này, cũng vẫn hàm chứa một giá trị tinh thần to lớn, một ý nghĩa chính trị sâu sắc, lá phiếu cử tri không chỉ là dấu hiệu xác nhận quyền thật sự làm chủ nước nhà của nhân dân miền Bắc, đó còn là kết quả của cuộc đấu tranh lâu dài, anh dũng hy sinh trong cách mạng và trong kháng chiến của toàn dân ta. Đó cũng đồng thời là khát vọng tương lai của đồng bào miền Nam.

Chính vì vậy, Người mong mỏi: Đối với lợi ích chung của Tổ quốc cũng như đối với lợi ích riêng của mỗi người, đồng bào cử tri phải làm tròn nhiệm vụ của mình, phải nhắc nhở nhau hăng hái đi bỏ phiếu và sáng suốt lựa chọn “những người đầy tớ trung thành của đồng bào, những đại biểu cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, hết lòng hết sức phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội”<sup>2</sup>, để bầu ra một Quốc hội mới - Quốc hội khoá II. Trên tinh thần đó, nhân dân miền Bắc đã thực sự biến ngày 8-5-1960 - ngày Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá II thành một ngày “tung bồng như ngày Tết và vui hơn ngày Tết”, đã tự mình lựa chọn những đại biểu xứng đáng thay mặt mình vào Quốc hội khoá II.

Tại cuộc bầu cử Quốc hội khoá II, tỷ lệ cử tri đi bầu rất cao. Có nơi 100% cử tri đi bầu. Hồ Chí Minh cũng hoàn thành trách nhiệm công dân của mình ở phòng bỏ phiếu số 52, khu Trúc Bạch, thuộc đơn vị bầu cử số 1 của Hà Nội, và Người trúng cử với số phiếu cao nhất là 99,91%. Trong tổng số

455 người ứng cử, nhân dân miền Bắc đã bầu được 362 đại biểu, cùng với 91 đại biểu miền Nam được Quốc hội quyết định lưu nhiệm, Quốc hội khoá II có 453 đại biểu. Kết quả bầu cử<sup>1</sup> và việc toàn dân ta nhiệt liệt tham gia bầu cử; việc những đại biểu do Mặt trận Tổ quốc giới thiệu; việc những đồng chí lãnh đạo cao cấp của Đảng và Nhà nước trúng cử với tỷ lệ phiếu bầu rất cao, đã “chứng tỏ sự trưởng thành của nhân dân ta về chính trị, chứng tỏ sự gắn bó thiết tha của nhân dân ta đối với chế độ tốt đẹp của mình, chứng tỏ sự tín nhiệm hoàn toàn và ủng hộ triệt để của nhân dân ta đối với Đảng và Mặt trận”<sup>2</sup>.

Điều đó cũng chứng tỏ quá trình chuẩn bị về tư tưởng, chính trị cho toàn Đảng, toàn quân, toàn dân và việc tổ chức giới thiệu đại biểu ứng cử trải qua sự chọn lọc rất dân chủ và kỹ càng từ dưới lên. Đồng thời, đó cũng là kết quả sự góp sức, “sự tích cực tận tụy và tinh thần chấp hành luật lệ bầu cử của toàn thể những người làm công tác bầu cử”<sup>3</sup> tại các địa phương. Thành công của cuộc bầu cử Quốc hội khoá II đã

---

1. Trong số các vị đại biểu trúng cử có: “56 đại biểu các dân tộc thiểu số, 49 đại biểu là phụ nữ, 40 đại biểu là thanh niên từ 21 đến 30 tuổi, 50 đại biểu là công nhân, 46 đại biểu là nông dân, 20 đại biểu là quân nhân, 65 đại biểu là những nhà khoa học, kỹ thuật, văn học nghệ thuật, giáo dục, 78 đại biểu là anh hùng, chiến sĩ quân đội và lao động, 2 đại biểu là tư sản dân tộc, 3 vị linh mục, 2 vị hoà thượng, và 34 đại biểu là cán bộ miền Nam tập kết” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. II, tr. 17).

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II: *Các văn kiện của kỳ họp thứ nhất*, họp từ ngày 6 đến ngày 15-7-1960, tr. 33. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 2, tr. 18.

“đem lại những thắng lợi to lớn cho nhân dân ta, cho chế độ ta”<sup>1</sup>. Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá II thắng lợi “có ý nghĩa và tác dụng lớn đối với việc kiện toàn bộ máy nhà nước dân chủ nhân dân, đối với việc đoàn kết toàn dân và nâng cao ý thức chủ nhân đất nước của nhân dân ta. Đó là những điều kiện quyết định cho sự phát triển của chế độ ta, cho sự thắng lợi của sự nghiệp cách mạng Việt Nam”<sup>2</sup>.

Cũng nói về ý nghĩa của cuộc bầu cử Quốc hội khoá II, trong bài *Quốc hội ta vĩ đại thật*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: Đây là một thắng lợi rất to lớn, mà “không có Quốc hội một nước tư bản nào được nhân dân tín nhiệm với số phiếu cao như vậy; tỏ rõ sự đoàn kết, bình đẳng và bao gồm những thành phần thật sự đại biểu cho đại đa số nhân dân như vậy”<sup>3</sup>. Đặc biệt quan tâm đến tính chất đại diện rộng rãi của Quốc hội, Hồ Chí Minh đã hỏi về thành phần đại biểu Quốc hội khoá II<sup>4</sup> và Người nhấn mạnh: kết quả mỹ mãn đó đã “chứng tỏ *trình độ chính trị cao* của đồng bào ta”<sup>5</sup>, chứng tỏ nhân dân ta đã thực hiện quyền lợi và nghĩa vụ của mình một cách đầy trách nhiệm và nghiêm túc.

Nhấn mạnh tầm quan trọng của việc củng cố, tăng cường

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II: *Các văn kiện của kỳ họp thứ nhất, Tlđđ*, tr. 33.

2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960-1976, Sđđ*, tr.22.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t. 10, tr. 171.

4. Hồ Chí Minh: *Hỏi về thành phần đại biểu Quốc hội khóa II*, tháng 7-1960, bản bút tích. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, ký hiệu HS.TP.839, tr. 1.

5. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđđ*, t. 10, tr. 171.

quyền lực của các cơ quan Nhà nước trong việc bầu nhân sự cấp cao, tại kỳ họp đầu tiên, Quốc hội khoá II đã bầu những người đứng đầu các cơ quan cao nhất của Nhà nước và thành lập Chính phủ mới. Chủ tịch nước là Hồ Chí Minh và Phó Chủ tịch nước là Tôn Đức Thắng. Khẳng định phẩm chất đạo đức và tài năng của những người thay mặt quốc dân điều khiển công việc nhà nước, Phó Chủ tịch nước Tôn Đức Thắng nhấn mạnh: “Quốc hội đã nhất trí bầu cử ra những người lãnh đạo ưu tú nhất, được toàn dân ta tín nhiệm, kính yêu, vì tài năng, vì đạo đức, vì sự cống hiến cho cách mạng”<sup>1</sup>.

Trước sự tín nhiệm của Quốc hội và được trao trọng trách nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh nói: “Rất cảm ơn Quốc hội, và kính qua Quốc hội, cảm ơn đồng bào đã tin cậy và giao cho chúng tôi nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là lãnh đạo Nhà nước”<sup>2</sup>. Để xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân, xứng đáng với tư cách người đại biểu nhân dân, xứng đáng với vinh dự to lớn là “người đầy tớ tuyệt đối trung thành của nhân dân”, Hồ Chí Minh đã thay mặt các đại biểu xin hứa: “Tất cả đại biểu Quốc hội hứa với đồng bào là được cử vào Quốc hội để làm đại biểu Quốc hội, không phải là để làm quan, không phải là để ngồi trên ăn tróc, mà làm người đầy tớ tuyệt đối trung thành của đồng bào”<sup>2</sup>.

Không chỉ dừng lại ở lời hứa trước Quốc hội, trước các đại biểu Quốc hội, Hồ Chí Minh còn hứa trước nhân dân, vì theo Người: Dù được bầu vào vị trí Chủ tịch nước, song Người và

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 127.

2. 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 173, 177.

các vị lãnh đạo Nhà nước, hay các vị đại biểu Quốc hội cũng chỉ là những người nhận sự uỷ thác quyền lực từ nhân dân. Vì vậy, trong khi nhân dân thi đua lao động sản xuất, cần kiệm xây dựng nước nhà, các đại biểu Quốc hội, các cán bộ các cấp chính quyền càng phải cần kiệm liêm chính, chí công vô tư; càng phải gương mẫu về mọi mặt: đoàn kết, công tác, học tập, lao động và đặc biệt phải luôn giữ tác phong khiêm tốn, chất phác và hòa mình với quần chúng, để khuyến khích đồng bào thêm hăng hái thi đua yêu nước, hoàn thành và hoàn thành vượt mức các kế hoạch nhà nước.

Quốc hội khoá II (1960 - 1964) được xây dựng và hoạt động dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chí Minh đã hoàn thành nhiệm vụ và quyền hạn của mình. Quốc hội đã động viên nhân dân miền Bắc thi đua lao động sản xuất, từng bước hoàn thành thắng lợi kế hoạch nhà nước 5 năm lần thứ nhất, cổ vũ đồng bào miền Nam từng bước làm phá sản chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ. Trong nhiệm kỳ hoạt động, Quốc hội khóa II đã đánh dấu một chặng đường phát triển mới về tổ chức bộ máy Nhà nước, về vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, theo những quy định của *Hiến pháp năm 1959*.

## **2. Lãnh đạo cuộc bầu cử Quốc hội khóa III (26-4-1964)**

Sau bốn năm hoạt động, góp phần to lớn vào sự phát triển của tiến trình cách mạng cả nước, Quốc hội khóa II đã hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình. Theo tinh thần điều 45 *Hiến pháp năm 1959*, Quốc hội khóa II sẽ hết nhiệm kỳ vào ngày 6-7-1964. Vì vậy, cuộc bầu cử Quốc hội khóa III sẽ được tổ

chức vào khoảng tháng 4 hoặc tháng 5-1964. Dựa vào thẩm quyền được giao, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã báo cáo trước Quốc hội khoá II vấn đề *đại biểu miền Nam và số đại biểu Quốc hội sẽ bầu ở miền Bắc trong Quốc hội khoá III*.

Tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng Quốc hội “tiêu biểu ý chí thống nhất của dân tộc ta”, thực hiện khát vọng thống nhất nước nhà của nhân dân ta, và dù đồng bào miền Nam không thể tham gia bỏ phiếu bầu cử Quốc hội khoá III, song nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một; Quốc hội Việt Nam cùng những quyết nghị của nó thực sự biểu thị cho khát vọng một nước Việt Nam hoà bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ vẫn tiếp tục được thực hiện.

Với ý nghĩa đó, Báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội trước Quốc hội về vấn đề tiếp tục lưu nhiệm những đại biểu Quốc hội do nhân dân miền Nam bầu ra trong Tổng tuyển cử ngày 6-1-1946 nêu rõ: Trong bối cảnh cả nước đang tập trung trí lực thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và chi viện cho đồng bào miền Nam tiến hành cuộc đấu tranh giải phóng, *chưa có điểm gì mới* để có thể đặt vấn đề xem xét lại nghị quyết về việc lưu nhiệm đại biểu Quốc hội do nhân dân miền Nam bầu ra trong Quốc hội khoá I.

Mặt khác, sự ra đời, ảnh hưởng sâu rộng, uy tín ngày càng cao của Mặt trận Dân tộc giải phóng miền Nam ngày 20-12-1960, của cách mạng miền Nam cũng luôn nhận được sự quan tâm của Hồ Chí Minh, Đảng, Quốc hội và dư luận quốc tế. Vì thế, để cổ vũ đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng, “Nghị quyết ngày 31-12-1959 của Quốc hội khoá I



kéo dài nhiệm kỳ của đại biểu Quốc hội đã được nhân dân miền Nam bầu ra ngày 6-1-1946 vẫn tiếp tục có hiệu lực”<sup>1</sup>.

Như vậy, cùng với số đại biểu do nhân dân miền Nam bầu ra trong Quốc hội khoá I được tiếp tục lưu nhiệm, tổng số đại biểu Quốc hội được bầu ở miền Bắc cũng như số đại biểu Quốc hội khoá III “định cho từng đơn vị bầu cử về căn bản sẽ không có thay đổi so với khoá II, trừ những trường hợp di chuyển về dân số”<sup>2</sup>. Quyết định này “càng làm cho tính chất toàn quốc của Quốc hội ta thêm có ý nghĩa”<sup>3</sup>.

Với mong muốn cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá III phải là một ngày long trọng, vui vẻ của nhân dân ta, đó phải là một ngày nhân dân ta được hưởng dụng thực sự quyền tự do dân chủ của mình, Hồ Chí Minh chỉ đạo: việc tổ chức, giải thích, tuyên truyền, cổ động cho cuộc bầu cử Quốc hội phải thật rộng khắp để “mọi người phấn khởi làm trọn nhiệm vụ công dân của mình trong cuộc tuyển cử”<sup>2</sup>. Theo Người, những việc làm đó góp phần “tăng cường không ngừng chính quyền nhân dân. Nghiêm chỉnh thực hiện dân chủ với nhân dân, chuyên chính với kẻ địch. Triệt để chấp hành mọi chế độ và pháp luật của Nhà nước”<sup>2</sup>.

Quán triệt tinh thần này, công tác chuẩn bị cho ngày bầu cử được tiến hành một cách khẩn trương và đồng bộ từ Trung ương xuống đến địa phương. Vừa đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật, vừa thực hiện công tác chuẩn bị và vận động bầu cử một cách dân chủ, danh sách cử tri và các vị ứng cử

---

1, 2, 3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, *Sđd*, t. 2, tr. 1321, 1323.

2, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 11, tr. 247, 234.

đại biểu Quốc hội khóa III đã được niêm yết công khai, rộng rãi. Các cuộc tiếp xúc của những vị ứng cử đại biểu Quốc hội với cử tri được tổ chức ở khắp nơi. Nhiều địa phương đã mời cử tri tham gia ý kiến trước khi niêm yết danh sách và coi việc nhân dân thông qua danh sách cử tri “là biện pháp thiết thực, thể hiện bản chất dân chủ của chế độ”.

Đặc biệt quan tâm đến sự kiện trọng đại này, phát biểu với đại biểu nhân dân Thủ đô Hà Nội, Hồ Chí Minh đã nói về khát vọng cống hiến của mình cho sự nghiệp cách mạng: Tôi được cử làm đại biểu Quốc hội đã gần 20 năm, nhưng vì cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giành lại độc lập, tự do của nhân dân ta vẫn đang còn tiếp tục, vì vậy, tôi chưa thể nghỉ ngơi, còn “phải cố gắng phấn đấu và phấn đấu mạnh. Phấn đấu cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc. Phấn đấu ủng hộ đồng bào miền Nam. Phấn đấu cho sự nghiệp hoà bình thống nhất nước nhà”<sup>1</sup>.

Sau đó, tập trung nhấn mạnh những vấn đề cơ bản về tính dân chủ của luật bầu cử, về ý nghĩa và giá trị tinh thần của lá phiếu cử tri, về trách nhiệm của cử tri và trách nhiệm của người đại biểu nhân dân, v.v.. Hồ Chí Minh đưa ra những minh chứng cụ thể khẳng định về tính chất dân chủ của Tổng tuyển cử bầu Quốc hội ở Việt Nam so với các nước tư bản khác. Người nêu rõ giá trị, ý nghĩa của lá phiếu cử tri và tiếp tục khẳng định: “Tuy khuôn khổ nó bé nhỏ, nhưng giá trị của nó thì vô cùng to lớn. Nhân dân ta đã trải qua biết bao gian khổ, hy sinh biết bao xương máu trong cuộc cách mạng đánh đổ thực dân và phong kiến mới giành được nó. Nó chứng tỏ

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t. 11, tr. 245, 247.

ché độ dân chủ và tự do của Nhà nước ta và quyền làm chủ thật sự của mỗi người công dân ta”<sup>2</sup>.

Với niềm tự hào, Hồ Chí Minh nhấn mạnh bản chất chế độ ta dân chủ hơn các nước tư bản. Vì vậy, trong cuộc bầu cử Quốc hội khóa III này, Người mong muốn nhân dân ta không chỉ hưởng dụng quyền lợi của mình, mà còn có trách nhiệm “làm cho thế giới thấy nhân dân ta thật là đồng tâm nhất trí, thật là đoàn kết, thật là hùng mạnh”<sup>3</sup>. Thực hiện được trách nhiệm vẻ vang song cũng rất nặng nề này, Người chú trọng và thiết tha kêu gọi đồng bào: đi bỏ phiếu trong cuộc tổng tuyển cử vừa là quyền lợi quý báu, vừa là nghĩa vụ thiêng liêng của mỗi người cử tri. Mỗi người dân “phải đi bỏ phiếu để tự mình lựa chọn những người xứng đáng thay mặt cho mình trong Quốc hội”<sup>1</sup>.

Hướng về một Quốc hội thống nhất, đại diện cho quyền lực tối cao của nhân dân cả nước, ngày 26-4-1964, cuộc bầu cử Quốc hội khoá III được tiến hành trên toàn miền Bắc. Trong niềm vui của một ngày hội lớn, tuyệt đại đa số cử tri đã đi bỏ phiếu bầu Quốc hội<sup>2</sup>. Tại nhiều đơn vị bầu cử, nhiều

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 247.

2. Trong số 8.775.002 cử tri ghi trong danh sách, có tới 8.580.002 cử tri bỏ phiếu, tỷ lệ bình quân là 97,77%. Ở rất nhiều khu vực, tỷ lệ người đi bỏ phiếu đạt 100%. Hà Nội có 634 khu vực bỏ phiếu, thì 433 khu vực đạt 100%. Quảng Bình có 520 khu vực bỏ phiếu, thì 379 khu vực đạt 100%. Ở thị xã Ninh Bình, 100% cử tri đi bỏ phiếu. Trong số 31 tỉnh, khu, thành phố ở miền Bắc thì: “8 địa phương có trên 99% cử tri đi bỏ phiếu; 6 địa phương có trên 98% cử tri bỏ phiếu; 8 địa phương có trên 97% cử tri bỏ phiếu; 6 địa phương có trên 96% cử tri bỏ phiếu; 2 địa phương có trên 95% cử tri bỏ phiếu; 1 địa phương có trên 93% cử tri bỏ phiếu” (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn*

cử tri cao tuổi cũng tự mình đến địa điểm bầu cử, tự tay mình bỏ lá phiếu vào hòm phiếu.

Theo báo cáo của Hội đồng bầu cử Trung ương, nhân dân miền Bắc đã nô nức tham gia sự kiện trọng đại này. Ở các vùng đồng bào theo đạo Thiên Chúa và các tỉnh miền núi, nhiều nơi 100% cử tri đã bỏ phiếu. Hăng hái tham gia bầu cử Quốc hội, đồng bào miền Bắc, thiếu số cũng như đa số, giáo cũng như lương đều tin tưởng tuyệt đối vào chế độ xã hội chủ nghĩa ở miền Bắc và hưởng dụng quyền dân chủ thực sự của mình.

Mặc dù điều kiện giao thông liên lạc của ta khi đó có những địa bàn còn chưa được thuận tiện, nhưng ngày 26-4-1964 tiến hành bầu cử, thì đến ngày 11-5-1964, Hội đồng bầu cử đã tổng kết xong, đồng thời công bố kết quả của cuộc bầu cử. Theo báo cáo<sup>1</sup>, Quốc hội khoá III có thêm đại biểu của các dân tộc Lô Lô, Sán Chỉ, Puộc (thành phần đại biểu dân tộc thiểu số trước đây chưa có trong Quốc hội khoá II), có thêm đại biểu của các đạo Cao Đài, Hòa Hảo, Tin Lành (thành phần đại biểu tôn giáo trước đây chưa có trong Quốc hội khoá II). Số đại biểu công nhân, nông dân, phụ nữ,

---

*kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t. 3, tr. 10).*

1. Trong số 366 đại biểu trúng cử vào Quốc hội khóa III, có: 60 đại biểu là dân tộc thiểu số; 62 đại biểu là phụ nữ; 71 đại biểu là thanh niên; 71 đại biểu là công nhân; 90 đại biểu là nông dân; 18 đại biểu là quân đội; 98 đại biểu là những người làm công tác khoa học, kỹ thuật, giáo dục, văn hóa, nghệ thuật; 130 đại biểu là anh hùng lao động, chiến sĩ thi đua và anh hùng quân đội; 8 đại biểu là lãnh tụ các tôn giáo; 3 đại biểu là tư sản dân tộc (Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd, t. 3, tr. 11).*

thanh niên cũng như số đại biểu là anh hùng, chiến sĩ thi đua tăng lên nhiều so với Quốc hội khóa trước.

Cùng với 366 đại biểu do nhân dân bầu ra ngày 26-4-1964 và 89 đại biểu miền Nam được Quốc hội quyết định kéo dài nhiệm kỳ, Quốc hội khóa III “có 455 đại biểu, thay mặt cho nhân dân cả nước từ Bắc đến Nam, đang đoàn kết muôn người như một, ra sức phấn đấu cho một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh”<sup>1</sup>. Kết quả tốt đẹp của cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội khóa III, đã “tỏ rõ sự nhất trí về chính trị và tinh thần của xã hội miền Bắc, lòng yêu mến thiết tha của nhân dân ta đối với chế độ ta và sự tin nhiệm của các tầng lớp nhân dân đối với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, và đối với sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam đứng đầu là Hồ Chủ tịch”<sup>2</sup>.

Trước thành công của cuộc bầu cử Quốc hội khóa III, Hồ Chí Minh khẳng định: Nhân dân ta phấn khởi làm tốt cuộc bầu cử, cũng chính là làm chủ đất nước một cách sâu sắc nhất, đồng thời thiết thực cổ vũ đồng bào miền Nam ruột thịt, bày tỏ tinh thần hăng hái tiến lên xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh. Nhận định của Người thật có ý nghĩa, bởi thông qua sự lựa chọn của mình, nhân dân ta đã bầu ra Quốc hội gồm “những người đại biểu chân chính nhất của nhân dân ta, của cả nước ta”. Mỗi thắng lợi của nhân dân ta trong cuộc bầu

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 13.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 3, tr. 12, 77-78.

cử Quốc hội đều là kết quả của sự phấn đấu, hy sinh, “mỗi một khoá của Quốc hội đánh dấu một chặng đường quan trọng của dân ta, của nước ta trong sự nghiệp cách mạng gian khổ, lâu dài và tất thắng của mình”<sup>2</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Đảng đứng đầu là Hồ Chí Minh, với sự ủng hộ của nhân dân, ngày 27-6-1964, kỳ họp thứ nhất Quốc hội khóa III, đã khai mạc tại Ba Đình, Hà Nội. Tại kỳ họp này, Quốc hội đã thảo luận, thông qua báo cáo của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, của Chính phủ, bầu lại các chức vụ và các cơ quan lãnh đạo Nhà nước và thành lập Chính phủ mới, v.v.. Hồ Chí Minh tái đắc cử Chủ tịch nước, đồng chí Tôn Đức Thắng tái đắc cử chức vụ Phó Chủ tịch nước, đồng chí Trường Chinh là Chủ tịch Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đồng chí Phạm Văn Đồng là Thủ tướng Chính phủ.

Phát biểu tại lễ bế mạc kỳ họp, Hồ Chí Minh nói: “Thay mặt các đồng chí được bầu vào các cơ quan lãnh đạo của Nhà nước, tôi xin cảm ơn Quốc hội đã tỏ lòng tín nhiệm. Tôi xin hứa với Quốc hội rằng: Vì Tổ quốc, vì nhân dân, chúng tôi sẽ luôn cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình, quyết không phụ lòng tin cậy của đồng bào và Quốc hội”<sup>1</sup>. Lời hứa của Người được bầu vào vị trí nguyên thủ quốc gia trước cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại diện cho quyền lực tối cao của nhân dân đã củng cố niềm tin tưởng của nhân dân và sự tín nhiệm của mình với các đại biểu Quốc hội mà họ đã lựa chọn, đồng thời cho thấy quyết định sáng suốt và sự nhất trí cao độ của các vị đại biểu Quốc hội đối với những người được bầu vào các cơ quan lãnh đạo cấp cao.

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr.280.

Trong điều kiện chiến tranh ác liệt, mặc dù kéo dài bảy năm, nhưng chỉ có bảy kỳ họp Quốc hội và 95 phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Quốc hội khóa III và các cơ quan của Quốc hội đã kiên trì thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình theo tư tưởng Hồ Chí Minh, kịp thời cổ vũ đồng bào và chiến sĩ cả nước quyết tâm đánh Mỹ và quyết tâm thắng Mỹ. Đặc biệt, trong các bước chuyển của cách mạng, với cương vị Chủ tịch nước, Chủ tịch Đảng, Hồ Chí Minh chỉ tham dự những cuộc họp Bộ Chính trị khi cần thiết, còn chủ yếu thực hiện nhiệm vụ một nguyên thủ quốc gia, đồng thời với những hoạt động của mình tại các kỳ họp, Người đã hướng những hoạt động và quyết nghị của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất tập trung vào việc đồng thời thực hiện hai chiến lược cách mạng ở cả hai miền Nam, Bắc, góp phần to lớn vào những thắng lợi của sự nghiệp cách mạng.

Như vậy, thông qua quá trình bầu cử và kết quả cuộc bầu cử Quốc hội khóa II, khóa III, có thể thấy rõ sự nhất quán trong tư tưởng Hồ Chí Minh, “Quốc hội do nhân dân bầu ra, là cơ quan đại diện toàn dân, cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, quyết định những vấn đề quan trọng nhất của đất nước. Tư tưởng Hồ Chí Minh về Quốc hội mang đậm tính dân tộc và dân chủ sâu sắc. Một Quốc hội theo tư tưởng Hồ Chí Minh phúc đáp được nhu cầu phát triển của xã hội Việt Nam”<sup>1</sup>. Cả hai nhiệm kỳ Quốc hội đều được xây dựng, tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân, thể hiện tính đại diện nhân dân sâu sắc.

---

1. Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, *Sđd*, tr. 19.

Cũng thông qua hai cuộc bầu cử Quốc hội khoá II và khoá III, có thể thấy rõ tư tưởng Hồ Chí Minh về việc xây dựng Quốc hội của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân, thực hiện quyền lực, quyền làm chủ của nhân dân đã được thực hiện. Thành công của hai cuộc bầu cử càng khẳng định vai trò quan trọng là cơ quan đại diện cao nhất, đại biểu cho toàn thể quốc dân Việt Nam của Quốc hội.

Tính đại diện cao nhất theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện rõ qua cơ cấu Quốc hội bao gồm các đại diện rộng rãi của các tầng lớp nhân dân. Đại biểu Quốc hội khoá II và III có thành phần phản ánh sự đoàn kết rộng rãi các giai cấp, các tầng lớp, các dân tộc trong cả nước. Quốc hội ấy do nhân dân tự mình lựa chọn, tín nhiệm, và phải chịu trách nhiệm trước nhân dân, nên theo những chế định của *Hiến pháp năm 1959*: Đó là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, có nhiệm vụ thực hiện chức năng, quyền hạn của mình trên cơ sở sự tín nhiệm của nhân dân và do nhân dân uỷ quyền.

## II- HỒ CHÍ MINH VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI TỪ THÁNG 5-1960 ĐẾN THÁNG 8-1969

### **1. Bổ sung các đạo luật, thực hiện dân chủ cho nhân dân**

Là linh hồn của Quốc hội, của khối đại đoàn kết toàn dân, với trọng trách của mình được Quốc hội giao phó, Hồ Chí Minh đã cùng Quốc hội bổ sung, hoàn thiện hệ thống pháp luật, quyết nghị những vấn đề, những nội dung cụ thể để hoàn thành thắng lợi hai nhiệm vụ cách mạng: xây dựng chủ



nghĩa xã hội ở miền Bắc, đấu tranh giải phóng miền Nam. Đồng thời, cũng với trách nhiệm và quyền hạn của người đứng đầu Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, trong điều kiện chiến tranh lan rộng ra cả miền Bắc, Người đã có quyết định kịp thời khi triệu tập và chủ trì *Hội nghị chính trị đặc biệt*.

Căn cứ vào quy định của *Hiến pháp năm 1959*, nội dung của *Luật tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, khẳng định quyền lực nhà nước cao nhất thuộc về nhân dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc của cơ quan quyền lực tối cao. Từ thẩm quyền và nhiệm vụ được giao, với tư cách thay mặt cho nhân dân, nơi thực hiện quyền lực của nhân dân, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội đã thông qua nhiều đạo luật, pháp lệnh, nghị quyết nhằm tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, đảm bảo quyền tự do dân chủ cho nhân dân, cổ vũ, động viên nhân dân tiếp tục xây dựng, củng cố miền Bắc và chi viện cho tiền tuyến lớn miền Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng.

Cùng với sự phát triển của cách mạng, hệ thống pháp luật của nước nhà cũng từng bước được hoàn thiện, trở thành công cụ chủ yếu để quản lý nhà nước, quản lý xã hội. Đóng vai trò to lớn trong việc tổ chức và thực hiện quyền lực của nhân dân, là công cụ để bảo vệ quyền lợi của nhân dân, theo Hồ Chí Minh, Quốc hội phải khẳng định quyền lực của mình “gắn liền với việc hoàn thiện hệ thống pháp luật”<sup>1</sup>. Vì thế, dựa vào quy định tại điều 44 *Hiến pháp năm 1959*, kỳ họp

---

1. Võ Khánh Vinh: *Khái quát về hệ thống pháp luật Việt Nam - 60 năm hình thành và phát triển*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9-2005, tr. 56.

thứ nhất Quốc hội khoá II ngày 14-7-1960, đã thảo luận và thông qua bốn đạo luật: *Luật tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, *Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ*, *Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân*, *Luật tổ chức Toà án nhân dân* nhằm phân định rõ ràng về tổ chức, bộ máy, nhiệm vụ, chức năng và quyền hạn các cơ quan quyền lực nhà nước.

*Luật tổ chức Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, quy định cụ thể về tổ chức và hoạt động của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các uỷ ban của Quốc hội, nhiệm vụ và quyền hạn của đại biểu Quốc hội. Với 4 chương, 49 điều, cùng với những quy định cụ thể trong Chương IV về Quốc hội của *Hiến pháp năm 1959*, đạo luật này đã khẳng định vị trí, vai trò của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong công cuộc xây dựng miền Bắc xã hội chủ nghĩa và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất đất nước.

*Luật tổ chức Hội đồng Chính phủ* gồm 12 điều quy định về cơ cấu tổ chức, nhân sự, quyền hạn, hình thức hội nghị của Hội đồng Chính phủ.

*Luật tổ chức Toà án nhân dân* gồm 3 chương, 29 điều quy định về nguyên tắc chung, về quyền hạn và tổ chức của Toà án nhân dân các cấp. Đó là những cơ quan xét xử của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, xét xử những vụ án hình sự để trừng trị những kẻ phạm tội, xét xử những vụ án dân sự để giải quyết những tranh chấp về dân sự trong nhân dân. Thông qua xét xử, toà án nhân dân “không những chỉ trừng trị phạm nhân mà còn giáo dục và cải tạo họ” (Điều 1). Toà án nhân dân xét xử theo nguyên tắc “mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật” (Điều 25), “quyền bào chữa của bị cáo được bảo đảm” (Điều 7) và “bảo đảm cho nhân dân thuộc các dân tộc thiểu số có quyền

dùng tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình trước toà” (Điều 8), v.v.. Những quy định cụ thể của đạo luật đã thể hiện bản chất dân chủ, cách mạng, đảm bảo tính công minh, bình đẳng trước pháp luật của mọi người dân.

*Luật tổ chức Viện kiểm sát nhân dân* gồm 6 chương, 25 điều, quy định về nguyên tắc chung, về việc tuân theo pháp luật của các cơ quan Hội đồng Chính phủ, các cơ quan nhà nước địa phương, nhân viên các cơ quan nhà nước và công dân. Mục đích của *Viện kiểm sát nhân dân* là “bảo vệ chế độ dân chủ nhân dân, trật tự xã hội, tài sản công cộng và những quyền lợi hợp pháp của công dân, góp phần bảo đảm cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và sự nghiệp đấu tranh nhằm thực hiện thống nhất nước nhà được thắng lợi” (Điều 2). Khi làm nhiệm vụ của mình, Viện kiểm sát nhân dân “phải theo nguyên tắc mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật...” (Điều 5).

Tiếp đó, đi đôi với việc xây dựng và ban hành các văn bản pháp luật này, theo Hồ Chí Minh để pháp luật phản ánh tiếng nói của nhân dân, thực sự đi vào đời sống nhân dân, không những các cơ quan chức năng trong quá trình xây dựng luật phải xuất phát từ thực tiễn, phản ánh thực tiễn, mà còn cần phải chú ý đến việc tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ và nhân dân tôn trọng pháp luật của Nhà nước. Xuất phát từ nguyện vọng và ý chí của nhân dân lao động, pháp luật xã hội chủ nghĩa mà Nhà nước ta ban hành (những đạo luật được Quốc hội thông qua) ngày càng góp phần bảo vệ và phát triển những quyền dân chủ cho nhân dân. Do đó, mỗi khi thông qua một đạo luật, một pháp lệnh, “Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã họp hội nghị báo chí để phổ biến mục đích, ý nghĩa và

nội dung của pháp lệnh... đến cán bộ và nhân dân”<sup>1</sup>, tạo điều kiện cho nhân dân tự giác và tích cực chấp hành.

Căn cứ vào tình hình thực tế, góp phần nâng cao ý thức cảnh giác, sẵn sàng chiến đấu, kết hợp giữa thời bình và thời chiến, ngày 26-10-1962, Quốc hội khoá II đã thông qua *Luật sửa đổi và bổ sung Luật nghĩa vụ quân sự* được Quốc hội khoá I thông qua ngày 15-4-1960. Ngày 27-10-1962, Quốc hội khoá II đã thông qua *Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban hành chính các cấp*. Với 4 chương, 60 điều, luật quy định cụ thể về nhiệm vụ, quyền hạn của hội đồng nhân dân các cấp, hội đồng nhân dân trong các khu tự trị, hội nghị hội đồng nhân dân, về đại biểu hội đồng nhân dân, v.v..

Cùng với việc thông qua và ban hành các đạo luật nêu trên, trong nhiệm kỳ của Quốc hội khoá II, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng đã thông qua một số pháp lệnh: *Pháp lệnh quy định thể lệ bầu cử hội đồng nhân dân các cấp* ngày 18-1-1961; *Pháp lệnh về việc đặt huân chương, huy chương chiến sĩ vẻ vang* ngày 19-12-1961; *Pháp lệnh quy định nhiệm vụ và quyền hạn của cảnh sát nhân dân*; *Pháp lệnh quy định chế độ cấp bậc của sĩ quan và hạ sĩ quan cảnh sát nhân dân*, ngày 16-7-1962, v.v..

Cần phải nhấn mạnh rằng, mặc dù đã có nhiều cố gắng trong việc xây dựng và ban hành văn bản pháp luật, song những văn bản được Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội ban hành thời kỳ này, vẫn chưa theo kịp đòi hỏi sống thực tiễn,

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II: *Các văn kiện của kỳ họp thứ 3*, họp từ ngày 23 đến ngày 27-10-1961, tr. 36. Tài liệu lưu trữ Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

chưa phản ánh đúng hiện thực đời sống xã hội.

Xuất phát từ thực tiễn, trên cơ sở xem xét các văn bản được trình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội cũng thông qua một số nghị quyết và phê chuẩn quyết định của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về tổ chức cụ thể của bộ máy làm việc, về biên chế của Tòa án nhân dân tối cao và các tòa án địa phương, v.v.. Đồng thời, dựa vào các đạo luật, pháp lệnh, nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng Chính phủ, Tòa án và Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã ban hành những văn bản tối cần thiết để kiện toàn bộ máy và hoạt động của các ngành, các cấp thuộc thẩm quyền của mình.

Sau đó, khi đế quốc Mỹ leo thang đánh phá miền Bắc, trong điều kiện cả nước có chiến tranh, cả nước dồn toàn lực cho mục tiêu quyết tâm đánh Mỹ và quyết tâm thắng Mỹ, việc xây dựng một hệ thống luật pháp hoàn chỉnh ngày càng khó có điều kiện thực hiện. Trong thực tế, việc ban hành những đạo luật, các văn bản dưới luật hiện có, chủ yếu tập trung vào việc tổ chức bộ máy nhà nước, củng cố nền chuyên chính của nhân dân, tăng cường sức mạnh quân sự. Còn những văn bản pháp luật liên quan đến quyền dân chủ của nhân dân, đến các vấn đề dân sự dường như không được chú trọng.

Điều này cũng được khẳng định qua báo cáo của Quốc hội: “Ủy ban Thường vụ Quốc hội nhận thấy có nơi, có lúc vẫn xảy ra khá nhiều những hiện tượng vi phạm pháp luật làm thiệt hại cho Nhà nước và nhân dân”<sup>1</sup>. Những tổn hại này

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II: *Các văn kiện của*

đã gây không ít bức xúc trong nhân dân. Khắc phục dần những tồn tại đó, và để động viên nhân dân cả nước tích cực vừa sản xuất, vừa chiến đấu, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã căn cứ vào quyền hạn và nhiệm vụ của mình, tiến hành bổ sung, sửa đổi một số luật, ban hành một số pháp lệnh cần thiết. Để vừa tăng cường tính pháp chế của chế độ xã hội chủ nghĩa, vừa đáp ứng kịp thời những đòi hỏi trước mắt của nhân dân ta: *Điều lệ tạm thời về chế độ đãi ngộ đối với quân nhân ốm đau, bị thương, mất sức lao động...* hoặc hy sinh trong khi làm nhiệm vụ; *Nghị quyết sửa đổi thuế sát sinh* “cho phù hợp tình hình mới nhằm khuyến khích việc phát triển chăn nuôi, đảm bảo nghiêm chỉnh nghĩa vụ đóng thuế góp phần tích cực vào việc thu mua của Nhà nước”<sup>1</sup>, v.v. đã ra đời và có hiệu lực trong thực tiễn.

Được tổ chức và hoạt động theo những nguyên tắc của *Hiến pháp năm 1959*, căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất, với các nội dung được thông qua tại các kỳ họp Quốc hội, và các phiên họp của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, với việc thông qua 261 nghị quyết và pháp lệnh trong những năm từ năm 1960 đến năm 1964, Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội được nhân dân uỷ thác quyền lực, dù chưa thể làm được hết những điều mà nhân dân mong muốn, song đã góp phần đắc lực vào việc “kiện toàn Nhà nước, phát huy dân chủ đối với nhân dân, tăng cường

---

*kỳ họp thứ 6*, họp từ ngày 27 đến ngày 30-10-1963, tr. 37. Tài liệu lưu trữ Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

1. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960-1976*, Sđd, tr. 105.

chuyên chính đối với kẻ thù, bảo vệ Nhà nước, bảo vệ quyền lợi của công dân theo tinh thần của *Hiến pháp năm 1959*<sup>1</sup>.

Thấm nhuần quan điểm của Hồ Chí Minh: Một mặt cần thực hiện dân chủ thực sự với nhân dân, mặt khác cần đẩy mạnh việc giáo dục nhân dân tuân theo pháp luật và kỷ luật, trong điều kiện chiến tranh, tất cả những văn bản pháp luật được Quốc hội ban hành đều tập trung vào mục tiêu tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa. Cho dù không thể đáp ứng tất cả những nội dung liên quan đến quyền lợi, quyền tự do, dân chủ của nhân dân, nhưng các văn bản pháp luật đó thực sự “là một trong những công cụ quan trọng để bảo vệ chế độ Nhà nước và tiến hành chuyên chính với kẻ thù của nhân dân, bảo vệ và củng cố những quan hệ xã hội xã hội chủ nghĩa, những quyền dân chủ và lợi ích vật chất thích đáng của người công dân đã được ghi trong *Hiến pháp*”<sup>2</sup>.

Tháng 4-1965, Quốc hội đã thông qua và bổ sung *Luật nghĩa vụ quân sự*, nhằm huy động lực lượng, tập trung cho cuộc chiến đấu chống lại cuộc chiến tranh của đế quốc Mỹ ngày càng lan rộng trên cả hai miền Nam, Bắc. Dựa vào quy định của *Hiến pháp* và đạo luật này, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã quyết định động viên cục bộ, tăng cường lực lượng quốc phòng, sẵn sàng đánh bại mọi âm mưu và hành động mở rộng chiến tranh của đế quốc Mỹ.

Cũng trên cơ sở nhận thức ngày càng sâu sắc về ý nghĩa và

---

1. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960-1976*, Sđd, tr. 43.

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II: *Các văn kiện của kỳ họp thứ 3*, Tlđđ, tr. 93.

tầm quan trọng của vấn đề tăng cường pháp chế trong thời chiến, và ra sức cải tiến công tác để phục vụ đắc lực hơn cho sự nghiệp xây dựng, củng cố miền Bắc và tiến hành cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành các pháp lệnh: *cấm nấu rượu trái phép bằng gạo, ngô, khoai, sắn...* (1966), nhằm tiết kiệm lương thực; *trừng trị các tội phản cách mạng* (1967), nhằm tăng cường nền chuyên chính vô sản, đáp ứng tình hình mới của miền Bắc, bảo đảm giành thắng lợi cho sự nghiệp xây dựng miền Bắc...; *đặt các danh hiệu vinh dự nhà nước: Anh hùng lao động và Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân* (1970), *trừng trị tội xâm phạm tài sản xã hội chủ nghĩa, trừng trị tội xâm phạm tài sản công dân* (1970), v.v.. Đây thực sự là một bước tiến quan trọng trong việc xây dựng pháp luật hình sự của nước nhà, “nhằm đảm bảo tôn trọng pháp chế xã hội chủ nghĩa, giữ vững trật tự, an ninh, bảo vệ tài sản xã hội chủ nghĩa và tôn trọng quyền dân chủ của nhân dân, những vấn đề đặc biệt quan trọng trong thời chiến”<sup>1</sup>.

Trên tinh thần xây dựng nền pháp chế của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, để từng bước phát huy tác dụng tích cực của “công cụ pháp luật” trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và sự nghiệp đấu tranh thống nhất nước nhà, việc Quốc hội ban hành các văn bản pháp luật là điều cần thiết không thể thiếu. Việc làm đó có ý nghĩa quan trọng trong việc củng cố và tăng cường nhà nước dân chủ nhân dân, phát huy vai trò làm chủ đất nước, làm chủ xã hội của

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa III: *Các văn kiện của kỳ họp thứ 4*, họp từ ngày 9 đến ngày 22-5-1968, tr. 72. Tài liệu lưu trữ Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.



nhân dân và xây dựng, phát triển đất nước, đồng thời trấn áp kẻ thù chống phá chính quyền cách mạng. Từ đó, những pháp lệnh, những nghị quyết được ban hành đã tạo điều kiện cho quyền làm chủ của nhân dân được tôn trọng, đời sống chính trị, văn hoá xã hội của nhân dân được bảo đảm, “đáp ứng một đòi hỏi cấp thiết của cách mạng và thể hiện ý chí và nguyện vọng của nhân dân ta”<sup>1</sup>.

Hơn nữa, “là nhà dân chủ nhiệt thành cách mạng”, Hồ Chí Minh luôn tâm niệm: “Pháp luật không phải để thống trị con người mà là công cụ bảo vệ, thực hiện lợi ích của con người”<sup>2</sup>, nên những văn bản dưới luật, những sắc lệnh được thông qua và ban hành, dù chưa phải là các đạo luật, song đã góp phần vào việc tăng cường tiềm lực kinh tế và quốc phòng, nâng cao đạo đức mới, xây dựng con người mới. Đồng thời, nó đảm bảo những điều kiện cần thiết cho công cuộc xây dựng miền Bắc và cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Tuy nhiên, cũng vì tập trung cho nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước và những quan niệm sai lầm, cứng nhắc về chủ nghĩa xã hội (không hiểu đúng mục đích của chủ nghĩa xã hội là giải phóng con người, xây dựng một chế độ xã hội dân chủ, trong đó sự phát triển tự do của mỗi con người là điều kiện cho sự phát triển tự do của mọi người theo tư tưởng Hồ Chí

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa III: *Các văn kiện của kỳ họp thứ 7*, họp từ ngày 1 đến ngày 4-3-1971, tr. 59. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

2. Phạm Ngọc Anh: *Một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 6-2004, tr. 31.

Minh), nên những văn bản pháp luật về quyền tự do dân chủ của con người thời kỳ này không được quan tâm đúng mức, không được xây dựng và ban hành, và nếu có thì cũng rất hạn chế. Thực tế, hiện trạng này là trái với những gì Hồ Chí Minh đã làm, mong muốn và hướng tới.

Trong thời kỳ kháng chiến chống Pháp, các lĩnh vực khác của đời sống xã hội đã từng bước được pháp luật điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thời chiến. Nay trong điều kiện hoà bình được lập lại ở miền Bắc, việc điều chỉnh, trong đó có việc ban hành các văn bản pháp luật về kinh tế, ngày càng giữ vị trí chủ yếu trong hệ thống pháp luật của Việt Nam. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của các cơ quan quyền lực trong bộ máy nhà nước, một số văn bản pháp luật phục vụ cải tạo kinh tế được ban hành như bản *Điều lệ về xí nghiệp công tư hợp doanh*, *Điều lệ mẫu hợp tác xã sản xuất nông nghiệp bậc thấp* năm 1959 và bản *Điều lệ hợp tác xã nông nghiệp bậc cao* năm 1969, v.v.. Cùng đó, các văn bản pháp luật quy định về việc nâng cao chất lượng sản phẩm trong nông nghiệp, cùng những văn bản pháp luật nhằm “điều chỉnh những quan hệ pháp lý trong nông nghiệp và hợp tác xã”<sup>1</sup> đã được ban hành.

Trong lĩnh vực quản lý, kế hoạch hóa, các văn bản pháp luật, trong đó có *Điều lệ quy định chế độ giám đốc phụ trách quản lý xí nghiệp* ban hành ngày 10-2-1962 đã không chỉ làm rõ chế độ trách nhiệm và sự chỉ đạo tập trung thống nhất, mà

---

1. Viện Luật học: *Sơ thảo lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ Cách mạng Tháng Tám đến nay)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983, tr. 159.

còn phát huy tính tích cực, sáng tạo của công nhân viên chức trong việc quản lý xí nghiệp, v.v.. Nghị định số 158/CP của Hội đồng Chính phủ ban hành ngày 29-12-1964, quy định rõ về tổ chức, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban Kế hoạch Nhà nước và các cơ quan kế hoạch địa phương, tạo thuận lợi cho việc phân cấp quản lý, tổ chức và điều hành.

Điều lệ tạm thời quy định *Nguyên tắc xử lý, việc chấp hành về hợp đồng kinh tế, chế độ và kỷ luật hợp đồng kinh tế* được ban hành ngày 23-2-1962, đã tạo điều kiện thuận lợi cho việc quản lý kinh tế. Đặc biệt, các cơ quan nhà nước cũng đã ban hành những văn bản pháp luật về chế độ bảo hiểm xã hội, bảo hộ lao động, y tế, văn hoá, tôn giáo, tiền lương, v.v.. Cùng với việc ban hành: *Pháp lệnh quy định một số điểm về bầu cử và tổ chức của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân hành chính các cấp trong thời chiến* ngày 1-4-1967; Quyết định số 102-NQ/TVQH ngày 21-4-1965 *Về việc động viên cục bộ nhằm tăng cường nhanh chóng quân đội thường trực*; Quyết định số 110/CP ngày 30-6-1968 *về đảm bảo giao thông vận tải*; Điều lệnh ngày 11-1-1968 *về kỷ luật an toàn giao thông*; Nghị quyết số 59/CP ngày 10-5-1967 *về vấn đề tăng cường quản lý kinh tế, tài chính, bảo vệ tài sản của Nhà nước, của tập thể và của nhân dân*, v.v., các vấn đề, các mặt của đời sống xã hội, phục vụ cho nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước trong điều kiện thời chiến đã từng bước được điều chỉnh.

Cũng như những văn bản pháp luật được ban hành trong những năm kháng chiến chống Pháp, các văn bản pháp luật thời chiến trong những năm chống Mỹ, cứu nước được ban hành thực sự là “công cụ sắc bén của Nhà nước ta trong việc

huy động và tổ chức cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, tăng cường hiệu lực Nhà nước và trật tự của xã hội trong hoàn cảnh chiến tranh ác liệt”<sup>1</sup>.

Trong các kỳ họp của Quốc hội từ năm 7-1960 đến năm 1969, dù tình hình miền Bắc khi thì yên ổn trong hoà bình, khi thì vừa sản xuất, vừa chiến đấu trong điều kiện chiến tranh ác liệt, song Uỷ ban Thường vụ Quốc hội cũng đã liên hệ chặt chẽ với Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, các cơ quan chức năng ở Trung ương và địa phương thúc đẩy việc giải quyết những đơn, thư khiếu tố của nhân dân. Theo Hồ Chí Minh, những hoạt động này của cơ quan quyền lực tối cao đã thực sự “góp phần thiết thực uốn nắn kịp thời những sai lệch trong việc chấp hành chính sách, nâng cao ý thức đấu tranh chống việc xấu, người xấu, tăng cường hơn nữa quan hệ gắn bó giữa Nhà nước và nhân dân”<sup>2</sup>. Bên cạnh những mặt tích cực như vậy, cũng còn nhiều địa phương, nhiều cấp chính quyền vi phạm pháp chế xã hội chủ nghĩa. Những yêu cầu, bức xúc, những đơn thư khiếu nại của nhân dân không được kịp thời giải quyết ngày một nhiều, đã gây hậu quả xấu trong tinh thần, tư tưởng, gây tâm lý nặng nề trong đời sống xã hội.

Cũng trong những năm từ 1960 đến 1969, Hồ Chí Minh đã ký 512 lệnh (năm 1960 ký 27 lệnh, năm 1961 ký 63 lệnh, năm 1962 ký 44 lệnh, năm 1963 ký 55 lệnh, năm 1964 ký 63 lệnh,

---

1. Viện Luật học: *Sơ thảo lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ Cách mạng Tháng Tám đến nay)*, Sđd, tr. 170.

2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Quốc hội Việt Nam (1960-1976)*, Sđd, tr. 44-45.

năm 1965 ký 96 lệnh, năm 1966 ký 110 lệnh, năm 1967 ký 40 lệnh, năm 1968 ký 9 lệnh, năm 1969 ký 5 lệnh)<sup>1</sup> thuộc thẩm quyền Chủ tịch nước về những vấn đề liên quan đến mọi mặt của đời sống xã hội. Cùng với những văn bản pháp luật của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và các văn bản dưới luật khác của các cơ quan nhà nước, lệnh do Chủ tịch nước ký đã góp phần đoàn kết triệu người như một xung quanh Đảng, Chính phủ và Quốc hội. Với vai trò Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã cùng Quốc hội thông qua việc ban hành hệ thống pháp luật, từng bước bổ sung và hoàn thiện hệ thống pháp luật, một mặt thực hiện việc chuyên chính với kẻ thù, mặt khác, tạo điều kiện để cổ vũ đồng bào và chiến sĩ cả nước hăng hái thi đua sản xuất và anh dũng chiến đấu, quyết bảo vệ miền Bắc, giải phóng miền Nam, tiến tới thống nhất nước nhà.

Dù vẫn còn những tồn tại nhất định, song tính hiệu lực thực tiễn của các đạo luật, pháp lệnh, các nghị quyết, sắc lệnh, lệnh, quyết định, v.v. do Quốc hội, Chính phủ, Hồ Chí Minh ký và ban hành, đã không chỉ nhằm tăng cường thực hiện chuyên chính vô sản, mà còn đưa đến sự biến đổi địa vị của người lao động từ người làm thuê trở thành người làm chủ xã hội.

Tuy nhiên, cũng vì điều kiện đặc thù của chiến tranh, tập trung cho nhiệm vụ chống Mỹ, cứu nước, trong những năm từ 1960 đến 1971, “hoạt động lập pháp mới chỉ quan tâm đến lĩnh vực tổ chức bộ máy nhà nước (thuộc lĩnh vực luật *Hiến pháp*), nghĩa vụ quân sự (để huy động thanh niên nhập ngũ tham gia chống Mỹ, cứu nước và pháp luật hình sự (như là

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 10, 11, 12, phần các sắc lệnh.

công cụ không thể thiếu để bảo vệ chế độ)<sup>1</sup>, còn các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, hoặc ít được quan tâm điều chỉnh, hoặc được điều chỉnh chủ yếu bởi các văn bản dưới luật, như nghị định, quyết định, nghị quyết, chỉ thị, thông tư của Hội đồng Chính phủ, các bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

Là người đứng đầu Nhà nước, lãnh tụ Hồ Chí Minh cũng nhận thấy rằng: nội dung các văn bản pháp luật đó có phần chưa đầy đủ, chưa theo kịp thực tiễn, nhưng nội dung đã chứng tỏ sự khác biệt về bản chất của nhà nước dân chủ nhân dân (làm nhiệm vụ chuyên chính vô sản) với nhà nước cũ của bọn thực dân, phong kiến, đó là: Dân chủ với nhân dân, nhưng kiên quyết chuyên chính với kẻ thù của nhân dân lao động. Dưới sự lãnh đạo của Người, thực hiện theo tư tưởng của Người, các văn bản pháp luật được xây dựng, mặc dù đã chú trọng nguyên tắc: Tất cả mọi quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân, do giai cấp công nhân lãnh đạo, lấy công nông liên minh làm nền tảng, song phải nhấn mạnh rằng, các văn bản pháp luật này chưa đầy đủ, chưa đồng bộ.

Trước thực trạng đầy khó khăn của thời chiến, việc bổ sung các đạo luật, các văn bản dưới luật như đã nêu trên, vẫn là quá ít và thực sự “chưa phát huy đầy đủ nhiệm vụ của cơ quan quyền lực duy nhất có quyền lập hiến, lập pháp được quyết định ở điều 44 của *Hiến pháp năm 1959*”<sup>2</sup>, chưa đáp ứng được những yêu cầu khách quan và cấp bách của đất nước. Hơn nữa, vì tập trung tất cả cho tiền tuyến, nên trong những

---

1. Phạm Hữu Nghị: *Pháp luật Việt Nam - 60 năm nhìn lại*, Tlđđ, tr. 64.

2. 2. Lê Mậu Hãn: *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tr. 301.

điều kiện nhất định, những “quyền dân chủ của công dân Việt Nam được ghi ở điều 29 của *Hiến pháp năm 1959* bị các cơ quan nhà nước vi phạm nghiêm trọng”<sup>2</sup>. Các đơn từ, thư khiếu nại của nhân dân không được giải quyết thỏa đáng, kịp thời, ngày càng nhiều, v.v.. Những tồn tại này thực sự là nỗi bận tâm, trăn trở của Hồ Chí Minh.

Trước tình hình đó, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã nêu vấn đề phải xây dựng dự án pháp lệnh, quy định trách nhiệm về việc xét và giải quyết các đơn thư khiếu nại, song quy định về trách nhiệm này chưa được thực thi cụ thể. Việc hoạt động giám sát của Quốc hội với tư cách là cơ quan quyền lực tối cao trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá xã hội, thực thi pháp luật, v.v. dường như chưa có điều kiện thực hiện. Với trách nhiệm của mình, Người nhấn mạnh, những tồn tại này không chỉ do nguyên nhân chiến tranh, đó còn là nhận thức, trách nhiệm và những bất cập trong tổ chức, cơ cấu bộ máy các cơ quan quyền lực.

Có thể nói rằng, cùng với việc thực hiện chức năng lập pháp, việc quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước trong tư tưởng Hồ Chí Minh là một chế định đặc biệt của Quốc hội Việt Nam. Nhiệm vụ quan trọng này được thực hiện nhất quán trong quá trình xây dựng, tổ chức và hoạt động của cơ quan quyền lực nhà nước từ năm 1946 cho đến khi Người qua đời năm 1969 cho thấy, trong tư tưởng Hồ Chí Minh: Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất không chỉ chứa đựng những nội dung mang tính phổ biến mà văn minh nhân loại đã đạt được, mà còn được vận dụng phù hợp với đặc điểm tình hình cụ thể của đất nước ta.

Cùng với việc xây dựng những chế định này trong *Hiến pháp năm 1959*, thẩm quyền này của Quốc hội từng được thể hiện rất rõ qua các tác phẩm, các bài phát biểu, trả lời phỏng vấn của Hồ Chí Minh trong những năm kháng chiến chống Mỹ như: Việc Quốc hội thông qua ngân sách, thông qua các kế hoạch nhà nước, nhiều lần đề nghị Quốc hội ra các tuyên bố chính trị biểu dương thành tích to lớn của quân dân hai miền Nam, Bắc, v.v..

Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, việc Quốc hội khoá II và khoá III quyết định thực hiện các vấn đề quan trọng liên quan đến hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thực sự cho thấy: Đối với Hồ Chí Minh, Quốc hội còn là một diễn đàn chính trị, thể hiện ý chí thống nhất nước nhà không gì lay chuyển nổi của đồng bào và chiến sĩ cả nước.

Thông qua những quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển của sự nghiệp cách mạng cả nước, Quốc hội được xây dựng, tổ chức và hoạt động theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò định hướng và thúc đẩy sự phát triển của đất nước trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, đảm bảo và chú trọng đến vấn đề thực hiện quyền con người, quyền công dân theo đà phát triển của đất nước.

Hướng hoạt động của Quốc hội thể hiện vai trò định hướng phát triển kinh tế - xã hội thông qua việc thực hiện nhiệm vụ “vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc vừa đấu tranh thống nhất nước nhà”, Hồ Chí Minh trong những năm kháng chiến chống Mỹ, cứu nước đã cùng Quốc hội quyết định những vấn đề trọng yếu, thiết thực xây dựng, bảo vệ miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đảm bảo vai trò hậu phương lớn,



chi viện cho cuộc đấu tranh giải phóng của đồng bào miền Nam.

## **2. Xây dựng và bảo vệ miền Bắc, chi viện cho miền Nam**

### *a) Xây dựng và bảo vệ miền Bắc*

Với thắng lợi của cuộc bầu cử Quốc hội khoá II, Hồ Chí Minh đã được bầu làm Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tại kỳ họp đầu tiên của Quốc hội khóa II, trong điều kiện miền Bắc đang xây dựng chủ nghĩa xã hội, để vừa củng cố và bảo vệ miền Bắc, vừa tích cực chi viện và làm hậu thuẫn cho tiền tuyến miền Nam, được bầu và nhận sự uỷ thác quyền lực từ nhân dân, từ các đại biểu Quốc hội, Người khẳng định: để xứng đáng với sự tín nhiệm của nhân dân, mỗi vị đại biểu phải luôn thực hiện: Cần kiệm liêm chính, chí công vô tư, một lòng một dạ phục vụ nhân dân, phục vụ chủ nghĩa xã hội và gương mẫu trong việc thi đua tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham ô, v.v..

Với bản thân mình, Người cũng nghiêm túc thực hiện trách nhiệm của một đại biểu Quốc hội. Tháng 10-1961, trước khi đi dự Đại hội Đảng Cộng sản Liên Xô lần thứ XXII, Người đã viết thư gửi Quốc hội, xin phép được vắng mặt trong kỳ họp này<sup>1</sup>.

Rút kinh nghiệm và thực hiện theo đúng tinh thần nội dung ý kiến đóng góp của Người tại kỳ họp thứ 2 Quốc hội khoá II: “Hội họp quá nhiều”, “cần tìm biện pháp sửa chữa

---

1. Xem Hồ Chí Minh: *Thư gửi Quốc hội ngày 10-10-1961*. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.631, tr. 1.

tình trạng này”, “phải suy nghĩ chín chắn, chuẩn bị chu đáo để phát biểu được đúng thời gian quy định và được nhiều, nhanh, tốt, rõ”<sup>1</sup>, các kỳ họp của Quốc hội đã tập trung vào những nhiệm vụ quan trọng về việc thực hiện quốc kế dân sinh của miền Bắc và những vấn đề liên quan đến sự phát triển của cách mạng miền Nam, cùng nhiều nội dung quan trọng khác.

Quốc hội khóa II là khóa đầu tiên “hoạt động theo những nguyên tắc của *Hiến pháp năm 1959*, là khóa đầu tiên của Nhà nước và nhân dân ta đi vào thực hiện kế hoạch dài hạn phát triển kinh tế quốc dân theo đường lối do Đại hội toàn quốc lần thứ III của Đảng vạch ra”<sup>2</sup>, tập trung vào nhiệm vụ xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Đó cũng là Quốc hội mà nội dung các kỳ họp và quyết nghị đều nhằm mục tiêu hợp pháp hoá những chủ trương, đường lối của Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ III (9-1960).

Hồ Chí Minh, Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa II (thay mặt cho Quốc hội) đã xứng đáng với sự lựa chọn và tín nhiệm của nhân dân, “đã thực hiện mối quan hệ chặt chẽ” với nhau, đảm bảo các sinh hoạt thường kỳ. Các kỳ họp có nội dung thiết thực và phong phú, đều đặn và dân chủ. Mối quan hệ mật thiết giữa Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh với Quốc hội, các đại biểu Quốc hội

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II: *Các văn kiện của kỳ họp thứ 2*, họp từ ngày 11 đến ngày 20-4-1961, tr. 441. Tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

2. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960-1976*, Sđd, tr. 73.

với nhân dân ngày càng thêm gắn bó trong việc: cố gắng liên hệ với cử tri, tìm hiểu, phản ánh ý kiến, nguyện vọng của các tầng lớp nhân dân với Quốc hội, đảm bảo thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, phát huy những truyền thống tốt đẹp, những khả năng, những lực lượng tiềm tàng trong nhân dân để phục vụ công cuộc xây dựng miền Bắc và đấu tranh thống nhất đất nước.

Những bài phát biểu của Người tại Quốc hội, bài viết, bài trả lời phỏng vấn các cơ quan thông tấn báo chí của lãnh tụ Hồ Chí Minh thời kỳ này, cùng hoạt động và những quyết nghị của Quốc hội tại các kỳ họp, về việc thông qua kế hoạch nhà nước, ngân sách hằng năm; thông qua năm nội dung cơ bản của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1961-1965) về phát triển nền kinh tế quốc dân, đã thiết thực góp phần tăng cường lực lượng mọi mặt của miền Bắc. Động viên nhân dân thực hiện thắng lợi những quyết nghị đó của Người và Quốc hội, không chỉ tạo cho miền Bắc có thêm sức mạnh vật chất, tinh thần to lớn để miền Bắc thực sự trở thành hậu phương lớn, vững chắc của tiền tuyến lớn miền Nam, mà còn nâng cao lòng tin tưởng, cổ vũ tinh thần hăng hái cách mạng của đồng bào yêu nước miền Nam, “tạo điều kiện thuận lợi cho cách mạng miền Nam phát triển mạnh mẽ và giành được thắng lợi cuối cùng”<sup>1</sup>.

Trên cương vị Chủ tịch nước, Hồ Chí Minh đã cùng Quốc hội phê chuẩn và quyết định những vấn đề liên quan đến quốc kế dân sinh, đến sự phát triển tiềm lực của hậu phương miền Bắc. Cũng với trách nhiệm của mình, Hồ Chí Minh còn dành thời gian đến dự các hội nghị, các đại hội, kịp thời động viên

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 21, tr. 509.

đồng bào và chiến sĩ miền Bắc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, của Ban Thường vụ Quốc hội, hoàn thành nhiệm vụ thực hiện kế hoạch hằng năm của Chính phủ, cố gắng hoàn thành vượt mức kế hoạch 5 năm lần thứ nhất.

Việc Quốc hội nhận thức sâu sắc tầm quan trọng của nhiệm vụ xây dựng, củng cố miền Bắc, phối hợp với những hoạt động của Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh khi đi thăm đồng bào các địa phương miền Bắc, đã động viên, cổ vũ nhân dân miền Bắc phát huy tinh thần cần kiệm, tăng gia sản xuất, v.v. xây dựng hậu phương lớn ngày càng vững chắc. Trong cuộc đấu tranh thống nhất nước nhà, những kết quả mà nhân dân miền Bắc đạt được trong quá trình xây dựng miền Bắc theo con đường xã hội chủ nghĩa, đã thiết thực góp phần “đặt nền móng xây dựng một đời sống mới tự do và hạnh phúc cho cả dân tộc ta, thiết thực chuẩn bị cho sự phát triển về sau này của cả nước”<sup>1</sup>.

Những hoạt động đối nội, cùng hoạt động đối ngoại như: gửi điện, thư, trả lời phỏng vấn, thăm hữu nghị, v.v. của Hồ Chí Minh thời kỳ này nhằm tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ về vật chất và tinh thần của các nước xã hội chủ nghĩa anh em và bè bạn quốc tế cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, cho kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta, đã góp phần tạo ra “những biến đổi cách mạng sâu sắc và những thắng lợi to lớn của nhân dân ta trong mọi lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá và xã hội ở miền Bắc”<sup>2</sup>.

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, Sđd, t. 21, tr. 509.

2. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa II: *Các văn bản của kỳ họp thứ 6*, họp từ ngày 28-4 đến ngày 8-5-1963, tr. 39. Tài liệu lưu tại

Trong những năm tiếp theo, với tinh thần sáng tạo và ý chí quyết cường, vượt mọi khó khăn để không ngừng nâng cao năng suất lao động, hoàn thành vượt mức kế hoạch nhà nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng, đứng đầu là Hồ Chí Minh, với sự động viên của Quốc hội, nhân dân miền Bắc đã “biểu thị quyết tâm của nhân dân ta ra sức phấn đấu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, hết lòng hết sức ủng hộ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam”<sup>1</sup> bằng những thành tích rất đỗi tự hào: Đất nước, con người đều đổi mới. Đánh giá về ý nghĩa của những thành tựu đã đạt được của nhân dân miền Bắc trong việc thực hiện những quyết nghị của Quốc hội về nhiệm vụ xây dựng, bảo vệ miền Bắc, Hồ Chí Minh khẳng định: “Miền Bắc ta lớn mạnh càng làm cho đồng bào ta ở miền Nam thêm hăng hái đấu tranh, Tổ quốc ta mau đến ngày thống nhất, *Nam Bắc mau sum họp một nhà*”<sup>2</sup>.

### ***b) Hồ Chí Minh triệu tập và chủ trì Hội nghị chính trị đặc biệt***

Cùng với việc tham dự các hội nghị của Bộ Chính trị, quyết định những vấn đề cơ bản về đường lối chiến lược, sách lược của Đảng, Hồ Chí Minh còn tham dự các kỳ họp Quốc hội, góp sức cùng Quốc hội thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao. Tại các kỳ họp của Quốc hội, đồng thời

---

Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 1591.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 10, tr. 559.

với việc tham gia quyết định những vấn đề quan trọng liên quan đến sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, phân chia địa giới, bổ nhiệm, bãi miễn các thành viên khác của Hội đồng Chính phủ, công bố lệnh đặc xá và đại xá, tặng thưởng huân chương và danh hiệu vinh dự của Nhà nước, công bố lệnh tổng động viên hoặc động viên cục bộ, v.v., Hồ Chí Minh còn đặc biệt quan tâm đến tình hình chiến sự của tiền tuyến lớn miền Nam. Khát vọng và tâm trí của Người luôn hướng về miền Nam và quyết tâm không gì lay chuyển nổi của Người là giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc.

Càng thua đau ở miền Nam, đế quốc Mỹ ngày càng tăng cường lực lượng và thực hiện chiến lược chiến tranh đặc biệt ở miền Nam, đe dọa hòa bình, an ninh khu vực, chuẩn bị và đánh phá miền Bắc bằng không quân và hải quân. Trước tình hình mới, trước yêu cầu phải tăng cường hơn nữa sự đoàn kết nhất trí trong toàn Đảng, toàn quân, toàn dân, để phát huy nguồn sức mạnh nội lực của khối đoàn kết toàn dân, nhằm chống lại âm mưu mở rộng chiến tranh xâm lược nước ta của đế quốc Mỹ, ngày 7-3-1964, Hồ Chí Minh đã triệu tập và chủ trì *Hội nghị chính trị đặc biệt* (theo Điều 67 của *Hiến pháp năm 1959*: Chủ tịch nước có quyền triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt khi xét thấy cần thiết).

Tham dự Hội nghị có 327 đại biểu, thay mặt cho những cán bộ lão thành, cho các chính đảng, tiêu biểu cho các ngành, các giới, các tôn giáo, dân tộc, thay mặt cho đồng bào miền Nam và kiều bào ta ở nước ngoài.

Hội nghị đã nghe và thảo luận *Báo cáo chính trị* của Hồ Chí Minh đánh giá về những thành tích to lớn của nhân dân

ta trong 10 năm (1954-1964), về tình hình hiện tại và nhiệm vụ trước mắt, về đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng và Chính phủ. Đánh giá về những thành tựu của miền Bắc, Người khẳng định: “Dưới chính quyền của nhân dân, 17 triệu đồng bào ta ở miền Bắc đều đoàn kết một lòng, ra sức xây dựng đất nước, xây dựng một đời sống mới, tăng cường lực lượng về mọi mặt. Những thành tích to lớn của miền Bắc ngày càng tỏ rõ chế độ xã hội chủ nghĩa là rất tốt đẹp và đang cổ vũ mạnh mẽ cuộc đấu tranh yêu nước của đồng bào miền Nam”<sup>1</sup>.

Đối với cách mạng miền Nam, báo cáo của Người nêu rõ: “Tình hình ở miền Nam hiện nay chứng tỏ một cách rõ rệt sự thất bại không thể tránh khỏi của đế quốc Mỹ trong cuộc “chiến tranh đặc biệt”<sup>2</sup>. Tuy nhiên, càng thua đau, đế quốc Mỹ càng điên cuồng leo thang chiến tranh, và cuộc đấu tranh của đồng bào miền Nam giành hoà bình, thống nhất Tổ quốc càng trở nên bức thiết và ác liệt.

Đề cập vấn đề giải quyết cuộc chiến tranh ở miền Nam Việt Nam, tuyên bố trước dư luận thế giới và dư luận ở chính nước Mỹ, Hồ Chí Minh luôn chủ trương và nhấn mạnh rằng: “Giải pháp duy nhất đúng đắn về vấn đề miền Nam là phải thực hiện nghiêm chỉnh những điều khoản cơ bản của Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông Dương”<sup>3</sup>. Đồng thời, Người “hoàn toàn ủng hộ những đòi hỏi rất đúng đắn của Mặt trận dân tộc giải phóng miền Nam, đòi chấm dứt sự can thiệp của đế quốc Mỹ ở miền Nam, đòi quân đội và vũ khí của Mỹ phải rút khỏi miền Nam, để công việc nội

---

1, 2, 3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sdd*, t. 11, tr. 221, 228.

bộ của miền Nam do nhân dân miền Nam tự giải quyết lấy theo tinh thần *Cương lĩnh* của Mặt trận”<sup>1</sup>.

Hội nghị chính trị đặc biệt do Người triệu tập và chủ trì là một sự kiện quan trọng, được nhân dân cả nước và dư luận quốc tế đặc biệt quan tâm. Những ý kiến phát biểu trong Hội nghị và những văn kiện của Hội nghị thực sự đại biểu cho ý chí và nguyện vọng của toàn dân, khẳng định sự nhất trí của toàn thể nhân dân về đời sống chính trị và tinh thần của xã hội miền Bắc. Đồng thời, các văn kiện đó cũng chứng tỏ sự nhạy bén, kịp thời của Hồ Chí Minh khi quyết định triệu tập và chủ trì cuộc Hội nghị quan trọng này, trong điều kiện chiến tranh có nguy cơ lan rộng, đe dọa hòa bình của miền Bắc và khu vực. Điều đó càng chứng tỏ những hoạt động đối nội sâu sát, những quyết định kịp thời, nhạy bén của Hồ Chí Minh luôn nhất quán mục tiêu: Vì Tổ quốc, vì nhân dân, vì sự tín nhiệm của cử tri, Quốc hội và các đại biểu Quốc hội sẽ “luôn luôn cố gắng làm tròn trách nhiệm của mình, quyết không phụ lòng tin cậy của đồng bào và Quốc hội”<sup>2</sup>.

Các văn kiện của Hội nghị đã góp phần nâng cao chí khí cách mạng, động viên nhân dân miền Bắc ra sức thi đua yêu nước, hoàn thành kế hoạch 5 năm lần thứ nhất và chi viện cho đồng bào miền Nam đánh Mỹ. Sau đó, toàn bộ văn kiện của Hội nghị đã được Hồ Chí Minh chuyển đến Quốc hội (điều 67, *Hiến pháp năm 1959*). Tại kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá II họp từ ngày 29-3 đến ngày 4-4-1964 đã nghiên cứu, thảo luận Báo cáo của Người tại Hội nghị chính trị đặc biệt và quyết nghị: “1- Hoàn toàn nhất trí với bản báo cáo của Hồ Chủ tịch và tin

---

1, 2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 229, 280.



trường tuyệt đối vào sự lãnh đạo của Đảng Lao động Việt Nam và Hồ Chủ tịch...; 2- Nhất trí thông qua năm nhiệm vụ mà Hồ Chủ tịch đã đề ra cho nhân dân ta, đập tan mọi âm mưu đen tối của đế quốc Mỹ và tay sai, thực hiện hoà bình thống nhất nước nhà...; 3- Kêu gọi toàn dân, toàn quân ta ở miền Bắc hãy nêu cao tinh thần yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội, thực hiện lời kêu gọi của Hồ Chủ tịch: “Mỗi một người chúng ta phải làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt...”<sup>1</sup>.

Với vị thế nguyên thủ quốc gia, bằng nỗ lực vượt bậc và uy tín cá nhân, Chủ tịch nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa Hồ Chí Minh còn mở rộng các hoạt động, nhằm tranh thủ sự ủng hộ của nhân dân thế giới, đòi Mỹ chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam. Người không chỉ thuyết phục để *Hội nghị quốc tế đoàn kết với nhân dân Việt Nam chống Mỹ và bảo vệ hoà bình* tổ chức tại Hà Nội, từ ngày 25 đến ngày 29-11-1964, mà còn thay mặt đồng bào cả nước, cảm ơn 64 đoàn đại biểu thay mặt cho nhân dân 52 nước và 12 tổ chức quốc tế đến dự Hội nghị. Người khẳng định: “Mỗi thắng lợi của nhân dân thế giới là một thắng lợi của nhân dân Việt Nam. Và mỗi thắng lợi của nhân dân Việt Nam cũng là một thắng lợi của nhân dân thế giới”<sup>2</sup>.

Hồ Chí Minh cũng gửi rất nhiều thư, điện cho Chính phủ Mỹ, cho nhân dân Mỹ và thông qua các bài trả lời phỏng vấn các hãng thông tấn, báo chí nước ngoài, bày tỏ nguyện vọng,

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 1, tr. 1586-1589.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 11, tr. 344.

tranh thủ sự ủng hộ quốc tế cho nguyện vọng hoà bình, độc lập, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ chính đáng của nhân dân Việt Nam. Trả lời phỏng vấn Tạp chí *Minority Op Oan (Minority of one)* của nhóm nhân sĩ trí thức tiên bộ Mỹ tháng 5-1964, Hồ Chí Minh nói, nhân dân Việt Nam hiểu rõ rằng nhân dân Mỹ muốn sống hoà bình và hữu nghị với các dân tộc khác, “nhưng nhân dân Mỹ cũng là nạn nhân của đế quốc Mỹ, các bạn hãy cùng nhân dân Việt Nam đấu tranh quyết liệt chống bọn quân phiệt hiếu chiến và xâm lược ở nước các bạn. Hãy đòi chấm dứt ngay cuộc chiến tranh bẩn thỉu ở miền Nam Việt Nam”<sup>1</sup>.

Thực tiễn cho thấy, tư tưởng và hoạt động của Hồ Chí Minh với vị thế nguyên thủ quốc gia và việc triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt đã khẳng định vai trò của Người trong Đảng, trong Quốc hội. Những lời Người nói, những việc Người làm cùng những quyết nghị của Quốc hội cũng đồng thời khẳng định vị trí tối cao của Quốc hội trong mối quan hệ hữu cơ Đảng - Quốc hội - Chính phủ, chứng minh sự tập trung quyền lực của bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa vào Quốc hội, theo những chế định của *Hiến pháp năm 1959* - Hiến pháp mang đậm dấu ấn Hồ Chí Minh.

Có chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn riêng, song các cơ quan quyền lực trong bộ máy nhà nước được tổ chức và hoạt động theo tư tưởng Hồ Chí Minh có sự phân công, phân nhiệm rõ ràng, phối hợp chặt chẽ cùng nhau. Còn Người, với cương vị Chủ tịch nước đã bằng những hoạt động thiết thực của mình,

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 275.

cùng Quốc hội đồng viên, phát huy được sức mạnh tự thân, vai trò của các cơ quan quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp), và sức mạnh tổng hợp của khối toàn dân đoàn kết dưới sự lãnh đạo của Đảng, từng bước đưa cách mạng Việt Nam tiến lên giành những thắng lợi mới.

Trước việc đế quốc Mỹ đe dọa mở rộng chiến tranh ra miền Bắc, quán triệt sâu sắc tinh thần của Hội nghị chính trị đặc biệt và Nghị quyết của Quốc hội về nội dung của Hội nghị này, phát biểu tại Quốc hội ngày 3-7-1964, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Những lời đe dọa của đế quốc Mỹ chỉ làm cho nhân dân miền Bắc nước ta càng căm thù chúng, càng nâng cao cảnh giác và sẵn sàng đập tan mọi hành động khiêu khích và phá hoại của chúng, để bảo vệ Tổ quốc chúng ta”<sup>1</sup>. Đồng thời, xuất phát từ tình hình thực tiễn và để phát huy hơn nữa vai trò và sức mạnh của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, Người đã cùng Quốc hội hướng các hoạt động tập trung vào nhiệm vụ quan trọng, bức thiết này. Người “đề nghị các vị đại biểu Quốc hội sẽ động viên mạnh mẽ và sâu rộng toàn dân ta thâm nhuần tinh thần làm chủ tập thể, hăng hái thi đua”<sup>2</sup>, hoàn thành thắng lợi những kế hoạch nhà nước, thiết thực củng cố, bảo vệ miền Bắc và chi viện miền Nam.

Sau khi đế quốc Mỹ dùng không quân và hải quân đánh phá miền Bắc, trực tiếp đưa quân Mỹ vào tham chiến ở miền Nam, thực hiện chủ trương của Đảng về tình hình và nhiệm vụ mới của đất nước, trong điều kiện cả nước có chiến tranh

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 282.

2. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập, Sđd*, t. 3, tr. 136.

với hình thức và mức độ khác nhau ở mỗi miền, với tinh thần “miền Nam vẫn là *tiền tuyến lớn*, miền Bắc vẫn là *hậu phương lớn* nhưng nhiệm vụ của miền Bắc là vừa xây dựng, vừa trực tiếp chiến đấu, vừa chi viện cho tiền tuyến miền Nam”<sup>1</sup>, Hồ Chí Minh kêu gọi: “Lúc này *chống Mỹ, cứu nước* là nhiệm vụ thiêng liêng nhất của mọi người Việt Nam yêu nước... Tất cả chúng ta hãy đoàn kết nhất trí triệu người như một, *quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược!* Vì tương lai của Tổ quốc, vì hạnh phúc của nhân dân, đồng bào và chiến sĩ cả nước anh dũng tiến lên!”<sup>2</sup>.

Trong lời phát biểu tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khoá III, Hồ Chí Minh nói: Vì Tổ quốc thân yêu, vì miền Nam ruột thịt, vì chủ nghĩa xã hội, quân và dân miền Bắc đã có một tinh thần chiến đấu rất cao, một sức chiến đấu mạnh, đồng bào và chiến sĩ đều tỏ ra rất anh hùng. Do đó, Người đề nghị Quốc hội nhiệt liệt biểu dương thành tích của quân dân miền Bắc.

Từ niềm tin của chính bản thân mình: “Chúng ta có chính nghĩa, có sức mạnh đoàn kết của toàn dân từ Bắc đến Nam”, với tinh thần và ý chí “*Không có gì quý hơn độc lập, tự do*”, Hồ Chí Minh tin tưởng rằng: Nhất định chúng ta sẽ chiến thắng, sẽ hoà bình, “hoà bình thật sự, hoà bình trong độc lập tự do”<sup>3</sup>.

### *c) Ủng hộ và chi viện cho cuộc đấu tranh của đồng*

---

1. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập, Sđd*, t. 26, tr. 108.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 11, tr. 434-435.

3. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 109.

### *bào miền Nam*

Thâm nhuần sâu sắc tư tưởng của Người về miền Nam “là máu của máu Việt Nam, là thịt của thịt Việt Nam”, đất nước Việt Nam luôn là một khối Bắc, Nam thống nhất không thể phân chia. Miền Nam là “Thành đồng Tổ quốc”, đồng bào miền Nam đi trước về sau vẫn đang tiếp tục cuộc đấu tranh giải phóng để hoàn thành sự nghiệp thống nhất Tổ quốc. Trong bối cảnh đó, từ miền Bắc, Hồ Chí Minh phát biểu: “Chúng ta gửi đến đồng bào miền Nam mỗi tình ruột thịt và hứa với đồng bào rằng: Toàn dân ta đoàn kết nhất trí, bền bỉ đấu tranh, thì Tổ quốc ta nhất định sẽ thống nhất, Bắc - Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”<sup>1</sup>.

Bằng các hoạt động thực tiễn, Người đã cùng Quốc hội thông qua các quyết nghị, lãnh đạo nhân dân cả nước kiên trì đấu tranh, thực hiện nhiệm vụ thống nhất Tổ quốc. Người luôn quan tâm, cổ vũ đồng bào miền Nam tiên hành cuộc đấu tranh chính trị kết hợp với đấu tranh vũ trang, tiến công địch trên cả hai mặt trận chính trị và quân sự, đẩy chế độ Ngô Đình Diệm lún sâu vào khủng hoảng trầm trọng. Trước Quốc hội, Người khẳng định: Dù đế quốc Mỹ ngày càng gây ra cuộc chiến tranh tàn khốc, “nhưng đồng bào miền Nam ta không khuất phục và sẽ không bao giờ khuất phục”<sup>2</sup>. Mỗi thắng lợi của đồng bào miền Nam trong những năm qua đều chứng tỏ rằng: khi cả nước đồng lòng, đoàn kết chặt chẽ, chiến đấu bền bỉ dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Quốc hội, đứng đầu là lãnh tụ Hồ Chí Minh, thì sự nghiệp

---

1. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 192.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 10, tr. 281.

thống nhất Tổ quốc của nhân dân ta sẽ đi đến thắng lợi hoàn toàn.

Cùng với việc “biểu dương tinh thần đấu tranh bất khuất của đồng bào miền Nam”<sup>1</sup>, chia sẻ những đau thương mất mát mà đồng bào miền Nam đang gánh chịu trong cuộc đấu tranh kiên cường giành quyền sống và tự giải phóng cho mình, Hồ Chí Minh và Quốc hội nhấn mạnh: “Với sự đoàn kết nhất trí của 16 triệu nhân dân miền Bắc, với sự đồng tình và ủng hộ của nhân dân yêu chuộng hoà bình và chính nghĩa trên toàn thế giới, sự nghiệp giải phóng của đồng bào miền Nam cũng như sự nghiệp hòa bình thống nhất Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn gian khổ, nhưng nhất định sẽ thành công”<sup>3</sup>.

Tại các kỳ họp của Quốc hội, những nội dung quan trọng, liên quan đến tình hình và sự phát triển của cách mạng miền Nam, về phong trào đấu tranh yêu nước ở miền Nam, v.v. đã được Hồ Chí Minh và các vị đại biểu Quốc hội đặc biệt chú ý. Theo dõi sát sao cuộc đấu tranh anh dũng, bền bỉ của đồng bào miền Nam, không chỉ cùng Quốc hội quyết nghị những nội dung về cách mạng miền Nam, động viên hậu phương miền Bắc chi viện cho miền Nam bằng cả tinh thần và vật chất của miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Hồ Chí Minh còn nói: “Trái tim của tôi và 17 triệu đồng bào miền Bắc luôn luôn đập một nhịp với trái tim của đồng bào miền Nam”<sup>2</sup>. Tình cảm, sự quan tâm của Người, của Đảng, Chính phủ và Quốc

---

1, 3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, Sđd, t. 2, tr. 523.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, Sđd, t. 11, tr. 158.

hội đối với miền Nam càng khẳng định mối quan hệ chặt chẽ của nhiệm vụ cách mạng ở hai miền, đồng thời nhấn mạnh vai trò hậu phương lớn của miền Bắc đối với tiền tuyến lớn miền Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng. Tiếp tục khẳng định quyết tâm ủng hộ, chi viện đồng bào miền Nam, và trước những thắng lợi ngày càng to lớn của quân và dân miền Nam, Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khẳng định: “Miền Nam anh dũng trên con đường chiến thắng”<sup>1</sup>.

Tại kỳ họp thứ 6 Quốc hội khoá II, Quốc hội quyết định tặng Hồ Chí Minh *Huân chương Sao Vàng*. Được tin, Người tỏ lòng biết ơn Quốc hội, xin chưa nhận Huân chương cao quý và nói rằng: Trong hoàn cảnh nước sôi lửa bỏng, đồng bào miền Nam đang hằng ngày, hằng giờ hy sinh xương máu, anh dũng đấu tranh, đồng bào miền Nam mới thật là những người con anh hùng của dân tộc Việt Nam anh hùng. Miền Nam mới thật là xứng đáng với danh hiệu “Thành đồng Tổ quốc” và xứng đáng được tặng Huân chương cao quý nhất của nước nhà. Vì những lẽ đó, vì “tự xét chưa có công huân xứng đáng với sự tặng thưởng cao quý của Quốc hội”, Người xin Quốc hội: “Chờ đến ngày miền Nam hoàn toàn giải phóng, Tổ quốc hòa bình thống nhất, Bắc - Nam sum họp một nhà, Quốc hội sẽ cho phép đồng bào miền Nam trao cho tôi Huân chương cao quý. Như vậy thì toàn dân ta sẽ sung sướng, vui mừng”<sup>2</sup>.

Tấm lòng của Người với miền Nam, sự trăn trở của Người về việc giải phóng miền Nam, hoàn thành thống nhất

---

1. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, *Sđđ*, t. 2, tr. 1076.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđđ*, t. 11, tr. 62.

Tổ quốc làm xúc động đồng bào và chiến sĩ cả nước, cổ vũ đồng bào miền Bắc nỗ lực thi đua xây dựng chủ nghĩa xã hội và động viên đồng bào miền Nam hăng hái thi đua giết giặc lập công.

Quân xâm lược Mỹ hy vọng, với lực lượng quân sự hùng mạnh và thủ đoạn tàn ác có thể khuất phục được đồng bào miền Nam, nhưng chúng đã nhầm. Với sức mạnh của một đường lối đúng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Chính phủ và Hồ Chí Minh, với sự đồng tình, ủng hộ của Quốc hội, với tình cảm thấm thiết “nhân dân miền Bắc từng giờ từng phút nhớ đến đồng bào miền Nam”, nhân dân miền Nam đã vượt qua thử thách, từng bước làm phá sản các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ. Tình cảm đặc biệt của Hồ Chí Minh dành cho miền Nam và hình ảnh miền Nam yêu quý luôn ở trong trái tim Người, cùng với sự đồng tình, ủng hộ của nhân dân miền Bắc, của nhân dân các nước xã hội chủ nghĩa anh em và nhân loại yêu chuộng hòa bình trên toàn thế giới về cả vật chất và tinh thần đã là nguồn sức mạnh, tăng thêm sự phấn khởi, niềm tin tưởng cho phong trào yêu nước của đồng bào miền Nam trong cuộc đấu tranh giải phóng.

Chiến tranh lan rộng trong cả nước, nhưng cả miền Bắc và miền Nam đều không khuất phục và sẽ không bao giờ khuất phục. Khẳng định quyết tâm này, trước Quốc hội, Hồ Chí Minh phát biểu: Giương cao ngọn cờ giải phóng, hướng về miền Bắc xã hội chủ nghĩa, đồng bào miền Nam “vì độc lập, tự do, vì chính nghĩa mà chiến đấu, đã nêu cao tinh thần của dân tộc ta là một dân tộc anh hùng, quyết không chịu làm



nô lệ”<sup>1</sup>. Và theo Người, sự ủng hộ, chi viện của miền Bắc, của tinh thần thi đua yêu nước “mỗi người làm việc bằng hai để đền đáp lại cho đồng bào miền Nam ruột thịt”, sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Đảng, Chính phủ, Quốc hội và bạn bè quốc tế về cả tinh thần và vật chất, đã góp phần không nhỏ làm nên những chiến công vang dội của đồng bào miền Nam.

Với sự tăng cường chi viện tối đa về vật chất của miền Bắc, với tinh thần và quyết tâm cao độ “Không có gì quý hơn độc lập tự do”, dưới sự lãnh đạo của Hồ Chí Minh, sự cổ vũ động viên của Quốc hội, và tinh thần cả nước “đoàn kết một lòng, không sợ hy sinh gian khổ, kiên quyết chiến đấu”<sup>2</sup>, nhân dân miền Nam đã “thể hiện tinh thần cách mạng, lòng dũng cảm, khí phách anh hùng của dân tộc Việt Nam ta: dám đánh và biết thắng”<sup>3</sup> trên khắp các chiến trường.

Như vậy là, trong cuộc đấu tranh ác liệt của mình, quân dân miền Nam đã không chỉ nhận được sự chi viện về vật chất, về vũ khí đạn dược, v.v. mà còn nhận được từ Hồ Chí Minh, từ Quốc hội, từ quân dân miền Bắc niềm tin, ý chí và khát vọng thống nhất nước nhà. Từ việc cụ thể hoá đường lối của Đảng, bằng tư tưởng tình cảm và những hoạt động của một vị nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh đã hướng các hoạt động và quyết nghị của Quốc hội vào việc động viên nhân dân miền Bắc thi đua cùng miền Nam, chi viện cho miền Nam. Người đã cùng Quốc hội góp phần vào những chiến công to lớn của quân dân miền Nam, đẩy đế quốc Mỹ và bè lũ tay sai

---

1, 3. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, *Sđd*, t. 3, tr. 137, 702.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, *Sđd*, t. 12, tr. 109.

lún sâu vào những khó khăn nhiều mặt.

Đặc biệt, để ủng hộ cuộc đấu tranh anh dũng của đồng bào miền Nam, trong bài trả lời phỏng vấn của ông Sabri Abou El Magd tháng 3-1966, Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Mỗi lần Mỹ nói đến hoà bình là một lần họ đẩy chiến tranh ở Việt Nam leo thang một bước... Muốn chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam, không có cách nào khác là Mỹ phải chấm dứt xâm lược, rút quân của Mỹ và của các nước chư hầu ra khỏi miền Nam Việt Nam, để nhân dân Việt Nam tự giải quyết lấy công việc của mình”<sup>1</sup>.

Mặt khác, trước tình hình Mỹ ngày càng mở rộng và leo thang chiến tranh, trước tình thế cả Liên Xô và Trung Quốc đều muốn lôi kéo Việt Nam để tranh thủ dư luận quốc tế và trong nước, là Chủ tịch Đảng, đồng thời là Chủ tịch nước, Người đã mềm dẻo, xử lý khéo léo mối quan hệ đan xen, chòng chẹo Việt - Trung - Xô, giữ được đường lối độc lập, tự chủ của ta, đồng thời tranh thủ được sự giúp đỡ tối đa của Liên Xô và Trung Quốc cho cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta ngày càng đi vào giai đoạn gay go, quyết liệt nhất. Đóng góp của Người trên bình diện quốc tế có tác dụng vô cùng to lớn đối với việc tranh thủ sự ủng hộ của bạn bè quốc tế với sự nghiệp kháng chiến chống Mỹ, cứu nước của nhân dân ta.

Đồng thời, trong những lần trả lời phỏng vấn về những vấn đề liên quan đến cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước,

---

1. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn ông Sabri Abou El Magd*, tháng 3-1966, tr. 2-3. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.1343.

đặc biệt là những câu hỏi của nhà báo Anh Felix Green, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định quyết tâm đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc: Nhân dân Việt Nam mạnh về chính nghĩa, có sự đoàn kết, dũng cảm và được sự ủng hộ của các dân tộc yêu chuộng hoà bình trên toàn thế giới trong đó có nhân dân Mỹ nên nhất định sẽ chiến đấu và chiến thắng.

Sau đó, khi quân dân miền Nam mở cuộc tổng tiến công mùa Xuân 1968, từ Trung Quốc, Người viết thư gửi Bộ Chính trị ngày 7-4-1968: “Tự trách mình vắng nhà lâu quá, không cùng các đồng chí bàn bạc mọi việc cho kỹ càng hơn. Theo ý Bác, miền Nam cần đánh mạnh, quyết chiến quyết thắng”<sup>1</sup>, để trên cơ sở đó đập tan ý chí xâm lược của đế quốc Mỹ, hoàn toàn giải phóng miền Nam, bảo vệ miền Bắc, tiến tới hoà bình, thống nhất nước nhà.

Bị thất bại nặng nề ở cả hai miền Nam, Bắc, ngày 31-3-1968, Tổng thống Mỹ Giônxon đã tuyên bố ném bom hạn chế nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Trước tình hình đó, ngày 3-4-1968, trong Thư gửi Bộ Chính trị về *Mấy ý kiến về tuyên bố của Giônxon*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Đối với tuyên bố của Giônxon, chúng ta phải cân nhắc kỹ, không nên vội trả lời... cần củng cố tư tưởng quyết chiến quyết thắng và chớ mất cảnh giác. Tuyệt đối chớ chủ quan và vì địch có thể bất thành linh đánh lại”<sup>2</sup>.

---

1. Hồ Chí Minh: *Thư gửi Bộ Chính trị*, ngày 3-4-1968, tr. 1. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.619.

2. Hồ Chí Minh: *Thư gửi Bộ Chính trị: *Mấy ý kiến về tuyên bố của Giônxon**, ngày 3-4-1968, tr. 2. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ

Có thể thấy rằng, thông qua những hoạt động của mình, thông qua những bài phát biểu của Người về Quốc hội, tại Quốc hội và những lời căn dặn đầy tâm huyết của Người tới Bộ Chính trị và đồng chí Lê Duẩn, cho thấy: Dù ở đâu và đang làm bất cứ công việc gì, thì mục tiêu và quyết tâm giải phóng miền Nam vẫn được Người lưu tâm nhất. Khát vọng này được thể hiện rõ trên bất cứ diễn đàn nào, thắm sâu, nung nấu trong lòng vị Chủ tịch nước, truyền sang cả các đồng chí trong Bộ Chính trị và trong từng kỳ họp của Quốc hội, đến từng đại biểu Quốc hội và đồng bào, chiến sĩ cả nước.

Đối với Hồ Chí Minh, được vào thăm miền Nam trước khi quân ta mở cuộc Tổng tiến công mùa Xuân 1968 là khát khao cháy bỏng nhất. Dù sức khỏe không được tốt, dù biết rất nguy hiểm, Người vẫn gửi thư cho đồng chí Lê Duẩn trình bày cách thức để vào thăm đồng bào miền Nam. Tiếc rằng, ước mơ của Người đã không thể thực hiện được. Một năm sau, mùa Xuân 1969, mùa xuân cuối cùng của cuộc đời Người, trong lá thư cuối cùng gửi cho kiều ta ở Pháp ngày 27-1-1969, Hồ Chí Minh khẳng định niềm tin nhân dân ta nhất định sẽ đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược, “Bắc Nam nhất định sẽ sum họp một nhà”, nên mong mọi người cố gắng hơn nữa để sau này góp sức xây dựng nước nhà.

Tiếp đó, trong bức thư gửi luật sư Trịnh Đình Thảo, Chủ tịch Ủy ban Trung ương Liên minh các lực lượng dân tộc, dân chủ và hoà bình Việt Nam, Người đã nói với đồng bào miền Nam ruột thịt: “Trên tuyến đầu của Tổ quốc, 14 triệu đồng bào miền Nam ta, dưới sự lãnh đạo sáng suốt của Mặt

trận dân tộc giải phóng, ngày càng giương cao ngọn cờ của chủ nghĩa anh hùng cách mạng... phát huy tinh thần cách mạng tiến công, đánh thắng hoàn toàn giặc Mỹ xâm lược và bẻ gãy tay sai bán nước để giải phóng miền Nam thân yêu, tiến tới hoà bình thống nhất nước nhà”<sup>1</sup>.

Gần hai tháng trước khi Người qua đời, trong bài trả lời phỏng vấn nữ đồng chí Mácta Rôhát, phóng viên báo *Granma*, Cu Ba, Người cũng trần trở về việc giải phóng miền Nam, Người đã nói về tình cảm và trách nhiệm của mình với nhân dân hai miền Nam, Bắc: “Tôi yêu đồng bào ở miền Bắc cũng như yêu đồng bào ở miền Nam. Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi... Mỗi người, mỗi gia đình đều có một nỗi đau khổ riêng và gộp cả những nỗi đau khổ riêng của mỗi người, mỗi gia đình lại thì thành nỗi đau khổ của tôi. Tôi nghĩ rằng tôi chưa làm tròn nghĩa vụ cách mạng của tôi đối với đồng bào miền Nam; mặc dù như vậy, tôi biết rằng đồng bào miền Nam vẫn yêu quý tôi cũng như tôi luôn luôn yêu quý đồng bào. Ở miền Nam, tôi không phải là Chủ tịch Hồ Chí Minh mà là Bác Hồ”<sup>2</sup>.

Không lâu sau, Người ra đi (2-9-1969) giữa những ngày cả nước đồng lòng, quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược và quân dân miền Nam đang liên tiếp giành những thắng lợi to lớn trên các địa bàn chiến lược. Không chỉ để lại cho toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta bản *Di chúc* lịch sử đầy tình cảm và sâu sắc, Người còn để lại ý chí, niềm tin tất thắng Bắc,

---

1. Hồ Chí Minh: *Thư gửi luật sư Trịnh Đình Thảo*, ngày 4-3-1969, tr. 1-2. Tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.687/1.

2. Hồ Chí Minh: *Toàn tập, Sđd*, t. 12, tr. 560-561.

Nam sum họp một nhà. Trong diễn văn truy điệu Người trước Quốc hội, đồng chí Trường Chinh khẳng định: Chúng ta họp Quốc hội, cơ quan quyền lực cao nhất của Nhà nước, tăng cường và củng cố chính quyền Nhà nước, tăng cường và phát huy vai trò cơ quan quyền lực của nhân dân là một vấn đề mà Chủ tịch Hồ Chí Minh rất quan tâm, vì vậy, chúng ta hứa với Người: quyết tâm giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc, “Quốc hội ta tăng cường đoàn kết, quyết tâm vượt mọi khó khăn, vững bước tiến lên theo đường lối cách mạng của Người, tiếp tục sự nghiệp vĩ đại của Người một cách thắng lợi”<sup>1</sup>.

Hồ Chí Minh đã qua đời, nhưng tình cảm của Người dành cho đồng bào miền Nam ruột thịt, sự quan tâm, săn sóc của Người đối với cuộc đấu tranh kiên cường, anh dũng của đồng bào miền Nam được thể hiện thông qua những lời phát biểu, những bức thư, những quyết định chiến lược trên diễn đàn Quốc hội, v.v. đã sưởi ấm và động viên đồng bào miền Nam hăng hái tiến lên, “đánh cho Mỹ cút, đánh cho ngụy nhào”. Tiếp tục thực hiện khát vọng của Người, trong những năm sau, Quốc hội đã phê chuẩn kế hoạch nhà nước hàng năm, giám sát Chính phủ thực hiện việc xây dựng và phát triển miền Bắc, tăng cường chi viện cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam.

Mùa Xuân năm 1973, cùng với những thắng lợi của quân dân Việt Nam trên các chiến trường và thắng lợi trên mặt trận

---

1. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa khóa III: *Các văn kiện của kỳ họp thứ 5*, họp từ ngày 22 đến ngày 23-9-1969, tr. 18. Tài liệu lưu trữ Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.

ngoại giao, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh ở Việt Nam đã được ký kết (1-1973). Đế quốc Mỹ đã rút quân khỏi Việt Nam. Mùa Xuân năm 1975, cuộc Tổng tiến công nổi dậy đã thắng lợi. Miền Nam đã được giải phóng. Nam, Bắc sum họp một nhà, non sông liền một dải. Khát vọng của Hồ Chí Minh, ý chí quyết tâm của Quốc hội, của toàn dân tộc về một nước Việt Nam độc lập, tự do, hoà bình, thống nhất đã trở thành hiện thực.

Như vậy là, trong khoảng thời gian từ năm 1960 đến năm 1969, nhân dân miền Bắc đã tiến hành thắng lợi hai cuộc bầu cử Quốc hội khoá II và Quốc hội khoá III. Với những thắng lợi này, tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền lực của nhân dân là cội nguồn quyền lực của Quốc hội, thể hiện qua hoạt động của Quốc hội đã được khẳng định. Quyền lực của nhân dân từng được khẳng định sâu sắc trong cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I đã được hiện thực hóa trong thực tiễn của Quốc hội khóa II và khóa III.

Nhất quán tư tưởng Hồ Chí Minh, Quốc hội đã quyết định những công việc quan trọng nhất của nước nhà. Quốc hội bao gồm những đại biểu có đức, có tài được nhân dân tín nhiệm và lựa chọn đã được thực hiện đúng theo quy định của *Hiến pháp* và pháp luật.

Sau thành công của các kỳ bầu cử, với cương vị người đại biểu nhân dân, Hồ Chí Minh đã luôn xứng đáng với sự tín nhiệm và lựa chọn của nhân dân. Đồng thời là Chủ tịch Đảng và là nguyên thủ quốc gia, Hồ Chí Minh đã từ quyền hạn và trách nhiệm của mình, cùng Đảng, Chính phủ, Quốc hội sâu sát thực tế, kịp thời đề ra và hướng nội dung các kỳ họp của

Quốc hội vào việc quyết định những quyết sách phù hợp với tình hình thực tế, tập trung cho nhiệm vụ trọng yếu nhất là xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam. Phát huy cao độ vai trò của cơ quan quyền lực tối cao, Hồ Chí Minh đã thông qua những bài viết, bài phát biểu và những hoạt động của mình tại Quốc hội, góp phần xây dựng Quốc hội thực sự trở thành cơ quan quyền lực Nhà nước cao nhất của nhân dân, là cơ quan có quyền lập hiến, lập pháp, quyết định những vấn đề quan trọng nhất của quốc gia.

Được tổ chức và hoạt động theo những quy định của *Hiến pháp năm 1959* và *Luật tổ chức Quốc hội*, thực hiện tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh, Quốc hội, các đại biểu Quốc hội và bản thân Người trong thực tế đã hoàn thành trọng trách của mình, xứng đáng với sự tin cậy và uỷ thác của nhân dân cả nước, góp phần vào những thắng lợi to lớn của quân dân hai miền Nam, Bắc.

Tiếp tục thực hiện tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Hồ Chí Minh, Quốc hội khóa II và khóa III đã khẳng định được vị trí và vai trò “quyền lực tối cao” của mình trong bộ máy nhà nước. Cùng với Đảng, Chính phủ, trong hai nhiệm kỳ, với 15 kỳ họp, Quốc hội đã phát huy vai trò quan trọng của mình trong việc động viên sức người, sức của, tập trung tất cả tinh thần và lực lượng của cả nước cho việc thực hiện hai nhiệm vụ chiến lược: Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, đánh bại cuộc chiến tranh phá hoại miền Bắc bằng không quân và hải quân của đế quốc Mỹ, bảo vệ



miền Bắc; đồng thời ủng hộ và hoàn thành nhiệm vụ chi viện cho quân và dân ta trên chiến trường miền Nam, từng bước đánh bại các chiến lược chiến tranh của đế quốc Mỹ và tay sai.

Với 6 đạo luật được ban hành, 9 pháp lệnh, cùng với các sắc lệnh, nghị định, thông tư, nghị quyết được Quốc hội tăng cường một số quyền hạn, và trong thẩm quyền của mình, Ủy ban Thường vụ Quốc hội và Quốc hội đã thực hiện chức năng, nhiệm vụ lập pháp của mình. Dù không được xây dựng một cách hoàn chỉnh, và đặc biệt các văn bản pháp luật được xây dựng đều tập trung vào nhiệm vụ xây dựng và củng cố bộ máy nhà nước, tăng cường sức mạnh lực lượng vũ trang, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa, song cũng đã góp phần phát huy tinh thần làm chủ của nhân dân, động viên nhân dân thực hiện phong trào *Thi đua yêu nước*, hoàn thành kế hoạch nhà nước hằng năm.

Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội đã rất cố gắng trong việc tăng cường mối quan hệ với Chính phủ, với Toà án nhân dân tối cao, Viện Kiểm sát nhân dân tối cao, liên lạc với các đại biểu Quốc hội, với chính quyền địa phương và nhân dân để thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ “quyền lực tối cao” của mình. Tuy nhiên, vẫn có nhiều nơi, nhiều lúc, những đơn thư khiếu tố của nhân dân không được kịp thời giải quyết. Những tồn tại lúc bấy giờ đã không chỉ gây bức xúc trong nhân dân, mà còn làm cho nền dân chủ xã hội chủ nghĩa và quyền tự do của con người bị vi phạm nghiêm trọng.

Hồ Chí Minh và Quốc hội đã nhận thức được điều này, song vì điều kiện chiến tranh kéo dài, với một nền luật pháp

chưa được phát triển vì điều kiện chiến tranh, cho nên vấn đề này đã không thể giải quyết một cách thỏa đáng. Đặc biệt, trong điều kiện chiến tranh kéo dài, tất cả mọi nhiệm vụ đều tập trung cho mục tiêu: độc lập, tự do và thống nhất đất nước, Đảng cầm quyền không chỉ có vai trò lãnh đạo chính trị, vai trò của người “chính uỷ”, mà còn là người tổ chức, chỉ huy, người trực tiếp ra mệnh lệnh và quyết định cuối cùng trên mọi lĩnh vực. Vì vậy, mọi tổ chức chính trị - xã hội, trong đó có cả các cơ quan quyền lực (lập pháp, hành pháp, tư pháp) trong tổ chức bộ máy nhà nước, đều là công cụ để thực hiện thắng lợi chủ trương, đường lối của Đảng.

Với ý nghĩa đó, tư tưởng Hồ Chí Minh, vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình xây dựng Quốc hội Việt Nam thực sự là “cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, đại diện cho nhân dân cả nước”, trong những năm từ 1946 đến 1969, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng càng trở nên có ý nghĩa. Hồ Chí Minh với cương vị là Chủ tịch Đảng, Chủ tịch nước đã thông qua những hoạt động đối nội, đối ngoại tích cực, có hiệu quả của mình, không chỉ góp phần cùng cơ quan quyền lực tối cao thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, mà còn trở thành ngọn cờ quy tụ nhân dân cả nước và bạn bè quốc tế tập trung cho mục tiêu: quyết tâm đánh thắng giặc Mỹ xâm lược, giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc càng trở nên sâu sắc biết bao.

Tuy nhiên, cũng vì điều kiện khách quan và cả cơ chế tập trung quyền lực (ảnh hưởng của xu hướng tập quyền xã hội chủ nghĩa từ Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa anh em), trong một chừng mực nào đó, Quốc hội khoá II và khoá III chưa thể xây dựng và hoạt động theo đúng những gì Hồ Chí Minh

mong muốn. Trong điều kiện chiến tranh, dù các cuộc bầu cử đã thành công, nhưng thành phần đại biểu Quốc hội khóa II và khóa III lại được tiến hành theo một cơ cấu định sẵn, nên trong một chừng mực nào đó, tính dân chủ của cơ quan đại biểu cao nhất cho ý chí và nguyện vọng của nhân dân cả nước chưa được thực hiện. Mặc dù có sự giới thiệu và hiệp thương, song với cơ cấu định sẵn, áp đặt theo ý chí chủ quan của con người, nên việc xác định cơ cấu thành phần đại biểu Quốc hội trước khi bầu, đã làm giảm đi tính chất “quyền lực” của nhân dân khi lựa chọn và bầu ra cơ quan đại diện cho mình, của mình và vì mình.

Đánh giá về cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội, nguyên Phó Thủ tướng Nguyễn Khánh đã viết: “Cuộc Tổng tuyển cử - toàn dân đi bầu ra các đại biểu Quốc hội có tự do hay không là do ý thức, tư tưởng của cơ quan lãnh đạo về vị trí của Quốc hội, về dân chủ và cách thức tổ chức bầu cử”<sup>1</sup>. Từ đó, có thể thấy rõ hơn giá trị lớn lao của cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên bầu Quốc hội ngày 6-1-1946 và càng thấy thấm thía rằng: không có bầu cử tự do, dân chủ, thì chắc chắn không thể có một Quốc hội dân chủ.

Luận giải điều này, cố Thủ tướng Phạm Văn Đồng cũng từng nói: trong thực tế, vì điều kiện chiến tranh, vì tập trung quyền lực cao nhất vào Đảng cầm quyền, và “Đảng bao biện, làm thay công việc nhà nước... làm cho chính quyền nhà nước không phát huy được tác dụng, làm đúng chức năng của

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Quốc hội Việt Nam - 60 năm hình thành và phát triển*, Sđd, tr. 34.

mình”<sup>1</sup>, nên trong thực tế, “chúng ta chưa đề cao đúng mức vai trò của các cơ quan dân cử, chưa chú ý đầy đủ đến việc tăng cường hoạt động của các cơ quan ấy, chưa đảm bảo sinh hoạt đều đặn và phong phú”<sup>3</sup>.

Chưa thể xây dựng và hoạt động một cách dân chủ thực sự, sẽ khó có một Quốc hội “thực quyền”, chỉ có một Quốc hội “hiện thực hóa” những chủ trương, đường lối của Đảng qua quyền lực của cơ quan đại biểu cao nhất. Vì vậy, cũng chưa thể có một Quốc hội có quyền lực cao nhất đúng như quy định của *Hiến pháp năm 1959*. Đó là một tồn tại và cũng là những điểm khác với tư tưởng Hồ Chí Minh về một Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất được bầu một cách dân chủ, hoạt động một cách dân chủ, để thể hiện và thực hiện ý chí quyền lực tối cao của nhân dân.

Như vậy, không thể hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của mình trước sự uỷ thác quyền lực của nhân dân cả nước, chưa phải chịu sự giám sát của cử tri và nhân dân, Quốc hội khóa II và khóa III vẫn chưa thể làm tròn nhiệm vụ là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nhân dân theo đúng những gì mà Hồ Chí Minh mong muốn.

---

1, 3. Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về nhà nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980, tr. 78, 81.

## KẾT LUẬN

Trên cơ sở đi sâu trình bày nhận thức của Hồ Chí Minh về Quốc hội, hệ thống quan điểm của Người về việc xây dựng Quốc hội - cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa qua những chặng đường phát triển: 1 – 12-1946; 12-1946 – 5-1960; 5-1960 – 8-1969, có thể thấy rõ vai trò của Hồ Chí Minh trong quá trình sáng lập, hoạt động của Quốc hội theo tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân:

Đó là quá trình sự lựa chọn, thay đổi và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về vấn đề nhà nước, những quyết định sáng tạo của Người trong Cách mạng Tháng Tám năm 1945, trong việc kiên quyết, khôn khéo và nhân nhượng có nguyên tắc để xúc tiến, tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khoá I.

Đó là từ việc nhận thức được tầm quan trọng của Quốc hội - một tiêu chí của nhà nước dân chủ, một hình thức dân chủ để thông qua đó nhân dân thực hiện sự uỷ thác quyền lực của mình, ngay trong tiến trình đấu tranh giải phóng dân tộc, dưới sự lãnh đạo của Đảng, và lãnh tụ Hồ Chí Minh, nhân dân ta từng bước hiện thực hóa tư tưởng của Người về “quyền lực của nhân dân”, tiến hành cuộc Tổng khởi nghĩa

giành độc lập dân tộc, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Tiếp đó, Hồ Chí Minh đã có vai trò quan trọng trong việc lãnh đạo, chuẩn bị và tổ chức thành công cuộc Tổng tuyển cử, theo nguyên tắc phổ thông đầu phiếu, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín đầu tiên ở Việt Nam, để sáng lập Quốc hội khóa I. Đó là Quốc hội lập hiến, sau đó trở thành cơ quan đại biểu cao nhất, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất - một thiết chế không thể thiếu của Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Với uy tín, vị thế, quyền hạn của mình, được Quốc hội tín nhiệm, trao trọng trách, Hồ Chí Minh đã thành lập Chính phủ chính thức, điều hành Chính phủ thực hiện những nhiệm vụ nội trị và ngoại giao (ký Hiệp định sơ bộ Việt - Pháp 6-3-1946, Tạm ước Việt - Pháp 14-9-1946...) trong khoảng thời gian từ tháng 1 đến tháng 12-1946, để củng cố nền dân chủ cộng hòa, chuẩn bị thực lực cho cuộc kháng chiến trong toàn quốc; lãnh đạo nhân dân hoàn thành thắng lợi nhiệm vụ kháng chiến và kiến quốc trong những năm kháng chiến chống thực dân Pháp (12-1946 – 7-1954); xây dựng, củng cố miền Bắc và ủng hộ, chi viện cho đồng bào miền Nam trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng, hoàn thành thống nhất Tổ quốc (7-1954 – 8-1969).

Thông qua những sự kiện chính, quan trọng, những quyết định sáng tạo, kịp thời của Hồ Chí Minh, có thể thấy rõ những nỗ lực, vai trò của Người trong quá trình chuẩn bị cho sự ra đời của Chính phủ (cơ quan hành chính cao nhất) và Quốc hội (cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất) của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đặc biệt là vai trò của

Hồ Chí Minh với Quốc hội trong việc thực hiện nhiệm vụ lập hiến, lập pháp, nhất là quá trình xây dựng *Hiến pháp* - bộ luật cơ bản nhất của Nhà nước ta qua hai bản *Hiến pháp năm 1946* và *Hiến pháp năm 1959*, cùng các đạo luật và sắc lệnh, xác định cơ sở pháp lý để thực hiện quyền lực của nhân dân thông qua cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất là Quốc hội, phấn đấu vì mục tiêu độc lập tự do của dân tộc ta. Và nhất là sự thay đổi, bước phát triển trong tư tưởng Hồ Chí Minh về việc thực hiện quyền lực của nhân dân qua thiết chế nghị viện/quốc hội (khóa I, II, III) trong tổ chức bộ máy Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Vì độc lập, tự do của Tổ quốc, hạnh phúc của nhân dân, Hồ Chí Minh đã hướng những hoạt động, quyết nghị của Quốc hội tại các kỳ họp, từng bước hoàn thiện hệ thống pháp luật, thực hiện quyền tự do dân chủ cho nhân dân theo đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất. Thông qua đó, chỉ rõ những thành tựu cũng như những hạn chế trong hoạt động lập pháp của Quốc hội. Và tuy vẫn còn những tồn tại, song những văn bản dưới luật do Hồ Chí Minh ký và ban hành, những đạo luật, đặc biệt là *Luật cải cách ruộng đất*, được Quốc hội thông qua, đã thiết thực đem lại cho nhân dân những quyền tự do dân chủ, kịp thời đáp ứng nhu cầu thực tiễn, trong điều kiện phải tập trung tất cả cho sự nghiệp kháng chiến.

Từ những hoạt động chính của ba nhiệm kỳ Quốc hội khóa I, II, III trong việc quyết định những vấn đề quan trọng nhất của nước nhà, thể hiện Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân cả nước (đại biểu miền Nam lưu nhiệm

trong Quốc hội khóa II, III), hiển hiện rõ nét chân dung lãnh tụ Hồ Chí Minh với cương vị lãnh tụ Đảng, Chủ tịch nước, người đứng đầu Chính phủ trong việc phát huy vai trò của Ban Thường trực Quốc hội trong những năm kháng chiến (12-1946 – 7-1954); tập trung các hoạt động, phát huy vai trò của Quốc hội từ tháng 7-1954 đến tháng 8-1969 theo đúng quy định của *Hiến pháp* và pháp luật, tỏ rõ tiếng nói quyết tâm chống sự chia cắt đất nước: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà (qua quá trình bầu Chính phủ, thực hiện mối quan hệ giữa Đảng, Chính phủ và Quốc hội, việc thực hiện thẩm quyền của Quốc hội).

Đó là một Quốc hội của dân, do dân, vì dân theo tư tưởng Hồ Chí Minh được thể hiện trong các hoạt động của tổ chức quyền lực cao nhất ở nước ta. Đồng thời, khẳng định vai trò, những đóng góp to lớn của vị nguyên thủ quốc gia Hồ Chí Minh trong hoạt động đối nội, đối ngoại (qua những chuyến thăm hữu nghị, những bài trả lời phỏng vấn, trong việc củng cố mối quan hệ Việt - Trung - Xô, v.v.), đặc biệt là sự kiện Người triệu tập Hội nghị chính trị đặc biệt theo quy định của *Hiến pháp*, pháp luật. Vì vậy, Hồ Chí Minh không chỉ là vị kiến trúc sư của Quốc hội, Người còn là linh hồn của Quốc hội trong việc tăng cường hoạt động và phát huy vai trò của cơ quan quyền lực tối cao qua các giai đoạn lịch sử cách mạng Việt Nam.

Cùng với sự phát triển của tiến trình cách mạng, có thể thấy rằng: từ cuộc Tổng tuyển cử bầu Quốc hội khóa I cho đến ngày miền Nam được hoàn toàn giải phóng (1946-1975), đất nước ta đã trải qua nhiều biến cố và Quốc hội cũng đã nhiều lần được bầu lại. Nhiệm vụ chính trị của Quốc hội ở mỗi



thời kỳ tuy có khác nhau, song Quốc hội luôn là cơ quan đại diện cho nhân dân, của nhân dân, vì nhân dân như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Dù ở vào giai đoạn lịch sử nào của đất nước, Quốc hội cũng đều thể hiện rõ chức năng “cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất”, “cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp”, cơ quan có quyền quyết định những vấn đề trọng yếu của quốc gia. Là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, việc Quốc hội quyết định thực hiện các vấn đề quan trọng liên quan đến hai nhiệm vụ chiến lược: xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh giải phóng miền Nam thực sự cho thấy: Quốc hội còn là một diễn đàn chính trị, thể hiện nguyện vọng, ý chí thống nhất nước nhà không gì lay chuyển nổi của đồng bào và chiến sĩ cả nước. Thông qua những quyết định quan trọng liên quan đến sự phát triển của sự nghiệp cách mạng cả nước, Quốc hội được xây dựng, tổ chức và hoạt động theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã phát huy vai trò định hướng và thúc đẩy sự phát triển của đất nước trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, đảm bảo và chú trọng đến vấn đề thực hiện quyền con người, quyền công dân theo đà phát triển của đất nước. Cùng với sự phát triển của tiến trình cách mạng, quá trình thực hiện sự đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội cũng luôn được Hồ Chí Minh quan tâm.

Sau thắng lợi của cuộc Tổng tiến công mùa Xuân năm 1975, đất nước hoà bình, thống nhất, cùng đi lên chủ nghĩa xã hội đã đặt ra cho Quốc hội những trọng trách mới. Nhiệm vụ mới đòi hỏi Quốc hội phải có một cơ cấu phản ánh được tính chất toàn dân tộc. Hội nghị Hiệp thương chính trị thống nhất Tổ quốc, ngày 21-11-1975 đã nhất trí nhận định: cách

mạng Việt Nam đã chuyển sang một giai đoạn mới, giai đoạn cả nước cùng làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội. Và khẳng định việc cần thiết phải tổ chức Tổng tuyển cử trên toàn bộ lãnh thổ Việt Nam để bầu Quốc hội chung cho cả nước. Bởi rằng: *Thực hiện thống nhất nước nhà về mặt Nhà nước là khâu then chốt, nó tạo điều kiện để thống nhất nước nhà về các mặt khác một cách thuận lợi*, nên “cuộc Tổng tuyển cử sẽ tiến hành trong nửa đầu năm 1976, theo đúng nguyên tắc dân chủ: phổ thông, bình đẳng, trực tiếp và bỏ phiếu kín. Số đại biểu Quốc hội sẽ tính theo số dân. Khoảng 100.000 dân được bầu 1 đại biểu”<sup>1</sup>.

Tổng tuyển cử ngày 25-4-1976 bầu Quốc hội khoá VI, là một sự kiện trọng đại trong đời sống chính trị của nước ta. Lịch sử dân tộc ta đã chuyển sang một bước ngoặt vĩ đại. Trong kỷ nguyên mới của đất nước, Quốc hội khoá VI tiếp tục hoàn thành thống nhất đất nước trên tất cả các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế, văn hoá và xã hội, gắn với việc thực hiện những nhiệm vụ của công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội trên phạm vi cả nước. Thực hiện khát vọng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, nhân dân cả nước quyết tâm xây dựng một nước Việt Nam xã hội chủ nghĩa “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”. Tiếp tục thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quốc hội của dân, do dân, vì dân, tiếp tục một cách xứng đáng những thành tựu, những bài học kinh nghiệm của Quốc hội các khóa I (1946-1960), II (1960-1964), III (1964-1971), IV (1971-1975), V (1975-1976), VI (1976-1981) - Quốc hội của nước Việt Nam thống

---

1. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960-1976*, Sđd, tr. 305.

nhất đã trở thành nhân tố quan trọng trong hệ thống chính trị của đất nước, tổ chức nhân dân xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

Bước vào thời kỳ đổi mới, đặc biệt là từ sau Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII của Đảng (6-1991), Đảng Cộng sản Việt Nam tuyên bố xây dựng Nhà nước pháp quyền Việt Nam xã hội chủ nghĩa theo tư tưởng Hồ Chí Minh, vị trí, vai trò của Quốc hội đã ngày càng tăng lên mạnh mẽ. Trong thực tiễn, điều này không chỉ thể hiện rõ ở công tác chuẩn bị bầu cử và ứng cử, hiệp thương, giải quyết ngày càng tốt hơn mối quan hệ giữa tiêu chuẩn đại biểu và cơ cấu đại biểu; ở công tác tổ chức, tiến hành bầu cử Quốc hội ở các khoá VII (1981-1987), VIII (1987-1992), IX (1992-1997), X (1997-2002), XI (2002-2007), XII (2007-2011), để nhân dân lựa chọn được những người “thể hiện đầy đủ năng lực, trình độ đại diện của mình, bao gồm cả chương trình hành động, kế hoạch thực hiện và kỹ năng cụ thể thực hiện chương trình kế hoạch đó”<sup>1</sup>, mà còn thể hiện ở việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội, trên nhiều mặt, như: *Tiếp tục nâng cao năng lực lập pháp, hoạt động lập pháp; vai trò của Quốc hội với hoạt động tư pháp; tăng cường vai trò của Quốc hội trong việc quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước; tiếp tục tăng cường quyền giám sát tối cao của Quốc hội trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; kế thừa và phát huy dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội Việt Nam, tăng cường chất vấn và trả lời chất vấn trong*

---

1. Văn phòng Quốc hội: *Quốc hội Việt Nam - 60 năm hình thành và phát triển*, Sđd, tr. 78.

*các kỳ họp của Quốc hội; tăng cường mối quan hệ giữa Quốc hội và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, v.v..*

Cùng với *Hiến pháp năm 1980* và sau đó là *Hiến pháp năm 1992*, *Hiến pháp năm 1992* được sửa đổi năm 2001 và các luật bầu cử đại biểu Quốc hội, kịp thời ban hành nhiều văn bản pháp luật là việc làm thiết thực, phù hợp với nhu cầu thực tiễn của Quốc hội. Việc đổi mới các hoạt động giám sát, chủ động xem xét và quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước, đặc biệt là không khí dân chủ cũng ngày càng được phát huy tại các kỳ họp của Quốc hội. Việc truyền hình trực tiếp các buổi thảo luận, chất vấn và trả lời chất vấn của Thủ tướng Chính phủ, của các thành viên Chính phủ, v.v. luôn luôn là tâm điểm, thu hút sự quan tâm của cử tri và nhân dân cả nước. Hiệu quả từ chất vấn và trả lời chất vấn đã làm cho hoạt động của Quốc hội ngày càng có hiệu quả hơn, ngày càng xứng đáng với niềm tin và kỳ vọng của nhân dân cả nước. Để Quốc hội thực sự là “của dân, do dân, vì dân” như tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh, thì thực hiện dân chủ trong hoạt động của Quốc hội cũng là một vấn đề vừa rất thời sự và thiết thực, vừa rất nhạy cảm và hệ trọng. Càng ngày, mỗi cử tri đều nhận thấy chủ trương phát huy dân chủ của Đảng trong hoạt động của Quốc hội trong các khoá gần đây, đặc biệt là khoá XII là rất đúng đắn.

Về việc công khai hóa phiên họp chất vấn và trả lời chất vấn tại mỗi kỳ họp Quốc hội, *phát biểu bế mạc kỳ họp thứ 8 Quốc hội khoá XII*, theo Chủ tịch Quốc hội Nguyễn Phú Trọng khẳng định: điều đó không chỉ khích lệ tinh thần trách nhiệm của mỗi đại biểu Quốc hội, của Thủ tướng Chính phủ, và các thành viên Chính phủ, mà còn “để lại ấn tượng sâu sắc

đổi với đồng bào và cử tri cả nước”. Trong mỗi phiên chất vấn và trả lời chất vấn, không khí yên ắng, nghị trường lắng đọng và toàn thể đại biểu Quốc hội đều lắng nghe người chất vấn nghiêm túc, thực tâm và thẳng thắn; còn người được chất vấn và trả lời chất vấn tuy bình tĩnh, nhưng vẫn không giấu được sự hồi hộp, vì phải thể hiện sự “nói thật, nói thẳng, nói đúng” trước Quốc hội, trước cử tri. Điều đó chứng tỏ rằng: “Quốc hội nước ta ngày càng tiến bộ, diễn đàn Quốc hội ngày càng văn minh, dân chủ”. Thực tiễn đó khẳng định sự lành mạnh của hệ thống chính trị và sự đúng đắn của chủ trương phát huy dân chủ trong hoạt động của Nhà nước, của Quốc hội, để Quốc hội của dân, do dân, vì dân theo tâm nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh ngày càng đổi mới, nghiêm túc, trách nhiệm, dân chủ, “thống nhất cao hơn trong nhận thức và hành động”.

Song, cũng phải thấy rằng, hoạt động của cơ quan quyền lực tối cao vẫn còn tồn tại, những bất cập, đó là: một số đạo luật được Quốc hội thông qua chưa kịp thời được đưa vào cuộc sống, hoặc chưa kịp có văn bản hướng dẫn thi hành ngay; vấn đề chống tham nhũng chưa hiệu quả; chưa phát huy cao độ năng lực của đại biểu Quốc hội, số đại biểu chuyên trách chưa đủ theo yêu cầu. Thời gian để đại biểu Quốc hội tiếp thu các kiến thức mới và cần thiết chưa nhiều; và việc giám sát của Quốc hội vẫn còn chưa chặt chẽ, chưa đạt hiệu quả cao, v.v.. Đặc biệt, lời nhắc nhở, yêu cầu thẳng thắn và rút kinh nghiệm thực hiện theo đúng tinh thần nội dung ý kiến đóng góp của Chủ tịch Hồ Chí Minh tại kỳ họp thứ hai Quốc hội khoá II (1961): “Hội họp quá nhiều”, “cần tìm biện pháp sửa chữa tình trạng này”, “phải suy nghĩ chín chắn,

chuẩn bị chu đáo để phát biểu được đúng thời gian quy định và được nhiều, nhanh, tốt, rẻ”, dường như vẫn còn tồn tại, chưa được khắc phục triệt để.

Nhìn lại quá trình ra đời và phát triển của Quốc hội qua 65 năm xây dựng và phát triển, với 12 khoá, có thể thấy rằng, thực hiện tư tưởng Hồ Chí Minh, từ Quốc hội khoá I được bầu ngày 6-1-1946 đến Quốc hội khoá XII được bầu ngày 20-5-2007 đã thực sự là Quốc hội ra đời từ lòng dân, hết lòng vì dân, vì nước và làm tròn nhiệm vụ là những người đại biểu của nhân dân. 65 xây dựng và trưởng thành của Quốc hội, cũng đồng thời là 65 năm Quốc hội nước ta được xây dựng theo tư tưởng quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Có thể khẳng định rằng, dưới sự lãnh đạo của Đảng, Quốc hội Việt Nam đã không ngừng mở rộng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy dân chủ, thực hiện tốt chức năng là cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất, cơ quan đại diện cao nhất của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Truyền thống đoàn kết, vì dân, vì nước của Quốc hội, do Chủ tịch Hồ Chí Minh hết lòng chăm lo xây dựng và phát triển, đã từng đưa cuộc cách mạng giải phóng, cuộc đấu tranh giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc đến thắng lợi hoàn toàn, nhất định vẫn sẽ là một trong những nhân tố quan trọng để Quốc hội cùng toàn Đảng, toàn quân và toàn dân ta thực hiện thành công sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, đưa đất nước Việt Nam vững bước trên con đường đổi mới và hội nhập.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Phạm Ngọc Anh (Chủ biên): *Tư tưởng Hồ Chí Minh về quyền con người*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
2. Phạm Ngọc Anh: *Một số quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 6-2004.
3. Phạm Ngọc Anh, Bùi Đình Phong: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng nhà nước pháp quyền kiểu mới ở Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội, 2003.
4. Phạm Quốc Anh: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và quan điểm của Đảng ta về hoạt động tư pháp*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 9-2004.
5. Ban Chỉ đạo Tổng kết chiến tranh trực thuộc Bộ Chính trị: *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp - Thắng lợi và bài học*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
6. Ban Nghiên cứu Lịch sử Đảng Trung ương: *Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam (Sơ thảo)*, tập 1 (1920-1954), Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1984.

7. Hoàng Chí Bảo: *Kế thừa và phát huy dân chủ trong tổ chức và hoạt động của Quốc hội*, Tạp chí *Cộng sản*, số 775, tháng 5-2007.
8. Báo *Đông minh*, lưu tại Thư viện Quốc gia Việt Nam.
9. *Biên bản họp Hội đồng Chính phủ (1945-1946)*, tài liệu lưu tại Trung tâm Lưu trữ Quốc gia III, phòng Phủ Thủ tướng.
10. Phạm Văn Bình: *Phương pháp dân chủ Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2007.
11. *Biên bản họp Bộ Chính trị (9-1954)*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Chấp hành Trung ương, ĐVBQ 92.
12. *Biên bản họp Bộ Chính trị (5-1959)*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Chấp hành Trung ương, ĐVBQ 76.
13. *Biên bản họp Bộ Chính trị (12-1965 và 1-1966)*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Chấp hành Trung ương, ĐVBQ 173.
14. *Biên bản họp Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá II*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Chấp hành Trung ương, ĐVBQ 29.
15. *Biên bản họp Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khoá II*, tài liệu lưu tại Cục Lưu trữ Văn phòng Trung ương Đảng, phòng Ban Chấp hành Trung ương, ĐVBQ 29.
16. Bộ Ngoại giao: *Ngoại giao Việt Nam trong thời đại Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.



17. Bộ Quốc phòng - Viện Lịch sử Quân sự Việt Nam: *Lịch sử kháng chiến chống Mỹ cứu nước 1954-1975*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996.
18. Bộ Tư pháp: *Nghiên cứu tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật*, Hà Nội, 1993.
19. C.B: *Quốc hội ta và Quốc hội chúng*, ngày 22-3-1955, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H7C5/18.
20. C.B: *Hôm Quốc hội khai mạc*, ngày 24-3-1955, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H7C5/19.
21. C.B: *Sửa hộp và Tổng tuyển cử*, ngày 3-2-1955, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H7C4/35.
22. C.B: *Quốc hội lâm thời hay Quốc hội làm thối*, ngày 16-12-1954, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H7C3/35.
23. Lê Đình Chân: *Luật Hiến pháp và các chế định chính trị*, Tủ sách Đại học, Sài Gòn, 1974.
24. Võ Chí Công: *Trên những chặng đường cách mạng*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
25. Daniel Hémerý: *Hồ Chí Minh - Từ Đông Dương đến Việt Nam*, Nxb. Phụ nữ, Hà Nội, 2004.
26. Lê Duẩn: *Hiến pháp mới, hiến pháp của chế độ làm chủ tập thể xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
27. Nguyễn Đăng Dung, Bùi Ngọc Sơn: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.
28. Nguyễn Đăng Dung: *Quốc hội Việt Nam trong nhà nước pháp quyền*, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2007.

29. Trần Danh Dy: *Hội nghị Liễu Châu năm 1954*, Tạp chí *Xưa & Nay*, số 288, tháng 7-2007.
30. Đại học Quốc gia Hà Nội: *Kỷ yếu Hội thảo khoa học kỷ niệm 55 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2-9 (1945-2000)*, Nxb. Đại học Quốc gia, Hà Nội, 2001.
31. Thanh Đạm: *Nguyễn Ái Quốc trên đường về nước*, Nxb. Nghệ An, 1997.
32. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng toàn tập*, tập 1, 3, 6, 7, 8, 9, 10, 13, 14, 15, 16, 17, 18, 19, 20, 21, 22, 23, 24, 25, 26, 27, 28, 29, 30, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
33. Phạm Điềm: *Việc thực hiện quyền lực nhân dân trong buổi đầu thiết lập và củng cố Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 3-1990.
34. Phạm Văn Đồng: *Một số vấn đề về nhà nước*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1980.
35. Phạm Văn Đồng: *Những nhận thức cơ bản về tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
36. Bùi Xuân Đức: *Sự phát triển của cơ chế dân chủ đại diện ở nước ta qua các hiến pháp*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 12-1998.
37. Bùi Xuân Đức: *Quốc hội Việt Nam - 60 năm xây dựng và phát triển*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 1-2005.
38. Trần Văn Giàu: *Miền Nam giữ vững thành đồng*, tập 5, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1978.
39. Võ Nguyên Giáp: *Tư tưởng Hồ Chí Minh và con đường cách mạng Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội,

- 2002.
40. Võ Nguyên Giáp: *Những chặng đường lịch sử*, Nxb. Văn học, Hà Nội, 1975.
  41. QH: *Phỏng vấn Hồ Chủ tịch về ngày Tổng tuyển cử*, ngày 6-1-1946, Báo *Quốc hội*.
  42. Lê Mậu Hãn, Nguyễn Văn Thư: *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1946-1960*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1994.
  43. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 3, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.
  44. Lê Mậu Hãn (Chủ biên): *Lịch sử Quốc hội Việt Nam 1960-1976*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2004.
  45. Lê Mậu Hãn: *Sức mạnh dân tộc của cách mạng Việt Nam dưới ánh sáng tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
  46. Lê Mậu Hãn: *Bước nhảy vọt lịch sử mở đầu thể chế Nhà nước pháp quyền của dân tộc, do dân tộc và vì dân tộc Việt Nam*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, số 1-2006.
  47. Lê Mậu Hãn: *Thắng lợi của Hồ Chí Minh về việc kiến lập cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, Tạp chí *Lịch sử quân sự*, số 5-2007.
  48. Hoàng Văn Hào: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước kiểu mới - Sự hình thành và phát triển*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995.
  49. Hoàng Văn Hào: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 3-1995.
  50. Lê Văn Hiến: *Nhật ký của một bộ trưởng*, tập 1, 2, Nxb. Đà Nẵng, 1995.

51. Vũ Đình Hòe: *Pháp quyền nhân nghĩa Hồ Chí Minh*, Nxb. Văn hoá thông tin và Trung tâm lưu trữ văn hoá ngôn ngữ Đông Tây, 2001.
52. *Lời điều cụ Phạm Bá Trục*, tháng 10-1954, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H4C4/35.
53. *Lời kêu gọi sau Hội nghị Giơnevơ*, ngày 22-7-1954, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H5C5/35.
54. *Hồ Chủ tịch và Chính phủ mở tiệc trà chiêu đãi các vị đại biểu Quốc hội*, ngày 20-9-1955, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H22 C3/42.
55. *Hồ Chủ tịch tiếp hai đoàn đại biểu Mặt trận Tổ quốc và Quốc hội*, ngày 14-11-1955, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS. H22C3/40.
56. *Hồ Chủ tịch nói chuyện với các thanh niên là đại biểu Quốc hội khoá II*, ngày 12-7-1960, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H22C3/244.
57. *Hồ Chủ tịch và Ủy ban Thường vụ Quốc hội tiếp các vị khách Trung Quốc*, ngày 30-9-1961, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, HS.H22C3/4.
58. *Hồ Chủ tịch, Trung ương Đảng, Chính phủ, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tiếp Anh hùng vũ trụ G. Titốp*, chiều ngày 22-1-1962, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H22C3/310.
59. *Hồ Chủ tịch, Quốc hội, Chính phủ, Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam chiêu đãi vua Lào Xrixavang Vátthana và các vị cùng đi*, tối 10-3-1963, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ

- HS.H22C3/190.
60. *Lời tuyên bố*, ngày 29-8-1963, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, HS.H5C5/35.
  61. *Hồ Chủ tịch, Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lao động Việt Nam, Quốc hội... thết tiệc Chủ tịch Lưu Thiếu Kỳ và các vị cùng đi*, tối 10-5-1963, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H22C3/413.
  62. *Bản thảo lời cảm ơn Quốc hội khi được bầu lại chức Chủ tịch nước*, 1965, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.ST.1676/2.
  63. *Hồ Chủ tịch và pháp chế*, Hội Luật gia Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
  64. Hội Văn hoá nghệ thuật Hà Tuyên: *Tân Trào 1945-1954*, 1985.
  65. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Tham luận của các đại biểu trong nước*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
  66. Hội thảo quốc tế về Chủ tịch Hồ Chí Minh: *Tham luận của các đại biểu quốc tế*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1990.
  67. Diên Hồng: *Tổng tuyển cử với ngoại xâm*, báo *Quốc hội*, ngày 18-12-1945.
  68. Diên Hồng: *Tổng tuyển cử sẽ trả lời họ*, báo *Quốc hội*, ngày 19-12-1945.
  69. Diên Hồng: *Cuộc đời sản lạn của người công dân Việt Nam*, báo *Quốc hội*, ngày 21-12-1945.
  70. Nguyễn Văn Hưởng (đại biểu Quốc hội tỉnh Long Xuyên): *Thư gửi Chủ tịch Hồ Chí Minh*, 1969, tài liệu

- lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H31 C8/06.
71. Vũ Kỳ: *Bác Hồ với cuộc Tổng tuyển cử đầu tiên*, Tạp chí *Xưa & Nay*, số 236, tháng 5-2005.
  72. Đinh Xuân Lâm: *Góp phần tìm hiểu cuộc đời và tư tưởng Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
  73. Đinh Xuân Lâm (Chủ biên): *Đại cương lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 2002.
  74. Nguyễn Đình Lộc: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước của nhân dân, do dân, vì dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
  75. Nguyễn Đình Lộc: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với sự nghiệp xây dựng và phát triển ngành tư pháp*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 2005.
  76. Lưu Văn Lợi: *Năm mươi năm ngoại giao Việt Nam 1945-1995*, tập 1, Nxb. Công an nhân dân, Hà Nội, 1996.
  77. Phan Trung Lý, Phạm Văn Hùng: *Sự kế thừa và phát triển những quy định của Hiến pháp nước ta về chức năng giám sát của Quốc hội*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 5-1998.
  78. Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, 12 tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009.
  79. Hồ Chí Minh: *Biên niên tiểu sử*, 10 tập, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
  80. Hồ Chí Minh: *Miền Nam là ruột thịt, Nam Bắc là một nhà*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
  81. Hồ Chí Minh: *Về Nhà nước và pháp luật Việt Nam*, Nxb. Pháp lý, Hà Nội, 1990.

82. Hồ Chí Minh: *Bàn về nhà nước và pháp luật*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
83. Hồ Chí Minh: *Tuyên ngôn độc lập*, báo *Cứu quốc*, ngày 5-9-1945.
84. *Tuyên bố của Chủ tịch Hồ Chí Minh*, bản dịch báo *La Republique*, số 4, ngày 28-10-1945, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H14C8/50.
85. Hồ Chí Minh: *Thư trả lời Nhi đồng cứu quốc hội Hà Trung*, báo *Quốc hội*, số 6, ngày 22-12-1945, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh.
86. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn xung quanh cuộc Tổng tuyển cử*, bản dịch báo *La Republique*, số 12, ngày 23-12-1945, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H14C8/52.
87. Hồ Chí Minh: *Khuyến đồng bào đi bỏ phiếu*, báo *Quốc hội*, ngày 6-1-1946.
88. Hồ Chí Minh: *Chúng tôi muốn độc lập, trả lời ông J. De Coquet*, bản dịch báo *La Republique*, số 17, ngày 27-1-1946, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H14C8/53.
89. Hồ Chí Minh: *Những câu hỏi và những câu trả lời (về quan hệ Pháp - Việt)*, 1946, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H14C8/56.
90. Hồ Chí Minh: *Không có chuyện bãi bỏ mà chỉ là tạm ngừng hội nghị*, 1946, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H14C8/54.
91. Hồ Chí Minh: *Tiếp các nhà báo*, tháng 6-1948, tài liệu

- lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H14C8/57.
92. Hồ Chí Minh: *Trả lời những câu phỏng vấn của nhà báo Thụy Điển, bác sĩ J. Takman*, tháng 5-1958, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H14 C8/70.
  93. Hồ Chí Minh: *Nói chuyện với Đại hội đại biểu nhân dân Thủ đô lần thứ II về Hiến pháp mới của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, 1959, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H5C1/38.
  94. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn đồng chí Malcolm Msalmon, phóng viên báo Tribune và Victoria Guardian (Úc)*, ngày 11-3-1960, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.1331.
  95. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn theo yêu cầu của Đại sứ quán Cộng hoà Dân chủ Đức tại Việt Nam*, tháng 4-1960, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.1332.
  96. Hồ Chí Minh: *Những lời kêu gọi*, tập V, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1960.
  97. Hồ Chí Minh: *Hỏi về thành phần đại biểu Quốc hội khoá II*, tháng 7-1960, bản bút tích, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.839.
  98. Hồ Chí Minh: *Thư gửi Quốc hội*, ngày 10-10-1961, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.631.
  99. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn báo Canadian Tribune*, tháng 10-1961, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.1334.
  100. Hồ Chí Minh: *Thẻ cử tri số 1*, ngày 5-4-1963, tài liệu



- lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.829.
101. Hồ Chí Minh: *Trả lời những câu hỏi của đồng bào cử tri*, 1963, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H5C5/17.
  102. Hồ Chí Minh: *Lời phát biểu trong phiên họp Hội đồng Chính phủ về kế hoạch và ngân sách Nhà nước năm 1964*, ngày 13-1-1964, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H5C6/3.
  103. Hồ Chí Minh: *Đơn ứng cử đại biểu Quốc hội khoá III*, ngày 24-3-1964, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.232.
  104. Hồ Chí Minh: *Kiểm bào về nước và cuộc Tổng tuyển cử*, ngày 25-4-1964, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh (ký bút danh Chiến Sĩ, bản thảo viết tay).
  105. Hồ Chí Minh: *Những câu trả lời phỏng vấn cho Indian Express*, 1964, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.1347.
  106. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn đồng chí Maurice Rush, chủ bút báo Pacific Tribune*, 1965, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.1341.
  107. Hồ Chí Minh: *Lời kêu gọi nhân ngày 20-7*, 1965, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.H5C7/48.
  108. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn của Tạp chí Thanh niên Canada*, 1965, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, hồ sơ HS.TP.1342.
  109. Hồ Chí Minh: *Trả lời phỏng vấn ông Sabri Abouel Magd*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, tháng 3-1966, hồ sơ HS.TP.1343.

110. Hồ Chí Minh: *Thư gửi Bộ Chính trị: Mấy ý kiến về tuyên bố của Giônxon*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, ngày 3-4-1968, hồ sơ HS.TP.628.
111. Hồ Chí Minh: *Thư gửi Bộ Chính trị*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, ngày 3-4-1968, hồ sơ HS.TP.619.
112. Hồ Chí Minh: *Thư gửi luật sư Trịnh Đình Thảo*, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, ngày 4-3-1969, hồ sơ HS.TP.687/1.
113. Nguyễn Ngọc Minh: *Nghiên cứu những tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước pháp luật*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1988.
114. Đỗ Mười: *Phát huy vai trò của Quốc hội, xây dựng Nhà nước pháp quyền của dân, do dân, vì dân*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1992.
115. Nguyễn Hữu Ngãi: *Bác Hồ với vấn đề xây dựng Quốc hội và Nhà nước*, báo *Tây Ninh*, ngày 11-5-2002, tài liệu lưu tại Bảo tàng Hồ Chí Minh, ký hiệu CddpQ.17.
116. Lê Hữu Nghĩa: *Tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Quốc hội thực hiện quyền lực của nhân dân trong nhà nước pháp quyền Việt Nam*, Tạp chí *Dân vận*, tháng 5-2007.
117. *Ngoại giao Việt Nam 1945-2000*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
118. Trần Nghị: *Quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 12-2003.
119. Trần Nghị: *Mối quan hệ giữa pháp luật và đạo đức*

- trong tư tưởng Hồ Chí Minh về pháp luật*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 8-2004.
120. Phạm Hữu Nghị: *Pháp luật Việt Nam - 60 năm nhìn lại*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9-2005.
  121. Nguyễn Di Niên: *Tư tưởng ngoại giao Hồ Chí Minh*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002.
  122. Philippe Devillers: *Tài liệu lưu trữ của cuộc chiến tranh 1944-1947*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, 1993.
  123. Đặng Phong (Chủ biên): *Lịch sử kinh tế Việt Nam 1945-2000*, tập 1, 2, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2002.
  124. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá I: *Văn bản chính 12 kỳ họp*, hồ sơ số 1, tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.
  125. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá II: *Các văn kiện của 8 kỳ họp*, tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.
  126. Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà khoá III: *Các văn kiện của 7 kỳ họp*, tài liệu lưu tại Phòng Lưu trữ Văn phòng Quốc hội.
  127. Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam: *Văn kiện Quốc hội toàn tập*, tập 1, 2, 3, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
  128. Nguyễn Duy Quý: *Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở nước ta*, Tạp chí Cộng sản, tháng 4-1992.
  129. Jean Sainteny: *Câu chuyện về một nền hoà bình bị bỏ lỡ*, quyển 1 và 2, Nxb. Công an nhân dân và Công ty văn hoá Phương Nam, Hà Nội, 2004.
  130. Lê Sỹ: *40 năm xây dựng hệ thống pháp luật Việt Nam*,

- Tạp chí *Giáo dục lý luận*, số 7(55), tháng 10-1985.
131. Bùi Ngọc Sơn: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với thiết chế Chủ tịch nước ở Việt Nam*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 5-2005.
  132. Văn Tạo: *Vài nét về quá trình xây dựng và phát triển của Nhà nước cách mạng Việt Nam 20 năm qua*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 77, tháng 8-1965.
  133. Văn Tạo: *Hiến pháp Việt Nam, thắng lợi lịch sử về quyền làm chủ tập thể của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 1, tháng 1, 2-1981.
  134. Nhật Tân: *Tăng cường mối quan hệ máu thịt giữa Quốc hội với nhân dân*, Tạp chí *Cộng sản*, tháng 5-2007.
  135. Hồng Thái: *Vài nét về Quốc hội nước Việt Nam Dân chủ Cộng hoà trong 30 năm qua (1946-1976)*, Tạp chí *Nghiên cứu lịch sử*, số 3, 4-1976.
  136. Song Thành (Chủ biên): *Hồ Chí Minh tiểu sử*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2006.
  137. Song Thành: *Hồ Chí Minh nhà tư tưởng lỗi lạc*, Nxb. Lý luận chính trị, Hà Nội, 2004.
  138. Như Thái: *Chuyện bầu cử (Khôn)*, báo *Cứu quốc*, số 2964, ngày 19-5-1960.
  139. Như Thái: *Chuyện bầu cử (Con dâu cha mẹ đày)*, báo *Cứu quốc*, số 2964, ngày 19-5-1960.
  140. Phùng Đức Thắng: *Mặt trận Việt Minh và các tổ chức đối lập*, Tạp chí *Lịch sử Đảng*, tháng 5-1992.
  141. Thái Vĩnh Thắng: *Chủ tịch Hồ Chí Minh và bản Hiến*

- pháp đầu tiên của nước ta - Hiến pháp năm 1946*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 2-1990.
142. Thái Vĩnh Thắng: *Lịch sử lập hiến Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
143. Tôn Đức Thắng: *Hồ Chủ tịch và chính sách đại đoàn kết*, báo Cứu quốc, số 2964, ngày 19-5-1960.
144. Nguyễn Hữu Thọ: *Thực hiện dân chủ qua Quốc hội*, Tạp chí Cộng sản, số 1, tháng 1-1986.
145. Nguyễn Phước Thọ: *Một số suy nghĩ về thiết chế Chính phủ Việt Nam trong 60 năm hình thành và phát triển*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9-2005.
146. Lê Minh Thông: *55 năm xây dựng và phát triển thể chế nhà nước ta*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9-2000.
147. Lâm Quang Thứ: *Bác Hồ trả lời chất vấn tại Quốc hội*, Tạp chí Xưa & Nay, số 251 + 252, tháng 1-2006.
148. Trần Dân Tiên: *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb. Sự thật, Hà Nội, 1975.
149. Archimedes L. Apatti: *Tại sao Việt Nam?*, Nxb. Đà Nẵng, 1995.
150. Trần Thị Tuyết: *Bốn bản Hiến pháp trong lịch trình 60 năm của Nhà nước cách mạng Việt Nam*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 9-2005.
151. Đào Trí Úc: *Nhà nước ta 45 tuổi*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 3-1990.
152. Đào Trí Úc: *Di sản tư tưởng Hồ Chí Minh về nhà nước và pháp luật*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật, số 5-2000.
153. Đào Trí Úc (Chủ biên): *Xây dựng Nhà nước pháp quyền*

- Việt Nam xã hội chủ nghĩa*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005.
154. Hoàng Quốc Việt: *Mặt trận là chỗ dựa về chính trị và xã hội rất vững chắc rất đặc lực cho Nhà nước*, báo *Cứu quốc*, số 2964, ngày 19-5-1960.
155. Võ Khánh Vinh: *Khát quát về hệ thống pháp luật Việt Nam - 60 năm hình thành và phát triển*, Tạp chí *Nhà nước và pháp luật*, số 9-2005.
156. Văn phòng Quốc hội: *Quốc dân Đại hội Tân Trào*, Nxb. Hà Nội, 1995.
157. Văn phòng Quốc hội: *Hiến pháp năm 1946 và sự kế thừa, phát triển trong các Hiến pháp Việt Nam*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998.
158. Văn phòng Quốc hội: *Hội ký đại biểu Quốc hội khoá I*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2000.
159. Văn phòng Chính phủ: *Lịch sử Chính phủ Việt Nam*, tập 1, 2, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
160. Văn phòng Quốc hội: *Quá trình hình thành, phát triển và vai trò của Quốc hội trong sự nghiệp đổi mới*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Hà Nội, 2001.
161. Văn phòng Quốc hội: *Chủ tịch Hồ Chí Minh với Quốc hội và Hội đồng nhân dân*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001.
162. Văn phòng Quốc hội: *Quốc hội Việt Nam - 60 năm hình thành và phát triển*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
163. Văn phòng Quốc hội: *60 năm Quốc hội Việt Nam*, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2006.
164. Viện Khoa học xã hội Việt Nam, Viện Sử học: *60*

- năm nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam - Một số thành tựu chủ yếu, Kỷ yếu hội thảo khoa học, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2006.*
165. Viện Luật học: *Sơ thảo lịch sử Nhà nước và pháp luật Việt Nam (từ Cách mạng Tháng Tám đến nay)*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1983.
166. *Việt Nam dân quốc công báo*, số 15, ngày 13-4-1946.

## MỤC LỤC

	<i>Trang</i>
<i>Lời Nhà xuất bản</i>	5
<i>Lời mở đầu</i>	7

### *Chương I*

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC SÁNG LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA QUỐC HỘI NƯỚC VIỆT NAM DÂN CHỦ CỘNG HÒA (1 – 12-1946)	13
I- Hồ Chí Minh với việc sáng lập Quốc hội khóa I	13
II- Hồ Chí Minh với Quốc hội từ tháng 3 đến tháng 10- 1946	58
III- Hồ Chí Minh với việc điều hành soạn thảo Dự án Hiến pháp và lập Chính phủ kháng chiến	77

### *Chương II*

HỒ CHÍ MINH VỚI VIỆC PHÁT HUY VAI TRÒ CỦA QUỐC HỘI (12-1946 – 5-1960)	102
I- Hồ Chí Minh với Ban Thường trực Quốc hội trong kháng chiến chống thực dân Pháp từ tháng 12-1946 đến tháng 7-1954	102
II- Hồ Chí Minh với Quốc hội từ tháng 8-1954 đến	



---

tháng 5-1960	139
<i>Chương III</i>	
HỒ CHÍ MINH LÃNH ĐẠO CUỘC BẦU CỬ QUỐC HỘI KHÓA II VÀ KHÓA III, HOÀN THIỆN HỆ THỐNG PHÁP LUẬT ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CỦA CÁCH MẠNG HAI MIỀN (5-1960 – 8-1969)	189
I- Lãnh đạo cuộc bầu cử Quốc hội khóa II và khóa III	189
II- Hồ Chí Minh với hoạt động của Quốc hội từ tháng 5-1960 đến tháng 8-1969	210
<i>Kết luận</i>	257
<i>Tài liệu tham khảo</i>	268

*Chịu trách nhiệm xuất bản*  
*TS. NGUYỄN DUY HÙNG*  
*Chịu trách nhiệm nội dung*  
*TS. VŨ TRỌNG LÂM*

*Biên tập nội dung:*        *PHẠM THỊ THINH*  
*Trình bày bìa:*                *LÊ HÀ LAN*  
*Chế bản vi tính:*        *PHẠM NGUYỆT NGÀ*  
*Sửa bản in:* *PHÒNG BIÊN TẬP KỸ THUẬT*  
*Đọc sách mẫu:*                *PHẠM THỊ THINH*

*Mã*                                3K5H6  
*số:*                                *CTQG -*  
  2011

---

*In 610 cuốn, khổ 14,5x20,5 cm, tại ...*  
*Số đăng ký kế hoạch xuất bản:*  
*Quyết định xuất bản số:*

*In xong và nộp lưu chiểu tháng 10 năm 2011.*